

TÌM LẠI DẤU XƯA

Một thoáng Abhidamma

Lửa nào bằng lửa THAM !

Chấp nào bằng SÂN HẬN !

Lưới nào bằng lưới SI !

Sông nào bằng sông ÁI !

PC-251

Namo tassa bhagavato arahato sammāsambuddhassa

*Tôi nguyện yêu thương tất cả chúng sinh như yêu thương Cha Mẹ tôi ,
Nguyện yêu thương tất cả chúng sinh như yêu thương Vợ Con tôi ,
Nguyện yêu thương tất cả chúng sinh như yêu thương Anh Chị Em tôi ,
Nguyện yêu thương tất cả chúng sinh hơn cả cái Danh-Sắc này .*

TRÌNH BÀY

Pháp	Tục đế	Danh Nghĩa			Chương 1	Pháp	Nghiên cứu Thế giới mà ta nhận thức được
	Chân Đế	Vô vi			Chương 2	Sắc pháp	Nghiên cứu về Vật chất
		Hữu Vi	Sắc	Tâm Citta	Chương 3	Tâm - Citta	Phân tích về Bản chất tinh thần
			Danh	Tâm Sở Cetasika	Chương 4	Tâm Sở Biến Hành và Biệt Cảnh	Phân tích về các Trạng thái Tâm lý phổ biến
					Chương 5	Sở hữu Vô Tịnh hảo	Phân tích về các Trạng thái Tâm Thức không hoàn hảo
					Chương 6	Các nhóm Phiền não	Nghiên cứu tầng sâu tâm thức
					Chương 7	Nguyên lý Nhân- Duyên	Phân tích về tính điều kiện của Thế giới của nhận thức
					Chương 8	Lộ trình tâm	Phân tích về Diễn trình Tư tưởng
					Chương 9	Nghiệp	Phân tích về Hành vi & Kết quả
					Chương 10	Sở hữu Tịnh Hảo	Hành trình đi đến giác ngộ

LỜI TRẦN TÌNH :

Trong ba tháng mùa mưa, tôi về quê đồi núi, học và suy tư riêng về mình và về cái thế giới của mình. Những dòng suy tư được sắp xếp lại như là một ghi chép để giải thích cho chính cuộc đời của riêng mình. Và cũng là sự trình bày một cách hời hợt nhất về Abhidamma, trong cái nhìn thế tục của một kẻ phàm phu vô văn.

Những sai lầm, những tà kiến, những ngu si không hiểu Chánh pháp, có xảy ra trong ghi chép này, là hoàn toàn thuộc về kẻ ngu si vô văn này. Tôi xin thành thật và sâu sắc sám hối những lỗi lầm ngu si của mình.

Những gì đúng đắn, hoàn toàn thuộc về những bậc cao nhân, những bậc thầy, mà tôi đã thu lượm kiến thức qua những tài liệu, sách vở quý giá của những bậc thức giả này. Tôi thành thật mang ơn sâu sắc những bậc thức giả đã cho tôi những lời dạy bảo vô giá.

Cách trình bày thông dụng nhất, là phần Sở Hữu Tịnh Hảo đi liền kề với Sở Hữu Vô Tịnh Hảo. Nhưng vì các Sở hữu Tịnh Hảo là những trạng thái tinh thần tư tưởng cao thượng và lý tưởng mà nhân loại hằng mong ước, nên xin được đưa về chương cuối cùng.

Nếu có một chút ít gì lợi lạc, tôi xin hồi hướng đến tất cả chúng sinh trong cõi ta bà này. Tôi nguyện không giữ bất cứ điều gì.

Mùa Dâng Y - 2551 – 26/10/2007.

Tâm Nhân

Sách & Tài liệu tham khảo :

1. *Nền tảng Phật triết trong Luận Tạng* – Hoàng Hà Thanh
2. *Sự hình thành A Tỳ Đạt Ma* – TT. Thích Thiện Siêu
3. *Duy Thức trong Thắng pháp* – Binh Anson – Ph.D
4. *Đại cương về Vi Diệu Pháp* – Peter Della Santina – TT. Thích Tâm Quang dịch
5. *Tâm lý học Phật giáo* – TT. Thích Chơn Thiện
6. *Hai hướng vận hành của Tâm lý* – TT. Thích Chơn Thiện
7. *Tâm lý học trong Phật giáo Nguyên thủy* – TT. Thích Viên Giác
8. *Vài nét về Tâm lý học phổ thông và Tâm lý học Phật giáo* – TN. Hương Nhũ
9. *Kinh Căn bản pháp môn* – Tỳ Kheo Chánh Minh
10. *Vấn đáp Đại cương Vi Diệu Pháp và Tâm* – Tỳ Kheo Chánh Minh
11. *Minh sát điển giải* – Ledi Sayadaw – Tỳ Kheo Chánh Minh hiệu đính .
12. *Qui trình Tâm pháp* – Tỳ Kheo Chánh Minh .
13. *Kinh Căn bản pháp môn* – TT. Thích Nhật Từ (pháp thoại)
14. *Kinh Căn bản pháp môn (The discourse on the root of existence – Bhikkhu Bodhi)* – Tỳ kheo Giác Lộc dịch
15. *Tâm lý học Phật giáo* – TT. Thích Tâm Thiện
16. *Abhidamma áp dụng* – Dr. N.K.G. Mendis – Như Nhiên dịch
17. *Tìm hiểu pháp Hành Thiền Tuệ* - Tỳ kheo Hộ Pháp, 2002 .
18. *Bản đồ hành trình tâm linh* – Sayadaw U. Joptika – Tỳ kheo Tâm Pháp dịch .
19. *Kinh Duyên Sinh* – Đặng Huy Hoàng , Thư viện Hoa Sen .
20. *Vi Diệu Pháp giảng giải* – Tỳ Kheo Giác Chánh
21. *Thắng Pháp tập yếu luận* – Tỳ Kheo Thích Minh Châu
22. *Tâm lý và Triết học Phật giáo áp dụng trong đời sống hàng ngày (Abhidamma in daily life)* – Nina Van Gorkom – Đại Đức Thiện Minh dịch
23. *Vi Diệu Pháp Nhật dụng – Abhidamma in daily life* – Hoà Thượng Ashin Janakabhivamsa – Cư sĩ Thiện Nhựt dịch – Canada 2000 .
24. *Chánh kiến và Nghiệp* – TS Ledi Sayadaw – Tỳ kheo Pháp Thông dịch
25. *Tâm Sở (cetasikas)* – Nina Van Gorkom – Tỳ kheo Thiện Minh dịch
26. *Tâm Sở vấn đáp 1, 2, 3* – Tỳ Kheo Chánh Minh .
27. *Duyên hệ* - Bài học do Tỳ Kheo Chánh Minh gợi .
28. *Và rất nhiều bài vở, sách , báo , tập san ...của Quý Thầy trong Tuần báo Giác Ngộ ; của Thầy Phạm Công Thiện, và rất nhiều, rất nhiều*

Tài liệu khác :

1. *Vũ trụ trong hạt dẻ* - Stephen Hawking – NXB VHTT
2. *Lưới trời ai dệt* – Nguyễn Tường Bách- NXB Trẻ
3. *Đối diện cuộc đời* – Krishnamurti - Nguyễn Tường Bách dịch
4. *Tự do đầu tiên và cuối cùng* – Krishnamurti - Nguyễn Minh Lý dịch
5. *Giai Điều Bí Ẩn* – Trịnh Xuân Thuận – NXB KHKT
6. *Hỗn độn và Hòa hoà* – Trịnh Xuân Thuận – NXB KHKT
7. *Sinh lý học Động vật và Người* – PGS.TS Nguyễn Quang Mai – NXB KHKT
8. *Các nguyên lý và quá trình sinh học* – Biological principles and process – Claude A. Ville & Vincent G. Dethier - NXB KHKT
9. *Các nguyên lý sinh học* – ĐHY Hànội
10. *Di truyền học sinh thái* – NXB KHKT
11. *Gen- Số mệnh cuộc đời và bệnh lý di truyền* - TS. Nguyễn Như Hiền –
12. *Phôi sinh học hiện đại* – NXB KHKT
13. *Freud và Tâm Phân học* – Phạm Minh Lăng - NXB VHTT
14. *Phân Tâm Học nhập môn* – Nguyễn Xuân Hiến – NXB ĐHQG HN

VI DIỆU PHÁP (ABHIDHARMA)

Nền văn minh nhân loại tiến hoá đến ngày hôm nay đã trải qua vô vàn thử nghiệm trong cuộc sống để ngày một hạnh phúc hơn . Tuy nhiên , mặc dù cuộc sống vật chất ngày càng đầy đủ hơn và tiện nghi hơn, nhưng nội tâm con người vẫn chưa nhận được cái hạnh phúc hoàn hảo như ngàn xưa hằng mơ ước .

Trong xã hội loài người xưa cũng như nay, trạng thái tâm lý của con người luôn luôn biến động , luôn luôn không an bình . Cái Tâm thường tình không bao giờ được yên nghỉ, không bao giờ được trọn vẹn trong sáng , không có lúc nào mà ta không cảm thấy ham muốn một cái gì , không có lúc nào không có cái tham dục hay tham ái . Lúc nào cái Tâm cũng đeo đuổi theo , hay bám giữ chặt một cái gì đó , lúc nào cũng có thể nổi lên cơn giận hờn hay bực bội, bực tức , đôi khi lại cảm thấy sợ hãi mơ hồ ; lắm lúc lại thấy không vui vẻ gì đối với sự thành công của kẻ khác , không vui sướng gì khi thấy người khác hơn mình , chỉ trong một vài khía cạnh gì đó !

Bởi vì phần lớn chúng ta, luôn luôn có khuynh hướng tự nhiên là tin vào những nhận thức , đánh giá hàng ngày của mình , và không bao giờ đặt lại vấn đề đúng sai, thực hay giả về những nhận thức này .

Và những trạng thái tâm lý này luôn được biện minh bằng mọi lý do, để chứng minh rằng cái Tâm này là trong sáng ! Chính cái Tâm này đã xô đẩy nhân loại vào trong vòng xoáy khổ đau bất tận . Do đó, tự hiểu được cái Tâm của mình , tự hiểu được cái bản ngã của mình, là điều khó nhất trong nhân loại . *(Phạm Công Thiện)*

Để soi sáng nội tâm, và để giải thoát khỏi những khổ đau thường tình trong đời sống, Phật giáo đã cho nhân loại một phương pháp tu tập nhằm giải thích cái kinh nghiệm tâm linh của một vị Bồ Tát Alahán . Một cách vô trước , Tổ Huệ Năng đã dạy :

“Thấy, nghe, tuyên đọc Kinh Cú, là Tiểu Thừa .

Biết được Pháp và Ý nghĩa thâm sâu là Trung Thừa .

Áp dụng giáo pháp và hành tập giáo pháp là Đại Thừa .

Hiểu thấu đáo tất cả các Pháp, thâm nhuần tất cả giáo pháp một cách hoàn toàn, giải thoát từ tất cả trôi buộc, không còn gì chấp trước, là Tối Thượng Thừa “ .

THOÁNG QUA VỀ SỰ HÌNH THÀNH : Abhidamma được dịch là Vi Diệu Pháp (VDP), là Thắng Pháp, là Pháp Tối thượng thừa , là 1 trong 3 tạng kinh điển Phật giáo , gọi là Tạng Luận được hình thành bắt đầu sau lần kết tập thứ 3 , tức là sau khi Phật nhập diệt khoảng 200 năm . Cho đến khoảng năm 500 sau Phật nhập diệt thì hoàn chỉnh , trong thời gian phân phái .

1.-Thời kỳ xuất hiện :. Thời kỳ này , ý nghĩa trong tạng VDP hoàn toàn phụ thuộc vào ý nghĩa kinh.

2.-Thời kỳ phát triển : từ hình thức kệ kinh đến sau khoảng 100 năm , đến luận thư giải thích nghĩa kinh. Sau đó, tiến đến Luận Thư độc lập, và từ từ tách khỏi Tạng Kinh và Tạng Luật , hình thành 7 bộ . Bắt đầu thuyết minh toàn thể tư tưởng, đi đến phê phán tư tưởng trong kinh văn , tiến đến độc lập với kinh , để thành lập Luận Tạng .

3.-Thời kỳ cương yếu, các luận thư Abhidamma phát huy và hoàn chỉnh . Các luận thư Abhidamma còn lại ngày nay bao gồm 2 bộ, một bộ bằng tiếng Sanscrit và 1 bộ bằng tiếng Pali .

Chúng ta có thể tìm hiểu về sự hình thành Abhidamma qua vô vàn kinh điển Phật giáo .

STT	PALI			SANSKRIT		
1	Dhamma-Sanghai	Pháp tu luận	Luận về các Pháp	Sangiti-pariyaya hay Sangitipataya-bada	Tạp Dị Môn Túc Luận	
2	Vibhanga	Phân biệt luận	Luận về các Pháp, bổ túc cho bộ 1	Dharmaskandha-pada	Pháp Uẩn Túc Luận	Có 7 phẩm hoàn toàn khác với Vibhanga
3	Dhatu-Katha	Gíoi Thuyết Luận Đại thuyết Luận	Luận kỹ về Uẩn, Xứ, Gíoi	Dhatukaya-pada	Gíoi Thân Túc Luận	
4	Puggala-Pannatti	Nhân Thi Thiết Luận	Luận bàn và phân biệt giữa xuất và tại gia	Prajnapatti-pada	Thi Thiết Túc Luận	
5	Katha-Vatthu	Thuyết Sự Luận Biện Giải Luận	Giải đáp 219 câu hỏi	Không có tương đương		
6	Yamaka	Song Luận Song Đối Luận	Các câu hỏi và trả lời đồng cặp đôi, trong 10 phẩm	Không có tương đương		
7	Patthana	Phát Thú Luận Nhân Duyên Thuyết Luận	Về tương quan sinh khởi giữa các pháp	Jnana-Prasthana	Phát Trí Luận	
Không có tương đương				Prakarana-pada	Phẩm Loại Túc Luận	
Không có tương đương				Vijnanna-pada Vijnannakaya-bada	Thức Thân túc Luận	

4.-Nguyên tác cơ bản của Abhidhamma :

- Không có gì sinh ra, mà **không có nguyên nhân**
- Không có gì sinh ra, mà chỉ do **một** nguyên nhân
- Không có gì sinh ra, mà không có **tác động**
- Không có gì **tồn tại** qua một thời khắc (Sátna)

Chương I – PHÁP NGHIÊN CỨU THỂ GIỚI MÀ TA NHẬN THỨC ĐƯỢC

Vi Diệu Pháp, một từ thông dụng nhất của Abhidhamma, là sự nghiên cứu giáo pháp có **hệ thống với mục đích thực dụng**. VDP phân tích diễn trình của tư tưởng (Tâm), và mọi thành phần của vật thể và tâm thức, là các pháp. Sự trình bày của VDP thường theo phương cách vấn đáp, có tóm tắt, theo khuôn khổ chặt chẽ, có tính chọn lọc, chính xác cao, vì thế ngôn ngữ mang tính thuật ngữ chuyên môn. Với nhiều cách phân loại, VDP đề cập tường tận đến thực tại, và sự trình bày của VDP về thực tại mang tính khoa học rất cao.

Sự phân tích của VDP sẽ cho ta thấy được rằng, *cái gì là Ta? và Ta là cái gì? vì sao Ta hiện hữu?* và qua đó, ta cũng thấy rằng, *cái gì là Thế giới? Thế giới này là cái gì? vì sao Thế giới này hiện hữu? Từ đó, đạt đến tuệ giải thoát.*

1.-Pháp - dhamma : Trong Abhidamma, Pháp là danh từ để chỉ vật hoặc/và hiện tượng, có trạng thái riêng mà tri giác có thể nhận biết được; dù vật/hiện tượng đó thuộc về vô vi (vượt khỏi mọi điều kiện và mọi qui ước), hay hữu vi (có điều kiện và qui ước), là danh xưng (giả danh – khái niệm) hay là thực thể (bản thể, thực tại); dù theo thể gian gọi (hiệp thể) hay là vượt khỏi thể gian (siêu thể), nói chung, có thể tạm hiểu Pháp là thể giới mà ta nhận thức được: *“Pháp là gì? – Gì cũng là Pháp.*

Pháp có trạng thái ra sao? – Ra sao cũng là trạng thái của Pháp” – Đại Đức Santakicco.

Abhidamma chia pháp làm 2 loại và định nghĩa phạm trù của các loại:

- **Pháp Tục đế (Sammuti-sacca; Pannatti-sacca) :** là chỉ sự thật của thể giới hiện tượng thông thường, sự thật ngoài mặt, sự thật của thể tình, là thực tại mà ta gọi. Còn được gọi là Chế Định (do con người đặt đề ra), Mặc Ước (do con người qui ước ra và mặc định), Thi Thiết (do con người thiết lập và thực thi). Nói cách khác, đây là cái **thế giới mà ta có được thông qua tất cả giác quan hiện hữu của ta**. **Thế giới mặc định và có tính qui ước** này, lại được phân thành 2 thể loại, trạng thái, tính chất:

- **Danh** chế định: Danh đây là danh xưng, tên gọi cho các Pháp Tục đế này. Chúng là những sự vật/hiện tượng có tính chất **cụ thể, hữu hình, có tính vật lý** được **ước lệ và mặc định bằng ngôn ngữ, văn tự**. Nói cách khác, thế giới hiện tượng (pháp) này được danh tự, ngữ ngôn qui định (chế định) mà biểu hiện trong nhận thức, có 6 cách:

- Danh Chân chế định: dùng danh từ chỉ sự vật có thật, dùng để diễn đạt sự thực tối hậu (pháp Chân đế). Ví dụ: Tâm thức, Niết bàn...
- Phi Danh-chân-chế-định: trái ngược lại với cách trên, là danh từ chỉ những sự vật hiện tượng không có thật, chỉ có tính qui ước, ước lệ. Ví dụ: nhà cửa, bàn, ghế...
- Danh chân, Phi danh chân chế định: ghép giữa 2 từ, từ đứng trước là chân, từ đứng sau là không chân.
- Phi danh chân, Danh chân chế định: ngược lại với trên.
- Danh chân, Danh chân chế định: cả 2 đều chân.
- Phi danh chân, phi danh chân chế định: cả 2 đều không chân.

Như vậy, khi đọc một danh từ, ngữ ngôn, ta cố tập thành thói quen phân tích, từ nào chỉ chân đế, từ nào chỉ tục đế. Đây cũng là một phương pháp luyện tập để thấy được thực tướng Vô thường và Vô Ngã của mọi sự vật.

- **Nghĩa** chế định: là những mặc định ước lệ chỉ về những **trạng thái của sự vật / hiện tượng** (trừu tượng, siêu hình, hay tính từ, trạng từ). Có 7 cách:
 - Hình thức chế định: chỉ hình dáng và không gian tính.

- Hiệp thành chế định : chỉ sự vật hiện hữu bởi sự hợp thành của nhiều yếu tố
- Chúng sinh chế định : chỉ những sinh vật có Thức tánh, Mạng căn .
- Phương hướng chế định : có tính xu hướng
- Thời gian chế định : có thời gian tính
- Hư không chế định : có không gian tính
- Tiêu biểu chế định (hình tướng) chỉ sự vật có tính tiêu biểu, biểu tượng .

Như sự phân loại trên, tất yếu sẽ xảy ra sự tương quan giữa Danh và Nghĩa chế định :

- Có cùng Danh, nhưng khác Nghĩa
- Có cùng Nghĩa, nhưng khác Danh

- **Pháp Chân đế, đệ nhất nghĩa đế (Paramattha-sacca)** : là sự thật bản thể, chân tướng của các sự vật/hiện tượng (pháp) . Là một đối tượng của trí tuệ cao siêu ; là sự thật tuyệt đối như chúng là ; là một sự thật tối hậu và không bao giờ thay đổi . “Sự “không thay đổi” có nghĩa là, cho dù bất kỳ sự biến hoại gì có xảy ra đi nữa, *nhưng đặc tính riêng biệt, trạng thái cơ hữu luôn tồn tại* . Paramattha mang tính chất Chân Như . Còn gọi là Siêu Lý .

Tuỳ theo điều kiện xuất hiện , sinh khởi của pháp, VDP nhìn nhận Chân đế có 2 phần :

- **Pháp Hữu vi** : bao gồm các sự vật/hiện tượng (pháp) thuộc về Danh-Sắc , Tâm-Vật , thuộc về thành phần do **Duyên sinh** tạo ra (vì có cái này, nên mới có cái kia ; và ngược lại) . Hữu vi là còn bị giới hạn , còn có điều kiện . Nghĩa là còn bị giới hạn của các giác quan đồng thời bị các giác quan điều kiện hóa nó . Vượt khỏi các giác quan, thì không thể nhận thức được; và không đủ điều kiện để các giác quan nhận thức, thì các giác quan cũng không nhận thức được . Con người với 6 giác quan, làm thành thế giới như thế này.
- **Pháp Vô Vi** : Còn các sự vật/hiện tượng (pháp) vượt khỏi diễn trình chế định của Danh-Sắc, tâm-vật ; pháp vô vi không bị giới hạn , không có điều kiện chế định bởi sinh và diệt, pháp vô vi là tịch tĩnh , diệt hoàn toàn, không phải là pháp bị tạo ra hay được tạo ra, nó vô sinh và vô diệt, là Niết Bàn , tên gọi khác là Chân như . Nghĩa là , phi-giác-quan và phi-điều-kiện tính , vượt khỏi mọi chi phối của giác quan .

2.-Thế giới của chúng ta bao gồm 3 thực thể :

- a) Thế giới như chính nó là ; được nói ở đây như là **Thực Tại tối hậu tuyệt đối , vượt ngoài 6 giác quan của ta .**
- b) **Những Kinh-nghiệm-cảm-giác-chủ-quan** của chúng ta đối với cái thế giới trên, để mô tả cái Thế giới nói ở a); được nói vắn tắt ở đây là **Kinh-Nghiệm cảm giác giác quan chủ quan** . Nó là *Phương tiện sơ khởi để ta nhận biết thế giới*. Những kinh nghiệm giác quan này rất là giới hạn , chúng chỉ hoạt động trong phạm vi của điều kiện như :
 - *Mắt, chỉ nhận bắt được ánh sáng (photon) mà thôi , nó không bắt được cảnh vật mà nó chỉ bắt ánh sáng phản chiếu từ cảnh vật , đập vào võng mạc, tạo cho ta một ảnh tại võng mạc , làm cho ta “thấy” hình tượng ; không có ánh sáng, ta không thấy gì cả ; và bước sóng ánh sáng chỉ từ đỏ đến tím , là điều kiện của mắt để mắt nhìn thấy ; ngoài bước sóng trên, mắt không nhận bắt được (mắt không thấy hồng ngoại và tử ngoại ; cũng không nhận biết sự phân cực của ánh sáng) .*
 - *Cũng vậy, Tai chỉ nhận được sóng âm trong giới hạn, ngoại hạ tần và siêu cao tần, tai không nhận được; nó không nhận được chính âm thanh, nó chỉ nhận sóng âm lan truyền đến màng nhĩ mà thôi (trong chân không, sóng âm không truyền, tai không thể nghe) . Mũi, Lưỡi, chỉ nhận được những dẫn xuất hoá học có gốc hoá học giới hạn như gốc mạch vòng, gốc rượu, acid, gốc sulfur, v...v. mà chúng*

phản ứng với dịch nội tiết của các đầu mút thần kinh cảm thụ , để cho thông tin về cảm thọ (các cơ quan thọ cảm).

- Thân và hệ thống xúc giác, nhận được những kích thích cơ, nhiệt, hoá học trong những điều kiện và khoảng cách giới hạn bởi sự phân bố các tế bào cảm thụ dưới da mà thôi .
- Riêng về hệ thống não tủy và thần kinh là cực kỳ phức tạp, ta phải tham khảo về những giới hạn và điều kiện hoạt động của nó trong ngành Sinh học và Thần kinh học . Nhưng , suy cho cùng , tất cả chỉ là sự dẫn truyền điện-hoá của toàn bộ hệ thần kinh mà thôi .

c) **Danh xưng, ngôn ngữ** được đặt ra để chỉ và để mô tả cái kinh nghiệm cảm giác của các giác quan chủ quan đã nói ở b) , được gọi chung là những **Khái-Niệm** . Nó cũng là một loại Phương tiện thứ 2 tối quan trọng cho sự tiến hoá của nhân loại . Bởi vì, không có ngôn ngữ, sẽ không có nhân loại .

Khái-niệm điều kiện hoá Kinh-Nghiệm giác quan , nó mô tả và làm cho nhận thức con người hướng đến cái ý nghĩa mà kinh nghiệm cảm quan đã có và đã mô tả ; rồi đến lượt Kinh-nghiệm, nó tiếp tục điều kiện hoá cái Thực-tại tối hậu , theo cái cách mà nó kinh nghiệm .

Khái-niệm và Kinh-nghiệm mặc định ra những thực tại chủ quan, chúng thuộc về pháp Hữu vi . Sáu giác quan của ta đã mặc định cái thế giới như thế này . Như thế, các pháp Hữu vi được xem như là Phương tiện ; còn cứu cánh, là pháp Ngoại-Hữu-vi, là Vô vi .

Phạm trù của ngôn ngữ và văn tự là một vấn đề cực kỳ hệ trọng trong sự tiến hoá của nhân loại . Loài Neanderthal đã bị diệt chủng vì thiếu khả năng diễn đạt hoàn chỉnh bằng ngôn ngữ , trong khi Loài Homosapiens (Cromagnon) , do có khả năng ngôn ngữ hoàn bị hơn , nên đã tồn tại được và tiến hoá , phát triển đến ngày hôm nay . Do đó, khả năng ngôn ngữ đã là điều kiện tiên quyết cho sự tiến hóa và hình thành nhân loại . Không có khả năng ngôn ngữ, sẽ không có nhân loại .

Có ngôn ngữ , thì khởi sinh văn tự . Văn tự là những ký hiệu qui ước để diễn tả ngôn ngữ . Ngôn ngữ là những âm thanh qui ước để diễn tả điều muốn diễn tả . Nhìn vào trình tự phát triển, thì hình như ngôn ngữ có vẻ gần với sự thật hơn là văn tự , gần với sự diễn tả hơn là văn tự mô tả vì nó liên hệ đến những âm sắc, âm tiết , những dấu hiệu biểu hiện của toàn bộ các giác quan (thân, khẩu, ý) một cách nhất quán và hệ thống . Do vậy, nhân loại thích hội họp, hội đàm hơn là dùng văn tự trao đổi , và nền giáo dục bắt buộc phải đến trường học .

“.....pháp của ta , đến để thấy , đến để nghe” Là như thế .

Mặc dù ngôn ngữ văn tự không thể diễn tả sự thật đúng như nó là . Mặc dù tính tương đối của ngôn ngữ văn tự thì lại có giới hạn (do mỗi dân tộc có một ngôn ngữ và văn tự riêng theo tâm thức cộng đồng riêng) . Nhưng ngôn ngữ , văn tự lại tích chứa cả một tâm thức cộng đồng qua hàng mấy trăm triệu năm (cho nên mới có sai biệt) .

Tóm lại , Ngôn ngữ và Văn tự biến thiên theo Không-thời-gian và theo các vùng Tâm thức cộng đồng (địa phương , dân tộc) .

Dù như thế , thì Sự thật tuyệt đối vẫn vượt ngoài ngôn ngữ , cái sự thật tuyệt đối đó , là chỉ như thế - như thị . Như vậy , ngôn ngữ văn tự chỉ là một phương tiện có tính hình thức (hữu vi) – mặc dù không tuyệt hảo, nhưng lại là duy nhất , vì không có gì hơn nó – dùng để chuyên chở cái nội dung chân lý không thể diễn tả được .

Hệ luận :

- a) Kinh-nghiệm và Thực tại hoàn toàn khác nhau ; nhưng Thực tại được nhận thức bằng Kinh-nghiệm ; và Kinh-nghiệm có thể tái nhận thức lại Thực tại . Tập hợp mọi Kinh-nghiệm tạo thành cái gọi là Nhận-thức của con người , và cái Nhận-thức này , đến lượt nó , nó chỉ huy , dẫn dắt mọi hành vi và tư tưởng (thân-khẩu-ý) của con người .
- b) Khái Niệm và Kinh-nghiệm cũng hoàn toàn khác nhau , nhưng Khái-Niệm có thể cho ta nhận thức và hiểu được Kinh-nghiệm, và Kinh-nghiệm có thể được mô tả lại bằng Khái-Niệm. Và Khái-Niệm liên kết với Nhận-thức để điều-kiện-hoá (dẫn đạo) mọi hành vi và tư tưởng của con người .
- c) Thực tại tuyệt đối tối hậu, con người không thể biết bằng các giác quan của mình .

Như vậy, tập hợp Khái Niệm và Kinh Nghiệm chủ quan, đã trói buộc tâm thức con người , mà Krisnamurti nói rằng đó là sự “điều-kiện-hoá” nhận thức của con người . Thoát khỏi cái bẫy này, Ông gọi đó là “tự do đầu tiên và cuối cùng”.

■ *Hinderk Hemrich : “ Thực ra là chúng ta luôn luôn sống trong một thực tại trộn lẫn, thực tại đó được chúng ta điều kiện hóa và xây dựng nên “*

■ *Có một thực tại siêu việt vượt lên trên ý thức của con người mà tự tánh của nó chúng ta không bao giờ nắm bắt được , nhiều nhất là chúng ta chỉ cảm nhận được nó “ Mac Planck*

■ *Thực tại có thể là một mạng lưới vĩ đại gồm những dạng hình hết sức tinh tế . Mạng lưới đó vận hành rung động , mà một phần hệ quả của nó “lọt” vào không gian 3 chiều của chúng ta thành những cấu trúc mà ta gọi là “vật chất”*

...Này Đại Tuệ, ngôn ngữ không phải là chân lý tối hậu; những gì đạt được bằng ngôn ngữ không phải là chân lý tối hậuChân lý là sự tự chứng được kinh nghiệm một cách nội tại bởi người trí bằng trí tuệ tối thượng của họ, chứ không thuộc phạm vi của ngôn từ, phân biệt hay tri thức ; và do đó, phân biệt không khai mở chính cái chân lý tối hậungôn ngữ phải chịu sự Sinh và Diệt , là không ổn cố, ảnh hưởng lẫn nhau (hữu vi) được tạo ra theo luật nhân quả

.....cũng thế, giáo lý của tất cả các kinh là một sự lôi cuốn cái thói quen phân biệt của tâm chúng sinh. Nó không phải là lời nói về chân lý của Như-như mà trí tuệ tối thượng thiết lập. Do đó, này Đại Tuệ, hãy thích nghi với cái ý nghĩa nội tại, và đừng bị mãi mê trong những ngôn từ của giáo lý. (Kinh Lăng Đà – TS Suzuki – GS. Trần Tuấn Mẫn dịch))

Mỗi một chúng sinh trong một loài , có một thực tại riêng biệt cho và chỉ cho chính loài của chúng, để tồn tại và tiến hoá . Loài nhện giăng lưới và loài bướm tìm cho tơ ; Ong , Mối và Kiến, chúng có thể giới của chúng .

■ *Theo Platon, tất cả mọi sinh vật của thế giới cảm nhận được, chỉ là những bản sao không hoàn hảo của các hình thái vĩnh cửu nằm trong thế giới của những ý niệm . Như vậy, những con vật cùng loài đều giống nhau, chúng thuộc về thế giới biến đổi, phù du, chúng sinh ra, già đi, bệnh và chết . Nhưng ý niệm về “loài ” riêng biệt này , thì vĩnh hằng, điều này làm cho các loài tồn tại vĩnh cửu qua thời gian , bởi vì nó có thể tái vật chất hoá xuất phát từ chính ý niệm bất di bất dịch đó .*

Nhân loại cũng thế, mỗi người tự tạo ra một **thực tại riêng** cho chính mình và cho toàn nhân loại, **điều đó là cần thiết và quan trọng** để cuộc sống loài người được tiến bộ không ngừng và tiến bộ vượt bậc đến ngày nay . Nhưng nó sẽ trở thành chướng ngại , một khi ta mắc kẹt trong thực tại này, mắc kẹt trong các khái niệm . Vì nó sẽ bám sâu đến nỗi, ta lầm tưởng rằng, có một cái “tự ngã” trong ta , ta lầm tưởng rằng Khái niệm & kinh nghiệm chính là cái “ngã” của ta .

Tất cả chỉ là những khái-niệm, những kinh-nghiệm-cảm-giác-chủ-quan, chúng không có thực theo nghĩa tối hậu tuyệt đối. Phần đông chúng ta luôn có khuynh hướng tự nhiên tin vào những nhận thức hàng ngày của mình, ta thức nhận giá trị của chúng, thậm chí, không bao giờ đặt vấn đề về chúng. Ta khờ khạo tin rằng, sự vật mà ta đang lĩnh hội, đồng nhất với cái mà sự vật đang là.

Vì các dự kiện và sự vật – bao hàm cả cái “Ngã” – được cho là có thực thể khách quan, ta mặc nhiên kết luận là chúng phải có một thực thể khách quan nào đó và không có chút phân tích gì. Phân biệt được sự khác biệt giữa thực tại tối hậu với khái niệm và kinh nghiệm là rất quan trọng, đó là sự phân biệt vô cùng quan trọng giữa Phương tiện và Cứu cánh. Nó cho ta sống tốt đẹp hơn, hạnh phúc hơn ngay trong chính cái thực tại ngũ dục thông thường này, bởi vì, lúc ấy ta không còn bị các khái niệm cầm tù ta nữa, ta không còn bị nô lệ vào cái Phương tiện ưu việt này nữa. Vì không có cái gì hiện hữu ngoài thực tại tối hậu cả. Ngược lại, Nô lệ là “Vô Minh”.

“...tất cả mọi hiện tượng đều là sự biến hiện của Thức trong hành vi và hoạt động nội tại của chúng; những nhận thức của chúng ta không phải là do từ đối tượng ngoại tại tạo thành, những đối tượng mà ta tưởng là hiện hữu bên ngoài và tạo thành ý nghĩ của chúng ta”.

Đến đây, chúng ta có các khái niệm khác : 3 Lượng (Hiện lượng, Tỷ lượng và Phi lượng) đối xứng với 3 Cảnh (Tánh cảnh, Đối chất cảnh và Độc ảnh cảnh) và 3 Tự Tánh :

► Tự tánh thứ Nhất, **Biển kế sở chấp tính, còn gọi là tự tính sai biệt**, biển kế, tự tính này là do tâm thức ta tạo tác, nên mới gọi là tự tính biển kế, là tính tự so đo tính toán cùng khắp. Tự tính này không phải tự có, mà tại vô minh cho nên thực tại phải mang màu sắc so đo phân biệt tính toán đó, như là sự phóng chiếu, sự bành trướng của tâm thức.

► **Ngược lại với thế giới của biển kế chấp, là thế giới của Viên thành thật**. Thế giới của Viên thành thật là thế giới không có sự tạo tác của tâm ý, không có những khái niệm (conceptions), là thực sự tự tính của vạn pháp, không có Sinh-Diệt, không có Một-Khác, không có Đi-Đến, không có Vô hay Hữu; là Chân như, là Như như.

3.-Danh và Sắc : Vì vậy, cái **thế giới** do Kinh-nghiệm và Khái-niệm vẽ ra đó, là cái thế giới bị điều kiện hoá. Nói cách khác, thế giới đó có điều kiện, bị giới hạn bởi chính các giác quan, nó là các Pháp Hữu vi. VDP cho rằng các Pháp Hữu vi là sự sinh khởi lẫn nhau, duyên lẫn nhau của 2 pháp, nói cách khác VDP chia các pháp Hữu vi này làm 2 mặt bất khả phân ly : **Danh và Sắc**.

a) Phần Vật chất : là thành tố khách quan; là vật chất; hay là yếu tố Vật lý hoặc/và có tính vật lý bao gồm cả năng lượng. Có thể hiểu như là toàn thể môi trường vũ trụ mà **ta quan sát được, đo đếm được**. Gọi là **Sắc, sắc pháp**, Và

b) Phần Không phải Sắc pháp : là bản thể vô hình; là trạng thái bí ẩn; là trạng thái tính chất. Gọi chung là **Danh, danh pháp**. Danh pháp bao gồm 2 khía cạnh :

- Tâm (citta), cũng gọi là Thức (vinnana), tâm-thức, như là một bản năng sinh tồn, như là một năng lượng bí ẩn thúc đẩy và duy trì sự sống sinh học. Và
- Tâm sở (Cetasika), như là những biểu hiện các trạng thái, tính chất của phần Tâm thức nói trên.

Trong 2 pháp Danh và Sắc này, phần Danh pháp nhất định phải có, phần Sắc pháp thì tùy thuộc vào Cõi. Cõi Vô Sắc, không phụ thuộc vào Sắc pháp.

VDP cho rằng thế giới nhận thức gồm 2 xuất xứ :

- Các pháp bên trong chúng ta, các nội xứ, và

- Các pháp bên ngoài chúng ta, các ngoại xứ .

Tất cả các pháp , cho dù bên trong cũng như bên ngoài , chỉ là Danh và Sắc . Danh và Sắc là 2 sự thật tuyệt đối và khác nhau , tồn tại bên nhau , đồng sinh nhau , không thể phân chia .

Chỉ có Tâm và Vật (Danh và Sắc) luôn luôn tương tác lẫn nhau, luôn luôn ảnh hưởng lẫn nhau, và trở thành một Nhân cho sự sinh khởi của nhau, dẫn đến những dòng chảy, những dòng cắt (dứt dòng), những dòng ngầm, diễn tiến không ngừng trong cái gọi là “tự ngã” (tôi) . Tất cả mọi người, suy cho cùng, cũng chỉ là sự tác động qua lại thường xuyên này của Tâm và Vật .

Theo Duy thức, cái được cho là “cảnh giới khách quan, cái đối tượng”, và đang hiện hữu “ngoài này đây”, vốn không gì khác hơn là một phóng ảnh của tâm thức ta , hay còn gọi là Kiến-phân . Vậy, chủ thể & đối tượng đều mang tính bất-nhị (non-dual) .

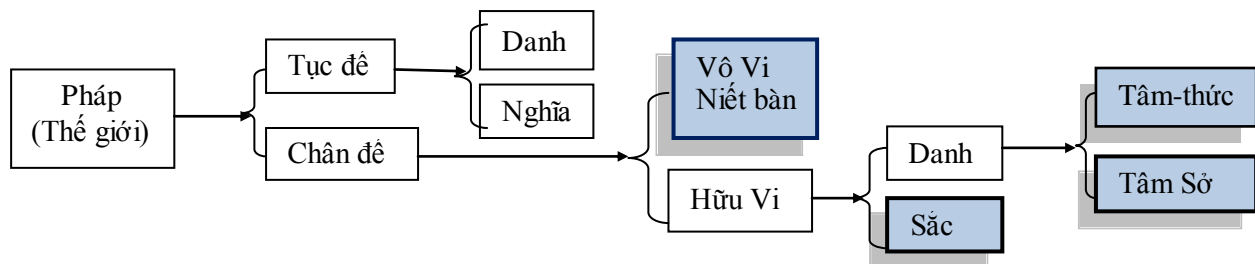
Quan điểm này khiến cho ta dễ dàng nhận biết là mình đang thừa nhận như thế nào những tính chất đang được ta nhiếp thủ (perceive - tích tập) qua các đối tượng, mà chúng chỉ là các khía cạnh của tâm thức mình (*phóng chiếu*) và điều này sẽ làm thoái hoá dần các bám chấp của ta về đối tượng khách trần, về những kinh nghiệm cảm giác và những khái niệm . Tức là “**Pháp-chấp**”

“*Mỗi khi 2 người gặp nhau, thực ra, có đến 6 nhân vật hiện diện:*

- Hai người, như mỗi người tự thấy về mình (*Hai Tự Ngã*) - *chấp ngã*
- Hai người, như người kia thấy mình (*Hai Pháp*) – *chấp pháp*
- Hai người, như thực sự mỗi người là (*Hai Vô Ngã Pháp*) (*William James*) – *thực tại tối hậu*

Đến đây, VDP đề cập đến “sự thật bản thể, sự thật tối hậu” – *sabhāva-sacca* – là 4 thực tại theo nghĩa tối hậu , là 4 chân đế : *Sắc, Tâm, Tâm sở, Niết bàn* :

Trong đó, Sắc, tâm và Tâm sở được gọi là thực thể, vì chúng là những vật hiện hữu (pháp hiện hữu – *Vijjamāna dhamma*) , chúng thuộc Nhập thể ; còn Niết bàn là thực thể cứu cánh , là độc nhất , thuộc Siêu thể .



4.-Loài hữu tình , trong đó có Con người thường được phân tích làm 2 phần : phần thân xác và phần tinh thần . Phật giáo cũng thế, phân tích loài hữu tình gồm 2 phần tương tự :

1) Phần Vật : *Sắc , sắc pháp* , là một thực tại tối hậu . Phần này được nhìn nhận như là một tổ hợp của các 6 giác quan : Mắt, Tai, Mũi, Lưỡi, Thân , và toàn bộ hệ thống thần kinh não-tủy phân nhánh cho đến từng tế bào .

2) Phần Tâm : là thành tố chủ quan, hay yếu tố tâm lý, tinh thần . Là **Danh, danh pháp** . Chúng bao gồm 4 thành phần : sự **Cảm Thọ** ; **Tưởng** , như là Trí nhớ ; **Hành** , như là động năng của ham muốn , trạng thái hoạt động sinh tồn ; và **Thức** , như là bản năng , năng lượng sinh tồn . Theo VDP, bốn thành phần này nằm trong 2 thực tại tối hậu :

- Thọ , Tưởng và Hành thuộc về Tâm Sở , thuộc về thành phần ý thức hữu thức .
- Và Thức , thuộc về Tâm , (Tâm Vương, tâm-thức) , thuộc về tâm linh .

Như vậy 2 thực tại tối hậu trên đều thuộc về Danh pháp : Tâm vương và Tâm Sở , chúng duyên nhau nên chúng cùng sinh và cùng diệt .

Con người do Danh (hiện tượng phi vật chất) và Sắc (hiện tượng vật chất) cấu tạo, và hai phần này luôn luôn trong trạng thái biến đổi như một dòng suối trường lưu bất tận.

Sáu giác quan của con người, được gọi là 6 Căn, vì nó là căn cứ địa để sinh khởi mọi kinh nghiệm cảm giác; cũng gọi là Vật, vì nó thuộc về vật chất, nơi các Thức sinh khởi; cũng gọi Xứ, sáu giác quan này được gộp chung là **6 nội xứ**. Mỗi một giác quan có một môi trường riêng, có một hệ thống thông tin riêng, gọi chung là một hệ thống “các điều kiện” riêng của nó, để nó nhận biết được kích thích. Môi trường đó cần một cửa ngõ để kích thích đi vào, cửa ngõ đó được gọi là Môn (door). Sáu Vật này có 6 cửa ngõ để tiếp xúc với ngoại thân, gọi là 6 Môn tương ứng. Cả Vật lẫn Môn, được gộp chung trong khái niệm Căn Môn.

Có 6 đối tượng của 6 giác quan, được gọi Trần (Trần thể là thể giới của 6 giác quan, là Dục giới); thường được gọi là Cảnh, vì sự nhận thức của các giác quan cho ta biết nó, chứ nó không phải là thực tại tuyệt đối, nó chỉ là cái Cảnh của kinh nghiệm giác quan mà thôi; cũng gọi luôn là Xứ, 6 cảnh này gộp chung lại gọi là **6 ngoại xứ**. Có thể phân tích thêm làm 5 Cảnh Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, được nhận biết qua 5 giác quan: Mắt, Tai, Mũi, Lưỡi, Thân.

Còn **Cảnh Pháp** chỉ có thể biết qua Ý môn, có 6 loại:

- | | | |
|--------------------|-----------|-------------|
| 1. 5 sắc thân kinh | 3. Tâm | 5. Niết bàn |
| 2. Sắc vi tế | 4. Tâm sở | 6. Chế định |

Như thế, 6 nội xứ và 6 ngoại xứ, gộp lại là 12 xứ.

Mỗi khi 1 Cảnh hiện ra trước 1 Vật Môn, nghĩa là mỗi khi một kích thích đến với 1 giác quan, sẽ tạo ra một nhận biết, gọi là Thức. Như thế, có 6 loại nhận biết: 6 loại Thức.

Và 6 Căn, 6 Cảnh, 6 Thức, gộp tất cả lại, gọi chung là 18 Giới; hoặc chia thành 5 căn + 5 cảnh + 5 song thức + 3 giới (Ý giới, Pháp giới và Ý thức giới). Thực ra, đây không phải là bài toán cộng, chỉ là một sự phân loại, phân nhóm mà thôi.

Pháp giới bao gồm tất cả tâm sở, sắc vi tế và Niết bàn, nghĩa là cả danh lẫn sắc, và không giống như Cảnh pháp, chỉ chiếm 50% các loại Cảnh pháp mà thôi.

Ý giới là danh pháp, bao gồm 5 song thức + 2 tiếp thu tâm. Tất cả là tâm Quả. Nói cách khác, Ý giới gồm 3 loại tâm Quả: loại 5 song thức + tiếp thu Thiện + tiếp thu Bất thiện.

Ý thức giới là danh pháp, bao gồm tất cả Tâm, trừ 5 song thức và 3 loại tâm Ý giới.

7 loại thức giới				
Thức giới	5 thức giới	5 song thức		
	1 Ý giới	5 song thức	2 tiếp thu	
	1 Ý thức giới			Tâm + Tâm sở

Từ ý thức giới, Duy thức còn phân tích thành Mạt na thức (Manas) và Tàng thức (Alaya).

Tóm lại:

- Thế giới mà Con người nhận biết được (trong đó, bao gồm cả con người) là một phức thể Danh-Sắc, trong đó được cấu tạo bởi 5 lĩnh vực hay 5 nhóm, gọi là **Ngũ Uẩn: 1) Sắc; 2) Thọ; 3) Tưởng; 4) Hành; 5) Thức**.
- Các sự vật/hiện tượng, thế giới mà ta cảm nhận được, chúng thuộc về Danh-Sắc, hay Tâm-Vật. Vì nếu không có tinh thần, tư tưởng – Danh, thì mọi hiện tượng sẽ không được mặc ước – Sắc. Ngược lại, nếu không có sắc – vật chất – gì cả, thì cũng không có tinh thần – Danh. Ngoài Sắc, không có Danh và ngoài Danh, không có Sắc. Do vậy, con người và vũ trụ là không hai, là tương tức, tương nhập.
- Mỗi một sự vật/hiện tượng, đều có 2 mặt biểu hiện:

- Một mặt, nó là một “thực tại tuyệt đối tối hậu”, “thực tánh pháp” (sabhāha) , vượt ngoài các giác quan .
- Một mặt, nó là một “thực tại tương đối” , đã được Chế định, trong khuôn khổ các giác quan nhận thức được , là “hiện tượng giới” .

Ngũ Uẩn, không có nghĩa là một hợp thể của riêng một người. (Ngũ uẩn có chung một tự tánh của chúng ; sự sai biệt chẳng qua là sự biểu biệt của Alaya) . Mỗi uẩn đều có chủ thể và đối tượng, do vậy, cả vũ trụ đều là đối tượng của 5 uẩn của ta (và 5 uẩn của ta đều được hoà hợp thành từ vũ trụ do tất cả nguyên lý của vũ trụ) . Không thể nói 5 uẩn của ta tách biệt ra khỏi vũ trụ .

■ Vũ trụ có thể có vô hạn chiều kích , mà cái mạng hiện ra trước 5 uẩn của không gian 3 chiều của chúng ta , làm cho ta thấy cái thế giới vật chất này . Như thế đó, có thể có vô vàn thế giới vật chất khác và cả phi vật chất khác nữa có các chiều kích khác nhau . (dựa theo sdd của Nguyễn Tường Bách và Stephen Hawking)

“.....Thế gian, thế gian được nói đến, bạch Thế Tôn, thế gian được nói đến như thế nào? Nay Anan, cái gì biến hoại thì được gọi là thế gian theo ý nghĩa bậc thánh . Nay Anan , cái gì biến hoại ?Mắt.....cảnh sắc.....lưỡi.....ý thì biến hoại ; cảnh pháp, ý thức, ý xúc, bất cứ cảm thọ vui buồn, không vui không buồn nào phát sinh do duyên ý xúc, tất cả đều biến hoại. Nay Anan, điều gì biến hoại như vậy, được gọi là thế gian theo nghĩa bậc thánh”

Thế gian (Loka) có 3 loại : Theo VDP , thì thế gian phân ra :

- Tự tánh thế gian (Loka-dhatu) : là 3 thực tại tối hậu : Tâm, Tâm Sở và Sắc-pháp . Bản chất của thế gian không ra khỏi 3 thực tại tối hậu này , cho dù là cõi Vô Tướng.
- Hữu tình thế gian (Loka-satta) : gồm chúng sinh theo thực tánh pháp, có 12 hạng người .
- Địa vực thế gian (Loka-bhūmi) : là 31 cõi .

Abhidamma		5 Uẩn	Duy Thức
Chân Đê Hữu Vi	Sắc	Căn, Trãn	Sắc pháp
	Danh	Tâm Vương	Tâm pháp (Tâm Vương)
		Tâm Sở	Thọ, Tướng, Hành
	Niết Bàn		Tâm Bất tương Ứng Hành pháp
			Vô vi pháp

Tất cả mọi sự phân chia trên không có tính nhị biên, bởi vì, Phật giáo không đề cập đến Tâm và Vật , hay Danh và Sắc, như những thực thể tối hậu, mà đề cập đến chúng, như chúng trải nghiệm . Tâm & Vật, Danh & sắc, là hình thái của kinh nghiệm nội chứng, không phải là thực chất .

Nghĩa là sự phân chia này theo tính cách hiện tượng . Tâm lý và Sinh lý là mối quan hệ bất khả phân, sắc pháp bao giờ cũng hiện hữu bên tâm pháp . Sắc uẩn bao gồm mọi yếu tố vật lý thân thể và môi trường sống, trong đó, những diễn biến tâm lý được biểu hiện .

Danh và Sắc sinh diệt tức thì và liên tục trong suốt hành trình miên viễn của dòng sông sự sống, chúng cứ xảy ra một cách “tự do” cho dù chúng ta có biết hay không biết, có muốn hay không muốn. Nó xảy ra không do bất kỳ một sự can thiệp nào từ tự nhiên hay siêu nhiên . VDP chủ trương Trung Đạo đệ nhất nghĩa đế . Từ đây, ta sẽ gọi chung là các Pháp (Dhamma) .

Khoa Tâm-sinh-ly học ngày nay khẳng định rằng , Cơ thể và Tinh thần là một khối thống nhất . Não bộ và các cơ quan nội tạng hoạt động trong một mối liên quan thống nhất . Các rối loạn của các cơ quan nội tạng sẽ dẫn đến rối loạn hệ nội tiết và cuối cùng, dẫn đến rối loạn tinh thần .

Như vậy, Phật giáo dạy ta một loại Tâm lý học **không có thần linh** . Và chúng sinh được cấu thành do 5 Uẩn : Sắc , Thọ , Tưởng , Hành, Thức :

“Không nên tưởng tượng rằng có một linh hồn hay một cái gì đó thường tồn trong danh và sắc. Tưởng như vậy là đi trên con đường lo âu và phiền não. Hãy nhận thức rằng tất cả đều là những hiện tượng vô thường và hãy cố gắng đạt cho kỳ được cái gì không biến đổi”

“Nhưng này Thiên tử, Như Lai tuyên bố rằng, không chấm dứt Dukkha thì không đi đến sự tận cùng của thế gian . Này Thiên tử, với tâm thân dài một trượng này, có Tưởng và Thức, Như Lai tuyên bố thế gian này tồn tại . Cũng vậy, nguồn gốc thế gian, sự đoạn tận của thế gian và con đường đưa đến sự đoạn tận của thế gian” – Đức Phật dạy .

Từ đây, chúng ta cảm nhận được một quan niệm khác , là Alaya Thức ; bởi vì, những gì làm cho ta xinh đẹp và hạnh phúc , cũng bí ẩn giống như những gì làm cho ta xấu xí và bất hạnh . Những gì làm cho vũ trụ này sinh thành cũng bí ẩn như những gì tạo nên sự hiện tồn của ta . Những gì làm cho ta già và chết , cũng bí ẩn như những gì làm cho ta sinh ra và lớn lên từ chỉ 1 tế bào vô cùng nhỏ

Nói khác đi, Alaya thức như là một “tiềm năng sinh học” , một “năng lượng sinh học” , nó cho phép chúng sinh học tập, sinh trưởng, phản ứng, sinh tồn, v....v. trong dòng sông sự sống miên viễn của dòng hữu phần . Những “tiềm năng” , “năng lượng” đó , như là một tổng hoà mọi “vốn gen”, mọi “tập khí quá khứ” liên quan đến chủng loài, cõi giới .

5.-Cảnh Giới : Theo cách phân chia trên, ta nhận thấy thế giới nằm trong 3 phạm trù sau :

- **Thế giới trong phạm vi các giác quan nhận thức (trần thế):** nghĩa là cái thế giới này bao gồm cả Danh lẫn Sắc . Và tùy theo xu hướng và bản năng sinh học , thế giới này lại có 2 tầng nấc :
 - Theo bản năng sinh học hoàn toàn , lệ thuộc các giác quan , được gọi là **Dục giới**
 - Theo sự hiểu biết và hành xử theo hướng hoán hảo tinh thần và tâm linh , làm chủ được các giác quan, gọi là **Sắc giới** .
- Thế giới ngoài phạm vi các giác quan , được gọi là Vô-sắc giới .

Abhidamma cho rằng có 31 cảnh giới, tạo thành cõi Ta Bà, trong đó, phạm nhân nương trú trong 26 cõi phàm ; và loài người có thể thấy được 2 cõi: Súc sinh và Người . Cõi Dục có 11 ; Cõi Sắc có 16 ; Cõi Vô-sắc có 4 :

Cõi Dục		Cõi Sắc giới		Cõi Vô sắc		
	Bốn cảnh Khổ		Sơ thiên	1	Giới (cõi)Vô biên xứ	
1		Địa ngục	1	Brahma Parasajjā	2	Thức Vô biên xứ
2		Nga Quỷ	2	Brahma Purohatā	3	Không vô biên xứ
3		Qui đói	3	Maha Brahma	4	Phi tướng phi phi tướng xứ
4		Súc sinh		Nhị thiên		
5	Cảnh giới NGƯỜI		4	Paritabhā		
	Cảnh giới Trời		5	Appamānābha Brahma		
6		Tứ Thiên Vương	6	Ābhassarā		
7		33 Thiên		Tam thiên		

8		Dạ Ma (Yāmā)	7		Paritta Subhā
9		Tusita	8		Appamānāsubhā
10		Nimmānarati	9		Subhā Kinhā
11		Paranimita-vasa-vatti		Tứ thiên	
			10		Vehapphalā
			11		Asannasattā
				Bất lai	
			12		Avihā Brahma
			13		Atappā Brahma
			14		Sudassā Brahma
			15		Sudassī Brahma
			16		Akanitthā Brahma

Những cõi trên cũng chỉ là những Danh Chế định, những ngôn ngữ qui ước, dùng để giải thích cái thực tại tối hậu. Chúng giải thích những tính chất, những trạng thái của các cấp độ hệ quả do hành vi, hoạt động của ta tạo ra; những cõi hạnh phúc và khổ đau khác nhau chỉ cho ta nhận thức được những hệ lụy khác nhau của những Quả Thiện và Quả Bất thiện.

Đến đây, chúng ta tạm thấy là : 3 giới (Dục, Sắc, Vô-sắc) chỉ là sự biểu hiện của Tâm thức và mọi pháp cũng thế : “*Tam giới duy Tâm; Vạn pháp duy Thức*”.

“*Pháp, là không nơi nào khác, ngoại trừ Tâm. Không có nơi nào khác để hành thiền là chính tự Tâm; không có một nơi nào khác để tuân thủ giới luật của một lời thệ nguyện; không có Pháp ở nơi nào khác mà nhờ đó giải thoát có thể được chứng ngộ*” (Tổ Huệ Năng)

*
* *

VDP đã cho ta thấy :

- Tất cả các hiện tượng mà ta nhận thức được – Pháp – là tương tức và tương nhập : tất cả các thành phần của vũ trụ này đều lệ thuộc nhau ; do cái này có, nên cái kia có ; vì cái này có, nên cái kia có ; từ cái này có, nên cái kia sinh ra .
- Tất cả thế giới, cõi giới, đều là sự phóng chiếu của tâm thức mọi chúng sinh . Thêm hay bớt đi một hoặc/và vài giác quan, thì thế giới và cõi giới của chúng sinh có liên quan tất yếu phải khác đi .
- Cái thực tại tuyệt đối tối hậu, do đó, là không thể nhận thức được – bất khả tư nghì .

Chúng ta tham khảo một số cứ liệu khoa học :

▣ *Quan niệm Đa Thế Giới (Đa Vũ Trụ) ; “ Có vô số thế giới, có vô số thực tại, tất cả đều có . Mỗi thế giới được xác định vừa là hiện hữu , thì lập tức sẽ sinh ra nhiều thế giới khác “*

▣ *Vũ trụ của chúng ta chỉ là một cái bong bóng nhỏ xíu treo trong khoảng bao la vô tận của một siêu vũ trụ lớn gấp cả chục triệu tỷ tỷ lần . Rồi đến lượt mình, cái bong bóng siêu vũ trụ này cũng mất hút giữa vô số những bong bóng siêu vũ trụ khác được tạo ra trong pha lạm phát , xuất phát từ những vùng vô cùng nhỏ của không gian và không có liên lạc gì với nhau*

▣ *Như vậy, khoảng 15 hằng số vật lý quyết định quang cảnh chung quanh chúng ta . Hệ thống thứ bậc tuyệt vời của các cấu trúc và khối lượng trong vũ trụ , từ nguyên tử nhỏ nhất cho tới đám thiên hà lớn nhất qua các thang nấc trung gian là con người , hành tinh, sao và thiên hà , đều*

phụ thuộc vào những con số này Nhưng điều kỳ lạ nhất, đó là cũng chính những hằng số vật lý này kết hợp với các điều kiện ban đầu của vũ trụ đã cho phép nảy nở sự sống cũng như sự xuất hiện của ý thức và trí tuệ. Chỉ cần thay đổi một chút các tham số hoặc các điều kiện ban đầu là vũ trụ sẽ hoàn toàn khác và chúng ta sẽ không tồn tại. Cái ngẫu nhiên của sự tiến hoá vũ trụ, theo những hằng số đã được xác lập sẵn này, có thể xem như những lựa chọn đã được quyết định là vật chất đã chứa trong nó những mầm mống của ý thức, và sự thai nghén của vũ trụ, sẽ dẫn tới tận chúng ta, mà không gì cưỡng nổi.

■ Trong Sinh giới, có vô số chủng loài sống trong vô số thế giới riêng biệt như: loài dơi chỉ sống về đêm. Những đêm hoàn toàn không trăng sao, con người không thấy gì, nhưng đó là thế giới của loài dơi, chúng “thấy” bằng “siêu âm”. Cũng như thế, con ong, thế giới nhìn thấy của chúng là “ánh sáng phân cực”; loài cá, là “thế giới nước”; con ếch là “sự chuyển động”, có vô vàn thế giới hiện tiền ngay hiện tại, chung quanh chúng ta, mà chúng ta không thấy, không biết, không liên lạc gì nhau.....

■ Không phải tự nhiên chỉ khu trú trong giới hạn Không-Thời-gian 4 chiều với 6 giác quan của loài người, mà tự nhiên còn có vô vàn chiều kích khác nhau, ngoài không-thời-gian 4 chiều và 6 giác quan này.....

■ Về mặt sinh học di truyền. Con người được sinh từ 2 quá trình phát triển: phát triển cá thể (ontogenesis) và phát triển giống loài (phylogenesis)

- Phát triển Cá Thể: từ một hợp tử (do tinh trùng của bố kết hợp với trứng của mẹ) sẽ phát triển thành phôi và thai nhi.....
- Phát triển Chủng loại: sự sống phát sinh khoảng 4 tỷ - 3,8 tỷ năm trước đây và tiến hoá qua các thời đại địa chất từ những cơ thể đơn bào đến các chủng loài sinh vật và tiến đến loài người hôm nay.

Hai quá trình trên có mối liên hệ mật thiết nhau: quá trình phát triển cá thể đã diễn lặp lại quá trình phát sinh chủng loại “Trong quá trình phát triển, các phôi thai đã lặp lại một cách ngắn gọn con đường tiến hoá của tổ tiên của mình đã trải qua”. Các giai đoạn đầu của sự phát triển phôi ở tất cả các động vật có xương sống, giống nhau một cách kỳ lạ: không dễ phân biệt được phôi của người với phôi của Lợn, gà, ếch, cá.)

■ Hệ gen của con người chứa hàm lượng ADN với khoảng 3 tỷ cặp Nucleotic, trong đó có chứa rất nhiều gen của các sinh vật bậc thấp như vi khuẩn, nấm, men, thực vật, động vật bậc thấp, thú, tinh tinh. ADN của con người chỉ khác với tinh tinh khoảng 1,6% mà thôi.

Gen- những nhân tố di truyền - các nhân tố di truyền này tồn tại thành cặp ở bố và mẹ, chúng sẽ phân ly và tái tổ hợp lại qua các thế hệ.....

Tập hợp tất cả các Gen-Alen được gọi là Kiểu Gen. Còn Kiểu hình là tập hợp tất cả Tính Trạng (hình thái & sinh lý) của cơ thể. Vì Gen qui định Tính Trạng của cơ thể, nên Kiểu Gen qui định Kiểu Hình của cơ thể

Gen qui định Tính Trạng của cơ thể: Gen → Protein → Trao đổi chất → Tính Trạng

Gen qui định Tính Sinh Sản của cơ thể.

Kiểu Gen (Genotype) là cái tổ tiên, ông bà, che mẹ di truyền cho ta qui định cái hình hài tâm sinh lý của ta ngày nay.

Kiểu hình (phenotype) là những cái ta có được trong cuộc sống trong những hoàn cảnh môi trường tự nhiên & xã hội cụ thể.

Ngoài ra còn có các Gen trong ADN ty thể, qui định tính di truyền ngoài nhân → di truyền theo Mẹ

Gen điều khiển sự biệt hoá tế bào , điều khiển các tế bào tự chuyên biệt hoá mà trở thành những bộ phận chức năng của cơ thể . Kể cả các giác quan.

■ *Qua diễn trình tiến hoá của cá thể, cơ cấu di truyền cá thể là một tổng hoà , tổng tương tác của các cơ cấu di truyền quần thể (cộng đồng), dân tộc , quốc gia, bộ tộc, dòng tộc và cả tất cả các nhân tố môi trường về vật chất & tinh thần (nếp sống, truyền thống, tập tục)... đã , đang và sẽ tạo ra bất tuyệt*

■ *Thành phần di truyền của bất kỳ quần thể một sinh vật nào được gọi là Vốn Gen (Genofund) của nó . Vốn gen của đời con sẽ hoàn toàn giống như vốn gen của đời bố mẹ . Sự tiến hoá của mỗi một dạng sinh vật đã xảy ra trong suốt nhiều thế hệ , trong thời gian đó, những cá thể riêng lẻ được sinh ra và chết đi, nhưng quần thể đó vẫn giữ được tính liên tục nào đó .*

(Những cứ liệu khoa học này chỉ dùng để tham khảo và suy tư , không nhằm mục đích để chứng minh điều gì)

Trước khi tiếp tục đi sâu vào VDP , chúng ta hãy làm một so sánh và suy tư giữa :

- *Một bên là Thực-tại-tuyệt-đối-tối-hậu và những Kinh-Nghiệm-cảm-giác-chủ-quan, những Khái-niệm-ký-ức-tích-tập, và*
- *Một bên là Danh và Sắc .*
- *Một bên là các Nội xír và các Ngoại Xír .*

Chương II – SẮC PHÁP NGHIÊN CỨU VỀ VẬT CHẤT

Trong Vật lý học hay trong nhận thức thế gian chế định , thì Vật chất và Năng lượng là 2 mặt của một hiện tượng . Vật chất trong Abhidamma không như thế, vật chất không những dùng để chỉ các phân tử vật chất hữu hình hay trạng thái cảm nhận được, mà nó còn hàm chứa tính tổng hợp hoà hài về trạng thái tính ẩn tàng trong vật chất nữa . Như một hòn sỏi, ngoài cái không gian mà thể tích nó chiếm , nó còn cho ta cái hình dạng , màu sắc , độ cứng , tỷ trọng , thành phần lý-hoá-tính , v... v, không thể có một hòn sỏi mà không có các đặc tính riêng biệt trên . Nghĩa là không thể nghĩ đến sự hiện hữu của một vật chất hay trạng thái mà không có đặc tính riêng biệt cho nó . Và hơn nữa, vật chất hay trạng thái luôn tương tác với môi trường chung quanh nên nó luôn biến đổi và hư hoại .

VDP gọi đó là **Sắc, Sắc-pháp** , chúng có tính cách biến đổi và hoại diệt không ngừng .

1.-Sắc pháp có 8 đặc tính :

- Pháp Vô-nhân hay Phi-nhân : không có 6 nhân tương ưng, như Tham , Sân , Si , Vô Tham, Vô Sân , Vô Si .
- Pháp Hữu duyên : vì chúng chỉ hiện hữu do các duyên là Nghiệp, Tâm, Âm Dương, Vật thực (sẽ nói sau) .
- Pháp Hữu lậu : vì là đối tượng của dục vọng giác quan .
- Pháp Hữu vi : vì bị chi phối bởi 4 nguyên nhân như duyên .
- Pháp Hiệp thể : vì chúng phụ thuộc vào 5 uẩn .
- Pháp Dục giới : vì chúng nằm trong phạm vi Dục giới .
- Pháp Vô cảnh , Phi Sở-duyên : vì chúng không tự nhận thức được đối tượng hay cảnh .
- Pháp Phi trừ, Phi Sở-đoạn : vì chúng không thể tuần tự đoạn diệt như các phiền não .

VDP nhìn nhận có 28 loại hiện tượng vật chất, gọi là Sắc-pháp (Rupa) . Sự hiện hữu vật chất (pháp) bao gồm :

1.1. Sắc Cơ bản : là loại hiện tượng vật chất chính , gọi là **4 Đại** : Đất, Nước, Gió, Lửa .

1.2. Còn lại 24 loại sắc-pháp là các loại phụ . Loại phụ tùy thuộc vào loại chính . 24 loại này được phân thành 2 nhóm : những yếu tố được trực tiếp và những yếu tố được gián tiếp tạo thành .

a. Những yếu tố được trực tiếp tạo thành : có 14 sắc

- i. Sắc Chủ thể : là 5 giác quan vật chất (sắc thân kinh) , gọi là 5 tịnh sắc **căn** . Cũng gọi là Nội Sắc . Sắc thân kinh chỉ là sắc pháp có khả năng cảm nhận những cảm xúc, chứ chúng không nhận biết điều gì , chúng có chức năng giống như các môn xuyên qua đó để biết cảnh. Sắc thân kinh chỉ biết qua ý môn mà thôi .
- ii. Sắc đối tượng : là 4 loại vật chất đối tượng của 4 Sắc chủ thể : sắc, thanh, hương, vị, xúc . *Thọ không được kể vào , bởi vì Thọ là yếu tố vi tế* . Còn gọi là 4 sắc **trần** cảnh (sắc cảnh sắc, sắc cảnh giới), cũng gọi là Hành-cảnh-sắc .
- iii. Sắc bản tính hay sắc giới tính : Nam và Nữ (Âm-Dương; tích cực-tiêu cực) , đối với chúng sinh, thì yếu tố này đến ngay vào lúc thọ thai. Sự quyết định giới tính này do Nghiệp lực . Còn gọi là Sắc Trạng thái, Sắc tính .
- iv. Sắc Tâm Sở y : là cơ cấu nền tảng tâm thức , *có thể hiểu là các tế bào thân kinh sống*, (sắc ý vật)

v. Sắc sinh khí : khả năng tạo sinh khí , gìn giữ sự sống cho tâm thức và thân xác . Còn gọi là sắc mạng quyền .

Hai sắc này , đôi khi còn được gọi chung là Thân Biểu và Khẩu Biểu

vi. Thực sắc , sắc vật thực : là đoàn thực , thực tổ , thức ăn .

b. Những yếu tố phụ được gián tiếp tạo thành : 10 sắc

- i. Sắc hư không , không gian , là khoảng không giữa 2 sắc pháp, còn gọi là “không giới” , là loại sắc pháp “không thực thể” , như là khoảng chân không giữa các nguyên tử .
- ii. Truyền thông : là yếu tố thông tin , xảy ra 17 lần nhanh hơn các yếu tố khác . Còn gọi là sắc tiêu biểu, sắc biểu tri .
 - 1.- Thuộc về Thân (thân biểu tri) ; 2.- Thuộc về Khẩu (Khẩu biểu tri)
- iii. Biến tổ, những yếu tố chuyển đổi, biến đổi được : những yếu tố này chịu trách nhiệm và biểu hiện cho sức khoẻ . Chúng được sinh ra từ tư tưởng Thiện , có tiết độ (giữ giới) và điều kiện khí hậu dễ chịu (y báo) . Còn gọi là sắc đặc biệt , vì diễn đạt sự đặc biệt của các sắc sinh khởi .
 - 1.- Nhẹ nhàng : sắc khinh ; 2.- Mềm dẻo : sắc nhu ; 3.- Thích ứng , sắc thích nghiệp .
- iv. Yếu tố giai đoạn , còn gọi là sắc tướng trạng , sắc tứ tướng : 1.- Khởi đầu , sắc sinh ; 2.- Sinh trưởng , Thành Trụ, sắc tiến ; 3.-Già , Sắc Lão ; 4.-Sắc Diệt (sắc vô thường)

2.- Theo VDP, 28 yếu tố mang ý nghĩa cụ thể như sau :

- 2.1. **Đất , Pathavī** : nguyên lý về mở rộng (*đất không biên giới*) , dẫn nở hay đề kháng (*đất chứa tất cả*) , có tính chất chiếm không gian ; rắn, mềm, nặng nhẹ; hoặc cảm thọ đau, dính, đung chạm... có ý nghĩa diễm dịch .
- 2.2. **Nước, Āpo** : nguyên lý về cô kết (*liên kết, kết dính, đàn dẻo*) , dính kết, lưu động
- 2.3. **Lửa, Tejo** : nguyên lý về nhiệt (*năng lượng*) hay là sinh khí, là sức sống . Cùng có nghĩa là sắc bén, thành thực, linh hoạt .
- 2.4. **Gió, Vāyo** : nguyên lý về chuyển động , tương phòng

Không có một đơn vị vật chất nào mà không chứa đủ 4 Đại này , chỉ khác nhau ở tỷ lệ . Yếu tố nào có tỷ lệ cao hơn 3 yếu tố kia, sẽ làm cho đối tượng mang đặc tính của yếu tố ấy . Ví dụ, con người có 27 yếu tố (nếu là Nam, thì không có Sắc tính Nữ ; và ngược lại) , do đó, **Ngũ Uẩn và đối tượng của chúng đều có nguồn từ tất cả 4 yếu tố này, dù ở trong hay ở ngoài , là sự đồng nhất tính trong toàn thể .**

Các Sắc khác liệt kê :

- | | | |
|-----------|--------------------------------|----------------------|
| 5. Mắt | 15. Giống đực | 22. Vui vẻ (hỷ) |
| 6. Tai | 16. Giống cái | 23. Mềm dẻo |
| 7. Mũi | 17. Sức sống | 24. Thích ứng |
| 8. Lưỡi | 18. Chất dinh dưỡng (vật thực) | 25. Sinh |
| 9. Thân | 19. Không gian, hạn giới sắc | 26. Trụ (Thời gian) |
| 10. Sắc | 20. Truyền thông bằng thể xác | 27. Hoại |
| 11. Thanh | 21. Truyền thông bằng lời | 28. Diệt (Vô thường) |
| 12. Hương | | |
| 13. Vị | | |
| 14. Xúc | | |

Với sự phân tích Sắc-pháp thành 28 yếu tố , đã làm ta suy gẫm về những hiện tượng vật lý vũ trụ

- Với 4 Đại, Đất làm ta suy gẫm đến toàn bộ cấu trúc vật lý địa cầu, bao gồm mọi thể loại của hoá học (bảng Mendeleev) , năng lượng và sinh giới . Đặc biệt trong sinh giới, ta có thể suy gẫm tiếp đến đơn vị Charbon, một nguyên tố chính tạo ra mọi dạng sống ; Đối với nước , H₂O (Hydrogenous , Oxigenous) , và Nitrogenous . Bốn nguyên tố này tạo thành đơn vị cơ bản của mọi dạng sống – CHON – và mọi yếu tố khác cần thiết cho sự sống (vi lượng và đa lượng, cũng như mọi dạng năng lượng khác) ; Đối với Lửa, năng lượng từ mặt trời làm tác nhân cho các chu trình (gió) vật chất và năng lượng trên trái đất; Đối với Gió , là toàn bộ sự chuyển động trong vũ trụ này .
- Cộng thêm 2 yếu tố , nhóm từ số 5 đến số 14 , là thành phần tạo nên Thức ; và yếu tố thứ 19 , là Không giới . Ta có 6 Đại : 4 Đại + Thức và Hư Không . Ta suy gẫm lại , Thức và sự sống trên hành tinh này, và mọi thứ đều nằm trong không gian 3 chiều , mà loài người nhận thức được .
- Nếu ta thêm vào nhóm 6 Đại này một yếu tố cuối cùng nữa, thứ 26, Trụ , tượng trưng cho thời gian tính, thì chúng ta suy gẫm đến sự sống của nhân loại nằm trong K không-Thời-Gian 4 chiều .

Có thể xếp loại như sau và so sánh lại với cách diễn dịch và định nghĩa nêu trên :

28 LOẠI SẮC PHÁP	12 loại Sắc Thô	1.-Đất	<i>Làm thành Cảnh Xúc</i>	Lộ Ngũ Môn chỉ nhận 7 loại sắc này làm Cảnh	
		2.-Lửa			
		3.-Gió			
		4.-Sắc			
		5.-Thanh			
		6.-Hương			
		7.-Vị			
		8.-Sắc thần kinh Nhân			Lộ Ý Môn nhận bất tất cả cảnh còn lại này
		9.-Sắc thần kinh Nhĩ			
		10.-Sắc thần kinh Tỷ			
		11.-Sắc thần kinh Thiệt			
		12.-Sắc thần kinh Thân			
	13.-Nước				
	14.-Nam				
	15.-Nữ				
	16.-Thân				
	17.-Khẩu				
	18.-Khinh				
	19.-Nhu				
	20.-Thích				
	21.-Sinh				
	22.-Tiến				
	23.-Dị				
	24.-Diệt				
	25.-Ý vật				
	26.-Mạng quyền				
	27.-Vật thực				
	28.-Hư không				

Điều quan trọng phải ghi tâm rằng, khi chúng ta nói về Tứ đại, thì đó là **nói về 4 đặc tính giác quan** của chúng, **những đặc tính giác quan mà nó đưa chúng ta đến cái kinh nghiệm về vật chất** . Nếu không tác ý đến và không Tâm Niệm đúng, thì chúng ta không thể nào hiểu đúng được VDP .

Điều ghi tâm trên (tâm niệm) mang ý nghĩa là, chúng ta nói đến **cách đối xử hoàn toàn có ý thức về vật chất** , trong đó , **những đặc tính giác quan** hành hoạt như là những **đặc tính**

quyết định của vật chất . Chính những **đặc tính giác quan cấu thành thực tế căn bản** .

Ví dụ,

a) **Cái bàn** , những đặc tính giác quan của ta về cái bàn, đã sinh khởi nên cái kinh nghiệm về vật chất, và đã cấu thành cái ta gọi là “cái bàn” . Vậy **Cái Bàn là thực tế qui ước**; và **những đặc tính giác quan là những thực tế căn bản** .

b) **Cá nhân**, Tâm và Thân khác nhau một chút: Tâm mềm dẻo và thay đổi nhiều hơn Thân . Có một sự căng thẳng giữa Tâm và Thân, do việc Thân là dạng hình hài vật chất của Nghiệp quá khứ , và vì đặc tính đề kháng của Thân, nó đáp ứng chậm với những hành động ý chí hơn là Tâm rất nhiều .

Thân Thể vừa là sản phẩm của Thức quá khứ, vừa là cơ sở của Thức hiện tại. Một số hoạt động của Thân có thể được kiểm soát bởi Tâm, một số khác thì hoạt động tự động. Ứng phó với cuộc sống hàng ngày bằng một hỗn hợp Thân & Tâm.

Tâm trọng trung cho nguyên lý năng động; Thân trọng trung cho nguyên lý đề kháng. Vì thế, về một ý nghĩa nào đó, Thân là một chướng ngại cản trở sự phát triển tinh thần, nhưng Thân cũng là một phương tiện tuyệt vời để đưa Tâm đến giải thoát.

Quan điểm trên, chứa một ngụ ý quan trọng: trong chùng mực mà chúng ta đã có quan điểm hoàn toàn hiện tượng và kinh nghiệm về thực tế (luôn có chánh niệm, chánh tư duy), câu hỏi về thế giới “bên ngoài” sẽ không nảy sinh. Bởi vì một thực tế hiện hữu ở đâu đó “ngoài kia” đã vượt quá giới hạn kinh nghiệm của 6 giác quan chúng ta.

3.- Sự kết hợp giữa các Sắc: vật chất không bao giờ chỉ là một đơn thể tối hậu và tuyệt đối. Sắc pháp không bao giờ sinh khởi hay phát sinh riêng lẻ, chúng thường kết hợp nhau thành nhóm, gọi là “bọn” hay “đoàn” để tạo nên các sắc pháp:

- 4 sắc cơ bản + 14 sắc được trực tiếp tạo thành = 18 sắc được gọi chung là sắc sinh khởi, vì chúng có khả năng tạo ra những sắc khác. Còn gọi là **sắc rõ**.
- 5 sắc thần kinh, là **Sắc Nội**
- 23 sắc còn lại là **Sắc Ngoại**.
- **Sắc Hữu vật hay Sở Y sắc**, là sắc thần kinh + Sắc Ý vật, là 6 sắc
- 22 sắc còn lại là **Phi Sở-y-sắc**
- **Sắc Môn**, là loại sắc làm nhân hay làm dịp cho tâm khách sinh khởi, gồm sắc thần kinh + Sắc Biểu tri.
- Sắc thần kinh làm nhân sinh cho lộ 5 môn, nên gọi là sinh-môn. Hai sắc Biểu tri là Thân Môn và Khẩu Môn.
- 21 sắc còn lại là **Phi Môn sắc**.
- Sắc Quyền, Căn sắc: 8 sắc, có nhiệm vụ hạn chế trong phạm vi quyền lực và bổn phận của chúng, gồm: 5 sắc thần kinh + 2 sắc trạng thái + Sắc Mạng quyền
- 20 sắc còn lại gọi là **Sắc Phi-quyền hay Phi-căn sắc**.
- **Sắc thô**, Sắc Gằn, Cận sắc, Sắc Chạm nhau, Hữu Đối sắc: 12 sắc, gồm: 5 sắc thần kinh + 7 sắc cảnh giới.
- 16 sắc còn lại là **Sắc Tế**, Sắc Xa (Viễn sắc), Sắc không chạm (phi Hữu-đối sắc).
- **Sắc Thủ**, Hữu Chấp Thọ sắc, gồm 18 sắc pháp do Sắc Nghiệp sinh, do Tham ái và Tà kiến chấp thọ chi phối.
- 10 sắc còn lại là **Sắc Phi Thủ**
- **Sắc Hữu-kiến**, sắc nhập, chỉ có 1 sắc trong các Sắc cảnh giới làm đối tượng cho 1 loại sắc trong 5 sắc thần kinh.
- 27 sắc còn lại là **Sắc phi hữu-kiến**.
- **Sắc Thu cảnh, Thủ Cảnh sắc** là 5 Sắc thần kinh thu bắt sắc cảnh giới.
- 23 sắc còn lại gọi là **Bất Thủ Cảnh sắc**.
- **Sắc Bất Ly**, Bất Giãn-biệt sắc, gồm 8 sắc: 4 đại + 4 phụ thuộc (Sắc, Khí, Vị, Vật thực). Là loại sắc cơ bản nhất, có mặt trong tất cả các sắc pháp.

Sự kết hợp giữa các Sắc, nói như nghĩa chế định thế gian, như là một “tập hợp” của các “điều kiện” và “nhân tố”, để khởi sinh một hiện tượng (pháp).

4.-Sự sinh khởi của sắc thể : yếu tố vật chất chỉ xảy ra theo từng tập hợp gọi là rupā-kalapas . Kalapa có thể hiểu như là những hạt hạ nguyên tử cơ bản nhất vô cùng nhỏ, với tốc độ sinh diệt biến chuyển vô cùng lớn .

Hiện tượng vật chất – Sắc pháp – khởi lên do 4 nhân : Nghiệp ; Tâm thức ; Nhiệt năng lượng ; Chất dinh dưỡng (trao đổi chất) .

- a) **Sắc Nghiệp :** là **Sắc do Nghiệp tạo** . Nghiệp ở đây có nghĩa là từ vô thi và cùng được tạo ra trong thời thường nhật của cuộc sống , là do Nghiệp sinh (so Tâm sở Tư – Cetana – tạo thành) , là sự chuyên hoá luân lưu của các hành động Thiện hay Bất thiện trong quá khứ, để tạo ra tâm Quả và Sắc nghiệp . Nghiệp được tạo ra này cũng góp phần làm biến đổi hay thay thế một số sắc nghiệp cũ .
Nghiệp tạo ra 9 loại sắc bao gồm : 6 sắc vật nương (5 sắc thân kinh + sắc ý vật) + 2 sắc tính (Âm dương) + sắc mạng quyền .
Và Nghiệp cũng tạo ra : 8 sắc bất ly + 1 sắc hư không .
Tất cả có 18 sắc pháp do Nghiệp tạo .
- b) **Sắc Tâm** , là **sắc do tâm tạo** . Tuy Tâm không phải sắc pháp, nhưng tâm có thể tạo ra sắc pháp . Thức và các tâm sở tồn tại từ vô thi . Tâm tạo ra 2 sắc biểu tri : Thân và Khẩu biểu tri . Nghĩa là sắc sinh khởi do nhân của tâm tạo, thì gọi là sắc tâm . Bởi vì Tâm, mặc dù không phải là sắc, nhưng chúng có khả năng tạo ra sắc . Tất cả có 75 tâm hay 107 tâm sinh ra từ sắc tâm (trừ 5 song thức + 4 tâm quả Vô sắc giới) .
Sắc tâm tạo ra 15 Sắc pháp : 8 Bất ly + sắc Thinh + Hư không + 3 Sắc đặc biệt + 2 Biểu tri . Một ví dụ sơ bộ để diễn tả Sắc tâm này : một trạng thái tâm lý tư tưởng như tỏ tình , các tâm chi phối thành hành động ve vãn (thân biểu tri) ; các tâm điều khiển lời nói tỏ tình (Khẩu biểu tri) ; khi hành vi được thành tựu thoả mãn , là có sự tham gia của các tâm khác chi phối tiếp theo (3 sắc đặc biệt) ; tất cả hành vi được điều hợp do nhiều tâm sinh diệt liên tục để hoàn mãn toàn bộ (tất cả 15 sắc pháp) .

Sắc Nghiệp và Sắc Tâm cũng có thể hiểu như là sự di truyền theo chủng loài, theo nhóm, theo cá thể , gồm tất cả Di truyền hình thái học và Di truyền tập tính sinh học , và mọi huân tập của các tập tính sinh-tâm-lý , tập tính văn hoá-xã hội

- c) **Sắc Nhiệt** năng lượng , Thời tiết : là nóng và lạnh , thuộc hoả giới . Có thể hiểu như là môi trường tự nhiên , sự biến đổi của tự nhiên hay Sinh giới, sinh quyển . Thời tiết và Tâm cùng tạo ra Sắc cảnh Thinh (thuộc âm thanh) .
Sắc Nhiệt tạo ra 13 sắc pháp : 8 bất ly + sắc thinh + Hư không + 3 Đặc biệt .
- d) **Sắc Vật thực** : Thức ăn . Có thể hiểu như là sự trao đổi chất và chuỗi thức ăn trong sinh quyển . Vật thực , Thời tiết cùng tâm tạo ra các sắc Khinh, Nhu và Thích .
Sắc vật thực tạo ra 11 sắc pháp : 8 Bất ly + 3 Đặc biệt .

Có 11 sắc pháp cùng do cả 4 yếu tố trên tạo : 4 Đại + 3 sắc cảnh (sắc, mùi, vị) + sắc thực vật + sắc hư không + sắc sinh + sắc tiến (sinh trưởng) . 11 sắc pháp này luôn luôn gắn liền một cách riêng lẽ với các sắc khác (do 1 hay 2 hay 4 yếu tố tạo, đã nói trên) , tạo ra các nhóm 8 hay 9 hay 10 sắc.....được gọi là **“đoàn sắc , bộn sắc”** ta tạm hiểu như là một **“tập hợp”** các vật chất khác nhau .

Có một đoàn sắc gọi là **“đoàn sắc bất ly”** là : 4 Đại + sắc + mùi + vị + Vật thực , trong đó, tuy có các sắc như sắc hư không, sắc sinh, sắc tiến, nhưng 3 sắc này chỉ nhất thời và luôn thay đổi, không cố định

Nhân tố tạo ra Sắc pháp :

- Sắc Tứ tướng : không do nhân tố nào tạo ra chúng, chúng là tánh tự nhiên của đời sống .
- Sắc 1 nhân : chỉ do 1 nhân tố tạo ra, gồm Sắc Nghiệp và Sắc tâm .
- Sắc 2 nhân : do 2 nhân tố tạo ra, gồm Sắc Thanh và Sắc Giới Tính
- Sắc 3 nhân : do 3 nhân tố tạo (Tâm, Giới tính, Vật thực) , gồm 3 Sắc Đặc biệt
- Sắc 4 nhân : do 4 nhân tố tạo (Nghiệp, Tâm, Giới tính, Vật thực) , gồm 9 sắc = 8 bất ly + hư không .

Có 3 đoàn sắc do nghiệp tạo, bao gồm các sắc :

- Đoàn sắc thần kinh thân : 8 sắc bất ly + sắc mạng quyền + sắc thần kinh thân = 10 sắc . (Đoàn Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân)
- Đoàn sắc tính : 8 sắc bất ly + sắc mạng quyền + sắc tính = 10 sắc (Đoàn Nam, Nữ) .
- Đoàn sắc ý vật : 8 sắc bất ly + sắc mạng quyền + sắc ý vật = 10 sắc .
- **Ngoài ra, còn có Đoàn Sắc Mạng Quyền : 8 sắc bất ly + sắc mạng quyền = 9 sắc .**

Khi Sắc-nghiệp tục sinh sinh khởi, thì có sắc tính theo phù trợ và sắc tâm sinh tiếp theo sắc tính . Riêng có 3 sắc không do nhân (yếu tố) nào tạo cả : sắc hư không , sắc dị và sắc diệt .

Có 2 nhóm đoàn sắc do tâm tạo, bao gồm các sắc :

- Nhóm gốc :
 - Đoàn Bát thuần : 8 sắc bất ly
 - Đoàn Thính cửu : 8 bất ly + cảnh Thính
 - 2 Đoàn Biểu tri : 8 bất ly + 1 sắc biểu tri (Thân hoặc Khẩu)
- Nhóm ngọn :
 - Đoàn Đặc biệt : 11 sắc : 8 bất ly + 3 Đặc biệt
 - 3 Đoàn (Thính hay Thân hay Khẩu) đặc biệt – gọi tắt là Biệt Phần : 12 sắc : 8 bất ly + 3 Đặc biệt + (hoặc là Cảnh Thính , hoặc là Thân biểu tri, hoặc Khẩu biểu tri)

Riêng Sắc Nhiệt và Sắc Vật thực tạo ra mỗi sắc là 2 nhóm , bao gồm các sắc :

- Nhóm gốc :
 - Nhiệt Bát thuần : 8 bất ly
 - Đoàn Thính cửu : 9 sắc : 8 bất ly + Cảnh Thính
- Nhóm ngọn :
 - Đặc biệt : 11 sắc : 8 bất ly + 3 đặc biệt
 - Đoàn Thính đặc biệt : 12 sắc : 8 bất ly + cảnh thính + 3 đặc biệt

Trong Ngũ Song Thức, các sắc thần kinh (pasada-rupas) là những Vật, nhưng nó thực hiện cả 2 chức năng như là Vật và như là Môn, nhưng 2 chức năng này lại hoàn toàn khác nhau. “Môn” là cửa ngõ, là đường vào , chỉ những phương tiện qua đó, tâm cảm nghiệm được Cảnh; và Vật là cơ sở vật chất , sinh-vật-ly , đối với tâm , cơ sở nền tảng làm tâm sinh khởi .

Trường hợp những tâm sinh khởi trong Ý-môn lộ trình tâm, thì Vật là Ý-Vật . Ý vật là tâm và sở hữu đi kèm với nó .

5.- Nhận xét chung về các Đoàn sắc : Xem bảng đính kèm :

Trong Tâm-Sinh-ly học ngày nay , cũng khẳng định rằng , trạng thái tinh thần phát sinh từ rất nhiều yếu tố , như thể lực , giới tính, tuổi tác, đặc điểm tinh thần , môi trường ngoại cảnh ...cho ta một liên tưởng đến những phân loại về Sắc pháp và sự bất khả phân ly của Danh và Sắc .

i) Trước hết, Sắc Bất Ly nổi trội hơn hết, vì nó là tất yếu . Tập hợp này gồm có phần vật chất và năng lượng (4 Đại) , phù hợp với cơ cấu vật chất của toàn bộ hệ sinh quyền Trái đất , theo quan

điểm sinh học hiện đại . Kế tiếp, là Sắc vật thực , nói lên sự trao đổi chất trong tồn tại sinh học , nếu chúng ta liên tưởng đến “tháp thức ăn” trong sinh quyển, thì phạm trù này mang một tính triết lý rất cao . Hai sắc Thanh và Hương, là những điều kiện trọng yếu cho việc sinh tồn , biến dưỡng . Sở dĩ không có sắc Xúc, là vì Đất, Lửa, Gió đã tạo thành cảnh Xúc . Cuối cùng, là 1 sắc bất kỳ trong các sắc còn lại . Như vậy, ta thấy 8 sắc này, đã tạo nên cơ sở nền tảng cho bất kỳ một sinh thể nào trong hệ sinh quyển của chúng ta .

ii) Các tập hợp còn lại, chỉ để diễn dịch vô vàn sự khác biệt của chính Ngũ Uẩn , sắc pháp và cả trong hệ sinh quyển này .

iii) Sắc pháp chỉ phát sinh khi có điều kiện thuận lợi, chúng là pháp hành (sankhara-dhamma)

“...do duyên khác nhau của Nghiệp,

- *phát sinh sự khác nhau của định nghiệp của chúng sinh như các loài với hình tướng khác nhau .*
- *phát sinh sự khác nhau trong kiếp sống của chúng sinh như giàu nghèo, thiện bất thiện, hạnh phúc khổ đau*
- *phát sinh sự khác nhau những đặc tính cá biệt của chúng sinh như đẹp xấu, sanh hèn, khoẻ mạnh hay đau yếu*
- *phát sinh sự khác nhau của chúng sinh trong thế gian này như được còn lợi danh , thị phi danh vọng...” (Pháp tụ)*

“Do nghiệp thế gian vận hành, do Nghiệp nhân loại tồn tại, và do Nghiệp chúng sinh bị dính mắc như trục xe lăn theo bánh xe...”

Thực sự ra , Phật giáo không nhắm đến vấn đề giải thích nguyên nhân hình thành vũ trụ và tương lai của nó , Phật giáo chỉ có một mục đích duy nhất mà thôi : giải thoát :

“...cũng như nước trong mọi đại dương đều có một vị mặn ; giáo pháp của ta như thế , chỉ có một vị mà thôi : vị giải thoát...” .

Do đó , những gì Sắc pháp đề cập , là sự giải thích một cách triết lý trong cách nhìn nhận thế giới mà con người nhận thức được . Qua cách lý giải như vậy, nhằm làm các Phật tử thời bấy giờ , thoát ra khỏi sự “nghi ngờ” về vũ trụ , và cho thấy rằng “hiện tượng giới” chỉ là trống rỗng, vô thường, vô ngã .

■ *Một trong những khái quát chủ yếu của sinh học hiện đại là : “tất cả các hiện tượng của sự sống đều tuân theo các định luật vật lý và hoá học “*

■ *Một trong những thuộc tính cơ bản đặc trưng cho tất cả cơ thể sống, là chúng đều được trao một dự định mà chúng vừa thể hiện trong cấu trúc , vừa thực hiện bằng những hiệu năng của mình (sự và lành các vết thương, sự đâm chồi các thực vật, sự tạo chi mới của kỳ nhông, sự tạo cơ thể mới của giun,đĩa, thủy tức , v....v)*

■ *.....làm thế nào mà một tập hợp những phân tử vốn chỉ cảm nhận được hành động của những phân tử gần kề, mà lại có thể biết tự tổ chức để tạo thành một cơ thể sống , có khả năng liên kết trên những khoảng cách lớn hơn rất nhiều so với khoảng cách giữa các phân tử ?*

■ *Làm thế nào mà một bào thai có thể phát triển từ một tế bào duy nhất được thụ tinh , hình thành nên một cơ thể sống cực kỳ phức tạp trong đó, mỗi bộ phận đều có một chức năng riêng ?*(tham khảo sự biệt hoá tế bào , theo thời gian & theo không gian . Theo thời gian là có một số gen có thời điểm hoạt hoá) Đây là một bí mật của hệ thống Gen-Alen , hệ thống qui định Kiểu hình và mãi mãi vẫn là một bí mật của sự sống .

(Những cứ liệu khoa học này chỉ dùng để tham khảo , không nhằm mục đích để chứng minh giáo lý)

Bảng Tổng hợp phân nhóm và kết hợp các Đoàn Sắc (Bọn sắc)

Số	Sắc pháp	Phân nhóm					Sắc Thô	Sắc tế	Bất Ly	Sắc Thân kinh Thân	Sắc Tính	Sắc ý vật	Sắc Mạng quyền	Bất Thuần	Thỉnh Cửu	Biểu tri	Đặc Biệt	Biệt phân									
		Sắc Ngoại	Phi Sở-Y sắc	Phi Môn-sắc	Phi Căn-sắc	Sắc Thô																					
1	Đất	Sắc rõ Sắc sinh khởi	Sắc Ngoại	Phi Sở-Y sắc	Phi Môn-sắc	Phi Căn-sắc	Sắc Thô	Sắc Bất Ly	Sắc Thân kinh Thân	Sắc Tính	Sắc ý vật	Sắc Mạng quyền	Bất Thuần	Thỉnh Cửu	Biểu tri	Đặc Biệt	Biệt phân										
2	Nước						Sắc tế																				
3	Lửa						Sắc Thô																				
4	Gió						Sắc Thô																				
5	Mắt		Sắc Nội	Sở Y sắc	Sắc Môn	Sắc Quyền	Sắc Thô	Sắc Thô										Sắc Bất Ly	Sắc Thân kinh Thân	Sắc Tính	Sắc ý vật	Sắc Mạng quyền	Bất Thuần	Thỉnh Cửu	Biểu tri	Đặc Biệt	Biệt phân
6	Tai																										
7	Mũi																										
8	Lưỡi																										
9	Thân		Sắc rỗng	Phi Sở-Y sắc	Phi Môn-sắc	Phi Căn-sắc	Sắc tế	Sắc Thô										Sắc Bất Ly	Sắc Thân kinh Thân	Sắc Tính	Sắc ý vật	Sắc Mạng quyền	Bất Thuần	Thỉnh Cửu	Biểu tri	Đặc Biệt	Biệt phân
10	Sắc ý																										
11	Thanh																										
12	Hương																										
13	Vị		Sắc Ngoại	Phi Sở-Y sắc	Phi Môn-sắc	Phi Căn-sắc	Sắc Thô	Sắc Thô										Sắc Bất Ly	Sắc Thân kinh Thân	Sắc Tính	Sắc ý vật	Sắc Mạng quyền	Bất Thuần	Thỉnh Cửu	Biểu tri	Đặc Biệt	Biệt phân
14	Xúc																										
15	Nam																										
16	Nữ																										
17	Mạng quyền	Sắc rỗng	Phi Sở-Y sắc	Phi Môn-sắc	Phi Căn-sắc	Sắc tế	Sắc Thô	Sắc Bất Ly	Sắc Thân kinh Thân	Sắc Tính	Sắc ý vật	Sắc Mạng quyền	Bất Thuần	Thỉnh Cửu	Biểu tri	Đặc Biệt	Biệt phân										
18	Vật thực																										
19	Hư không																										
20	Thân biểu																										
21	Khâu biểu																										
22	Hỷ																										
23	Nhu																										
24	Thích																										
25	Sinh																										
26	Trụ																										
27	Hoại																										
28	Diệt																										

Ghi chú : Đoàn Bất Ly trong bảng chỉ có 7 sắc, còn 1 sắc là 1 trong các sắc còn lại .

6.-Trở lại VDP, vật chất bao gồm phạm trù : **Khái Niệm và Thực tại** . Và VDP có nhiệm vụ giải quyết 4 thực tại chủ yếu :

		Đối tượng		
1	Thức trong phạm vi giác quan ; Thức hướng vào thế giới của ham thích cảm giác (Kama-vachara)	Thuộc về Trần cảnh và liên quan đến thế giới của những sự vật có điều kiện (Tâm Hiệp Thế)	Vật chất và bị giới hạn	Cõi Dục, Tâm Dục giới
2	Thức hướng vào cõi Sắc (Rupa-vachara)		Không phải là vật chất, nhưng vẫn bị giới hạn	Cõi Sắc
3	Thức hướng vào cõi Vô sắc (Arupa-vachara)		Không phải là vật chất, và không bị giới hạn	Cõi Vô-sắc
4	Thức hướng vào Niết bàn (Lokuttara)	Thức Siêu trần, thức của 4 quả (Tâm Siêu Thế)	Siêu trần	

Các Thực tại được thể hiện bằng những Khái Niệm (Danh Xưng) . Có những Khái niệm mà chúng đã được khắc sâu vào trong tâm ta, đến nỗi ta không còn nghi ngờ gì về chúng nữa , như :

- *Khái niệm về nơi chốn, quê hương, quốc gia , dân tộc ...Trên trái đất , không có đường biên giới , nhưng Tâm ta đã vẽ nên những đường biên giới . Ta chỉ là loài hữu tình, nhưng ta nhận là Người, dân tộc, v...v*
- *Khái niệm về thời gian tâm lý cũng thế, ý niệm về quá khứ, hiện tại, tương lai đã vẽ nên thời gian tâm lý . Thực tế, thời gian tâm lý của ta chỉ là những kinh nghiệm cảm giác chủ quan tích tập được mà thôi . Không có nó , ta sẽ không có thời gian tâm lý . Ví dụ này sẽ được minh hoạ thêm trong dòng hữu phân .*
- *Khái niệm về Nam/Nữ cũng thế, chúng chỉ là những tiến trình Danh-Sắc, sự sai biệt thuộc hiện tượng giới .*
- *Cái sàn nhà, chỉ là một ý niệm, một khái niệm, một danh xưng ; sự thật , cái mà ta kinh nghiệm được là cảm giác cứng hay mềm, lạnh hay không lạnh, nóng hay mát , hoặc là màu sắc , tướng trạng khi ta nhìn thấy nó . Và tương tự như thế, đối với tất cả hiện tượng giới này, đều có thể được kinh nghiệm cảm giác như vậy . Những kinh nghiệm cảm giác như thế, biến thành Khái Niệm (danh xưng) và thế giới có thể được kinh nghiệm qua những khái niệm ấy . Đó còn được gọi là “tâm phân biệt” .*
- **Trong tất cả những khái niệm và kinh nghiệm, cái khái niệm sâu sắc nhất cho đến nỗi nó được đồng hoá với Danh-sắc, là cái “Ngã” . Nói cách khác, chỉ là những kinh-nghiệm-cảm-giác-chủ-quan , những khái-niệm được ráp nối lại với nhau , mà ta gọi nó là “cái tôi” , cái “tự ngã” . Không có khái niệm và kinh nghiệm, chẳng có cái gì là cái “tôi” hay cái “tự ngã” cả . Sự đồng hoá này, còn được gọi là “ngã mạn” hay “tà kiến” . Chính sự tự đồng hoá này, mà sinh khởi ra **3 điên đảo (vipallāsa)** và tiếp tục tiến trình tự đồng hoá thành **3 vọng tưởng (mannana)** .**

Từ chỗ này, ta liên tưởng đến sự hoà hiệp giữa 2 tiến trình :

i) Tiến trình “tự đồng hoá” giữa Thân và Tâm ; giữa Tâm và mọi “Kinh nghiệm giác quan & mọi Khái Niệm” .

ii) Tiến trình “phóng chiếu” , “bành trướng” cái “vừa được đồng hoá” đó .

Hai Tiến trình trên tương ứng hoà hiệp nhau . Phải chăng, đó là sự hình thành nên cái “Mạt na thức – Manas “ ?

- *Vi tế hơn, chúng ta luôn cảnh giác rằng : khi suy nghĩ, là ta đã tự đồng hoá, vì suy nghĩ làm ta có cảm nhận rằng TA đang suy nghĩ (tôi tư duy, là tôi hiện hữu!) . Bởi vì sự suy nghĩ sẽ kết nối các Khái niệm, các Kinh nghiệm lại với nhau. Do vậy, ta phải duy trì chánh niệm trên sự suy nghĩ , và phải hành Thiền, để cắt đứt suy nghĩ, cắt đứt tạm thời sự kết nối này .*

Xét 3 thực tại có điều kiện 1 , 2 , 3 tại phần này , chúng ta có thể nghiên cứu 5 uẩn thuộc sự sống tâm- vật- lý .

Trở lại sự quan hệ giữa chủ thể và khách thể, tâm và vật . Hai hệ thống này có thể được tinh giản thành :

- Thành phần chủ quan , hay tinh thần . Một mặt, chúng ta có “tâm” và “trạng thái tinh thần” (Tâm Vương và Tâm sở) . Có thể được gọi là “hình thái kinh nghiệm chủ quan”
- Thành phần khách quan hay vật chất . Mặt khác, ta có đối tượng : sắc hay vật chất . Cũng có thể gọi là “hình thái kinh nghiệm khách quan” .

Ví dụ : Tứ Đại , là những đặc tính của vật hơn là bản chất của vật .

Như vậy, Sắc, sắc-pháp dùng trong VDP để chỉ tất cả vật chất và năng lượng ; tất cả mọi hiện tượng mà con người có thể quan sát được, đo đếm được, theo dõi được .

Trong Phật giáo, vật chất chỉ quan trọng trong chừng mực nào đó mà thôi . Nó chỉ là đối tượng của kinh nghiệm, ảnh hưởng đến bản chất tâm lý của chúng ta . Như vậy, sự tách biệt giữa thân và tâm trong Phật giáo, chỉ đơn giản có hình thức kinh nghiệm chủ quan và khách quan .

Cuối cùng, Abhidamma phân tích Sắc pháp – vật chất – như là những hiện tượng luôn biến đổi và luôn sinh diệt ; chứ không có cái gì là vật chất cả , không có cái gì gọi là Ngã, là Nhân, là Chúng sinh ,hay Thọ mạng cả . Bất kỳ trạng thái, tính chất , hiện nào , cũng không phải là chúng sinh hay sự vật .

Điều này làm ta liên tưởng đến lời phát biểu của Richard Feynman, nhà khoa học Nobel : “ Điện tử không phải là một vật thể, nó là một mô hình giả thiết, chỉ có năng lượng , và năng lượng đó luôn luôn biến đổi” .

Những gì không phải là Sắc- pháp, những gì không thuộc Sắc-pháp, VDP gộp chúng lại là Danh-pháp : là Tâm , và Sở hữu tâm .

Chương III – TÂM PHÂN TÍCH VỀ BẢN CHẤT TINH THẦN

Trong hệ thống Tâm lý học phương Tây, các nhà Tâm lý đưa ra các khái niệm Vô thức, Tiềm thức, Hữu thức để nói lên cái bản chất, cái bản năng chi phối mọi hành vi tư tưởng của con người. Bảng so sánh sơ lược dưới đây để minh họa các khái niệm đó :

TÂM LÝ HỌC CỔ ĐIỂN

Y Thức (conscient)	Tình trạng hữu thức
Tiềm Thức (Sub-Conscient)	Những ý thức ngủ yên, chi phối ý thức
Vô Thức (In-conscient)	Cái không biết, thuộc về bẩm sinh, do di truyền từ dòng họ

PHÂN TÂM HỌC FREUD

Y Thức (conscient)	Tình trạng hữu thức
Tiền Ý Thức (Pre-conscient)	Là khu vực chứa những cái đã có trong vô thức, nhưng đã ra khỏi vô thức nhưng chưa thành Hữu thức, nhưng đồng thời không còn là vô thức nữa
Vô Thức (In-conscient)	1.- Cái không biết, thuộc về bẩm sinh, do di truyền từ dòng họ 2.- Những biến cố, kỷ niệm, quá trình đã trải qua, những tình cảm phát sinh sau những biến cố, những ước muốn chưa đạt được, nói chung là những dồn nén. 3.-Cái “Vô Thức bị dồn nén” : phát sinh từ trong một bộ phận di sản loại ấy của tổ tiên

TÂM LÝ HỌC VỀ NGÃ CỦA FREUD

Phân loại	Tên Ngã	Tính chất	Tính chất
Y thức (hữu thức)	Bản Ngã (Ego)	Hữu thức	Hữu thức
Vô thức	Phi Ngã – Tự Ngã (Id)	Là những con người chưa thực sự thành nhân, hay là những phần trong nhân cách biểu thị một lối sống tự nhiên, một bản năng tự phát. Có thể tương ứng với một sự hoạt động mù quáng của cái vô thức thuần túy	Phạm vi là phần nhân cách tôi tớ và không thể đi đến được của chúng ta. Là nơi trú ngụ các bản năng nguyên thủy và các xúc cảm đi ngược lên đến cái quá khứ xa xưa khi mà con người còn là một con thú. Do có tính chất Thú, nên bản chất của nó là thuộc về Dục tính (libido), nó vốn vô thức. Nó không biết đến Thiện Ác và cả Đạo đức.
Siêu thức	Siêu Ngã (Superego)	Là những người có những tố chất đặc biệt khiến cho họ không bao giờ phạm phải những sai lầm kể cả những lầm lỗi nảy sinh trong suy nghĩ. Họ được hướng dẫn bởi một sức mạnh nội tâm lành mạnh và một lương tâm trong sáng	

Trong Phật giáo, từ ngữ Citta (Tâm) , Vinnana (Thức) và Mano (Ý) được dùng để diễn tả những trạng thái tinh thần , những xu hướng tư tưởng con người , qua những thuật ngữ được dùng thay đổi trong rất nhiều trường hợp :

Citta - Tâm	Mano – Ý	Vinnana – Thức
<i>Do có Đồng lực; tụ tập phiền não hay thành tựu Đạo , Quả.</i>	1.-Chỉ cho các Tâm có phần sự Đồng lực (Javana)	1.- Sự nhận biết (Cảnh) theo nhiều cách riêng biệt , do nương vào Vật riêng biệt
	(tức là có tính hướng cảnh và xử sự cảnh thích ứng,	(ví dụ : sự nhận biết của Nhãn Thức, chỉ riêng biệt do Mắt - biết do đường hướng riêng)
		2.- Sự nhận biết chỉ đơn thuần là cái biết , không có sự biết của Trí và Tưởng tham dự.
		3.-Thức chỉ chung cho tất cả Tâm, trừ Tưởng (Thức Uẩn)
<i>Tích tụ Nghiệp do Tập hành duyên</i>	2.- Mano duy tồn lại chủng tử (bija) tạo thành Quả (vipāka)	4.-Thức chỉ cho 32 Tâm Quả Hiệp Thế (Hành duyên Thức)
1.- Tư duy (suy nghĩ) đến Cảnh		
<i>Thu bắt Cảnh rõ rệt</i>		
2.-Là Cái biết (suy nghĩ) (biết đến đối tượng - cảnh).		
<i>Là Nhân khiến các Sở Hữu cùng biết cảnh</i>		
3.- Làm đời sống chúng sinh trở nên đa dạng		
<i>(gần giống như là năng lượng cho sự tiến hoá vũ trụ)</i>		
<i>Khéo léo suy xét, sắp đặt nhiều cách đặc biệt</i>		
<i>Rất khó nhận thức rõ vì sinh diệt cực nhanh</i>		

Do vậy, giữa các khái niệm khoa học thế tục và các phạm trù ngôn ngữ trong Phật giáo có sự khác biệt nhau, có khi ít, có khi rất nhiều, hiểu lầm là điều rất hay thường gặp .

Phần Tâm (citta) là một trong những phần rất trừu tượng của Giáo lý, vì thế mà có nhiều quan niệm và cách nhìn khác nhau. Suy cho cùng, Tâm làtrừu tượng, nó không có, mà lại thể hiện thành những hành vi qua Thân; qua ngôn ngữ, văn tự; qua ý nghĩ thành thi văn, âm nhạc, hội họa

Trong VDP, Tâm như là những *bản chất vô hình cơ bản* chi phối mọi diễn trình sinh, trụ, hoại, diệt của toàn Vũ trụ. Trong phạm vi loài người, Tâm là những *bản chất của hành vi tư tưởng* của con người, những *xu hướng tiềm ẩn* hay *bản năng tinh thần tiềm tàng*, chúng có khi là

khuyh hướng cơ bản làm nền tảng cho mọi trạng thái tinh thần , cũng có khi lại vừa làm chức năng thực hiện những khuyh h hướng cơ bản nữa .

Có nhiều cách gọi khác như Tâm Vương , Tâm Thức, hay Thức và phạm trù của nó được diễn giải theo các ý nghĩa sau .

1.- Tâm- Citta : chỉ là một danh từ vay mượn từ ngôn ngữ Nhị Biên, Biên Kiến , để chỉ một trạng thái của Tâm Lý hoặc Tâm thức , như là một thể năng lượng vô hình có công năng dẫn dắt sự suy tư có thể đưa đến hành vi tâm lý (động thái tâm lý) hoặc/và hành vi hoạt dụng (hình thái khách quan) của mọi chúng sinh . Trong khoa học phương Tây, không có từ nào tương đồng , có thể tạm gọi một cách phiến diện , trong sinh học gọi đó là “tư duy”, “bản năng”, “sự phản đáp của hệ thần kinh”, v....v; hoặc trong Tâm lý học , gọi là “Tâm lý” hay “Ý thức” hay “Tâm thần”; trong Triết học Tây phương có thể gọi là “bản ngã” (Ego) , “đại ngã” , hoặc “siêu ngã” , v....v . Và cho dù gọi dưới bất kỳ danh từ nào , cũng không thể nói đúng cái “Tâm” trong Phật giáo . Bởi vì , khả năng của Tâm là cực kỳ sinh động và cực kỳ sáng tạo :

“....này chư Tỳ kheo, các thầy có thấy tác phẩm kiệt tác của hội họa chẳng ?tác phẩm nghệ thuật đó, do Tâm tạo . Này chư Tỳ kheo, thật vậy, thậm chí Tâm còn đẹp hơn tác phẩm kiệt tác đó : (Tương Ưng) .

Tâm còn chỉ sự hay biết , nghĩa là cái-gì-hay-biết một đối tượng → **tất cả các Tâm đều có ngôn ngữ giống nhau** ; khi có một ý nghĩ phát sinh , **chúng ta hiểu nó** , nhưng khi ta diễn đạt thành ngôn ngữ , nó trở thành **các loại ngôn ngữ** của nhân loại . Tuy nhiên, cái **cảm-giác-sâu-kín** trong lòng mỗi người **đều như nhau** .

Tóm lại, Tâm là **phần nòng cốt bên trong thể xác** – Thân - , là phần chánh yếu, là **thực chất** , là **nền tảng** , là **tính chất cơ bản** bên trong thể xác . Những hiện tượng – pháp – khởi từ tâm , như tư tưởng , khởi hiện rồi tan biến , hiện rồi biến , mãi mãi lập đi lập lại, hiện tượng này có khi được gọi là **sự khuấy động của tâm –Tâm động** .

2.-Dục giới : Từ Pàli **Kama** , có nghĩa là **“sự khả ái”** , là những điều gì có thể yêu thích được , được dịch là Dục . Dục giới là cái thế giới bao gồm tất cả những gì có khả năng yêu thích được (dĩ nhiên cũng gồm cả những điều ngược lại sự yêu thích) . Nói chung là chỉ cảnh thế tục như chúng ta hiện đang sống một cách thường ngày và bình thường như hàng triệu trôi qua , lẽ ra gọi **Thế Tục hoặc Thế giới** , thì ít nhầm lẫn hơn với từ Dục (**libido**) trong Tâm lý học phương Tây . Trần cảnh này bị chi phối hoàn toàn bởi các giác quan và như thế , nó nói lên sự ham muốn thụ hưởng lạc thú của các giác quan và tích tụ phiền não – là mặt trái – của các giác quan , nên trần cảnh này được gọi là Dục giới, cõi Dục .

Mọi trạng thái và tính chất của tinh thần hay tâm linh trong thế giới này , gọi chung là Tâm Dục giới , là các Tâm trong phạm vi các giác quan , là mọi trạng thái tinh thần và tư tưởng hoàn toàn nằm trong phạm vi sinh khởi và chi phối của 6 giác quan , chúng lưu chuyển trong cõi Dục này và nhận lấy cảnh trần thế và cuối cùng là quên tu phiền não , khổ đau .

Và Điểm bắt đầu của Phật pháp là Dukkha, từ ngữ này không có phạm trù tương đương, nó hàm ý trước tiên và cụ thể và thô , là sự Khổ sở, Khổ đau ; nghĩa rộng hơn như là một sự bất toại nguyện, một sự vướng mắc sa lầy không rút ra được; một sự trói buộc , giam cầm mà không lối thoát. Mặt khác, Dukkha hàm ý nghĩa triết lý sâu xa hơn , VDP cho biết Dukkha có 25 trạng thái

- | | |
|---------------------------|------------------------------------|
| 1. Khó chịu (Dukkhatto) | 15. Nguồn gốc đau khổ (Aghamūlato) |
| 2. Đáng sợ (Bhayato) | 16. Phiền não trầm luân (Sāsavato) |
| 3. Khốn đốn (Ītito) | 17. Sát hại (Vadhakato) |
| 4. Nguy hiểm (Upaddavato) | 18. Bị săn đuổi (Mārāmisato) |

- | | |
|--------------------------------------|--|
| 5. Trở ngại (Upasaggato) | 19. Sinh thường trực (Jātidhammato) |
| 6. Bệnh tật (Rogato) | 20. Già lão thường trực (Jarādhhammato) |
| 7. Óm đau (Ābādhato) | 21. Bệnh thường trực (Byādhidhammato) |
| 8. Ung nhọt (Gandato) | 22. Sầu não thường trực (Sokadhammato) |
| 9. Nhức nhối (Sallato) | 23. Than khóc thường trực
(Paridevadhammato) |
| 10. Xấu xa (Aghato) | 24. Thống khổ thường trực
(Upāyāsadhammato) |
| 11. Tuyệt vọng (Atānato) | 25. Ô nhiễm thường trực
(Sanlikesikadhammato) |
| 12. Không ăn náu được (Alenato) | |
| 13. Không nương tựa được (Asaranato) | |
| 14. Tội chướng (Ādīnato) | |

Có hai loại Khổ : Khổ đau vật lý – Dukkha và Khổ đau tinh thần – Domanassa – cái khổ đau tâm hồn còn khó kham chịu hơn là về thể xác .

Do đó, có thể tạm dùng ngữ-cảnh là cái *quảng nhóm khổ đau, Khổ Uẩn , và điểm bắt đầu của Phật giáo là chân lý về sự khổ đau* : “*thế gian được thiết lập trên Dukkha, được y cứ trên Dukkha*”. Mà thế gian này lại là phóng chiếu của tâm thức con người . Ở đây, ta thấy Dukkha như là sự “*nô lệ*” của con người vào *Thân xác Sinh-Tâm-Vật-lý* này , và đồng thời là sự “*nô lệ*” về mặt tư tưởng vào những cái “*Khái-niệm và Kinh-nghiệm*” đã tích tập. Tóm lại, **Dukkha là trạng thái nô lệ vào Thân-Tâm, mà Thân-Tâm là Ngũ Uẩn . Như thế , “năm thủ uẩn là Dukkha”**. Thủ là bám víu chặt vào , Nikāya đã dạy thế .

Có 8 pháp thế gian (Loka-dhammas), là 8 trạng thái thăng trầm của cuộc đời chính , được gọi là Bát Phong xuy động (Lợi, Suy, Huỷ, Dự, Cơ, Xung, Khô, Lạc) :

- Lợi – Labha : sự thủ đắc các loại tài sản
- Suy – Alabha : sự tiêu vong các loại tài sản đã thủ đắc
- Có đông quyền thuộc – Yasa : là sự tụ họp vây quanh bởi quyền thuộc, bạn bè, nô lệ , tùy tùng , thuộc hạ ... (Dự)
- Cô độc – Ayasa : là sự tan mất của Yasa (Huỷ)
- Danh – Pasama : là sự tán tụng, tăng bốc , nịnh hót , bợ đỡ hay danh tiếng, nổi danh. (Xung)
- Nhục – Ninda : là bị chê trách , bới móc, hiềm ghét , xuyên tạc , đổ lỗi , oan khuất ... (Cơ)
- Hạnh phúc – Sukha (Lạc)
- Bất hạnh (Khổ đau – Dukkha) .

Giải thoát khỏi Dukkha là tất cả những gì Đức Phật dạy, có nghĩa là thoát khỏi cảnh Nô lệ , là Tự do, là Giải thoát .

Giáo lý về Dukkha (hay là Bốn Sự Thật) được xem là nền tảng của hệ thống tư tưởng Phật học, phân tích tâm lý theo giáo lý này đã nói lên tính 2 mặt của trạng thái tâm lý : Một là Ô nhiễm ; hai là Thanh tịnh . Trạng thái tâm lý Ô nhiễm dẫn đến kết quả là Dukkha , nghĩa là khổ đau và nô lệ là do con người tạo ra và phải gánh lấy . Nghĩa là Ô nhiễm, gần như là trạng thái nô lệ toàn diện vậy .

Vì vậy, Khổ đau hay Nô lệ là một vấn đề của Thức, chỉ có Thức mới có thể Khổ đau và bị Nô-lệ-hoá . Thức là một diễn trình của Tâm để kinh nghiệm về một đối tượng .

Thức bị lệ thuộc vào Dukkha, vì Vô- minh (hay sự không hiểu biết căn bản) chia Thức ra thành 2 phần : chủ quan và khách quan, thành cái “ngã” (chủ thể) và cái “phi ngã” (cái khách thể).

Trong Phật giáo, Vô-minh được định nghĩa rõ , là khái niệm về cái “ngã” vĩnh cửu, độc lập với đối tượng của nó . Nghĩa là khi nào còn cái “tôi” , thì còn Vô Minh .

3.-Khi Thức bị Vô-minh chia cắt ra thành 2 phần , “ngã”(chủ) và “phi ngã”(khách) , thì sự phân biệt này là nguyên nhân dẫn đến vướng mắc, khổ đau, nô lệ . Bởi vì, cái “ngã” ưa thích những gì nó thích và nó ghét bỏ những gì nó ghét; mà nó không hề biết rằng, những cái mà nó ưa thích và ghét bỏ đó, cùng với nó , chỉ là một , là Thức (Tâm Vương). Đó là một sự tự đồng hoá “ngã” và “ngã kiến” , là trạng thái “qui ngã” , hay với “ngã ái” , là trạng thái “chấp ngã” .

Mỗi lần một ô nhiễm, một phiền não, nổi lên, như giận dữ, lo âu, oán thù, dục vọng, sợ hãi ,là mỗi lần trong tâm thức trở nên căng thẳng (stress) và bắt đầu thắt lại những cái gút bên trong (những dấu ấn tâm linh , những nội kết, kiết sử) .

Mỗi khi một ước muốn, một mong chờ, không xảy ra , là mỗi lần tâm thức lại trở nên căng thẳng . Suốt cả cuộc đời, ta cứ lập đi lập lại mãi tiến trình này , cho đến khi toàn bộ cấu trúc tâm-vật-lý của ta trở thành một khối lớn phiền não, rối rắm , một cái quàng lớn chứa đầy ô nhiễm (mà ta gọi nó bằng rất nhiều tên, lậu hoặc, phiền não, nghiệp chướng, tập khí, vọng tâm, vọng tưởng, điên đảo, tâm phân biệt,). Đến lúc này, ta không những tích chứa nó, nuôi dưỡng thêm nó trong tâm, mà lại còn phân phát nó cho tất cả những người mà ta tiếp xúc . Đây chắc chắn không phải là một cách sống hạnh phúc . Đây là sự nô lệ vào những “mặc cảm Sinh-Tâm-Vật-lý bị dồn nén, bị tích chứa”.

Bất cứ ai, cũng tất yếu phải ném trải những thăng trầm, tốt xấu, những thuận lợi, khó khăn ở đời . Đó là một điều hết sức tất yếu và tự nhiên. Hãy suy nghĩ kỹ về điều đó, nó sẽ giúp ta biết cách buông xả, bớt dính mắc, bớt nô lệ hơn với mọi thứ, và cũng bớt những thắt gút bên trong . Hãy học cách tự tha thứ cho mình, hoà giải với chính mình. Con người không bao giờ là hoàn hảo cả .

Khoảng 80% đến 95% suy nghĩ của hầu hết mọi người không chỉ lập đi lập lại một cách vô ích , mà còn do bản chất sai lệch méo mó, phần lớn lại là sự méo mó theo chiều hướng tiêu cực (do bản chất Tham-Sân-Si) nên phần lớn các suy nghĩ đó còn mang lại tác hại nữa (Nghiệp) . Nó khiến cho sinh lực của ta bị bào mòn nghiêm trọng . Bởi vì ta bị đồng hoá với chính sự suy nghĩ, tức là tìm thấy cái "tôi" trong chính nội dung hoạt động của tâm trí, cho nên dần dần ta tạo nên trong ta , trong tâm trí ta một hình ảnh hư vọng về con người của chính ta, y cứ vào hoàn cảnh cá nhân và bối cảnh văn hoá cộng đồng .

Cái "tôi" hư vọng này , là cái "tự ngã" (ego) , được kiến tạo một cách "bất giác" bởi cái tâm trí . Cái tự ngã này do quá khứ tích tập, cho nên nó phải bận tâm giữ cho cái quá khứ còn sống mãi , vì nếu không còn quá khứ , tự ngã này là ai ? và cái tự ngã này luôn phóng chiếu vào tương lai để bảo đảm rằng nó tiếp tục tồn tại (sinh hữu) , cho dù tự ngã này cũng phóng chiếu vào hiện tại, nhưng là một hiện tại mà nó muốn thấy .

Vì tự ngã chính là sự cảm nhận về cái tôi, cho nên nó cần phải đồng hoá với các sự vật bên ngoài, nó mong cầu đồng hoá nó với cơ nghiệp, công việc đang làm, địa vị và sự công nhận của xã hội, kiến thức và trình độ học vấn, dung mạo, tài năng đặc biệt, các mối quan hệ, lịch sử bản thân và gia tộc, các hệ thống tín nhiệm, và thông thường cũng phải kể đến quan điểm chính trị, chủ nghĩa , quốc gia, dân tộc, chủng tộc, tôn giáo, bậc thang giá trị xã hội và các dạng đồng hoá khác với tập thể . Tất cả những thứ này đều hư vọng, vô thường, vô nghĩa và nhất là , bọn chúng không phải là "ta" . Khi đồng hoá với tâm trí mình, ta bị cưỡng bách phải sống một cuộc sống chỉ bằng ký ức và dự tưởng , khác gì một cuộc mộng du ?

Tâm không tách rời tập khí , tâm cũng không kết hợp cùng tập khí, dù nó bị ngập tràn tập khí ; trong nó, không có dấu vết gì khác biệt .

4.-Nhu vậy, **tâm lý con người chỉ có 2** hướng vận hành : (mà trong VDP gọi là xu hướng – abhinivesa) (*xem bảng đối chiếu*)

- Một là khổ đau, nô lệ hay là dẫn đến khổ đau và nô lệ, gọi là khuynh hướng bất thiện .
- Hai là hạnh phúc hay là dẫn đến hạnh phúc , gọi là khuynh hướng thiện .

Ở đây, chỉ đề cập đến **khuyh hướng bất thiện** . Có 2 khuynh hướng bất thiện :

- Khuynh hướng **Ái** (tanhã-abhinivesa) : là cái cách “nghiêng về dính mắc với thân-tâm” , cho rằng có một “cái tôi” luôn tồn tại trong thân-tâm này , là sự nô lệ cho cái thân xác Sinh-Tâm-Vật-ly này . Kinh Chuyển Pháp Luân phân tích thành Dục Ái, Hữu Ái và Phi-hữu-ái .

Trong sinh giới , Dục ái là một bản năng, một bản chất đi liền với sinh giới . Không có Dục ái, sinh giới không thể hình thành . Đó là sự tiến hoá qua chọn lọc tự nhiên và giới tính . Hãy chỉ nhìn một loài thực vật, khi lớn lên, phải ra hoa, và nhụy đực phải phát tán để thụ phấn cho nhụy cái đang chờ đợi ; hướng hồ gì các loại động vật . Mỗi sinh thể xuất hiện với nhiệm vụ duy nhất là chỉ để trao truyền lại cái “vốn gen” của nó mà thôi ; không bao giờ có bất kỳ sinh thể nào xuất hiện chỉ để “chết” . Loài người tách khỏi loài vật , do làm chủ một phần cái bản năng này, bằng các chế định về luân lý và đạo đức . Chính vì thế, Freud đã xây dựng lý thuyết trên chủ đề “Dục tính” (libido) và cho rằng “dính mắc với thân-tâm” cũng là một biến thái của dục tính .

- Khuynh hướng **tà kiến** (ditthi-abhinivesa) : tương tự như niềm tin ở trên, nhưng cho rằng “có một đấng sáng tạo ra thế gian”, một “đại ngã” , một “thượng đế”, một “đấng tạo hoá” , ...mà mỗi chúng sinh là một thành phần xuất phát từ đại ngã ấy, kể cả cái “tiểu ngã”, cái “tự ngã”. Đây là sự “tự đồng hoá” vào những Kinh nghiệm và Khái niệm tích tập từ vô thi và trở thành “nô lệ” cho cái tà kiến này . Có khi được gọi là “kiến trú lâm, kiến phược, kiến sâm lâm, kiến hoang vu, kiến hý luận,” . Cõi phạm nhân gồm 26 cõi chính là cõi “tà kiến” .

Trong tâm lý học , đây là quá trình “tự đồng hoá” giữa Thân và Tâm ,giữa Thân-tâm và môi trường , mà ta đã phân tích ở phần trước .

Ái và Tà kiến là 2 mặt của cùng một đồng tiền . Tất cả tùy thuộc vào thái độ tâm lý của con người : bị nô lệ vào hay bám chấp vào sự phân biệt đó hay nhận chân được sự nhất thể của chân tánh . Một người không làm thiện, tất yếu, họ sẽ làm việc bất thiện , và ngược lại .

Mỗi một khoảnh khắc bình an đều có tác động vô cùng lớn đến tâm ta . Sự bình an của tâm hồn, cho dù ngắn ngủi đến đâu, cũng có giá trị vô lượng . Hãy lựa chọn sự bình an cho tâm hồn, ta sẽ thực sự giúp cho mọi người được bình an và hạnh phúc : “*Thói tham lam, đố kỵ, ích kỷ chẳng bao giờ thỏa mãn được , chính vì sự không mãn nguyện . Và nỗi bất hạnh của nhân loại không phải xuất phát từ cái thiếu thốn, mà chính từ những khiếm khuyết và sai lầm trong nhân cách của họ*” .

Vi Diệu pháp là pháp phân tích về chủ thể và khách thể, chủ quan và khách quan, k khảo sát chính cái cấu trúc tâm-vật-ly này, cái mà dính mắc quá nhiều vào nó chỉ dẫn đến căng thẳng, phiền não ; và cũng để xả bỏ sự dính mắc, phân biệt đầy phiền não này , giải thoát tâm thức ra khỏi sự nô lệ của loài người .

5.-Nhận thức là diễn trình của Tâm để kinh nghiệm về đối tượng . Những diễn trình tâm này , những hiện tượng tâm lý này , chúng không phải là chúng sinh , chúng không phải là đàn ông hay đàn bà hay trẻ con , chúng xảy ra theo những điều kiện duyên sinh . Để cho tâm khởi sinh, nó phải có một đối tượng , theo VDP, Tâm (citta), Ý (mana) và Thức (Vinnana) có cùng ý nghĩa,

nhưng tùy theo chỗ dùng, mà sử dụng từ khác nhau, như tất cả tâm trong 12 xứ, gọi là Ý Xứ; tất cả tâm đối với 5 uẩn, gọi là Thức.

Như vậy:

- Trạng thái của Tâm, là biết cảnh
- **Phận sự của Tâm, là chủ trì, hướng dẫn các trạng thái tinh thần (khởi dẫn, dẫn dắt sở hữu tâm)**
- Sự thành tựu của tâm, là liên tục sinh diệt không gián đoạn
- Và Nhân cần thiết của Tâm, là các trạng thái tinh thần và các cảnh (tâm sở và Sắc pháp)

Đến đây, ta có 4 nguyên nhân làm tâm sinh khởi:

- Nghiệp quá khứ: là những gì đã được tích tập trong tâm thức, như đã nói ở các đoạn trên
- Các trạng thái tinh thần, chính là các tâm sở.
- Cảnh, nếu không có cảnh, thì không có tâm, vì cảnh được nhận biết bởi tâm; và hệ lụy là nếu không có tâm, thì không có cảnh. Do đó, cảnh còn được gọi là nhân-sinh-tâm.
- Vật, là các hệ thống thần kinh dẫn truyền của các giác quan, được gọi là những Sắc-Thần-Kinh, là những chỗ nương của thức.

6.-Như vậy, có **6 đối tượng bên ngoài tương ứng (trần cảnh) với 6 giác quan bên trong (căn)** (gọi là **cửa – môn**); qua những cửa chính này, các đối tượng ấy đi vào thế giới nhận thức. Ta gọi là, khi một cửa tiếp nhận một đối tượng, ở đây, một thức tương ứng sinh khởi lên. Sự gặp gỡ này, ta gọi là **Xúc**. **Ngoài Xúc, không có nhận thức.**

Xúc còn có vai trò triết học rất căn cơ đến nỗi Đức Phật lặp đi lặp lại nhiều lần rằng, tất cả những học thuyết về thế giới đều dựa trên Xúc, ít nhất có 26 kinh trong Trường Bộ ghi chép lại (*Nguyêt san Giác Ngộ, số 137-p.48 – TT. Thích Minh Thành*)

Trong sinh giới, Xúc được xem là những tác nhân kích thích lẫn sự tương tác của mọi vật chất & năng lượng trong vũ trụ, dù là nội tại hay ngoại tại, dù là vật lý hay hoá sinh.

7.- Diễn biến tâm lý đầu tiên phải nói là **nhóm cảm giác (thọ), nhóm Thọ cũng vừa là một Tâm sở**. Cảm giác đơn thuần là những phản ứng có điều kiện, nhưng trong mối quan hệ chung, cảm giác có đầy đủ 4 yếu tố: vật chất, tri giác, ý chí, nhận thức (Sắc, Tưởng, Hành, Thức), như thế, **cảm thọ là thành phần cảm giác đi chung cùng với ấn tượng và ý nghĩ** của ta, và nó tùy thuộc vào hệ thống Tâm Thức (Tâm Vương & Tâm Sở) của mỗi người.

Thọ phát sinh tùy thuộc vào Xúc, một tác nhân kích thích, từ tác nhân kích thích này, con người và mọi sinh vật, có kinh nghiệm về các loại Cảm Thọ. Do đó, **Cảm giác đóng vai trò chủ yếu trong đời sống con người vì nó có một tác dụng tích cực đối với dòng sông tâm thức.**

8.-Nhóm Tri giác (Tưởng), vừa là một Tâm Sở, ban đầu là những nhận biết các đối tượng bên ngoài hay bên trong, nó cũng chính là những kinh nghiệm tích tập. Nhận biết là sự so sánh, đối chiếu giữa những tướng trạng đang hiện hữu với cái kinh nghiệm đã tích tập. Như vậy, sự phân biệt cũng là 1 chức năng của Tưởng.

Có thể xem Tưởng là một loại nhận thức ở cấp độ tri giác: *Tưởng tri là hoạt động của một cái tâm thuần túy về kinh nghiệm giác quan của các hình ảnh, tướng trạng hữu hình và trừu tượng. Đó là cái biết theo kinh nghiệm giác quan chủ quan. Duy thức gọi là Tàng thức chứa các chủng tử với sắc trần (bên ngoài) và pháp trần (bên trong). Đó là những tập tính sinh học và tập tính tâm-sinh-lý của mỗi người.*

Trong mỗi quan hệ giữa Thọ và Tướng (cảm giác và tri giác), chúng đều là Nhóm (uẩn) lại vừa là Sở hữu tâm (tâm sở), chúng có chức năng “kép”, chúng vừa “chi phối” và vừa “tái chi phối” trạng thái tinh thần và tư tưởng.

Thọ và Tướng dựa vào nhau tùy theo điều kiện cụ thể, mà chúng có tác dụng mạnh hay yếu và tương hỗ nhau. Theo mỗi quan hệ này, các kinh nghiệm tích tập (của quá khứ và hiện tại, mà Duy thức gọi là Thi khởi và Tân huân) được phóng chiếu về hiện tại, bóp méo, che mờ (phủ) thực tại, từ cái Tướng méo mó thêm đó, cảm Thọ sẽ trở thành Lạc hay Khổ với cường độ sâu sắc hơn. Trước cảm thọ mới này, lại tạo duyên mới làm méo mó thêm cái Tướng, làm kiên cố thêm cái tướng sai lầm. Vậy, Tướng làm nảy sinh *ký ức*.

Có một số khái niệm khác diễn dịch vấn đề này một cách phức tạp hơn như: *Tướng trong 5 uẩn, là nhận thức, là Khái niệm, là tri giác. Tri giác bao gồm chủ thể tri giác (năng tướng) và đối tượng tri giác (sở tướng). Tri giác sai lầm gọi là vọng tướng. Như vậy, toàn bộ ngoại giới đều là đối tượng của Tướng, đều ở trong Tướng hết. Hạt giống của Ngôn Ngữ căn cứ trên Tướng,*

*Điều này làm ta liên hệ đến khái niệm **Đối chất cảnh**: cái hình ảnh méo mó của thực tại trong ta, là cảnh giới mang theo một chút tánh cảnh, nhưng không phải là tánh-cảnh. Những nhận thức, những ước mơ, tham vọng, những hận thù, yêu thương, mê cuồng, si đắm, v...v, đều có những đối tượng đối-chất-cảnh rất nhiều, đó là những hình ảnh ta tự tạo trong tâm ta, chứ không phải là thế giới thực tại khách quan. Ta sống trong thế giới của đối-chất-cảnh nhiều hơn thế giới của tánh-cảnh, vì tâm thức ta không đạt đến thực tại tuyệt đối. Chúng ta biến chế ra hình ảnh mà ta gọi là thế giới thực tại, mà tin vào đó, và tự giam cầm ta trong đó. Cảnh của Mạt na là Đối-chất-cảnh. Là cảnh do dựa vào tánh-cảnh mà vẽ riêng theo ý mình, đó không phải là tự thân của tánh cảnh, là một hình ảnh do Mạt na tạo ra từ sự biến kế, níu kéo của mình. Đối chất cảnh, theo triết học, là ý tượng, là những hình tượng trong ý mình thôi, chứ sự vật ở ngoài không như vậy, tạm là representation*

*Và **Độc ảnh cảnh**: thế giới không phải là Tánh cảnh, cũng không phải đối-chất-cảnh. Là thế giới trong mơ, là thế giới còn lại trong bộ nhớ của ta, trong tâm thức*

10.- Như vậy, mọi *cảm nghiệm về ngoại giới* (the external world – đối tượng sở duyên) của ta, được cộng sinh bằng 3 yếu tố: cảm thọ + đối tượng hay cảnh sở duyên + nhận thức của mình. Khi đối tượng của nhận thức được tiếp xúc, liền phát sinh một đánh giá chủ quan, ta nhận thấy, đối tượng hoặc là hấp dẫn hay không hấp dẫn. Từ đó, ta đầu tư vào đối tượng (*khuyết đại của “Tướng”, sự phóng chiếu*) sự bám luyến hay không bám luyến; ta cảm giác nội tánh trong đối tượng là sẵn có tự thể khách quan.

Bám vào sự đầu tư này, khi ấy ta đã phát triển một phản ứng mang tính xúc cảm kiên cố (*kiến chấp*) hay một tập nghiệp phản ứng theo thói quen cảm tính thô phù.

Cái mà chúng ta thừa nhận là phẩm chất hấp dẫn hay không hấp dẫn, hoàn toàn do chủ quan của một tình trạng thời phòng nào đó của tâm thức. Việc kiểm tra kinh nghiệm của mình theo sau một phản ứng cảm xúc kiên cố (*quán thọ, tâm, pháp*), thật đặc biệt hữu ích, vì loại thể nghiệm này sẽ nhanh chóng làm đột hiện sự hiểu biết của chúng ta về cái “Ngã”. Tức Ngã chấp vậy.

Mặc dù Duy thức không thừa nhận thực thể của một cái Ngã và thực thể của ngoại giới (thực tạo vật chất khách quan); nhưng lại cho rằng, **kinh nghiệm chủ quan cần có thực tánh**, nghĩa là, qui (thực tánh) cho tâm thức. Bởi vì, nếu tâm thức không sở hữu một thực tánh, một thực thể nội tại, thì sẽ không có cơ sở nào để phân biệt trọn vẹn giữa pháp thiện và bất thiện, lợi và hại, Do vậy, phải có một **căn bản thức vô chủ thể** (khách quan), một **thực tánh đề thi thiết** chức năng đa thù của nó cho một hiện tượng hiện hữu. Đó là Tâm Thức

Sự tu tập Thiền giúp nhận thức nội tại làm được điều này . Nếu đời sống Phật giáo được xem là Trí Tuệ và Từ Bi , thì trí tuệ - bát nhã – đạt được bằng cách vượt khỏi tính tương đối của cái biết phàm nhân , giải thoát mọi dục vọng và phiền não của ta ra khỏi những điên đảo của phân biệt đối đãi .

Trong khi Thiền không dạy cho ta phải tiêu diệt mọi dục vọng, bản năng, xúc cảm , là những thứ tạo nên con người . Thiền dạy ta làm sáng tỏ sự thông tuệ của chúng ta , đưa ta ra khỏi những phân biệt đối đãi . Và khi làm được như thế , chính tự tâm ta nó biết làm cách nào để tìm ra được những đức tính vốn có của nó . Đó là bản chất của sự tự chứng .

11.-Nhóm hoạt động của tư duy (Hành) , bao gồm cả 50 Tâm Sở còn lại (trừ tâm sở Thọ, Tưởng) , nghĩa là bao gồm các hoạt động tâm lý mạnh mẽ, xác định, có tính chủ ý, có tính quyết định như ham muốn, giận dữ, thương yêu, ghét bỏ, ...nói chung , gồm những **trạng thái tâm lý biểu hiện ở mặt nổi mà VDP phân tích thành 50 loại tâm trạng** . Trong thâm sâu, Hành là động lực sâu kín , là sự vận động của hệ thống tâm thức theo **xu hướng** và **tính chất** đã được tích lũy, tích tập . Sự vận động sâu kín này của Hành, làm con người có những biểu hiện nằm ngoài sự kiểm soát của ý thức , chúng thuộc bản năng và tự phát , như những hành động cao cả cứu giúp người hay những hành vi hèn nhát khi lâm nguy chẳng hạn . Những trạng thái tâm lý này có năng lực để tạo ra hậu quả (tạo nghiệp) .

Hành, là những hiện tượng tâm lý phát khởi trong ta . Vui buồn, giận thương ghét , đều là Hành . Là sự hình thành nhận thức . Hành còn có nghĩa là phát hiện và lưu hành .

Do vậy, tùy vào tính chất của Hành, mà mỗi con người có những biểu hiện và hành vi khác nhau, mỗi người là một thế giới . Tất cả những đặc tính Thiện và Bất thiện được bao gồm trong Hành . Như vậy, Hành là nhóm thành phần cấu tạo nên tác ý hay cấu hợp tinh thần , Hành cũng được xem như là ý chí sống của con người (bản năng sinh tồn) . Nói rõ hơn, Hành là bất kỳ pháp nào bị cấu tạo, bị điều kiện hoá , **Hành thực ra, là tiến trình tâm-vật-lý** .

12.-Nhóm nhận thức (Thức) Vinnana , bao gồm tất cả 89 tâm (hay 121 tâm) của tâm vương ; Thức là khả năng phản ánh mọi đối tượng bên ngoài hay bên trong, chức năng của Thức là nhận ra sự có mặt của đối tượng, là nền tảng chung cho mọi hoạt động tâm lý . Những yếu tố tâm lý như cảm giác, tri giác, ý chí , đều nương vào nền tảng là Thức . Nói cách khác, Thức là bản thể tâm lý, còn Thọ, Tưởng, Hành, là hiện tượng tâm lý , là nhóm thành phần cấu hợp nên tác ý hay cấu hợp tinh thần . Thức như khung nhà, thọ-tưởng-hành như những viên gạch xây nên căn nhà . **Thức (Tâm , Tâm Vương) không có sự phân biệt . Sự phân biệt thuộc về chức năng của các Tâm sở, nhất là Tưởng .**

Tất cả hoạt động tâm lý của con người, như các mong ước, các tư tưởng, các tâm trạng , các phản ứng của tâm thức đối với đời sống...tạo nên đời sống hiện tại và tương lai, thuộc về Hành Uẩn , hành có tính tạo tác , có tính hoạt động . Các hoạt động tâm lý ấy tạo ra ý nghĩa cuộc sống, không có chúng thì cuộc sống trở nên vô nghĩa. Tuy nhiên, sự vận hành của chúng chỉ là sự vận hành của một ảo giác về tự ngã, nói lên rằng, ý nghĩa của mọi giá trị đời sống con người là vô minh , mà theo thế tục gọi là tình trạng Vong thân “ .

Nói cách khác , **Thức, nhất thiết chủng thức, là tất cả các hạt giống** . Thức phải có mặt, thì các hiện tượng tâm lý khác mới có thể hoạt động . Như vậy, mối quan hệ giữa Thức và các hiện tượng tâm lý là bất khả phân ly . Bởi vì, **Thức là 1 trong 5 uẩn và cũng bao gồm 6 loại** (liên quan với 6 quan năng) và chức năng của Thức cũng rất khác nhau . Mọi sự vật không thể được cảm nhận, nếu vắng mặt Thức . Thức vừa được nhìn nhận là phát sinh do sự hỗ tương tác dụng của các giác quan và các đối tượng của nó; mặt khác Thức cũng là dòng sông sinh khởi các pháp: **“Thức do duyên mà khởi, không có duyên, thức không hiện khởi”** .

Trong Phật giáo, phần nhận thức còn được phân tích thành 5 cấp độ nhận thức (kinh Pháp môn căn bản) . Do vậy, nhóm nhận thức chiếm một vị trí cực kỳ quan trọng trong việc giải thoát . Ở đây, *cấp độ nhận biết của Thức Uẩn, là Thức Tri, là ghi nhận sự có mặt của vạn pháp. Là sự nhận biết khi có sự tiếp xúc giữa căn và trần.*

Không có người thấy, cũng không có cái được thấy; không có người nói, cũng không có điều được nói; không có người biết cũng không có sự biết và cái được biết; không có hình tướng và sở dụng của các hành-tác của Phật giáo . Tất cả chỉ là **Phân Biệt** .

Sự khác biệt giữa pháp và phi-pháp là do từ sự phân biệt của phàm nhân mà ra . Họ nghĩ rằng các pháp được định bằng tính cách (quality, virtue) và bản chất (substance) , được sản sinh ra là do các nhân-duyên . **Đây là những ý niệm cần phải được từ bỏ .**

Điều gì được nói là quá khứ, hiện tại hay vị lai, cũng thuộc về phân biệt , vì chúng cũng là một ý niệm được phân biệt . Ngay khi bảo cái bản chất thực sự của chân-như là thực, thì đây cũng thuộc phân biệt . Đây cũng như **phân biệt các hình thức làm cái giới hạn tối hậu** . Chớ phân biệt mà cho rằng Như Lai có cái thân-hiểu-biết hay có cái bản-chất-trí-tuệ . Đừng bao giờ chủ trương có bất cứ sự phân biệt trong tâm . Trong ý thức, chớ bám víu vào những ý niệm như tự kỷ, ngã tính, v...v . đừng bám víu, ưa chuộng những phân biệt ấy . **Đừng phân biệt cũng như bị-phân-biệt .**

Có một sự Xúc chạm → Thức nhận biết, có một cái gì đó đã xảy ra → Tưởng, đánh giá nó là tốt hay xấu → Thọ, trở thành Lạc hay Khổ hay Xả → Hành, phản ứng lại, và mỗi ràng buộc đã trở nên rất mạnh .

Tâm Thức, hay Thức là một trong hết thấy các hiện tượng vật chất và tâm linh . Thức là liễu biệt, nhận biết . Liễu là liễu tri, Biệt là biệt chính cảnh . Tức là liễu tri mỗi mỗi cảnh riêng biệt, như nhãn thức, nhĩ thức, v...v

Thức còn có ý nghĩa là sự biểu hiện phân biệt (biểu-biệt) các hiện tượng thuộc thế giới nội tâm (tâm lý) và ngoại giới (vật lý) . Chữ “biểu” có thể hàm nghĩa manifestation, perceptions, announcing . Biểu biệt là vừa biểu hiện (manifestations) và vừa phân biệt (perceptions) . Chính cái năng lực đặc biệt này làm cho mọi hiện tượng trở nên đồng nhất tính duyên khởi, vô danh, vô tướng, vô thi, vô chung, vô trung (không ở bên trong) vô biên (không ở bên ngoài), nổi lên thiên hình vạn trạng, rồi mê muội chạy theo giả tướng đó mà đắm trước, tạo nghiệp, buộc ràng theo nó Ý thức là sân khấu, trên đó, những trạng thái tâm lý - Tâm Sở, tâm hành – được phát khởi, sinh khởi . Phần dưới của tâm, cái phần vô thức, tiềm thức, chúng ta gọi là tâm địa, là tàng thức .

13.-Trong dòng sông thức (bhavanga), bao gồm sự trôi chảy của 3 dòng tâm thức : Y thức ; Tiềm thức (Mạtna thức) và Vô thức (Alaya thức) . Tâm lộ biểu hiện tiến trình tư tưởng xảy ra trên tầng ý thức, hoặc/và tiềm thức - Mạt Na thức .

Phân Danh (tâm lý) được phân thành 4 phần – Thọ, Tưởng, Hành, Thức – chỉ là một cách chia để khảo sát. Trong thực tế, khi một đối tượng được nhận thức, thì mọi tâm lý đều sinh khởi, và tùy theo sự kích thích của đối tượng mạnh hay yếu, và tùy theo sự nhạy cảm của các quan năng, mà nhận thức là nhận thức thuần túy, hay là nhận thức có tác dụng thúc đẩy hành vi .

Tóm lại, qua phân tích 5 Uẩn, cho ta thấy rõ rằng :

- Tâm lý có 2 mặt : bản thể và hiện tượng, và sự quan hệ bất khả phân ly của mọi hiện tượng tâm lý
- Hiện tượng giới có 2 mặt : vật lý và tâm lý, và sự quan hệ bất khả phân ly của tâm và vật

Do vậy, con người là một tổng hoà hợp của các hiện tượng tâm vật lý, là Có thực (do hoà hợp) và là Vô thường (biến chuyển không ngừng), Vô ngã (chỉ là những tiến trình danh sắc), và con người không tồn tại như một đối tượng của tư duy, nghĩa là Không (tự tính).

14.-Theo Phật giáo Phát triển, “Tâm” chúng sinh, bao gồm toàn thể “pháp thế gian” và “pháp xuất thế gian”. Bao hàm 3 nghĩa :

- a) Là chân như nhất quán, bất biến, gọi là “Thế” vĩ đại (*vô cùng lớn*)
- b) Là Như Lai Tàng, đủ mọi tánh đức, gọi là “Tướng” vĩ đại
- c) Là xuất sinh toàn bộ nhân và quả về Thiện của Thế gian và Xuất Thế gian, gọi là “Dụng” vĩ đại.

Tâm có 2 mặt, nhưng mặt nào cũng bao quát toàn thể các pháp (*hiện tượng*), vì 2 mặt không tách rời nhau :

- Tâm Chân như (*Chân tâm*) : biểu thị “Thế”
 - a) Là pháp tánh (*tánh của hiện tượng*) đồng nhất (thể nhất pháp giới), căn bản của giáo pháp về khái niệm tổng quát vĩ đại (đại tổng tướng pháp môn).
 - b) Là Tâm thể Phi Sinh-diệt : Hết thảy các pháp chỉ do phân biệt mà có sai biệt, tách rời phân biệt thì đối tượng cũng không có (*mọi hiện tượng này sinh do tâm phân biệt – tâm nhị biên, đối đãi*)

Do vậy, các pháp (*hiện tượng*) xưa nay Phi Ngôn-ngữ, Phi Văn-tự, Phi Nhận-thức, tuyệt đối nhất quán, không hề biến chuyển (*thay đổi*), không thể phá huỷ (*hoại diệt*), toàn là tâm thể đồng nhất, nên mệnh danh là chân như. Mọi ngôn ngữ đều không thực chất, chỉ tùy phân biệt, chứ không có gì có thể thủ đắc.

Gọi là chân như thì cũng không phải là một đối tượng, mà là tột cùng của ngôn ngữ, do ngôn ngữ đó mà huỷ bỏ ngôn ngữ.

Nhưng chân như thì Phi huỷ bỏ (*Phi hoại diệt*), vì các pháp (*hiện tượng*) toàn là chân (*thực*); lại Phi xây dựng (*Phi thành tựu*), vì các pháp (*hiện tượng*) toàn là như.

Phải hiểu các pháp Phi diễn tả, Phi phân biệt, đó là chân như.

Tâm Chân như, theo ngôn ngữ, có 2 mặt :

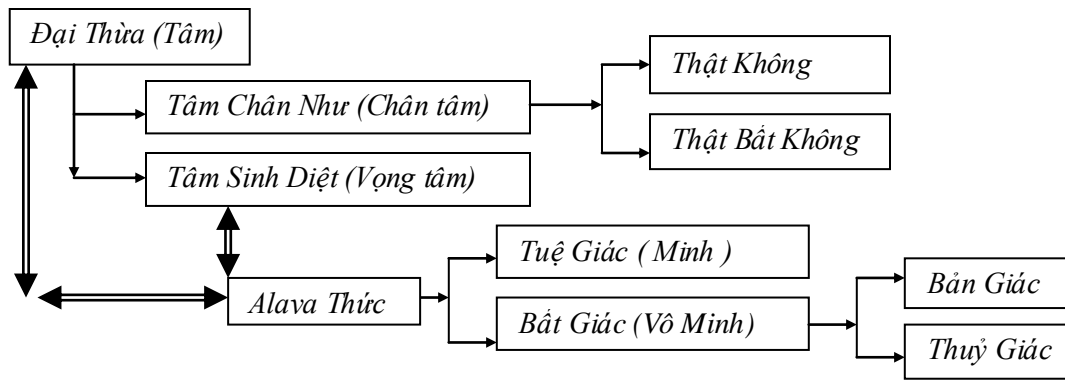
- a) Thật Không : vì nằm ngoài Nhị Biên, Biên kiến; vì hiển bày cái rốt ráo cái thật. Hệ Bát Nhã, là nghĩa Không của Chân như
- b) Thật Có (thật Bất Không) : vì có tự thể đầy đủ vô lượng tánh công đức; vì chính là chân như bất biến, trong sáng, nhưng cái “có” này không thể thủ đắc được. Hệ Hoa Nghiêm, Pháp Hoa là nghĩa Có của chân như.

Trong 2 mặt trên, nghĩa là không có “Vọng”. Là Chân tâm lặng lẽ chiếu soi.

- **Tâm Sinh diệt** : biểu thị “Tướng Dụng” là do Như Lai Tàng mà có Tâm sinh diệt. Ấy là sự hoà hợp giữa Bất Sinh-diệt và Sinh diệt một cách Phi đồng nhất cũng không phải biệt lập (chẳng phải một, chẳng phải khác). Gọi là Alaya thức. Alaya thức có 2 mặt, bao gồm và phát sinh tất cả các pháp; 2 mặt ấy là Tuệ Giác (Minh) và Bất Giác (Vô Minh)

Như vậy, phần Alaya thức xuất phát từ cái Vọng, cái Vọng phát sinh từ cái Chân Tâm. Chân và Vọng đều là một thứ Tâm. Niết bàn, giải thoát, bản lai diện mục, là sự lật ngửa của cái bàn tay lật úp!

Có thể tổng hợp lại như sau :



15.-Nói tâm khởi, thật ra không có khởi-điểm. Nói khởi-điểm của Tâm, là sự vô-phân-biệt (vô niệm) .

Do vậy, mà chúng sinh không được gọi là tuệ giác, vì tâm chúng sinh xưa nay, phân biệt liên tục (niệm niệm tương tục) , chưa hề lìa xa phân biệt , gọi là sự bất-giác có từ vô thi (vô minh từ vô thi) . Nếu được Vô-niệm, thì biết Sinh, Trụ, Di, Diệt là tướng của Tâm .

Nếu Vô-niệm, thật ra, không phải là có sự biến đổi của Thi Giác . Vì 4 tướng đều đồng thời có, đều không tự tạo lập, xưa nay bình đẳng, đồng một Giác .

Vô Minh → Tâm phân biệt (vọng tâm, vọng niệm) → vọng động, năng kiến, năng hiện cảnh giới , khả năng tiềm ẩn xúc, thọ, tưởng... → tri tướng (hiện ra tâm phân biệt, sinh tình cảm) → tương tục tướng (sinh cảm thọ, khởi niệm không dứt) → Chấp thủ tướng (duy trì cảm thọ, khởi dính mắc) → Kế danh tướng (khởi phân biệt và chấp danh hư huyền) → Khởi Nghiệp tướng (tạo Nghiệp thân-khẩu-ý) → Nghiệp hệ khổ tướng (thọ quả luân hồi) .

16.- Yếu tố sinh diệt là, ở chúng sinh, do Tâm mà chuyển ra Ý và Ý Thức .

Vì Alaya, mà có “bất giác năng kiến , năng hiện”, cố “thủ đối cảnh”, “phân biệt” liên tục , như vậy là Ý . Ý có 5 tên :

- Động thức (Nghiệp Thức) : là sự năng động do bất giác (vô minh) (có khả năng chuyển đổi) Do vô minh mà tâm động .
- Chuyển thức : là sự năng kiến do năng động (do chuyển đổi nên có khả năng thấy biết sai biệt) . Do tâm động mà thấy Tướng .
- Hiện thức : là đối cảnh do năng kiến hình thành (do khả năng thấy biết hình thành nên có cảnh) . Do thấy tướng mà hiện các cảnh giới .
- Phân biệt thức (Trí thức) : là sự phân biệt yêu ghét
- Tương tục thức : phân biệt liên tục . Chính sự liên tục này duy trì, làm thành thực, mọi nhân quả 3 thời . Do vậy, mà có 3 cõi hư ảo .

Ý Thức : do tương tục thức mà chúng sinh càng cố chấp, chấp thủ càng sâu dày . Chấp Tự Ngã, Ngã Sở, chấp lấy đủ cách, dính mắc mọi sự, giăng mắc khắp cả 6 thứ đối cảnh . Nên gọi là Ý Thức, Phân-ly thức, Phân-biệt sự thức. Thức này tăng trưởng lớn thêm do Kiến và Ái

Nhiệm tâm sinh khởi : Vì có Chân Như nên có Bất giác, Bất giác huân tập lại Chân như sinh Vọng tâm, Vọng tâm huân tập lại Bất giác sinh Vọng cảnh , Vọng cảnh huân tập lại Vọng tâm, làm cho vọng tâm thêm phân biệt, cố thủ , tạo nghiệp quả .

Vọng cảnh làm lớn tâm phân biệt, làm lớn tâm Thủ Hữu, củng cố sâu dày nghiệp thức (động thức, vọng tâm) , làm cho thành tựu Kiến , Ái , phân biệt sự thức (tương tục thức)

Ở đây, nhiệm pháp hình thành như thế nào, để thấy Ta – một Đức Phật sẵn có – lại làm chúng sinh như thế nào !

TÂM – Citta Nhóm nhận thức

Nhóm Nhận thức như là bản chất của nhận thức và tư tưởng, là nền tảng của nhận thức và tư duy mà từ đó mọi trạng thái tinh thần và các hoạt động tư duy phát sinh ; từ đó những tâm trạng , ý định , suy tính, nghĩ suy ...phát sinh và khởi tạo việc chi phối mọi hành vi Thân , Khẩu và Ý .

Nhóm Nhận thức được gọi là **Tâm** hay Tâm Vương , cũng được gọi là Thức, Tâm thức. Ta phải luôn lưu ý rằng, *Tâm không thể sinh khởi một mình, nó buộc phải sinh khởi đồng thời với các Sở hữu , cho nên, khi ta chỉ đề cập đến Tâm tại phần này , là **chỉ đề cập đến những trạng thái tinh thần cơ bản, những bản chất tinh thần cơ bản**, mà từ nền tảng này, sinh khởi mọi tâm trạng chi phối mọi hành vi Thân-Khẩu-Ý.*

Nói trắng ra, gần giống như một sự **phân tích về bản năng** loài người vậy .

I-Phân loại Tâm .-

Thức (Tâm Vương) : **gọi chung là Tâm** (citta) , có tất cả 89 trạng thái hoặc chia thêm thành 121 trạng thái ; gồm có 2 nhóm : Siêu thế (vượt thế gian) gồm 8 hoặc 40 trạng thái và Hiệp thế - gồm 81 trạng thái (phù hợp với thế gian) .

Tâm Hiệp thế, gồm 2 nhóm nữa, Tâm Dục Giới , 54 trạng thái (trong phạm vi giác quan) và Tâm Đáo Đại , 27 trạng thái (tâm thiên cõi Sắc và Vô sắc).

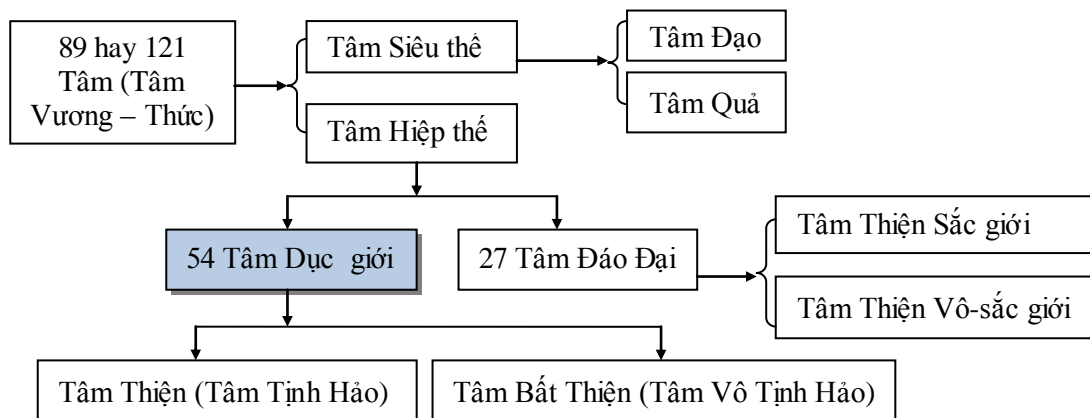
Tâm Dục giới là những trạng thái tinh thần do các giác quan chi phối , từ các giác quan mà sinh khởi và hoàn toàn nằm trong phạm vi các chức năng của các giác quan .

Tâm Đáo Đại cũng là các trạng thái tinh thần thuộc về thế giới này , nhưng chúng đã được “chuyên y” , nghĩa là được rèn luyện để làm chủ và vượt khỏi mọi ảnh hưởng của các giác quan . Những trạng thái không nằm trong Dục giới tâm và Đáo Đại tâm, thuộc về Tâm Siêu Thế .

Vấn đề của nhân loại, là Tâm trong phạm vi cõi dục này .

Danh từ Thiện có nhiều ý nghĩa như “vô bệnh”, “không lỗi lầm”, “khéo léo” và “cho quả lành”, hoặc là “hoàn hảo” cả tinh thần lẫn vật chất , nghĩa đen lẫn nghĩa bóng .

Thiện pháp thì “cho những kết quả lành”, và “sẽ mang lại kết quả an vui” , cuộc sống hạnh phúc. Ngược lại là “Bất Thiện” , là phiền não , là khổ đau .



Nhìn sơ đồ, ta có nhận xét là :

a.- Tâm Hiệp thế , chiếm $81/89$ tâm = 91% ; hoặc $81/121 = 67%$. Điều này nói lên rằng, quả là khó để đạt được trạng thái siêu thế gian .

b.- Tâm Dục giới gồm 54 tâm,

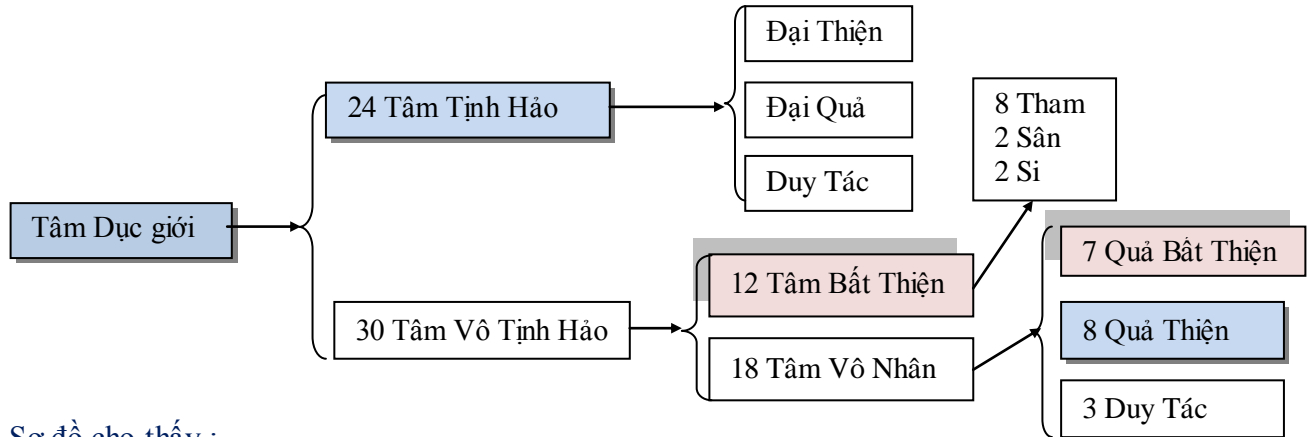
- So với nhóm Hiệp thế 81 tâm , Dục giới chiếm 66.67% ; và 33.33% là tâm Đáo Đại cũng là xác suất làm chủ và vượt các giác quan khi tu tập là $1/3$.
- So với Tâm , Dục giới chiếm 60.67% (của 89 tâm) hay 44.63% (của 121 tâm) ; nghĩa là khoảng 50% các tâm là tâm Dục giới . Con số trên ngụ ý rằng, đến phân nửa trạng thái tinh thần bị lệ thuộc vào các giác quan ; hoặc có $1/2$ nhân loại không thoát nổi sự lệ thuộc vào các giác quan .

α .)- Thức trong phạm vi giác quan (54 Tâm Dục Giới) : có 3 nhóm :

1. Có 12 trạng thái nền tảng, hay tiềm năng cơ bản của nhân loại, mà từ đó , xuất phát , sinh khởi mọi hành vi Thân-Khẩu-Ý , để tạo tác những hệ lụy phiền não cho cuộc sống trong cõi Dục này . Nói cách khác , 12 nhân tố có tác động về Nghiệp và có tiềm năng Bất thiện nghiệp ; 12 nhân tố này có thể chia thành những nhân tố phụ , tùy thuộc vào 3 điều kiện bất thiện của Tham,Sân,Si . Chúng được gọi là 12 Tâm Bất Thiện .
2. Có 18 trạng thái tinh thần cơ bản mang tính chất của bản năng cơ bản , từ đó sinh khởi tiếp những phản ứng khác . Nói cách khác , là các nhân tố tác động trở lại, hay thụ động (Tâm Quả Vô Nhân) . Chúng có thể chia thành thức (tâm) kết quả và thức (tâm) có chức năng . Gọi là Vô nhân, vì trong các tâm này, không tìm thấy các nhân đồng sinh, hay nói cách khác, các tâm này không có các nhân đồng sinh .
 - a. 15 trong số 18 này, là kết quả , và thường nói về những kinh nghiệm hỷ, ưu, kết quả của các nhân tố thiện hay bất thiện , chứng nghiệm qua 6 giác quan (6 thức = 5 thức giác quan + Tiếp thu + Quan sát) – Gồm 7 Tâm Quả Bất thiện Vô Nhân và 8 tâm Quả Thiện vô nhân , là những xu hướng không hoàn hảo và hoàn hảo của tâm thức .
 - b. Còn lại 3 nhân tố còn lại là chức năng, không có tiềm lực về nghiệp và cũng không phải là kết quả của những nhân tố thiện hay bất thiện, (Tâm Duy Tác Vô Nhân) gồm có : Khán Ngũ Môn, Khán Ý môn và Ứng cúng Vi tiểu . Theo nghĩa thế tục, gần như là những phản xạ của hệ thần kinh não tuỷ .
3. 24 nhân tố thức thiện có tác động về nghiệp. (Tâm Tịnh Hào) .

Tổng cộng 54 Tâm Dục Giới là loại Tâm nằm trong quyền lực của Dục Tham, nói cách khác, Dục tham chiếm ưu thế trong các loại tâm Dục giới (lưu ý , từ ngữ DỤC , nên gọi cõi Dục) .

Tâm dục giới gồm 4 thành phần : Thiện, Bất Thiện, Quả và Vô Tác ; được xếp vào trong 2 loại : Tâm Tịnh Hào (24 tâm) và Tâm Vô Tịnh Hào (30 tâm=12+18) :



Sơ đồ cho thấy :

- Trong 54 tâm, thì có 12 tâm bất thiện và 7 quả bất thiện dị thực, tổng cộng có 19 bất thiện tâm, chiếm 35.19% số tâm dục giới (trong đó, trực tiếp tạo Nghiệp quả là 12 tâm, 22.22%). Các Bất thiện tâm thì luôn bị điều động, chi phối, thúc đẩy bởi Tham, Sân-Hận, Si.
- Trong 54 tâm, thì có 8 tâm thiện và 24 tâm tịnh hảo (thiện), tổng cộng có 32 tâm thiện, chiếm 59.26%.

Một sự lạc quan cho cả nhân loại, và cũng là điều chính xác của nhân loại. Bởi vì, cho dù cuộc sống của loài người là cơ bản phiền não; cho dù con người vẫn xâm hại lẫn nhau vì Tham-Sân-Si. Thế nhưng, Chân-Thiện-Mỹ vẫn chiến thắng trên mỗi bước tiến hoá của lịch sử nhân loại. Minh chứng cho điều này, là đến ngày nay, con người vẫn không ăn thịt nhau và nhân loại vẫn tiếp tục tạo tác nhiều di sản tinh thần lẫn vật chất hạnh phúc hơn, cao thượng hơn trong từng ngày.

Trong dòng chảy tâm thức, theo VDP, được góp từ các trạng thái tâm thức sau :

- Tâm bất thiện : có 3 loại tâm cơ bản : Tham-Sân hận-Si, thường gọi là Căn, vì nó là bản năng cơ bản.
- Tâm Vô Nhân : có 3 loại : tâm Quả Bất thiện vô nhân, Tâm quả Thiện vô nhân và Tâm Duy Tác vô nhân.

Tâm Dục giới Bất Tịnh : có 2 loại : Tâm Bất thiện và Tâm Vô nhân nói trên. Nhóm này gọi là Vô Tịnh Hào hay bất Tịnh (ashobhana), vì chúng không có tương ưng hay liên kết với những tâm sở tốt đẹp (tịnh hảo), chứ không phải là tất cả đều là những tâm không tốt đẹp.

- Tâm hữu nhân Dục giới Tịnh : có 3 loại : Tâm Thiện, tâm Quả và Tâm Duy Tác
- Tâm Sắc giới : có 3 loại : Tâm Thiện, Tâm Quả và Tâm Duy Tác
- Tâm Vô sắc giới : có 3 loại Tâm Thiện, Tâm quả và tâm Duy tác
- Tâm Đạo siêu thế : có 4 loại tâm của cảnh giới thiên : Ly sanh Hỷ lạc (Sơ) ; Định sanh Hỷ lạc (Nhị); Ly hỷ Diệu Lạc (Tam) ; Xả Niệm thanh tịnh (Tứ) .
- Tâm Quả Siêu thế (dị thực siêu thế) : có 4 loại : Dự lưu quả (Sơ) ; Nhất Lai quả (Nhị); Bất lai quả (Tam); A La Hán quả (Tứ)

Trước tiên, những định nghĩa các nhóm tâm này, theo bản chất và theo những đặc tính sinh-diệt trong lộ trình tâm, sẽ đưa ta tiếp cận một cách cụ thể hơn vào thế giới của Tâm :

a) Tâm Quả (vipāka) : là những trạng thái cơ bản của tinh thần mang tính chất là kết quả, hậu quả của những hành vi đã tạo tác. Còn gọi là Dị Thực.

Tâm này là tâm biết cảnh (biết cảnh xấu hay tốt – vì ta cho là ta biết cảnh xấu tốt, thực ra, không có ngã, chỉ có cái tâm biết cảnh mà thôi) . Do vậy, khi ta biết cảnh, đó là Quả của Nghiệp quá khứ , chứ không phải là “ngã kiến” , ta thấy . Chính Sở hữu Tu (cetana cetasika) trong tâm đã diệt, nhưng vẫn còn lưu giữ chủng tử, khi gặp đủ điều kiện thì trở sinh .

Ví dụ, cùng một “nhân vật” , cùng trong một điều kiện ; nhưng 2 người khác nhau có cảm nhận về “nhân vật” này khác nhau . Chính cái sự “khác nhau” này , là di sản của khuynh hướng tinh thần từ quá khứ (Sở hữu Tu – Cetana) .

c) Không Tạo Nghiệp (Kiriya - Duy Tác) : là những trạng thái tinh thần cơ bản chỉ thuần túy là chức năng , chúng hoạt động một cách tự động, máy móc . Gọi là Tâm Duy tác , chỉ “tác” thôi , chúng không tạo nghiệp, cũng không là kết quả ; chúng vô hiệu về các mặt này, chúng chỉ thuần về **Chức Năng** . Còn gọi là Tâm Tô, Tâm Hạnh . Có những tâm duy tác thi hành các chức năng căn bản trong diễn trình tâm ; có những tâm duy tác khác là biểu tượng cho hành và ý của A La Hán , những vị không còn tạo Nghiệp nữa .

Ví dụ về tâm Quả vipaka : khi ta nghe những âm thanh *khó chịu*, cái *Nhĩ-thức thực sự nghe* âm thanh, là *Kết-quả của những hành bất-thiện do một chuỗi các kinh nghiệm* , do “thực thể” đã tạo ra từ trước ; nó là tâm vipaka bất thiện . Và ngược lại .

Đây là một thứ “**hiện-tượng thuần-tuý** “ (như thị) đang xảy ra và không có một quyền lực nào có thể chặn đứng được sự sinh khởi của các tâm vipaka này . Tuy nhiên, *tâm vipaka này sẽ diệt đi , sau khi sinh khởi* .

Nhận biết rõ rệt tính chốc lát của tâm vipaka này, rất quan trọng . Nếu không, thì những diễn trình nhận biết tiếp sau, có cùng đối tượng với tâm vipaka – vốn đã diệt – có thể xảy ra trong “cửa tâm ý” (ý môn) , mang ô nhiễm nhập cuộc . Bởi vì, sân-hận hay tham-luyến – vốn là các tâm phụ tuý (Tâm Sở) – có thể khởi sinh .

Chỉ có 1 tâm hiện hữu 1 sátna , cho nên, tâm với chánh niệm (tâm thiện duy tác) xảy ra qua ý-môn, nhận lấy cái tâm vipaka bị diệt , làm đối tượng , sẽ chặn dòng sinh khởi của các tâm tạo nghiệp bất thiện (tâm bất thiện duy tác) .

Tâm vẫn có thể hoạt động qua “ý-môn” , nhận cái “kinh nghiệm” trước đây (qua 5 cửa giác quan) , hoặc vài ý nghĩ hay hình ảnh riêng thuộc về (hay có liên quan với) nó , làm đối tượng . Kinh nghiệm quá khứ được ghi lại trong dòng sống hữu phần dưới hình thức tiềm ẩn , nơi đó, thỉnh thoảng nó trôi lên qua ý-môn, để đóng vai trò đối tượng cho tâm . Các tâm tạo nghiệp có thể theo sau các hoạt động tâm ý này . Khi hành trì chánh niệm nhận biết rõ ràng đang có sự suy nghĩ , sẽ ngăn được sự sinh khởi của các tâm tạo nghiệp bất thiện .

Có những đặc tính của Tâm Thức đáng chú ý được đề cập đến trong VDP :

d) Liên kết với Nhân (là hạt nhân) : Các tâm có thể liên kết (tương ứng) , hay không liên kết , với một số tâm nào đó, gọi là : “nhân” . Chứ không phải là nguyên nhân sinh khởi . Loại có liên kết, hoà trộn, tương ứng gọi là **Tâm Hữu Nhân** , loại còn lại là **Tâm Vô Nhân** . Các “nhân” ấy là một số tâm sở tuý-sinh- khởi cùng với tâm (vương) , cho tâm một giá trị rõ ràng . Nghĩa là những trạng thái tinh thần cơ bản có một hoặc/và vài nguyên nhân nguồn cội sâu xa .

Vì **Tâm và các Tâm sở đồng sinh** (cả 2 có cùng đối tượng và cùng căn) , nên thật khó biết rõ được sự khác biệt vi tế về đặc tính của chúng , trừ khi ta có Chánh niệm và Trí tuệ sắc bén . Nghĩa là trạng thái tinh thần cơ bản và những trạng thái tinh thần biểu hiện nên cùng đi theo , rất khó phân biệt , cái nào thuộc về bản chất tinh thần, cái nào thuộc về hành hoạt .

“**Nhân**” có 6 : Về mặt nghiệp quả (tạo nghiệp) , có 3 nhân bất thiện (Tham-sân-Si); ba nhân còn lại vừa có thể thiện , vừa có thể không có giá trị gì cả (nhưng không là bất thiện) là Vô Tham, Vô Sân, Vô Si, tùy theo loại tâm nào khởi lên . Các nhân này , được gọi là “nhân nhân” (hetu-hetu) (xem mục II tiếp sau , sự phân loại chủ quan).

Còn nhân sinh khởi, những yếu tố làm cho pháp hữu vi hiện khởi, gọi là “nhân thành tựu” (vipatti-hetu)

Vô Tham được biểu hiện như là lòng rộng lượng, độ lượng, xả bỏ . Vô Sân, như tâm Từ và Vô Si, như là Vị tha , Trí Tuệ .

Như vậy, một tâm Vô Nhân là tâm không thể có 1 trong 6 loại nhân thiện và bất thiện .

Các nhân bất thiện được suy tàn dần cho đến khi giác ngộ, theo con đường hành trì tu tập .

Các Bậc Giải thoát, thì các tâm khởi lên không còn có thể liên kết với bất cứ nhân bất thiện nào , các tâm lúc này , chỉ là mang tính cách phương tiện . Các tâm phương tiện này, có thể là Duy Tác hay Tâm Hạnh (khi ngài dụng tâm) hay là Kết Quả (khi ngài kinh nghiệm hậu quả của hành quả khứ hay an trú trong quả vị của sự chứng đắc thiên)

e) Liên kết với Thọ : Mỗi tâm có một cảm thọ đồng sinh , nghĩa là **Thọ là Tâm Sở phát sinh với tất cả Tâm** , **tính chất cảm thọ này tùy thuộc từng tâm** . Có tâm được Thọ Lạc, có tâm được Thọ Khổ Ưu, có tâm được Thọ Vô ký đi kèm theo .

Điều quan trọng là nhận diện được ra cái Cảm Thọ đi kèm mỗi tâm , vì các cảm thọ có nhiệm vụ làm điều kiện cho ô nhiễm sinh khởi . Khuynh hướng tự nhiên của Tâm (bản năng) là phát triển Tham Ái đến Lạc Thọ và nổi Sân-Hận đến Khổ-ưu Thọ . Cho nên *Hỷ thọ phát sinh với tâm Tham thì khác tính chất với Hỷ thọ phát sinh với tâm Thiện* . Với mọi tâm khác Hỷ thọ cũng vậy. Bởi vì Thọ là một Uẩn và cũng là một Tâm Hành , nó có chức năng “kép” , nhân đôi tác dụng qua sự chi phối có tính thuận nghịch , tương hỗ .

f) Tâm cần và không cần nhắc bảo : Nếu một tâm khởi lên , hoặc là do kết quả của tự mình cần nhắc hay tính toán, hoặc do kẻ khác gợi ý xúc dục , là Tâm Cần Nhắc Bảo (Hữu Trợ) . Ở đây, kẻ xúi và người làm – nếu có kẻ xúi dục – tất cả đều nuôi lớn cái tâm , và đều là quan hệ Nhân-Quả Do đó, cần tác ý khéo các tâm này .

Tâm không cần nhắc bảo (Vô Trợ) , là loại tâm phát sinh tự nhiên, tự phát, không cần phải cần nhắc, suy tính hay bị xúi dục .

Có tất cả 6 cách Hữu trợ , làm tâm sinh khởi :

- | | | |
|----------------|------------------|----------------|
| i) Tự thân trợ | iii) Tự ý trợ | v) Tha ngữ trợ |
| ii) Tự ngữ trợ | iv) Tha thân trợ | vi) Tha ý trợ |

Chỉ có 1 tâm sinh khởi trong 1 thời điểm nhất định , nhưng có nhiều sở hữu đồng sinh đồng diệt với tâm . Tâm không bao giờ sinh khởi đơn độc .

Tâm Bất Thiện

Là các trạng thái tâm thức không hoàn hảo . Có tất cả 12 tâm bất thiện, nương theo 3 nghiệp Thân-Khẩu-Ý mà tạo Nghiệp , tạo nên 10 nghiệp bất thiện (trái với 10 thiện nghiệp). Là loại tâm Hữu nhân . Tâm bất thiện gồm có 3 căn : Tham, Sân và Si, trong đó Tâm Si phát sinh cùng với tất cả các tâm bất thiện .

1. **Tâm Tham :** là trạng thái tâm biết cảnh với tư cách ham muốn, bị cảnh thu hút, dính mắc đối tượng, không xả ly được và đối tượng này là cảnh khả ái. Còn gọi là Tâm Ái Nhiệm .

Tâm Tham đứng ra có 2 căn : Tham và Si . Tham là một pháp Chân đế, nó là một sự thật mà ai cũng biết được , đồng thời nó là cùng là một Tâm Sở . Nó có chức năng “kép” , nghĩa là “chi phối” và “tái chi phối” lại với cường lực mãnh liệt hơn ; vừa là khuynh hướng vừa tạo tác hành vi .

Tâm Tham sinh khởi do nhiều nguyên nhân, nhưng nguyên nhân chính là khuynh hướng (bản năng) tham ái (Ái Dục) . Tham ái có nhiều mức độ từ thô đến cực kỳ vi tế và chúng phát sinh nhiều lần trong ngày qua 6 căn , những tâm tham ái vi tế sinh diệt rất nhanh làm ta khó cảm nhận được chúng, nhất là trong những trường hợp mà mức độ của chúng bị lấn át bởi các tâm tham đắm mạnh mẽ hơn .

Nhận biết tâm Tham vi tế trong các trường hợp chúng ta cảm thấy rằng dường như là vô tội, như thích một mùi hương, thích nghe một bản nhạc , hay nói những chuyện về thế sự . Khi những trường hợp đó xuất hiện , thường được thúc đẩy do tâm tham hoặc sân . Chúng ta nên quán sát để khám phá những loại tâm gì thúc đẩy ta có những hành vi như thế . Mỗi khi một tâm tham phát sinh, dù cực vi tế, nó cũng được tích lũy như một dấu ấn tâm linh , theo qui luật, nó tiếp tục sinh trưởng tiềm miên cho đến khi đủ sức tham gia vào dòng cuồng lưu . Đôi khi Tham đồng nghĩa với “ái , khát ái” . Do vậy , Cetana, Tư tâm sở là trạng thái tinh thần có tính quyết định , là cái mà ta quán sát .

Nhân sinh tâm Tham là **tâm Tục sinh có Nghiệp Tham** liên hệ , và khi có đủ nhân duyên, Tham phát sinh nhanh chóng , nó rất khó kiểm soát được vì vị ngọt của **Ngũ Dục khả ái, khả hỷ, khả ý, khả lạc**.

Tâm tham có 3 căn cứ :

- Thọ (2 thọ , còn gọi là Câu Hành) : Hỷ và Xả . Tâm Tham thọ Hỷ, khi người làm việc tham một cách thích thú; còn thọ Xả, thì làm việc tham một cách thản nhiên vô cảm . Về mặt bản chất, thì là Tham một cách thản nhiên và Tham một cách vui thích .
- Tương ứng với Tà kiến (2 tương ứng) : hợp tà hay Vô tà . Hợp Tà là khi người làm việc Tham với một định kiến bất thiện, như cướp của nhà giàu . Nếu không có tà kiến, là ly tà hay vô tà .
- Trợ sinh (2 Trợ) : có trợ hay không trợ . Hợp trợ hay Hữu trợ, khi người làm việc tham có sự xúi dục, khuyến khích . Trái lại, làm việc tham một cách mau lẹ, tự động, là vô trợ .

Tâm Tham chập với 2 thọ X 2 tương ứng x 2 trợ, làm thành 8 Tâm Tham . Trong đó , có 4 cùng sinh với thọ hỷ, 4 cùng sinh thọ xả ; sau đó hoặc 4 hợp tà và 4 vô tà ; cuối cùng hoặc 4 hữu trợ và 4 vô trợ .

Đoạn trừ tâm Tham, phải trước tiên đoạn trừ Tà kiến, vì bất kỳ khi nào có Tà kiến, thì có tâm tham . Sẽ có 4 tâm tham hợp tà diệt đi cùng Tà kiến và căn Si trong tâm Tham cũng hao mòn đi , làm suy yếu 4 tâm tham vô tà còn lại .

Bốn tâm tham vô tà còn lại, có thể làm sinh khởi Ngã mạn . Diệt trừ Ngã mạn là cách để đoạn trừ 4 tâm tham vô tà đang suy yếu .

Như vậy, Tâm Tham là một xu hướng, một bản chất của trạng thái tinh thần cõi dục . Trên nền tảng đó , xu hướng Tham chi phối Cảm thọ , đồng thời Cảm thọ cũng quay lại chi phối lòng Tham ; bởi vì Thọ vừa là một Uẩn, vừa là một tâm hành . Nó cũng như thế đối với Tưởng và các Tâm Hành khác ; hơn nữa Tham cũng là một Sở hữu , nó thực sự hành động .

Sự gia tăng cường lực của lòng Tham này còn có phần nhận thức giáo dục của bản thân, từ gia đình hay từ xã hội . Đồng thời, lòng Tham này còn có sự chi phối , tác động của Cộng nghiệp, nghĩa là từ Tha nhân hay từ bối cảnh xã hội .

Như thế, một sự giáo dục đạo đức tốt, về hành vi lẫn tâm lý đạo đức, là phương cách đề phòng và diệt trừ thói xấu này.

Đó là ý nghĩa thiết thực qua VDP, khi trình bày về 8 tâm tham.

2. **Tâm Sân**: là trạng thái khó chịu, bất toại nguyện; là sự biết cảnh với tư cách không vừa ý. Sân vừa là một tâm sở đồng sinh với Bất thiện Tâm. Cho nên có cũng có chức năng “kép”.

Sân cũng có nhiều mức độ, từ thô đến vi tế, **nhẹ nhàng nhưng vô cùng hiểm độc**. Tâm sân thô thì tạo Nghiệp qua Thân-Khẩu-Ý, Tâm Sân vi tế thì bộc lộ qua Khẩu, bằng lời nói; Ý, bằng chữ viết. **Đặc tính của tâm sân là tính huỷ diệt đối tượng, loại bỏ đối tượng.**

Mỗi khi một tâm Sân phát sinh, dù cực vi tế, nó cũng được tích lũy như một dấu ấn tâm linh, theo qui luật, nó tiếp tục sinh trưởng tiềm miên cho đến khi đủ sức tham gia vào dòng cường lưu.

Nhân sinh tâm Sân, là **Tánh đa sân**, lại **thiếu Trí** và hay gặp phải **cảnh trái ý**. Tánh đa sân, thường là “Căn” - bản chất – lại vừa được huân tập trong cuộc sống, xuất phát từ “ngã ái” hay “ái ngã sở”; hệ quả là “kiến” và “mạn” vẫn có thể tạo điều kiện tốt cho Sân sinh khởi. “*Người tánh đa sân như ung độc, vì khi chạm phải, sẽ đau nhức và rỉ mủ máu ra*”.

Tâm Sân cũng có 2 căn: Sân và Si. Cảnh của tâm sân là cảnh đáng ghét (khả ố), trong khi Tham thì thích thú, vừa ý, thì Sân lại ghét bỏ, không vừa ý. Tâm sân thường sinh khởi do thói quen, tập khí và cũng bởi do Si (ngu muội, si mê, không biết Chánh pháp). Tâm sân phát sinh vì biết cảnh thông qua 6 căn, và khi nhân duyên đầy đủ. Tâm Tham cũng là duyên cho tâm Sân, khi điều thích thú mất đi, sự buồn rầu là tâm Sân; khi điều thích thú có nguy cơ bị mất, nỗi lo sợ cũng là tâm sân.

Hối (kukkucca) là một tâm sở phát sinh cùng tâm sân, sự hối tiếc làm duyên cho thù hận.

Tật đố, Xan (Issā), ganh tỵ, ghen ghét, tỵ hiềm, đố kỵ, một tâm sở khác phát sinh cùng tâm sân, vì khi Issā khởi lên lúc ấy tâm không hoan hỷ.

Lận (māchāriya) bôn xẽn cũng là một tâm sở phát sinh cùng tâm sân, khi người khác bố thí, ta không hoan hỷ.

Tâm sân có 2 căn cứ: 1) Thọ (1 thọ): Ưu, **tâm sân luôn luôn phát sinh với thọ Ưu**, cho nên Buồn rầu là tâm Sân; và 2) Trợ sinh (2 trợ). Tâm Sân chập với 1 thọ X 2 trợ, thành 2 tâm sân. Tâm Sân không liên hệ với Tà kiến hay không tà kiến, vì lửa sân đã đốt cháy, nên không còn phân biệt chánh tà.

Cũng thế, sân hận là một xu hướng cơ bản, có tính bản năng của con người, sự hung hăng khi không toại nguyện cũng là một thú tính. Vì vậy, mà nhân loại luôn có gây gổ và chiến tranh nhau.

Khi trí tuệ hiểu biết rõ ràng và chân lý phát huy, ta sẽ không còn nghĩ suy lâu dài về cảm thọ Ưu nữa, vì nó chỉ là loại danh pháp vô thường. Cetana, Tư tâm sở là cái mà ta quán sát. Và tu tập tâm Từ (mettā) là việc mà chúng ta luôn thực thi từng giờ phút.

Thánh Bất Lai, không trở lại nữa, chỉ khi đoạn trừ được sân hận tùy miên.

VDP trình bày lòng sân hận chỉ có 2 trạng thái thể hiện: một phát sinh tự thân, là bản năng bạo hành, sân hận (vô trợ) cá nhân; và tâm sân thứ hai, phát sinh từ sự “lan truyền tâm thức”, “phản ứng bầy đàn”, nghĩa là từ Cộng nghiệp (hữu trợ), có thêm sự trợ lực. Que lửa nhỏ có thể làm nổ thùng thuốc súng.

Tâm Sân là khuynh hướng có tính bản năng của tinh thần, lòng sân hận tiềm ẩn chi phối Cảm thọ và Cảm thọ chi phối lại lòng sân hận; Thọ có chức năng “kép”. Cũng như thế đối với Tướng và các Tâm Hành khác.

Thông thường, những người đầy lòng sân hận, nét mặt dứt khoát là không vui vẻ gì ; mặt khác những người đang Ưu phiền , rất dễ dàng sinh khởi tâm Sân Hận . Vậy thì, Thọ Ưu là dứt khoát . Tuy nhiên, sau khi cơn hoành hành của lửa sân đã lắng nguôi, tro tàn vẫn còn âm ỉ với những Hận thù, Ghen ghét, hay Hối hận , Tiếc rẻđã làm cho tâm càng thêm phiền não, rốt cuộc vẫn là Thọ Ưu.

Người đầy lòng sân hận, dĩ nhiên cũng đầy lòng đố kỵ và ích kỷ ; hệ quả là người sân hận không bao giờ có bạn bè, người thân , nếu có , cũng không dài lâu hoặc không thân mật . Càng bị người xa lánh, càng tràn đầy uất hận ; càng tràn đầy uất hận, càng bị người lánh xa . Làm sao không Thọ Ưu ? Và theo qui luật, thùng thuốc súng càng ngày càng đầy lên , cho đếntâm Tục sinh.

Đức Phật dạy rằng : “tu tập tâm Từ , phát triển tâm Từ”, sẽ diệt trừ được tâm Sân . Chỉ có Tình Yêu mới hoá giải được Hận Thù . Đó là thông điệp mà VDP nhắc nhở chúng ta .

3. **Tâm Si** : si mê, mờ ám, ngu muội, hành động mù quáng, sai lầm , là Vô Minh .

Tâm Si này duy nhất chỉ có 1 căn Si mà thôi . Tâm si thường sinh khởi do tập khí (Phóng dật hay Nghi ngờ) . Tâm Tham và Sân không thể khởi lên nếu thiếu tâm Si . Si mê làm duyên cho ngã kiến và mọi loại phiền não khác . Tâm Si sinh khởi cùng với tất cả mọi bất thiện tâm .

Tâm Si cũng có 2 căn cứ : 1) Thọ (1 thọ) : Xả , nên nhớ rằng, tâm Si luôn thọ Xả bởi vì nó không có cảm thọ vui buồn khổ lạc ; và 2) Tương ưng (2 tương ưng) : Phóng Dật và Hoài Nghi. Tâm Si chấp 1 thọ X 2 tương ưng , thành 2 tâm Si . Nhưng nếu Si chỉ đứng 1 mình, thì nó mê mờ, cho nên nó hoài nghi hay là dao động , trạo cử.

Tâm Si cũng không có Trợ tương ưng, vì ngu si không cần phải nhắc bảo . Đặc tính của Si khác với đặc tính của Tà kiến . Si mê không phải Tà kiến . Tà kiến chỉ phát sinh với tâm Tham, còn tâm Si làm duyên cho Tà kiến . Tâm Si cũng đồng thời làm duyên cho tâm Tham .

Hoài Nghi cũng khác với Tà kiến. Đặc tính của Hoài nghi là nghi ngờ ; chức năng của nó là Dao động ; biểu hiện của nó là Do dự hay không có lập trường ; nhân gần của nó là phi-lý-tác-ý . Hoài nghi là chướng ngại . Chỉ có một con đường duy nhất để đoạn trừ Hoài nghi là tu tập Trí tuệ . Tu Đà Hườn là hạng người đã đoạn trừ tâm si tương ưng hoài nghi . Giáo pháp khoanh vùng phạm trừ Hoài Nghi chỉ trong phạm vi **hoài nghi về Tam Bảo** mà thôi

Trạo cử , phóng dật phát sinh với tất cả bất thiện tâm, khi có trạo cử, thì không có Chánh niệm và không có Thiện tâm . Trạo cử vi tế phát sinh nhiều lần trong ngày mà ta không cảm nhận được , do thiếu Chánh niệm . Trạng thái chao động trong cảnh, không có khả năng trụ vững trong cảnh hay là khi ta thất niệm “suy nghĩ vẫn vơ”, loại suy nghĩ vẫn vơ này, miên man này , ngoài sự tham gia của tâm si tương ưng trạo cử, còn có mặt của cả tâm tham hoặc/và sân . Trạo cử còn gọi là Phóng dật .

Tâm Si tương ưng Hoài Nghi thô xấu hơn tương ưng Trạo cử . Vì Hoài nghi sẽ khiến cho Kiến, Mạn, Sân, Tật...dễ dàng khởi sinh, do bởi căn Si đang hiện hữu sẵn . Do vậy, **suy nghĩ, nói và làm những điều vô ích, phù phiếm là trường dưỡng Tâm Si hợp Hoài nghi** .

Nhân sinh tâm Si do Phi-lý Tác-ý và “Lậu Hoặc” tiềm miên . Tâm Si phát sinh do những điều ta biết được qua 6 căn . Khi có tâm Si tương ưng Trạo cử phát sinh, thì có Vô minh và thất niệm hiện hữu , ta phải thấy sự nguy hiểm của loại tâm này vì tất cả 2 tâm Si đều thọ Xả, nên nó mờ ám . Tâm Si là gốc rễ của mọi loại bất thiện tâm , vì do si mê, ta huân tập rất nhiều bất thiện tâm vào tâm thức , nó trợ duyên cho 10 bất thiện nghiệp qua hành vi Thân-Khẩu-Ý từ thô đến vi tế .

Si mê cũng có nhiều mức độ, nó chỉ có thể bị đoạn diệt bằng trí tuệ và sự hiểu biết theo “ *ý nghĩa bậc thánh* “ : các căn, cảnh, thức và tất cả pháp chân đế xuất hiện do 6 căn .

Các tâm Sân và tâm Si thường có nguồn gốc từ các tâm Tục sinh có Nghiệp Sân và Si liên hệ, nhất là trong những quốc độ có chiến tranh, hận thù, hay quốc độ có nhiều nghịch cảnh, áp bức, không tịch tĩnh. Hệ lụy, là trao truyền cho con người nhiều chủng tử **sân hận** hoặc **thiếu tín căn**. Chỉ có A La hán mới đoạn trừ được tận căn Si, là đoạn tận Vô Minh.

Quả của 12 tâm bất thiện, sẽ nặng nhẹ tùy theo các căn cứ sinh khởi như:

- Thọ Hỷ, quả nặng hơn Thọ Xả.
- Hợ tà, quả nặng hơn Vô tà.
- Vô trợ, quả nặng hơn Hữu trợ.

Bởi vì Nghiệp, chủ yếu được tạo ra do yếu tố chủ tâm, ở đây là có sự tham gia của Tâm sở Tư (cetana). Tâm thức bất thiện nói chung, sinh khởi do:

- Tác ý
- Thân cận bạn bất thiện
- Môi trường sống (Ở xứ không nên ở)
- Tập khí từ Đời trước
- Có sẵn khuynh hướng bất thiện

Các Tâm Bất thiện còn gọi là Tâm Vô Tịnh Hảo, là các bản năng tinh thần sâu kín tận đáy tâm hồn của mỗi con người, tất cả chúng đều xoay quanh Tham-Sân-Si, như là một bản năng cạnh tranh sinh tồn. Chúng là những kẻ thù giấu mặt của con người. Trên nền của Tham-Sân-Si, từ khuynh hướng bản năng của Tham-Sân-Si, chúng chi phối các Cảm Thọ và Tưởng. Đến lượt Cảm Thọ và Tưởng là những tâm có nhiệm vụ “kép”, chúng hành hoạt các tâm & các sở hữu đi kèm sinh khởi (thuộc Hành uẩn) và thực thi nhiệm vụ riêng của các tâm.

Do vậy, dưới những biểu hiện của lòng tốt, việc làm thiện, những lời nói hoa mỹ đầy nhân ái, làm sao ta biết được tận đáy sâu tiềm thức, nhân nào là nhân sinh khởi? Mưu đồ lợi danh? Mưu đồ xuyên tạc, hại người? ... Từ đó, việc phòng hộ các căn và Chánh niệm Tỉnh thức phải thực tập thường xuyên, để phát hiện những “kẻ thù giấu mặt” này.

Tâm Vô Nhân

Có 6 nhân: Tham-Sân-Si và Vô tham-Vô Sân-Vô Si. Tâm hay Tâm sở nào tương ứng với 1 trong 6 nhân này, là Tâm Hữu Nhân. Ngược lại, là Tâm Vô nhân, **có 18 tâm**.

Ví dụ, khi thấy 1 cảnh xấu, ta không thích. Không thích là Tâm Quả Bất Thiện căn Sân, là tâm hữu nhân; nhưng trước khi không thích xảy ra, thì “cái thấy” xảy ra, vậy nhân thức là tâm vô nhân.

Thấy một điều gì, không giống như Suy-nghĩ về điều đó. Vì 1 tâm chỉ biết 1 cảnh: “thấy” là biết đối tượng qua nhãn căn, còn “biết” là biết đối tượng do ý môn.

VDP đã cho ta biết Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân là sắc pháp, do Nghiệp tạo tác. Còn Thấy, Nghe, Ngửi, Nếm, Đụng chạm là kết quả có được từ các giác quan, là danh-pháp, cho nên chúng là Quả; tâm và tâm sở thuộc về Danh pháp. Cho nên, chỉ có tâm mới có thể là Quả, còn Sắc không thể là Quả (là Báo, y báo và chánh báo).

Do vậy, trong 18 tâm Vô nhân này, có 15 tâm Quả và 3 Tâm Duy tác (còn gọi là Tâm Tổ):

1. Tâm Quả Vô nhân: là Quả do những nhân Thiện hay Bất thiện **đã gây ra trong kiếp quá khứ**.

- a) **Tâm Quả Bất-thiện Vô-nhân**: do những **nhân bất thiện đã gây ra trong kiếp quá khứ**. Vì là tâm quả, nên tâm này chỉ chuyên bắt cảnh xấu (một cách thân nhiên, một cách tự nhiên). **Có 7 loại**:

- 4 thức giác quan : Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt thức bất thiện thọ Xả , nghĩa là cái biết của thức giác quan khi bắt cảnh xấu .
- Thân thức bất thiện thọ K hỏ
- Tâm tiếp thu quả bất thiện thọ xả ,
- **Tâm Quan sát** quả bất thiện thọ xả

b) **Tâm Quả Thiện Vô-nhân** : những tâm này là một phần của các Tâm Quả Thiện Dục giới. **Có 8 tâm** :

- 4 thức giác quan : Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt thức thiện thọ Xả, cái biết của thức giác quan khi bắt cảnh tốt .
- Thân thức thiện thọ Lạc
- Tâm tiếp thu quả thiện thọ xả ,
- **2 Tâm Quan sát** quả thiện thọ Xả và thọ Hỷ (*nhều hơn Quả bất thiện 1 tâm là thọ Hỷ*)

Tâm Quả Vô Nhân , Thiện và Bất Thiện , tạo thành hệ thống song song, là **Ngũ Song Thức** :

Nhãn	Thọ Xả	Nhãn	Thọ Xả
Nhĩ		Nhĩ	
Tỷ		Tỷ	
Thiệt		Thiệt	
Thân	Thọ KHỔ	Thân	Thọ LẠC
Tiếp thu	Thọ Xả	Tiếp thu	Thọ Xả
Quan sát		Quan sát	
			Thọ Hỷ

Bốn cặp Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt thức , chỉ làm mỗi việc là nhận bắt cảnh sắc mà thôi, cho nên chúng tất cả đều thọ Xả , chúng chỉ “biết” cảnh sắc một cách tự nhiên theo “quả” (do Nghiệp sinh thể) .

Riêng cặp Thân thức , điều kiện bắt cảnh có hơi khác đi và cũng chính vì sự cấu tạo cũng hơi khác , nên có 2 thọ là Khổ và Lạc .

Cặp Tiếp thu, cũng chỉ làm một công việc tiếp thu các cảnh sắc vừa bắt lại cho tâm Quan sát mà thôi, nên cặp Tiếp thu & cặp Quan sát này cũng Thọ Xả là do Nghiệp sinh như thế và cũng thiện hay bất thiện giống như Tâm Quả trước nó ; tuy nhiên, đối với quả Thiện, nếu cảnh “quá lạc” , quan sát sẽ thọ Hỷ (*có thể nói nôm na là, nếu cảnh không quá lạc, nghĩa là “chưa ép phê”, nên nó quên đi, thọ Xả ; còn nếu cảnh “quá lạc”, quá “ép phê”, nên nó thích thú, Thọ Hỷ*) . Tâm Tiếp thu sinh lên do 3 nhân : Có sắc-ý-vật ; Có cảnh ; và Có chú ý . Ở đây, có chú ý là có sự hướng tâm đến cảnh

Tâm Quả Vô-nhân:

	Nhãn thức	Nhĩ thức	Tỷ thức	Thiệt thức	Thân thức	Tâm tiếp thu & Quan sát
Nhãn vật						
Nhĩ vật						
Tỷ vật						
Thiệt vật						
Thân Vật						
Ý vật						

Cảnh sắc						Trong trường hợp tâm làm việc Na cảnh hay tục sinh, hộ kiếp, tử, thì không có cảnh nhất định
Cảnh Thanh						
Cảnh Hương						
Cảnh Vị						
Cảnh Xúc						
Ánh sáng						
Hư không						
Gió						
Nước						
Chất Ngại						
Sự chú ý						

c) **Các tâm Duy Tác Vô-nhân** có nhân sinh giống như tâm tiếp thu và quan sát : là tâm Hướng Ngũ Môn , Hướng Ý môn và Tâm Ứng cúng sinh tiểu .

Nhận xét chung về các Tâm Vô Nhân : các trạng thái tinh thần cơ bản này bao gồm 18 trạng thái tính năng ; trong đó 15 tâm Quả vô nhân làm thành Ngũ song thức , thật ra , chỉ bao gồm 5 giác quan đầu tiên : nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân mà Duy thức gọi là Tiền Ngũ Thức . Tiền Ngũ thức là tâm quả vô nhân .

Về Ý thức , tâm quả vô nhân thuộc ý thức bao gồm trong 3 tâm mà thật ra, chỉ có 2 tâm : Tiếp thu và Quan sát .

Cuối cùng, còn 3 tâm Duy tác còn lại , là các tâm hướng Ngũ môn, hướng ý môn và Tâm sinh tiểu .

Như thế, trừ Tâm Sinh Tiểu ra , mọi cảnh mà ta nhận bắt được (chưa đến các tâm khác) , trong phạm vi tiền 5 thức và Tiếp thu đến Quan sát , Hướng Môn , toàn bộ giai đoạn này mang ảnh hưởng của Nghiệp quá khứ . Các tình trạng này tương đồng với bản năng phản xạ của hệ thần kinh não tuỷ .

Tâm Dục Giới Tịnh Hảo

Là những tâm Dục giới có Tâm sở Tịnh hảo đồng sinh và hoà hợp , và luôn câu hành với 2 nhân Vô Tham và Vô Sân . Bao gồm 3 nhóm : Thiện, Quả và Duy Tác , mỗi nhóm 8 tâm . Tổng số **24 tâm đều là tâm Hữu nhân** . Đây là các loại tâm phổ thông trên thế gian , tất cả mọi chúng sinh đều có các tâm này , vấn đề là tâm lực mạnh hay yếu .

1. Tâm Thiện Dục giới Tịnh hảo : còn gọi là Tâm Đại Thiện, có 3 căn cứ :

- Thọ (2 thọ) : Hỷ và Xả
- Tương ưng (2 tương ưng) : Hợp trí và Ly trí
- Trợ sinh (2 trợ) : Hữu và vô trợ .

Tâm Đại thiện chập 2 Thọ X 2 Tương ưng X 2 Trợ , làm thành **8 tâm đại thiện** .

Ta nhận thấy, trái với Tâm bất thiện, khi bản chất tâm thức hay xu hướng tinh thần là Vô Tham và Vô Sân, có nghĩa là khi lòng độ lượng và vị tha là bản chất, thì mọi điều thiện tự nhiên sinh . Do vậy, Xả là điều dứt khoát hiện hữu . Người độ lượng vị tha, luôn là kẻ hạnh phúc tràn đầy, Hỷ là cái tự nhiên sinh . Thiện tâm luôn được vun bồi bởi sự giáo dục (trí tuệ) và được cộng đồng hỗ trợ , thì tâm lực sẽ ngày càng mạnh .

Tuy nhiên, chưa thể là Vô Si được, vì Vô Si đồng nghĩa với giác ngộ , là Minh , là đã diệt tận Vô Minh .

Sở dĩ gọi là Đại thiện là vì :

- Tạo tác được nhiều Quả : tạo được 8 tâm Quả Vô nhân và 8 tâm quả Hữu nhân , trong Dục giới, gồm 16 tâm quả thiện dục giới .
- Tục Sinh được tại tất cả cõi hữu tâm (trừ vô tướng, vì vô tâm) .
- Biết được nhiều cảnh : tất cả 21 cảnh . (*Bảng liệt kê đính kèm*)

Tâm Đại thiện làm việc đồng tấc, tức là luôn xử sự với cảnh để tạo quả an vui về sau, gọi là Thập Hạnh phúc :

- | | | |
|--------------|--------------------|----------------|
| 1. Bồ thí | 5. Phục vụ | 8. Thính pháp |
| 2. Trì giới | 6. Tuỳ hỷ phước | 9. Thuyết pháp |
| 3. Tinh tiến | 7. Hồi hướng phước | 10. Tự Tu sửa |
| 4. Cung kính | | |

Về tác năng tạo quả, các tâm đại thiện tùy vào trường hợp suy xét mà cho các tâm quả thiện sinh ra nhiều hay ít , tất cả nằm ở sở hữu Tư Cetasika có mạnh hay yếu, có mặt hay vắng mặt . Sự tham gia này do Tác ý manasika hỗ trợ , chúng tạo nên sức mạnh của Tâm, gọi là tâm lực :

- Nếu có đủ Tam Tư, là 3 suy xét theo 3 thời : Tiền, Hiện và Hậu , nghĩa là trong 3 thời Trước khi làm, Đang làm và Sau khi làm, có sự tham gia đầy đủ của Sở hữu Tư , thì cho 16 tâm quả (nhiều nhất), thường là các tâm hợp trí .
- Nếu là các tâm hợp trí, nhưng thiếu 3 tư; và các tâm ly trí nhưng có đủ 3 tư, sẽ sinh 12 tâm quả: 8 quả dục giới vô nhân + 4 quả dục giới ly trí .
- Nếu các tâm ly trí, thiếu 3 tư, thì chỉ sinh có 8 tâm quả vô nhân .

Về cường độ tạo quả, thì Thọ Hỷ mạnh hơn Thọ Xả; Hợp trí mạnh hơn Ly trí; vô trợ mạnh hơn hữu trợ. Cũng như tâm bất thiện , vai trò của tâm sở Tư rất quan trọng .

Tâm thiện sẽ cho Nghiệp thiện chủ yếu được tạo ra do yếu tố chủ tâm, ở đây là có sự tham gia của Tâm sở Tư , cetana . Tâm thức thiện nói chung , sinh khởi do các nhân nghịch đảo của tâm bất thiện:

- | | |
|--------------------------------|------------------------------|
| • Tác ý (manasika) | • Thói quen tốt từ Đời trước |
| • Môi trường sống (Ở xứ thiện) | • Có sẵn khuynh hướng thiện |
| • Thân cận bạn thiện | |

2. **Tâm Quả Dục giới tịnh hảo** , còn gọi tâm Đại Quả , là quả của tâm đại thiện nói trên , có phần **thù thắng** hơn tâm quả thiện vô-nhân (vì là hữu nhân) , vì có khả năng đưa chúng sinh tái sinh về nhiều cõi vui Dục giới, mặt khác , nó là cơ sở tiên khởi cho việc thành tựu thiền định, thắng trí hay đạo quả .

Cũng làm thành 8 tâm do căn cứ 2 thọ (Hỷ và Xả) X 2 tương ưng X 2 Trợ . Nhưng cần nhớ rằng

- Tâm Đại quả Hợp trí, là quả của tâm **Đại thiện hợp trí có đủ 3 tư** . Tư là suy xét ; suy xét trước, trong và sau khi tạo tác , là 3 tư.
- Tâm Đại Quả Ly trí, là quả của **Tâm Đại thiện ly trí đủ 3 tư** , hoặc là quả của tâm **Đại thiện hợp trí thiếu 3 tư**

Tâm Đại quả dục giới tịnh hảo làm 4 việc (trong khi tâm quan sát quả bất thiện làm 5 việc) :

- | | |
|------------|------------------------------|
| • Tục sinh | • Tử |
| • Hộ kiếp | • Thập di (tâm mót, Na cảnh) |

Người nào tục sinh bằng tâm Vô-trợ, thì khí chất mau lẹ, linh động, nhanh nhẹn. Người nào tục sinh bằng tâm hữu trợ, thì chậm chạp, không linh hoạt cho lắm.

3. Tâm Duy Tác đực giới tịnh hảo, còn gọi là Tâm Đại Hạnh, Đại Tố, là những tâm của A

La hán dùng làm những việc mà đáng lẽ ra, phải làm bằng tâm Đại thiện.

Gồm 8 tâm, do chập 2 thọ (hỷ và Xả) X 2 tương ưng (hợp và ly Trí) X 2 trợ (hữu và vô trợ).

Cách A La hán sử dụng tâm:

Thường nhật, bình thường	Đôi cảnh, đôi tượng
Tâm thọ Xả	Tâm thọ Hỷ
Tâm Ly Trí	Tâm Hợp trí
Tâm Vô Trợ	Tâm Hữu trợ

Nhìn chung, VDP cho ta một chiều hướng rất tích cực trong việc tu tập để chuyển hoá toàn bộ các bản năng bất thiện trong đáy sâu tiềm thức. Bởi vì, khi bản chất của con người là lòng quăng đại, độ lượng và vị tha, thì các trạng thái tinh thần tất cả là điều thiện, các thiện nghiệp. Hơn nữa, các tâm quả của Tâm tịnh hảo lại rất nhiều và thù thắng, có nghĩa là hệ quả của các hành vi có mục đích cao thượng là rất thù thắng, nó làm chuyển hoá cả Thân và Tâm trong hiện tại và truyền trao lại vị lai.

Cuối cùng, tất cả 3 loại tâm tịnh hảo, đều là 2 thọ (hỷ, xả), 2 tương ưng (trí), 2 trợ. Chúng cho ta ý nghĩa sâu xa rằng, tất cả tâm tịnh hảo chỉ là một. Vấn đề là cấp độ tịnh hảo, là cấp độ nhận thức và tu tập, mức độ chuyển hoá trong Thân và Tâm mỗi chúng ta. Một người bản chất và hành vi cao thượng vị tha, có lòng yêu thương chan hoà, thì dĩ nhiên con người ấy hoàn toàn tự tại, làm sao không Hỷ và Xả được? Tuy nhiên, muốn đạt đến điều này, thì dứt khoát chỉ có một con đường, đó là Văn-Tư-Tu, là Giới-Định-Tuệ.

Con đường đi đến trạng thái tinh thần của bậc Thánh Alahán, là độc đạo. Đây là thông điệp của VDP khi phân tích đến trạng thái tinh thần Thiện.

Thức trong Thiên (Tâm Đáo Đại)

Có 2 nhóm : Từ cõi Sắc (Tâm Sắc giới) đi vào cõi Vô sắc (Tâm Vô-sắc giới)

Tâm Thiên không phải là tâm Dục giới, những trạng thái tinh thần này cảm nhận với sự **an chỉ định đề mục thiên qua ý môn**. Ở những sátna tâm thiên, hành giả giải thoát khỏi những chi phối của những cảm xúc giác quan và những phiền não do chúng trói buộc. Tâm thiên gồm tâm thiên Sắc giới và Vô sắc giới.

1.- Tâm Sắc Giới là tâm Thiên, tuy không có cảnh trần, nhưng tâm thiên này phát sinh trong tiến trình nhận biết đề mục thiên qua ý môn. Trong tiến trình này, đầu tiên có tâm dục giới để biết đề mục thiên; sau đó, vào cuối tiến trình này, tâm thiên phát sinh. Do đó, tuy thoát khỏi tham dục, nhưng vẫn còn trong phạm vi quyền lực của Sắc-pháp, Ái-sắc (rupã-tanhã), là sự thích thú với thiên cảnh sắc. Ái sắc chiếm ưu thế trong tâm Thiên Sắc giới.

Tâm Thiên (Tâm Sắc giới) có 3 thành phần: Thiện, Quả và Vô tác.

Phần này, là sự phân tích những loại tâm phát sinh do Thiên. Việc phân tích này phòng ngừa 3 ô nhiễm

- Tham đắm, ái luyến vào trạng thái đặc thiên.
- Tà kiến: sự giải thích sai lầm về trạng thái đặc thiên.
- Mạn: tính tự phụ nảy sinh do đặc thiên.

Có khoảng 40 đề mục thiền quán, bao gồm cả 10 đề mục Kasina . Như vậy, gọi là Tâm Sắc giới, vì đã dùng sắc pháp làm đề mục để Thiền quán , và cũng đem lại kết quả là tục sinh về cõi sắc giới .

a) Có 5 nhân tố quyết định việc phát triển Thiền đưa đến loại tâm cõi sắc và cõi vô sắc : đây là 5 Tâm Thiền Thiện Sắc giới . Chúng là những Chi Thiền :

- | | |
|------------------------------------|------------------------------|
| 1. Tầm (vitakka) | 4. Lạc (sukha) |
| 2. Tứ (Vacara) | 5. Nhất tâm, Định (ekaggata) |
| 3. Hỷ (Piti) (sự chú tâm say mê) | |

Năm trạng thái tinh thần trên xuất hiện trong tiến trình tu tập thiền . Đó là sự minh chứng cho năng lực tiềm ẩn của tâm . {Tâm Tịnh hảo và các sở hữu đi kèm} . Năm nhân tố này giúp nâng tâm thức của ta từ cõi dục đến cõi sắc và từ Sắc đến Vô-sắc bằng cách loại bỏ lần lượt 5 chương ngại :

1. Trong Sơ thiền : đầy đủ cả 5 tâm thiền trên , trong trạng thái tinh thần này, 5 loại tâm trạng không hoàn hảo (bất thiện - triền cái) đã bị đoạn diệt (Dục, sân, Hôn trầm, Trạo cử, Nghi) . Nói là tâm này sửa chữa lười biếng, hôn trầm , hoài nghi, bồn chồn, phóng dật, vọng tưởng, ái nhiễm : sơ thiền được gọi là “tư duy ứng dụng”, nó có nghĩa “chợt nghĩ ra”, “ngộ”, “khởi quán” . Sơ thiền sắp đặt tâm, để tâm vào một đối tượng thiền.
2. Nhị thiền, Trợ thiền : không còn Tầm , còn 4 tâm thiện còn lại , tâm này sửa chữa ngờ vực : trợ thiền là giữ tâm trụ nơi đối tượng , giữ vững chỗ trụ của tâm .
3. Tam thiền, không còn Tầm lẫn Tứ, mà chỉ còn 3 tâm . Tâm hoan hỷ sửa chữa sân hận : trạng thái Hỷ này giúp ta chú tâm hơn, hoặc thúc đẩy ta hơn nữa, việc chuyên cần theo đuổi hoạt động Thiền . Trạng thái này thuộc Hành, chú tâm là một sự mong muốn; hoan hỷ chủ động . (là sự thăng hoa của Tâm sở Hỷ biệt cảnh)
Tứ thiền, chỉ còn Lạc và Định . Lạc sửa chữa trạo cử (bồn chồn , lo lắng) : là cảm giác thỏa mãn hay hạnh phúc . Định loại trừ vọng tưởng, trạng thái này thuộc Tướng .
“...pháp là sự sáng khoái thuộc về tâm, sự dễ chịu thuộc về tâm, trạng thái cảm thọ dễ chịu, sáng khoái sinh từ tâm xúc, sự cảm giác sáng khoái thuộc về tâm xúc. Đây là lạc” (Pháp tụ)
Hỷ và Lạc hỗ trợ nhau, bổ sung nhau . Hỷ tạo cho tâm một trạng thái hưng phấn vui thích; Lạc tạo cho tâm một trạng thái an lạc thỏa thích trong đối tượng
4. Ngũ thiền, chỉ có Định, là Nhất tâm (ekaggata) , đối trị Dục Lạc (Ái dục) , **Lạc không còn , thay vào đó, là Xả** : là tâm không xao lãng, tập trung tâm, không lay chuyển, không dao động về đối tượng thiền . Định khi hiện hữu trong các tâm bất thiện, là tà định ; nếu cùng các tâm Thiền, thì trở thành chi thiền ; cùng với các Tâm Thiền vô sắc, thì trở thành Chánh Định.
“...đối với tâm, có pháp là sự đình trụ, sự vững trú, sự vững vàng, sự không tán loạn, sự không lao xao, tính cách tâm không xao xuyên, chỉ tịnh, định quyền, định lực, chánh định, định giác chi, chi đạo liên quan đạo. Đây là Nhất-hành-tâm”

5 Tâm thiền thiện nói trên, do nghiệp tác động và **hiện diện trên cõi đời này** . Và dĩ nhiên, có 5 loại tâm phản ứng , đó là 5 Tâm Thiền Quả là 5 loại kết quả . Và cuối cùng , có 5 tâm chức năng, là 5 Tâm Duy Tác .

b) Năm Tâm Thiền Quả Sắc giới , là kết quả của 5 Tâm Thiền Thiện . Nói cách khác, trau dồi thiền định trong cõi sắc, mang lại tái sinh trong cõi sắc . Những tâm này là những **điều kiện tất yếu để tạo một đời sống mới (tục sinh)** . Để cho các tâm quả thiền làm sinh báo nghiệp, các

hành giả phải giữ gìn thiền định cho đến lúc lâm chung, nghĩa là phải giữ gìn tâm thiền để tạo sinh khởi tâm tục sinh .

c) **Năm Tâm Thiền Duy Tác Sắc giới** , là loại thiền định trong cõi sắc, được hành trì bởi những vị A La hán, những vị này đã phá vỡ những ràng buộc của hành động và tác động . Vì vậy, 5 loại tâm cõi sắc này xem như không hoạt động , là tâm vô tác . Các A La hán dùng tâm thiền này để nhập Thiền Diệt Thọ Tướng Định .

Tóm lại có 15 Tâm Thiền trong cõi Sắc , liên hệ đến 5 tầng Thiền : Sơ, Nhị, Tam, Tứ và Ngũ Thiền .

2.- Tâm Vô sắc Giới : Cũng là loại tâm Thiền , nhưng với đề mục vô-sắc. Loại tâm này tuy thoát ra được sự kềm chế của Ái sắc , nhưng cũng bị Ái-Vô-Sắc (arūpa-tanhā) chi phối , vẫn nằm trong quyền lực của tham cảnh thiền vô-sắc . **Tâm Vô-sắc-giới có 3 thành phần : Thiện, Quả và Vô Tác** , mỗi thành phần có còn 4 loại tâm : Không Vô biên; Thức vô biên; Vô sở hữu và Phi tướng phi-phi tướng , cả 4 loại đều hợp Xả và Định . Tổng cộng là 12 tâm Thiền Vô sắc giới .

Xả	Tâm Vô sắc	Định	Đối tượng đề mục chứng đắc
Hợp Xả	Không vô biên	Hợp Định	Hư không là vô biên
	Thức vô biên		Thức là vô biên
	Vô sở hữu		Vô hữu xứ (không tánh)
	Phi tướng phi-phi-tướng		

4. Tâm Siêu thế, là tâm chứng đắc Niết bàn và thành tựu thánh vị, thoát khỏi 3 loại Ái : Ái dục, Ái sắc, Ái Vô-sắc , diệt trừ Nghiệp dẫn sinh vào 3 cõi . Tâm Đạo là tâm giác ngộ và Tâm Quả sinh khởi ngay khi Tâm Đạo vừa diệt .

Tâm Siêu thế chỉ có 2 thành phần : Tâm Đạo và Tâm Quả Siêu thế . Mỗi loại tâm, có 4 bậc : Nhập Lưu (Dự lưu), Nhất lai, Bất lai, A La hán . Cộng chung là 8 tâm .

Nếu mỗi bậc, lại chia thành 5 loại theo 5 tầng thiền, thì tổng cộng : 4 bậc X 5 tầng = 20 tâm Đạo. Có 2 loại Tâm đạo và Tâm quả, nên tổng cộng là 40 tâm .

Sai biệt nhau là $40 - 8 = 32$ tâm . Số sai biệt này tạo nên sai biệt 89 tâm và 121 tâm .

Có 4 giai đoạn giác ngộ :

	Thập Thiền	Nhập lưu	Nhất lai	Bất Lai	A La hán
1	Ngã	Xả	Xả	Xả	Xả
2	Nghi	Xả	Xả	Xả	Xả
3	Giới luật	Xả	Xả	Xả	Xả
4	Dục Lạc		Suy yếu	Xả	Xả
5	Sân hận		Suy yếu	Xả	Xả
6	Ái luyện cõi Sắc				Xả
7	Ái luyện cõi Vô sắc				Xả
8	Mạn				Xả
9	Dao động				Bất động
10	Vô minh				Minh

Xả (upekkhā) , là trạng thái vô tư, quân bình, không thiên về của Tâm thức . Là một trạng thái nội tâm hoàn toàn buông xả, hoàn toàn xả ly, hoàn toàn không có bất kỳ sự tự đồng hoá nào . Là

trạng thái không còn một cái ngã nào cả, mà chỉ là trạng thái cực kỳ quân bình, nhưng lúc ấy, sự chú tâm là cực kỳ mạnh mẽ. Trạng thái Xả này, thực ra chính là Trung Đạo.

Xả trong bất thiện tâm hay vô nhân tâm, chỉ là những cảm giác suông, hay còn gọi là sự lãnh đạm của tâm.

Xả trong các thiện tâm, không phải là sự lãnh đạm của tâm.

Xả trong trường hợp đặc biệt của tâm thiện, không thể được xem như là loại cảm thọ vô ký suông, mà đó là một loại cảm thọ được phát triển đến đỉnh cao của Thiên.

Xả có ý nghĩa khác nhau, tùy vào loại tâm mà xả đồng chung cộng hưởng, chẳng hạn như:

- Trong 6 bất thiện tâm, Xả chỉ là cảm giác suông, là sự lãnh đạm của tâm.
- Trong các Tâm Quả, thì mang tính tiêu cực.
- Trong các tâm Thiện Dục giới, thì mang tính đạo đức.
- Trong các tâm Hợp trí, thì thuộc tính Trí tuệ lẫn Đạo đức.
- Trong các tâm Thiên, thì mang tính thanh tịnh vô lượng (4 vô lượng tâm).
- Trong các Tâm Duy Tác, thì thuộc đặc tính Xả Tuệ Vô Lậu.

Đến đây, có một truy vấn về các tâm Thiên: “*Bi và Hỷ không có mặt trong các tâm của bậc Alahán. Nghĩa là, các bậc Alahán không còn quan tâm đến khổ đau và hạnh phúc của nhân loại chăng?*”

Các phân loại khác

Ngoài ra, tùy theo các hướng khác nhau, lậu gia phân tích trạng thái tinh thần cơ bản thành những hệ thống khác nhau:

I) - Sự phân loại khách quan, lưu ý đến phương hướng mà Thức định hướng về.

		Đối tượng			
1	Thức trong phạm vi giác quan; Thức hướng vào thế giới của ham thích cảm giác (Kama-vachara)	Thuộc về Trần cảnh và liên quan đến thế giới của những sự vật có điều kiện (Tâm Hiệp Thế)	Vật chất và bị giới hạn	Cõi Dục, Tâm Dục giới	
2	Thức hướng vào cõi Sắc (Rupa-vachara)		Không phải là vật chất, nhưng vẫn bị giới hạn	Cõi Sắc	Tâm
3	Thức hướng vào cõi Vô sắc (Arupa-vachara)		Không phải là vật chất, và không bị giới hạn	Cõi Vô-sắc	Đáo Đại
4	Thức hướng vào Niết bàn (Lokuttara)	Thức Siêu trần, thức của 4 quả (Tâm Siêu Thế)	Siêu trần		

II) - Sự phân loại chủ quan, liên quan đến bản chất chính thức chủ quan của Thức

1	Thiện	Có tác động về mặt Nghiệp, có tiềm năng về Nghiệp	
2	Bất thiện		
3	Kết quả (Tâm Quả)	Không có tác động về mặt Nghiệp, không có tiềm năng về Nghiệp	không mang lại thêm kết quả, vì chính nó là kết quả
4	Chức năng (kiriyā)		cũng không mang lại kết quả, vì tiềm năng của chúng đã cạn trong chính hành động

III).- Phân loại theo cảm nghĩ, cảm thọ : mỗi nhân tố Thức đều có đặc tính xúc cảm : dễ chịu (Lạc) , khó chịu (Khổ, Ưu) , hay trung tính (Xả)

Có thể chia 3 đặc trưng trên thành 5 , bằng cách phân thêm về tinh thần và vật chất, trong vật chất , không có trung tính

IV).- Phân loại về Kiến thức , gồm 3 : ảnh hưởng của : kiến thức đúng đắn, không có kiến thức đúng đắn, kiến thức sai lầm .

V).- Phân loại theo Ý muốn : thức tự động (có bản chất tự động) và Thức ý chí (có nhân tố cố ý)

Cuối cùng , Tâm còn được chia chẻ ra theo :

- Cảnh giới : Dục giới, Sắc giới, Vô Sắc giới và Siêu thế giới tâm,
- Theo xu hướng Thiện hay Bất thiện :Bất thiện, Thiện, Vô Nhân, Tịnh quang tâm
- Hoặc theo khả năng tái sinh : Thiện tâm, Dị thực tâm , Duy tác tâm
- Hoặc theo căn nhân : Vô Nhân tâm, Hữu Nhân tâm
- Hoặc theo cảnh trần , thì 6 hệ thống tâm thức đi liền với 6 thức giác quan .
- Hoặc theo công tác

Nhận xét chung về Tâm Dục giới :

- Trong 54 tâm, thì có 12 tâm bất thiện và 7 bất thiện dị thực, tổng cộng có 19 bất thiện tâm. Các Bất thiện tâm thì luôn bị điều động, chi phối, thúc đẩy bởi Tham, Sân-Hận, Si .
- Trong 54 tâm, thì có 8 tâm thiện và 24 tâm tịnh hảo (thiện) , tổng cộng có 32 tâm thiện . Các tâm thiện luôn được sinh khởi từ, và luôn có mặt Chánh Kiến và Chánh Tư Duy; đồng thời được thúc đẩy từ tâm Hỷ và Xả .

Nói chung, tất cả chỉ xoay quanh Tham-Sân-Si , 3 bản năng chính của tâm thức con người ; và cũng xoay quanh Vô Tham và Vô Sân , 2 bản năng của bậc Thánh .

- Do vậy, sự tu tập đi từ nhiếp phục dần các triền cái, thì các tâm Tâm, Tứ, Hỷ, Lạc, Nhất tâm từ từ sinh khởi lên , thay thế cho 5 triền cái . Và Tâm Dục giới dần dần chuyển hoá thành Tâm Sắc giới , lúc này , mới có thể đề cập đến vấn đề Vô Si , bởi vì, phá bỏ xong Vô Minh , là Minh , là Vô Si :

Khi	5 chướng ngại	được thay thế bằng 5 Thiên Chi
1	Trạo cử	diệt, thì Lạc khởi
2	Hôn trầm	tan, thì Tâm xuất hiện
3	Dục	diệt, thì Xả và Nhất tâm hiện
4	Sân	diệt, thì Hỷ sinh
5	Nghi	dứt, thì Tứ xuất hiện

Phần Tâm (Tâm Vương , Thức) như là bản năng cơ bản của con người, bao gồm 121 trạng thái tinh thần (hoặc 89), chúng thực thi nhiệm vụ của chúng như là bản năng con người , đồng thời , trong những trạng thái đặc biệt (Thọ, Trường, Tham, Sân ...) chúng còn hành hoạt nữa . Cùng theo những bản năng Tâm này , có những Trạng thái tâm lý biểu hiện và hoạt động trong nội tâm , chúng đồng sinh với những bản năng cơ bản này , đồng biết một cảnh với tâm , đồng nương một căn với tâm , và đồng diệt với tâm , những trạng thái tâm lý này được gọi là những Sở hữu Tâm (tâm sở) , hay tâm hành, vì chúng thực sự hoạt động và chúng thuộc Hành Uẩn . Như thế, ta lưu ý, Tâm – Citta , thường được xem là những Trạng thái tinh thần cơ bản, bản năng tinh thần ,mặc dù chưa đủ hết ý nghĩa .

Và Sở Hữu Tâm – Cetasika , thường được xem là những Trạng Thái Tâm Lý (Tâm trạng) , những trạng thái có tính tạo tác , có tính thực thi .

Duy thức tông chia Tâm là 3 thành phần : Ý thức , Mạt na thức và Alaya thức , chúng chỉ là một thứ Tâm mà thôi, chỉ khác nhau lúc biểu hiện, biểu biệt , nên còn gọi Duy Biểu .

Phương pháp tu tập, hành trì, sẽ làm diệt tận những Trạng thái tâm lý tiêu cực (tâm sở bất thiện). Và đến lượt Tâm , bản năng cơ bản tương ứng , tự động suy mòn theo . Đó là những trạng thái tinh thần của các bậc chứng Thiên, từ cận định, đến tứ thiên , hay đến giác ngộ . Bởi vì trạng thái và tính chất tâm phụ thuộc rất nhiều vào đối tượng của tâm .

Trong tu tập, các trạng thái tinh thần về trí tuệ sẽ lần lượt sinh khởi :

1.- Tuệ giác đầu tiên : là tuệ phân biệt được Danh-Sắc như là những tiến trình. Tuệ giác này quan trọng bậc nhất , để làm duyên cho trí tuệ thứ 2 .

2.-Tuệ giác thứ 2 : là tuệ phân biệt Nhân-Duyên , là sự kinh nghiệm về nguyên lý Duyên sinh .

3.-Tuệ giác thứ 3 : là kinh nghiệm được 3 đặc tướng của các pháp : Dukkha, Vô Ngã và Vô Thường .

4.-Tuệ giác thứ 4 : là tuệ Sinh-Diệt , là thấy sinh-diệt một cách rõ ràng ngay trong hiện tại , là sự kinh nghiệm một cách thâm sâu cùng cực của 3 tuệ trên, là Hành Xả đã phát triển biểu hiện qua 6 đặc tính

- Không sợ hãi, không phẫn khích
 - Không ưa ghét
 - Không khổ, không lạc
 - Thiền trở thành tự động (chánh niệm luôn duy trì), không cần cố gắng , tâm luôn an trụ . Đến mức, thiền cả trong giấc ngủ .
 - Tinh tấn trở nên cân bằng , vừa đủ để duy trì chánh niệm và tâm thiền .
 - Không bị tán tâm .
- } Mọi suy nghĩ biến mất, tâm rất quân bình .

Giai đoạn này, hành giả chỉ còn nhìn và thấy, không thể ghi nhận được nữa , vì ghi nhận thì chậm, nhìn và thấy thì cực nhanh . Tâm ví như một chiếc gương phản chiếu vậy .

5.-Tuệ giác thứ 5 : Hoại diệt tuệ : sự sinh diệt trở nên cực kỳ nhanh, đến nỗi hành giả không còn chú ý nhiều đến sự Sinh nữa, nhưng lại chú ý đến sự Diệt, sự biến mất , sự vắng mặt . Nói cách khác, chỉ còn là tiến trình không gián đoạn của tiến trình danh và tiến trình sắc bị biến mất , không có bất kỳ tư duy nào chen ngang qua tiến trình đó cả. Cả 2 cùng biến mất , đây là tuệ hiểu biết Vô thường, là Tuệ Diệt .

6.-Tuệ giác thứ 6 : Tuệ thấy nguy hiểm, Tuệ Kinh sợ , là tuệ thấy các tiến trình danh sắc này là nguy hiểm , đáng sợ, đáng xa lìa nó , đáng không dính mắc với nó . Tuệ Yếm ly : là tuệ thấy rằng không còn gì mong cầu, ham muốn dính mắc với các tiến trình danh sắc nữa . Kể cả các tiến trình tâm Thiên .

7.-Tuệ thấy Khiếm khuyết, bất toàn , của mọi tiến trình danh sắc .

8.-Tuệ Nhàm chán với các tiến trình danh sắc

9.-Tuệ muốn giải thoát : là tuệ muốn vượt thoát khỏi các tiến trình danh sắc thực sự .

10.-Tuệ Giản trạch : là tuệ quay lại với sự hành thiền miên mật .

11.-Tuệ Xả : xả đối với Danh lẫn Sắc .

12.-Thuận thứ Tuệ , chứng ngộ 4 Thánh Đế .

13.-Tuệ chuyển tộc , tâm trong lộ trình chuyển sang Đạo tuệ

14.-Đạo tuệ , tâm đạo

15.-Quả Tuệ, tri kiến thanh tịnh

16.-Phản kháng tuệ , thành tựu Thánh Nhập Lưu .

Theo Phật giáo phát triển, Tuệ giác là tâm thể viễn ly phân biệt , (ly niệm) , là pháp tánh đồng nhất (tính đồng nhất của mọi hiện tượng) , đồng đẳng không gian (đồng thể với hư không), phổ biến toàn thể (không có không gian , vì có không gian là có giới hạn) , là pháp thân bình đẳng mà các Đức Như Lai đã chứng ngộ . Pháp thân này được gọi là Tuệ-giác-vốn-có (Bản Giác) .

Gọi như vậy, chỉ vì đối đãi với Tuệ-giác-mới-có (Thủy Giác). Tuệ-giác-mới-có này đồng một thể với Tuệ-giác-vốn-có

Tuệ-giác-mới-có (Bản Giác) là do Tuệ-Giác mà có Bất Giác (Vô minh) , giác ngộ cái vô minh ấy, là Tuệ-giác-mới-có (Thủy Giác) .

Khi Thủy Giác thấu triệt tâm thể (giác tột nguồn tâm) thì được gọi là Cứu-cánh-giác (tuệ-giác đã triệt để) . Nếu chưa thấu triệt tâm thể, thì gọi là tuệ giác chưa triệt để (chẳng gọi là cứu-cánh-giác) .

Đây nói về sự tiến tu , sự hoàn thiện các lớp giác ngộ cho đến khi hoàn toàn giải thoát .

a) Như phàm phu, “giác” biết niệm-khởi-trước , nên dừng niệm-sau khiến nó chẳng khởi . Tuy gọi là giác, mà thật ra , bất giác .

b) Như trí quán của Bồ tát mới phát tâm, giác ở “niệm phân biệt” (niệm dị) , nên niệm vô-phân-biệt (niệm không tướng dị) . Xả bỏ tướng chấp trước phân biệt thô , nên gọi là Tương-Tự-Giác , thật ra, chưa phải thật giác .

c) Như bậc pháp thân Bồ tát, giác ở niệm trụ (chỉ 4 tướng : Năng kiến, Cảnh Giới, Trí, Tương tục) , tức niệm không tướng trụ . Xả lìa tướng niệm thô, nên gọi là Tùy-phần-giác .

d) Như Bồ tát địa tận, nhất niệm tương ưng, giác tâm sơ khởi (giác ngộ khởi điểm), tâm không có tướng sơ (tâm thể không có tướng khởi điểm) . Xả lìa niệm vi tế, nên thấy tâm tánh, tâm thể vĩnh viễn trong sáng , nên gọi là cứu-cánh-giác.

Con đường giải thoát không có ngã rẽ , chỉ duy nhất MỘT mà thôi .

Chương IV – SỞ HỮU BIẾN HÀNH VÀ BIỆT CẢNH PHÂN TÍCH VỀ CÁC TRẠNG THÁI TÂM LÝ PHỔ BIẾN

Nhóm các trạng thái Tâm lý - Nhóm hoạt động tư duy Sở hữu tâm

Một trong 4 nhân sinh khởi của Tâm thức (citta) là “Có sở hữu – Cetasika ”. Ở đây, chúng ta phân tích về Cetasika .

Trong đời sống bình thường, các tâm sinh diệt nối tiếp nhau như những giọt nước trôi chảy trong dòng sông của sự sống. Trong quá trình trôi nổi sinh diệt ấy, các cảnh từ bên ngoài du nhập vào các tâm, hay tự khởi hiện ở bên trong (do nghiệp quá khứ), đã làm nảy sinh những loại “sở hữu” sai biệt. Và các tâm bị nhuộm bởi những “sở hữu” sai biệt đó, được mang những tên khác nhau, tùy thuộc vào tính chất hay trạng thái của “sở hữu” sai biệt mà nó mang. Các tâm trạng, là tính chất “sở hữu” đó, được gọi chung là “Sở Hữu tâm” hay Tâm Phụ Tùy, nói vắn tắt là “Tâm Sở, Tâm Hành. Tâm hành cũng là tính chất của tâm, quyết định một phương thức để đối phó với các đối tượng.

Nói khác đi, Sở hữu tâm là những trạng thái tâm lý, là những thói quen tâm lý đã được phát triển từ bản năng tinh thần (Tâm) cũng như là những phương thức tư duy, những khuôn mẫu tư duy đã được học tập sâu sắc, phát triển kiên cố trên nền của bản năng tinh thần (tâm); nhưng tất cả chúng (sở hữu tâm), không nhất thiết xuôi chiều theo bản năng tinh thần. Chúng là ***một thực tại tối hậu***.

Trạng thái tâm lý là những yếu tố liên hệ với tâm (Citta – hay Thức theo Duy Thức), chúng phát sinh và mất đi với Citta, và chúng có cùng một đối tượng và cơ sở (căn) như Citta. Điều này cho thấy ngay sự liên hệ rất mật thiết giữa Tâm (Citta) và trạng thái tâm lý – Cetasika.

Tâm (citta), tâm thức, chỉ có chức năng là “biết cảnh”, còn phần tạo tác là do chức năng của các “sở hữu tâm” – cetasika.

Citta không tự sinh khởi được, mà phải được đi kèm với các Cetasika : Citta đóng vai chỉ đạo và Cetasika chia sẻ cùng Cảnh và mỗi bên thực hiện nhiệm vụ riêng của chúng.

Cetasika – Tâm Sở (Tâm hành) – là những yếu tố liên hệ với Citta, Cetasika sinh khởi và diệt đi cùng với Citta, và Cetasika có cùng một Cảnh và cơ sở như Citta.

Có thể so sánh, Citta là bộ khung xương và Cetasika là phần bao quanh làm nên thành phẩm. Do vậy, hệ thống Tâm thức trở nên phức tạp là do tác năng của “sở hữu”.

Chúng ta nên biết rằng, ***những phiền não cũng chỉ là những sở hữu tâm, và ngay cả những đức tính tốt cũng là các sở hữu tâm cả***. Mọi phản ứng của chúng ta, mọi hành xử của chúng ta đối với hiện tại, tất cả chỉ là những sở hữu tâm đang thực thi nhiệm vụ riêng phần của chúng trong khi hỗ trợ cho tâm mà thôi. Trong khi Tâm, chỉ là trạng thái bản năng, là khuynh hướng cơ hữu.

Nói một cách gần gũi là, tâm phải có tâm trạng. Không có tâm trạng, thì chỉ còn lại dòng hữu phần, trong giấc ngủ say không chiêm bao.

Trong 1 thời điểm, chỉ có 1 tâm; và 1 tâm chỉ biết 1 cảnh. Và ngược lại. Có nghĩa là ***chỉ có 1 tâm (và sở hữu hợp với nó) có mặt***.

Do vậy, có một số trạng thái tâm lý (Tâm sở) xuất hiện một cách tự nhiên do những loại Tâm riêng biệt, chúng ta sẽ đi đến sự hiểu biết làm sao mà một số trạng thái tâm lý (Tâm sở) và các loại Tâm (Citta) lại đi cùng với nhau.

Nói cách khác . **những trạng thái tâm lý nào , khi sinh khởi có 4 đặc tính phụ thuộc vào Tâm (Citta) như sau : Đồng sinh ; Đồng diệt ; Đồng biết cảnh ; Đồng nương Vật ; thì được gọi là Sở hữu Tâm , hay gọi tắt là Tâm sở - Cetasika – cũng được gọi là Tâm Hành ,** vì chính nó mới là cái hoạt động, hành hoạt .

Riêng chúng sinh cõi Vô sắc, thì chỉ còn 3 đồng, không có Vật .

Có 4 ý nghĩa :

- Trạng thái : là thuộc tính đặc trưng riêng , nương gá nơi Tâm (Thức)
- Phận sự : là chức năng, thành tích riêng , không xa rời Tâm Thức .
- Sự thành tựu : là sự thể hiện, hình tướng hay hiệu quả trong cùng cảnh với Tâm thức
- Nguyên Nhân : 1) Nhân gần : là những cơ hội, điều kiện trực tiếp ; 2) Nhân xa : là những điều kiện chi phối những hiện tượng xuất hiện . Cả 2 nhân đều có sự hiện diện của Tâm Thức .

Các tâm khác nhau, cùng với các sở hữu kèm theo, cùng sinh khởi khi có những điều kiện thích hợp, cho phép tất cả bọn chúng cùng sinh khởi một lượt . Ví dụ :

- Ngay cả khi tai của chúng ta vẫn mở hàng giờ trong ngày, nhưng không phải lúc nào ta cũng nghe được . Bởi vì lúc đó, các tâm khác biệt nhau sinh khởi cùng với các sở hữu đi kèm, chiếm ngự lấy ý thức của ta .
- Thấy, chỉ là một Danh-pháp, nó sinh khởi vì có sự hoà hợp của các nhân và duyên, thiếu các nhân duyên, không thể sinh khởi cái “thấy” . Cái “thấy” không thể tồn tại, nó sinh khởi và phải diệt đi . Ta không thể ép buộc để cái “thấy” xuất hiện và cũng không thể ép để nó tồn tại được .

Phân tích kỹ về những điều này là thật quan trọng để hiểu về Tâm, sở hữu tâm và sự phối hợp các tâm, là hiểu biết về các trạng thái tinh thần tiềm ẩn của ta, chúng biểu hiện thành những tâm trạng, những dòng suy nghĩ, những tư duy của ta như thế nào và điều khiển mọi hành vi của ta như thế nào .

Có 3 trạng thái tâm lý (Tâm sở, nhóm tâm sở) thông thường : Thiện, Bất-thiện, và **không phân biệt rõ** . Thiện, để chỉ cho một trạng thái tinh thần, tâm lý hoàn hảo ; và ngược lại, Bất Thiện, là trạng thái tinh thần tâm lý không hoàn hảo . Tổng cộng có 52 tâm hành, trong đó : **Thọ là 1 ; Tưởng là 2 ; còn lại 50 tâm hành kia, được gọi chung là sankhārā (thuộc nhóm Hành – Hành Uẩn)** . Tất cả được xếp thành 3 hay 4 nhóm (loại), tùy theo cách nhìn, như sau :

- Tâm sở Biến Hành , là các tâm trạng phổ biến với tất cả các trạng thái tinh thần và tâm lý.
- Tâm sở Biệt Cảnh , là các tâm trạng xuất hiện trong những trạng thái tinh thần và tâm lý riêng biệt, xuất hiện theo những “cảnh” riêng biệt .
Hai loại Sở hữu trên, lại xếp thành một nhóm chung, gọi là Tâm Sở Tợ Tha .
- Tâm sở Bất Thiện, hay Tâm Sở Vô Tịnh Hảo, là các tâm trạng bất hạnh trong trạng thái tinh thần tâm lý tiêu cực .
- Tâm sở Tịnh Hảo, là các tâm trạng hạnh phúc trong trạng thái tinh thần tâm lý tích cực .

I.- Cảm giác (vedanā), Thọ, có một vị trí vô cùng quan trọng, vì **vừa là một Uẩn, vừa là một Tâm sở**. Nghĩa là Thọ vừa là trạng thái bản năng, lại vừa là trạng thái hoạt động . Là Uẩn, Thọ lại là Quả của Nghiệp quá khứ . Con người có chung 4 đặc tính của thực tại :

- Thân và Cảm giác của thân .
- Tâm và Nội dung của tâm (tâm pháp) .

Khi quán sát, tra gạn, tự vấn về hiện tượng hoàn mãn con người, mỗi đặc tính phải được kinh nghiệm bằng cách quán về cảm giác (Thọ).

Đức Phật đã nhấn mạnh tầm quan trọng của cảm giác: *“Bậc giác ngộ toàn triệt đã được giải thoát, tự tại khỏi những tham ái, bằng cách nhìn thấy đúng như thật, sự sinh khởi, sự hủy diệt, sự ngọt ngào, sự nguy hiểm của cảm giác, và sự thoát ly khỏi cảm giác”*

Mọi kinh nghiệm tích tập trong đời sống, đều từ 6 cửa giác quan. Bất kỳ cái gì khởi lên trong tâm, cũng đều có một cảm thọ đi kèm.

Trong bóng tối của Vô minh (bị thúc đẩy bởi bản năng), một phản ứng của cảm thọ được hình thành trong vô thức. Phản ứng này được lập đi lập lại và khuếch đại lên vô số lần, cho đến khi đủ sức mạnh để phát lên một tia sét cuồng nộ lên lên tầng ý thức, làm bùng lên ngọn lửa dữ dội của Tham ái, Sân hận và Cuồng si.

Thọ là một kinh nghiệm giác quan chủ quan (kinh nghiệm cảm tính) về một đối tượng – theo Abhidamma – nó không ngụ ý sự xúc động, xúc cảm. Thọ liên kết với mỗi loại tâm và cũng giống như các loại tâm, nó khởi lên để diệt đi trong khoảnh khắc: *“Thọ khởi lên để làm gì? Thọ khởi lên... để diệt đi”*.

Thọ Xả phải đi với Chánh niệm tỉnh giác, nếu không, nó sẽ trường dưỡng cho Vô Minh, trường dưỡng cho bản năng vị kỷ của con người.

II.- Nhận thức (sannā), Tưởng, cũng *vừa là một Uẩn, vừa là một Tâm sở*, Tưởng là sự nhận biết về những khía cạnh đặc biệt của đối tượng, và nó sinh lên cũng để diệt đi trong khoảnh khắc. Tưởng là tâm sở, nên nó phải đồng sinh với 1 tâm citta trong 1 thời điểm, thời điểm này, Tâm chỉ biết cảnh, nó không ghi nhận cảnh. Tưởng tâm sở ghi nhận cảnh. Bất cứ khi nào nhớ điều gì, đó là Tưởng tâm sở, không có Ngã. Tưởng cũng luôn luôn song hành với Thọ.

Tưởng và Trí nhớ: Trí nhớ xảy ra, qua một diễn trình phức tạp, trong đó, Tưởng (nhận thức) đóng vai trò quan trọng nhất. Khi ý thức nhận biết một đối tượng qua các giác quan, Tưởng rút tia ra “dấu vết đặc biệt” của đối tượng.

Khi chính đối tượng đó lại được “tái gặp gỡ” lại, Tưởng, một lần nữa, lưu ý đến các dấu vết đặc biệt đó giống với các dấu vết trước. Nó “nhắm bắt” lấy tính “tương đồng” của dấu vết.

Sự nhắm bắt này, là một chuỗi phức hợp của tiến trình tâm, trong đó, một trong những tiến trình tâm chấp nối (nối tiếp) đối tượng hiện có với đối tượng cũ, và một tiến trình khác gắn vào đối tượng trên cái tên của đối tượng trước. (Xem tiếp *Diễn trình Tâm*).

Trí nhớ sẽ “tốt”, nếu sự “nhắm bắt” này khéo thi hành nhiệm vụ của mình và sự “nhắm bắt” này sẽ hoạt động khéo nếu sự “phân biệt” dấu vết đặc biệt của đối tượng được rõ ràng, không bị che khuất bởi ý tưởng không thích hợp với nó.

Vậy, nhận thức – tưởng – rõ ràng đến từ Tác ý: *Trong cái thấy, chỉ là cái thấy; trong cái Nghe, chỉ là cái nghe; trong cái Thọ nhận qua các giác quan, chỉ là cái thọ nhận qua các giác quan; trong cái Tưởng, chỉ là cái tưởng”*

Có 4 điền đảo của Tưởng: Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, mà ta gọi chung là Vọng tưởng, điền đảo vọng tưởng. Tóm lại, cả hai *“Thọ, Tưởng, là Ý-hành”*

III.- Hành Uẩn (sankharā): gồm 4 nhóm: cùng khởi, biệt khởi với tâm; và Thiện, bất thiện. Trong đó, 2 nhóm Đồng khởi (cùng khởi) và Biệt khởi (biệt cảnh) được gộp vào nhóm Tâm Sở Tợ Tha, nghĩa là Tợ (tương tự) vào Tha (cái khác).

1.- Tâm Sở Tợ Tha : Tợ , là tương tự ; Tha , cái khác . Là những *trạng thái tâm lý (Tâm sở) không phân biệt rõ (thiện hay bất thiện)*, không thiện mà cũng không bất-thiện, nhưng *bắt đầu có tính chất của trạng thái tinh thần và tâm lý khác (tâm sở khác) mà chúng liên hệ với .*
Những trạng thái tâm lý không rõ này, đóng vai trò chính trong xây dựng kinh nghiệm thức, giống như ciment , không có ciment, thì việc xây dựng kinh nghiệm không thể gắn kết được .
 Nói cách khác, chúng mang đặc tính của tâm mà chúng kết hợp .

Có 2 nhóm trạng thái tâm lý không rõ này : **Tâm sở biến hành : 7 tâm** và **Tâm sở biệt cảnh : 6 tâm** Tổng cộng 13 tâm :

Các Sở Hữu Biến Hành **Các tâm trạng phổ biến .**

Tâm sở Biến hành : là các tâm sở cùng khởi lên với tất cả các tâm (chung khởi , phổ thông hay chính – **biến hành**), hiện diện trong tất cả loại thức (Tâm Vương) . Không có bất kỳ một tâm nào trong các cõi (trừ cõi Vô Tướng) mà không có sự tham gia của tất cả các Tâm sở biến hành này, kể cả tâm Tử, tâm Tục sinh hay Hộ kiếp . Nghĩa là tâm trạng chung cho mọi tâm trạng, là trạng thái chung cho mọi xu hướng tâm lý , là những hoạt động tư duy chung cho tất cả trạng thái tinh thần và tâm lý . **Có 7 trạng thái :**

1. **Xúc, phasa, phassa :** là một Sở Hữu , nó nói lên sự liên kết của thức (Tâm Vương) với đối tượng . Là sự chung sống giữa chủ thể & khách thể, là nền móng của mọi *kinh nghiệm có ý thức* . Có 6 Xúc phân theo Căn & Môn và theo Tâm có 121 tâm .

Xúc được nói đến đầu tiên, vì đến trước tâm khác, nhưng thật ra, *các tâm sở đều khởi lên 1 lần, không trước không sau* . Nhưng nói Xúc trước, để dễ hình dung trong trình bày .

Xúc hỗ trợ *tâm và các sở hữu* đi kèm với tâm, xúc cũng đồng thời hỗ trợ *các sở hữu khác* để cùng sinh khởi : không có xúc sẽ không có Thọ, Tưởng hay Tư .

“Tất cả các pháp, lấy Xúc làm tập khởi “ ; “ Xúc duyên cho Thọ “

“...có sự chạm cảnh do Xúc ; hưởng cảnh do Thọ ; nhận ra cảnh do Tưởng ; tạo tác do Tư...” .

Nghĩa là , khi cảnh chưa chạm tâm hữu phần hoặc tâm hữu phần chưa chạm cảnh, thì sở hữu xúc không có .

“Xúc có nghĩa là “đụng chạm”, xúc có **trạng thái** là đụng chạm đến vật gì đó. **Nhiệm vụ** của xúc là tác động va chạm, “trùng khớp” cả trên bình diện thuộc về thân, vật lý và ý thức là **thành tựu** của xúc, còn vật thể can dự vào dòng ý thức lại là nguyên **nhân gần**” (Thanh Tịnh Đạo).

“....đây là điều đã xảy ra : khi chúng ta dùng con mắt, có cảnh sắc ; với ý thức thị giác, chúng ta sẽ nhận ra xúc được thể hiện” (Nikàya)

Trong thường nhật, có nhiều thực tại khác nhau tự xuất hiện qua các giác quan, nhưng ta không để ý đến sự xuất hiện và biến mất đi của những thực tại đó . Khi có thực tại nào “kiên cố” hiện hữu , *xúc thực hiện ngay nhiệm vụ của nó* để tâm và các sở hữu đi kèm thực thi phận sự . Các đối tượng của xúc gây ra mọi cảm thọ có thể được, mà chúng ta không thể kiểm soát nó để nó sinh cảm thọ theo ý ta muốn ; do vậy , những phiền não , lậu hoặc tiềm miên và tập khí trong ta cứ nổi lên liên tục .

Ví thế , chúng ta phải học cách để nhận biết chúng : chỉ có những Giới khác nhau , mà các Danh pháp và Sắc pháp với những điều kiện thích hợp đã sinh khởi , khiến ta có thể cảm nhận được riêng rẽ từng sự vật một, tại một nơi, và ở một thời điểm nhất định mà thôi .

“....Khi các Nhân giới người và các Cảnh sắc làm người sáng khoái và Nhân Thức của người xuất hiện . Do bởi Khổ xúc đó, kết quả là đã nổi lên những khổ thọ .

“....Khi các Nhân giới người nhìn thấy và các Cảnh sắc làm người thọ ưu , lúc đó Nhân Thức của người xuất hiện cùng với cảnh sắc đó, do bởi lạc xúc đó, liền xuất hiện lạc thọ .

“....Khi các Nhân giới người trông thấy , các Cảnh sắc đó gây cho người những hậu quả phi khổ phi lạc và Nhân Thức của người cũng nhận được cùng lúc đó , do tiếp xúc trung tính đó, thì đồng thời cũng xảy ra Xả thọ vậy .

Cũng vậy, khi những nhĩ, tỳ, thiệt, thân giới

Khi cả Ý giới

Vì vậy màđó là tính đa dạng và phức tạp nơi các Giới mà Đức Thế Tôn đã đề cập đến”
(Ananda)

Như vậy, Sở hữu Xúc sinh khởi với nhiều loại tâm và sở hữu tâm khác nhau, khi ấy, xúc mang những đặc tính khác biệt tùy thuộc vào các tâm mà nó “hỗ trợ” .

Xúc cũng sinh khởi kèm với mỗi tâm trong tâm lộ , qua tất cả các chặng của tâm lộ , kể cả các tâm Tử (cuti) , Tục sinh (patisandhi) , Hộ kiếp (bhavanga) , xúc đều có mặt để mỗi tâm có cơ hội tiếp xúc với cảnh . Thiếu Xúc, tâm sẽ không có cơ hội tiếp xúc với Cảnh tương ưng .

Ta luôn nhớ rằng, mỗi sátna chỉ có 1 tâm , do vậy mỗi sátna chỉ có một sở hữu xúc xuất hiện chung với các tâm . Vì thế, chúng ta có thói quen lầm tưởng rằng những thực tại đó chỉ xuất hiện dưới dạng những khái niệm mà thôi , thay vì, điều phải luôn tâm niệm là , **phải ý thức được chính xác chúng xuất hiện như thế nào ?** Đó là Chánh Niệm Tỉnh thức . Khi ấy, ta mới thực sự hiểu được những thực tại cụ thể, khi chúng xuất hiện một cách tuần tự (vì tâm này diệt, thì tâm khác mới sinh được , tùy theo các điều kiện nhân duyên hoà hợp) trong cuộc sống thường ngày . Cuối cùng, **hãy cảnh giác với mọi thực tại nào xuất hiện trước ta .**

2. **Thọ, vedanā** : ngụ ý công nhận về khả năng trong phạm vi giác quan có liên quan, là khả năng nhận lãnh cảnh do xúc làm hiển lộ ra . Theo VDP có đến 5 thọ , thọ thân : có 2 là Khổ và Lạc ; và thọ tâm có 3 : Hỷ, Ưu, Xả)

Cảm thọ luôn sinh khởi với các tâm và các sở hữu khác , bởi bất kỳ lúc nào trong cuộc sống, ta đều có cảm thọ , và cảm thọ lại bị chi phối ngược lại bởi tâm và các sở hữu đi kèm với nó . Khi nào không có cảm thọ Khổ, Lạc hay Ưu, thì cảm thọ Xả sinh khởi thay vào đó tức khắc . Do có nhiều Thọ khác nhau, nên mỗi Thọ lại có một số tâm tương ưng cùng sinh khởi , nghĩa là tất cả các tâm, khi sinh khởi, đều cùng với Thọ , nhưng Thọ không phải sinh khởi với toàn bộ các tâm khác nhau .

Ví dụ : cảm giác đau thuộc về thân, thân thức lúc ấy là tâm quả bất thiện. Khi tâm quả bất thiện sinh khởi, thì các tâm thiện không thể sinh khởi .

Cảm thọ không giống như những gì chúng ta hiểu theo nghĩa chế định . Cảm thọ được nhận bắt bằng kinh nghiệm cảm giác khách quan , không qua suy tư , nó là Danh pháp , và là Danh pháp bị chi phối .

Tâm nhận **biết** đối tượng, cảm thọ cảm **nhận** được đối tượng ; cảm thọ cảm nghiệm được “**ý vị đặc trưng**” của cảnh , còn tâm và sở hữu đi kèm cũng cảm nghiệm được cảnh, nhưng một cách khác biệt . Như vậy, Thọ mang cùng chủng loại với tâm đi với nó .

Kinh nghiệm về các đối tượng qua các giác quan, chính là Quả của Nghiệp quá khứ (vì thông qua Thọ Uẩn) ; sự cảm thọ những đối tượng đó lại do những khuynh hướng mà ta đã tích lũy được lâu nay, sinh khởi chi phối cảm thọ của ta (Thọ là Tâm Hành) .

Thọ Khổ (dukkha) và Lạc (sukka) thuộc về Thân , chỉ sinh khởi với thân thức là các tâm quả và không thể là Thọ Xả được , vì những xúc chạm với Thân là cụ thể và rõ rệt về mặt cơ-vật-lý. Có những cảm thọ thuộc về thân nhẹ nhàng, làm ta không để ý đến, ta cho là thọ xả, tuy nhiên,

không phải như thế , vì sátna thân thức cực kỳ ngắn, và các tâm khác sinh khởi ngay theo sau đó. Trong trường hợp Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt (trong Ngũ song thức), cảm Thọ luôn là Thọ Xả .

Thọ Ưu (domanassa) , là một cảm giác bất toại nguyện, chỉ luôn luôn đi với tâm Sân căn . Thọ Ưu tùy thuộc vào nghiệp quá khứ , khi một cảnh khó chịu xuất hiện, thì hình như tâm Sân lại nổi lên . Ngược lại, Sân và Thọ Ưu cũng luôn luôn đi kèm nhau , 2 sở hữu này hoàn toàn khác nhau để ta phân biệt sự sinh diệt của chúng .

Thọ Hỷ (somanassa) , là một cảm thọ sáng khoái, có thể sinh khởi cùng tất cả các loại tâm và mang cùng tính chất với các loại tâm đi kèm . Ví dụ, cảm thọ sáng khoái đi kèm với tâm bất thiện sẽ phải khác với sự sáng khoái khi đi kèm với Thiện tâm . Tuy nhiên, nó không đi với toàn bộ tất cả mọi loại tâm được . Thọ Hỷ không đi kèm với tâm ngũ thiện , thay vào đó, Thọ Xả . Giữa thọ Hỷ và thọ Lạc có sự tương đồng là “sáng khoái, dễ chịu” và có mối tương quan khấn khít . Khi Hỷ thọ (somanassa) tăng trưởng sung mãn, trở thành Lạc (sukkha) thọ , Lạc thọ sung mãn dẫn đến thân tâm an lạc (sukkha). Nói chung , sukkha vedana chỉ cho thân lẫn tâm ; somanassa vedana chỉ cho tâm mà thôi . Chúng không khác nhau về nghĩa , chỉ khác nhau về “ngữ cảnh” mà thôi .

Thọ Xả (upekkha) , khác biệt hoàn toàn với các Thọ trên , nó sinh khởi với tất cả chủng loại tâm , và cũng không thể đi cùng với toàn bộ tất cả các tâm . Thường ngày , mà ta cảm giác sai lầm rằng không còn cảm thọ nữa . Tuy nhiên, hãy cảnh giác , khi ta tưởng không có Thọ Khô, Thọ Lạc hay Ưu nữa , thì những nghĩ suy lại miên man xuất hiện lấp đầy trí não, luôi cuốn ta vào vòng cuồng lưu vô định của Si mê , Vô minh . Tuy nhiên, với tâm Đại thiện dục giới, ta có thể dùng thời gian này giúp đỡ người khác, thực hành giới luật hay nghiên cứu giáo pháp. Tuy vậy, Thọ Xả vẫn chưa đến với ta.

Thọ Xả sinh khởi ngay khi mà ý thức không còn , mọi cảm thọ không sinh khởi , Thọ Xả chỉ sinh khởi thường trực nơi Tâm Ngũ Thiện Sắc giới trở lên .

Có 10 loại Thọ Xả :

- Lục nhập xả : sáu chi được quân bình tâm, không có cảnh nào làm tâm ảnh hưởng đắm nhiễm hay khó chịu . Sở hữu tâm là Hành Xả .
- Vô lượng Xả , thiên Xả vô lượng . Hành Xả
- Trung bình xả : sở hữu hành Xả
- Thiên xả : sở hữu hành xả
- Tịnh xả : sở hữu hành xả
- Xả giác chi : trong 7 giác chi . Hành xả
- Hành xả Trí : sự quân bình do trí tuệ . Sở hữu trí tuệ .
- Quán xả : tâm trạng quân bình khi quán Vô ngã, vô thường và dukkha . Sở hữu trí tuệ .
- Cần xả : sự tinh cần nơi trung đạo . Sở hữu Tinh tấn .
- Thọ xả : sở hữu Thọ .

Cảm thọ là một thực tại có điều kiện, ta không thể ép cảm thọ xảy ra theo ý muốn chủ quan. Chúng sẽ sinh khởi ngay khi đủ các nhân duyên hoà hợp, và chính ta tạo tác phần lớn nhân duyên này cho chúng hoà hợp .

Sự quán sát để phát hiện ra Cảm Thọ không là một điều dễ dàng, vì tư tưởng là một thực tại có thể nhận biết được khi nó xuất hiện ; còn khái niệm là một chế định , nó không phải là thực tại. Thế cho nên, phân biệt được 2 phạm vi trên , cùng phân biệt giữa danh và sắc pháp, là rất quan trọng để ta giảm bớt sự lầm lẫn trong tu tập .

Ví dụ : một xúc chạm làm đau đớn : Trước tiên, là một “Cảnh cực rõ” xuất hiện trước Thân Môn, một “lộ thân môn” lập tức sinh khởi hàng tỷ lần, tiếp đến “lộ ý môn” cũng sinh khởi hàng tỷ lần, đến “lộ thu vén”, “lộ định danh”, “lộ định nghĩa”, cuối cùng, cho ta biết “đau” .

Đau là khái niệm mà Tướng đã ghi nhớ, mà lộ trình tâm lấy ra phóng chiếu vào thực tại . Đó là Khổ Thọ (dukkha) .

Chỉ có Danh pháp và Sắc pháp sinh khởi do những điều kiện thuận lợi mà thôi .

Mỗi sátna sinh diệt 1 tâm, mỗi sátna một tâm khác nhau, cho nên cảm thọ qua mỗi sátna cũng khác nhau . Sở hữu Thọ do tâm và các sở hữu khác đi kèm chi phối, mặt khác sở hữu Thọ sinh diệt rất nhanh, cho nên cảm thọ không thường hằng .

Ta xem lại toàn bộ các Tâm trong bảng đối chiếu, tìm các tâm có Thọ (các tâm câu hành Thọ), và suy gẫm, sẽ nhận biết được tính triết học và đạo đức rất cao trong VDP, đồng thời hiểu thêm về bản chất của Thọ trong Tâm và Tâm hành .

3. **Tướng**, sannā : đặc tính cảm xúc của kinh nghiệm, là “nhận thức” hay “nhận ra” cảnh đồng thời “ghi nhận” để “nhớ lại”, “biết lại” sau này . Tướng thường phù hợp với “khuôn mẫu” đã từng tích tập, những gì đã từng biết qua các giác quan : “...nhớ biết, nhớ hiểu, là Tướng....” (Sariputa) .

Là 1 tâm sở rất quan trọng luôn đi kèm với tâm, nên lúc nào ta cũng có Tướng ; và là một trong những điều kiện quan yếu của cõi (cõi có tướng và cõi vô tướng) .

“...Tướng có trạng thái là “ghi nhận” và có nhiệm vụ “nhận ra” điều đã ghi nhận trước đó .

Chẳng có cái gọi là “nhận thức” nơi cõi hiện thực mà thiếu các ghi nhận này . Tất cả mọi tri giác đều có khả năng là “ghi nhận”. Trong đó, nhận biết điều-đã-được-ghi-nhận do trí tuệ chuyên biệt, lại chính là cái chức năng mà nó đã thực thi việc ghi nhận trước đó ...”

“..Tướng có trạng thái là nhận thức do một động tác “bao hàm” tổng quát, và nhiệm vụ “ghi dấu” được coi như một điều kiện để cho một Tướng được lập lại (để nhớ lại) ...

Tướng thành tựu như là hành vi giải thích qua những “dấu hiệu” đã ghi lại mà chỉ có Tướng mới nắm rõ .

Tướng còn mang đặc tính vắn gọn, đó là cách thể hiện, như một tia chớp, vì nó không có khả năng thâm nhập được vào cảnh. Bất luận một sự kiện gì xảy ra, cũng có thể là nguyên nhân gần của Tướng, ví như con cừu non nhầm lẫn một con bù nhìn và con người vậy . (Chú giải Pháp Tu)

Theo ngôn ngữ chế định, thì sự “nhận ra” hay “ghi dấu”, v...v, gồm một sự nhận thức một vật gì đó, do nhớ lại một vài dấu hiệu đã từng biết . Nhưng thực ra, gồm rất nhiều lộ trình tâm khác nhau, mà mỗi tâm sinh diệt đều có Tướng đi kèm, nó có chức năng liên kết những Kinh-nghiệm quá khứ với Kinh-nghiệm hiện tiền và chi phối việc nhận thức vị lai (sự phóng chiếu) . Nói cách khác, khi một kinh nghiệm hiện tại đã diệt, nó trở thành kinh nghiệm quá khứ, và vị lai sẽ trở thành hiện tại ; trong 3 thời đều có Tướng sinh khởi để thực thi nhiệm vụ của nó .

Tướng luôn đi kèm với tâm nên nó cũng mang trạng thái và tính chất của tâm mà nó đi kèm, nghĩa là nó ghi dấu hay nhận ra tùy theo tính chất của tâm lúc sátna ấy : *ngắn ngủi như tia chớp*. Tướng chỉ duy nhất nhận ra và ghi lại cảnh, nó không “hiểu biết” cảnh, bất kỳ cảnh nào mà tâm nhận bắt, thì Tướng đều nhận lấy và ghi dấu, khi tâm cảm nghiệm được một khái-niệm, tướng ghi lại và nhớ khái niệm đó . Trong sátna tâm, thiện hay bất thiện đã được Tướng đánh dấu ! Nên nguyên nhân gần của Tướng chính là cảnh . Tướng chỉ “biết cảnh” một cách đơn thuần, như đứa bé nhận ra đồng tiền, nhưng không biết giá trị . Nhận thức được giá trị đồng tiền là của Tâm; biết cách sử dụng linh hoạt giá trị đồng tiền là của Trí .

Tưởng thực thi nhiệm vụ thông qua mỗi Môn trong 6 môn, bất kỳ cảnh nào xuất hiện trước bất kỳ môn nào, Tưởng xuất hiện để nhận và ghi dấu cảnh . Tưởng hiện hữu trên từng sátna .

Khi ta nhận ra được một cảnh nào đó, chẳng hạn tên một người vừa gặp, đó là kết quả của rất nhiều lộ trình tâm qua các căn môn và ý môn .

Tưởng đồng sinh với tất cả các loại tâm và tùy thuộc vào cảnh, nên có 6 loại Tưởng . Cảnh chỉ xuất hiện từng loại một trong 6 cảnh , thông qua nhiều môn khác nhau, và có nhiều Tưởng khác nhau ghi nhận và nhớ lại các cảnh này .

Vô lượng sátna Tưởng sinh diệt nối tiếp nhau để chúng ta có thể sinh sống bình thường , trò chuyện, trao đổi nhau, học tập, làm việc , biểu lộ tình cảm , v...v. Nhờ có Tưởng trên từng sátna, những kinh nghiệm quá khứ cũng như những khái niệm (kể cả thời gian và không gian) được nhận ra, được nhận biết . Chính nhờ Tưởng mà ta có thể nhớ được điều ta đã kinh nghiệm qua và cảm nhận chúng qua ý môn . Sự sống là như thế , chỉ như thế !

Chính những “dấu hiệu đã từng biết” do Tưởng nhận ra, đã giúp cho tâm và trí có nhận thức cao hơn ; nhưng Tưởng cũng đã đưa đến suy luận rồi dẫn dắt tâm chao đảo giữa những điều sai-đúng làm cho nhiều khi đi đến nhận thức sai lầm :

“...có ba pháp....Dục tưởng ; Sân tưởng ; Tận hại tưởng”

Tưởng cũng đi kèm với những tâm thoát ly lộ trình , như tâm Hộ kiếp, Tâm Tử và Tâm Tục sinh. Khi Tâm Đồng lực Javana nhận biết cảnh, thì Tưởng cũng ghi dấu ; khi tâm tử sinh , thì tưởng xuất hiện để nhận ra cảnh , và khi tâm tục sinh sinh, thì chính Tưởng nhận ra và ghi dấu cảnh cho kiếp sống mới .

Đôi khi Tưởng xuất hiện tùy thuộc vào những điều kiện đặc thù của cảnh , khiến cho ta nhớ lại cảnh trong ngay sátna cá biệt đó , tâm sinh khởi không theo ý ta muốn hay không muốn , nhưng tưởng lúc đó, khiến ta suy nghĩ và ghi nhận cảnh khác , không phải cảnh mà ý ta muốn tìm , đó là “sự quên” một vài cảnh nào đó mà ta đã tính trước . Một sátna chỉ có 1 tâm . Ví dụ, định đi nấu cơm, mà khi xuống bếp không nhớ để làm gì . *Tâm sinh khởi theo điều kiện riêng của nó, vậy cái “ngã” là vọng tưởng.*

Nói tóm lại, Tưởng giống như là cái biết của người mù sờ voi !

Tưởng đồng sinh với tâm và các sở hữu chi phối tưởng, nên Tưởng là pháp hành chi phối pháp . Tất cả những diễn trình này không phải là do “trí nhớ của ta” , nhưng quá trình tự đồng hoá theo khuynh hướng , đã làm phát sinh cái “ngã” . Từ đây, phát sinh vọng tưởng, điên đảo tưởng . Tuy nhiên, những sátna này cũng trở thành đối tượng ý thức (Chánh niệm) và như thế, Tưởng như là một loại Danh pháp duy nhất xuất hiện, vì có đủ các nhân duyên hoà hợp . Như thế là Vô ngã .

Khi Tưởng sinh khởi kèm theo từng sátna chánh niệm , thì Tưởng thay đổi bản chất , nó ghi lại những cảnh mới , trong các đề mục Thiền, cho đến khi đến giai đoạn “phi-tưởng, phi-phi-tưởng xứ” : “*Tưởng ở đây không còn là tưởng nữa, vì nó không thể thực hiện nhiệm vụ quyết định của tưởng ; và cũng chẳng phải là vô tưởng , vì nó hiện hữu trong một trạng thái vi tế như một hành còn sót lại ...*”

Ba giai đoạn đầu của tiến trình nhận thức (Nguyệt san Giác Ngộ, số 137-p.48 – TT. Thích Minh Thành) : **Xúc – Thọ – Tưởng** , trong đó , Thọ là giai đoạn trung gian nhất thiết phải qua . Nhưng Thọ không làm tăng thêm độ chính xác, trong sáng cho nhận thức, mà chỉ định tính thêm, nhuộm màu thêm – Lạc, Ưu Khổ hay Xả - cho nhận thức mà thôi .

Như vậy, Thọ là yếu tố chủ lực giúp cho những quyết định đạo đức . Thọ là một yếu tố không thể không có trong tiến trình nhận thức (hay tiến trình trải nghiệm) , nhưng Thọ cũng gây ra những đám sương mù trong nhận thức, mà hậu quả của nó , con người phải gánh chịu .

Đức Phật đã tuyên bố : **“do duyên mắt và các sắc, nhãn thức khởi sinh ; sự gặp gỡ giữa 3 pháp này là xúc . Do duyên xúc, thọ khởi sinh .**

Nghĩa là những trải nghiệm giác quan chỉ sinh khởi theo nguyên lý duyên khởi , tiến trình nhận thức này là Vô Ngã .

Một người cảm thọ cái gì, thời tưởng tri cái ấy :

Mặc dù các sắc hay đối tượng của nhận thức được nói đến sau đôi mắt, nhưng cả 2 đều bình đẳng trong việc làm duyên cho thức sinh khởi . Nghĩa là, do duyên mắt & sắc, mà tiến trình nhận thức bắt đầu vận hành . Mặc dù kinh không đề cập đến đối tượng này là gì, nhưng sau đó, bởi việc vận hành qua các giai đoạn tiếp theo trong tiến trình nhận thức, mà đối tượng trở nên rõ ràng hơn, vì qua tiến trình đó, nó được “tinh chế” . Không có một “tưởng tri” nào có thể hoàn toàn thoát ra khỏi sự chi phối của cách tiếp nhận thông tin hay cách quan sát thực tại . Trong khi đó, cách tiếp nhận thông tin hay cách quan sát thực tại lại bị chi phối bởi những khuynh hướng, những cảm tính, định kiến... từ những vọng chấp đã có từ trước

Đây là cơ cấu vận hành của bộ máy tâm-vật-lý (5 uẩn), mà trong đó, chiều hướng sẽ quyết định kết quả : chiều hướng nào dẫn đến u mê và chìm đắm, chiều hướng nào dẫn đến ánh sáng và sự giải thoát .

một người tưởng tri cái gì, thời tư lường cái ấy ; một người tư lường cái gì, thời bị ám ảnh bởi cái ấy :

Giai đoạn kế tiếp tưởng tri, là tư lường hay suy tư (vitabba) . Tư lường dẫn dắt tưởng tri theo 2 chiều hướng . Nếu tư lường tiếp tục vận hành theo chiều hướng tiêu cực, là xác tín sự hiện hữu của một cái Ngã, thì hiện tượng ám ảnh sẽ xuất hiện .

Khi ám ảnh xuất hiện, mặc dù nó liên quan không nhiều đến tưởng tri , nhưng chúng chủ yếu liên quan đến sự vận hành của cái khái-niệm-về-đối-tượng-đã-được-tưởng-tri . (sankha)

một người bị ám ảnh cái gì, thời, những khái niệm có ra do tưởng tri bị ám ảnh, tấn công vị ấy liên quan đến các sắc do mắt nhận thức, quá khứ, vị lai và hiện tại .

Như vậy, có mối quan hệ chặt chẽ giữa hiện tượng “ám-ảnh” với “tưởng-tri” dựa trên “khái-niệm” . Có khi tưởng tri vận hành trên cơ sở những ý niệm; và ý niệm là những cái nhất thời, nên tưởng tri cũng bị ảnh hưởng của tính chất nhất thời ấy. Và hiện tượng ám ảnh đó sẽ không lâu bền . Ngược lại, với khái niệm lâu bền, thì hiện tượng ám ảnh sẽ kéo dài .

Trường hợp con người bị ám ảnh bởi tưởng tri do ý niệm tự ngã , thì khi ý niệm tự ngã đó, bị tam loan đi, thì hiện tượng ám ảnh sẽ không còn . Ngược lại, ám ảnh sẽ kéo dài, nếu liên quan đến những khái niệm về quá khứ, hiện tại, vị lai .

Nói cách khác, con người dễ dàng rơi vào vòng nô lệ cho những khái niệm có tính cách bền bỉ và thường hằng, vững chắc, kiên cố .

Như vậy , cái tuyệt đối khách quan trong tiến trình nhận thức là không thể đạt được, là không tưởng . Bởi vì tất cả chỉ là những bộ phận của một cơ cấu nhận thức, trong đó, xúc, thọ, tưởng,đều mang dấu-ấn-cá-nhân-chủ-quan, mà các dấu-ấn đó cũng là những bộ phận có mối quan hệ-hữu-cơ-không-thể-tách-rời với chính-thể-nhận-thức-chủ-quan (là những trải nghiệm đã có trước – những kinh nghiệm cảm giác chủ quan tích lũy – , những quan-kiến ...chúng chen vào chi phối cách nhìn nhận, cách lượng giá hay những quyết định có liên quan) .

Làm thế nào nhãn thức không bị chi phối bởi những đặc tính của một hình sắc nào đó ?

Ngược lại, việc truy tìm bản chất của các sắc thì chắc chắn không thể tính đến nhãn thức, cái mà đã bị chính các sắc đó chi phối ? (vì do các sắc là nhân, mà thức sinh khởi)

Đó là sự ràng buộc, dính mắc của nhãn thức (hay tâm thức) vào đối tượng của nhận thức . Do vậy, phòng hộ các căn là việc mà Đức Phật thường xuyên khuyến cáo . (Nguyệt san Giác Ngộ, số 137-p.48 – TT. Thích Minh Thành)

4. **Tu hay cố ý hay Chú ý, cetana** : là một tâm trạng có khả năng xác định hay giám sát hành động của các tâm sở để làm chúng hài hoà , là khả năng phối hợp và đốc thúc các pháp đồng sinh tạo tác , “*Đề đầu Tư cố hương*” . Cetana có khả năng chi phối và định đoạt mọi hoạt động , có tính cố ý , và có tính tích trữ tàn dư của nó (chủng tử) nên được cho là “*nghiệp*”.

Trạng thái chính của cetana là để **phối hợp** các tâm và sở hữu khác liên kết lại với nhau và liên kết với cảnh ; và phân sự chính là “*muốn*” :

“...*chẳng có điều gì được gọi là cetana nơi 4 cõi hiện hữu mà thiếu trạng thái “phối hợp” ; mọi cetana đều có đặc tính “phối hợp” đó .*

Nhưng chức năng “sẵn sàng muốn” chỉ thuộc hiện trạng luân lý hay phi luân lý mà thôi cetana thành tựu trong việc hướng dẫn . Nó xuất hiện để hướng đến những hiện trạng liên kế, giống như một môn đệ chính....là người phải hoàn thành công việc riêng của mình và cả công việc của một người thợ bình thường khác nữa “ . (Chú giải Pháp Tu)

Cetana xem xét và lưu ý xem các pháp khác, cetana cùng sinh để hoàn thành được chức năng với cảnh mà nó chia sẻ hay không .

Ngoài nhiệm vụ phối hợp, cetana còn nhiệm vụ khác để thực hiện, đó là “*muốn*” hay “*hành xử*” , cetana thể hiện hết sức nghị lực trong khi các sở hữu đi kèm đóng vai trò hạn chế trong phần nhiệm vụ của mình .

Như vậy, cetana có vai trò kép trong thực thi nhiệm vụ , là tăng gấp đôi sức mạnh trong hành vi . Dưới góc độ thể hiện, cetana có nhiệm vụ “*hướng dẫn*” , nó sẽ đề ra các trạng thái liên can để từng tâm và sở hữu thực hiện công tác của mình . Đối với các Tâm Thiện hoặc/và Bất thiện, cetana thực hiện nhiệm vụ “*kép*” với tất cả sức mạnh và khi đã đạt được hành vi qua Thân-Khẩu-Ý , nó có thể tạo ra kết quả của hành vi , và như thế cetana thực chất là Nghiệp . Cetana hoạt động dưới nhiều cấp độ , từ thô đến vi tế , vì thế nghiệp quả cũng mang theo nhiều cấp độ tương ứng .

Khi cetana đi kèm với tâm Quả và Duy tác , nó chỉ điều phối những nhiệm vụ thuộc tính chất các tâm và sở hữu khác kèm theo .

Cetana có thể nhìn nhận có quan hệ với nhất tâm . Nhất tâm & Tu là những khía cạnh tiêu cực & tích cực của cùng một chức năng . Trong Dục giới, Cetana đóng vai chủ động , các dục giới tâm đưa đến sự tích lũy Nghiệp . Trong Siêu thế, Tuệ (panna) đóng vai chủ động, nên các tâm Siêu thế hướng về diệt trừ Nghiệp . do vậy trong Siêu thế, Cetana không tác thành Nghiệp được .

Hành là một tên gọi khác của sở hữu Tu , hay Ý-hành .

Ví dụ , trong một hoạt cảnh , tất cả các tâm đều sinh khởi , tạm xem như là một “*hiệp hội*” của các tâm ; thì Tâm – citta , đóng vai “*chủ tịch*” ; còn cetana đóng vai “*tổng thư ký*” . Do vậy, mà nó đóng vai trò chính trong việc tạo nghiệp . Cetana càng mạnh, nghiệp càng sâu dày ; ngược lại cetana yếu, nghiệp mỏng hơn .

“...*chính cetana tạo nghiệp, do năng lực của cetana dẫn dắt, chúng sinh thực hiện những nghiệp tốt hay xấu xuyên qua thân, khẩu, ý ...*”

“...*gọi cetana tạo nghiệp, không phải nói đặc tính chủ yếu trực tiếp của cetana , mà nêu rõ sự thành tựu của cetana*”.

5. **Tác ý, manasikāra** : Nói đơn giản , manasikara là việc làm của ý . Manasikara là trạng thái hướng tâm và các sở hữu đến đối tượng , hành vi của ý muốn , cũng có nghĩa là chú tâm . Giống như bánh lái của con tàu .

“...Tác ý có trạng thái là “hướng những trạng thái tương ứng đến với cảnh”, có phận sự “nối kết các pháp tương ứng lại với cảnh”; và thành tựu ở việc “đối mặt với cảnh” ...” (Chú giải Pháp Tu). Cảnh hiện tại là nguyên nhân xa của tác ý (Thanh tịnh đạo)

Tác ý cũng mang ý nghĩa là “kiểm tra, kiểm soát cảnh” vì tác ý hướng tâm về phía cảnh mà nó đang kiểm soát. Bất kỳ lúc nào, tâm cũng nhận bắt cảnh (cho dù đang phóng tâm, thất niệm) và do vậy, lúc nào tác ý cũng có mặt, bởi vì tác ý luôn đi kèm với tâm và nối kết {tâm & các sở hữu đi kèm} với cảnh. Do vậy, Tác ý **dứt khoát** cũng phải xuất hiện với tâm, tác ý tập trung chú ý vào bất kỳ cảnh nào tự xuất hiện trước các môn và nối kết ngay cảnh với {tâm & sở hữu đi kèm} với cảnh đó; cho nên tác ý khác biệt nhau tùy theo nó xuất hiện với tâm loại nào. Ví như nhãn thức là tâm quả, cho nên tác ý trong “sự thấy” cũng là tâm quả; sau khi “thấy”, tác ý tập trung vào hình tướng của cảnh và cảnh đó trở thành khái niệm, lúc đó tác ý đi kèm với các tâm khác và mang tính chất của các tâm thời sátna đó. Đó là chức năng đem cảnh mong muốn đến cho tâm.

Tác ý quyết định hành vi của các tâm có liên quan (hành), nó là “pháp hành”, (chứ không phải quyết định hành vi của chính nó), cho nên {tâm & các sở hữu đi kèm} chi phối nặng nề tác ý. Hệ quả là Tác ý quyết định những hậu quả không thể tránh được (nghiệp), như là ống kính hội tụ thu gom thành cảnh cho các tâm; là loại hành động phản ứng theo bản năng. Tác ý còn có ý nghĩa là Tác thành tâm lộ, nghĩa là tác ý hướng đến cảnh qua Ngũ môn bằng tâm hướng Ngũ Môn, trợ cho lộ tâm được sinh khởi, đồng thời cũng tác ý thành lộ Đồng tốc. Manasikàra khác với Vitakkha (Tâm), Manasikàra có ý là đưa tâm đến cảnh, còn Vitakkha thì ngược lại, đưa cảnh đến tâm.

Bất kể thời gian nào, luôn luôn có “cảnh” để “nhận biết”, đó là sở hữu tác ý manasikara thực hiện. Tuy nhiên, những cảnh vừa được nhận bắt, đã diệt đi rồi, và manasikara thu gom những “tàn dư, hình bóng, âm hưởng” ấy tái tạo thành cảnh giống như thực thể vừa diệt để tâm nhận biết. Nên gọi manasikara là **Tác ý thành cảnh cho tâm**.

Khi dòng hữu phần chạm vào cảnh, khiến tâm hướng ngũ môn sinh khởi, nhận cảnh và dẫn dắt các pháp đồng sinh với nó hướng về ngoại cảnh, từ đó, một loạt tâm lộ hình thành. Tâm Hướng Ngũ Môn được gọi là **Tác ý thành tâm lộ**. Nó là manasikara.

Khi dòng hữu phần nhận cảnh xuất hiện tại ý môn, tâm hướng ý môn nhận lãnh cảnh. Những tâm Đồng lực phải nương sinh vào tâm hướng ý môn này. Nên tâm hướng ý môn được gọi là **Tác ý thành đồng lực**. Nó cũng là manasikara.

Do vậy, Manasikara rất quan trọng trong việc chuyển hoá thân tâm. Với Như lý Tác ý, thì các thiện pháp chưa sinh sẽ sinh, đã sinh sẽ được viên mãn.

6. **Nhất tâm, Định, ekaggatā**: tâm trạng này phát sinh với tất cả các tâm, có chức năng là tập trung vào một đề mục hay cảnh, là sự giới hạn của thức (tâm vương) trước một đối tượng riêng biệt, là sự gom tâm vào một đối tượng. Là **tập trung tư tưởng**, theo thế gian thường nói. Còn gọi là Samadhi, Tam Ma Đề.

Vì mỗi tâm chỉ biết 1 cảnh nên tâm sở ekaggatā tập trung vào cảnh duy nhất đó. Khi ekaggata được phát triển và trau dồi song song với Chánh Kiến, nó sẽ trở thành Samādhi – Định. Định đối trị Tham Dục.

Định xuất hiện với từng loại tâm và ngay khi “phóng tâm”, vẫn có ekaggatā, nó xuất hiện với mọi tâm sinh khởi, và nó tập trung vào sátna tâm đó.

Nếu ekaggatā đi với bất thiện tâm, là “tà định”. Ngược lại, “chánh định”. Chánh định có nhiều cấp độ :

Ekaggatā được biết đến như là tập trung tâm vào 1 điểm duy nhất. Không phân tâm hay “phóng dật” là trạng thái của nó . Gắn kết với những trạng thái cùng tồn tại này là phận sự của ekaggatāvà bình an nội tâm hay trí tuệ là thành tựu của ekaggatāNhững ai biết tập trung tư tưởng, sẽ nhận biết và quan sát được theo chân lý” . Ekaggatā được phân biệt bằng Lạc, thường là nhân gần “. (Chú giải Pháp Tu)

Chánh Kiến phải biết chính xác khi nào là Chánh định và khi nào là Tà định , nghĩa là khi đã đạt đến tầng Thiền nào đó, và rồi chấp thủ Hỷ Lạc không muốn rời xa, đó lại rơi vào tà định . Chánh kiến cũng phải biết chính xác được trạng thái của ekaggatā trong mỗi giai đoạn thiền định để tìm cách phát triển nó . Bởi vì qua những tầng thiền ngày càng cao hơn, ekaggatā trở nên ngày càng vi tế hơn .

Ekaggatā cũng xuất hiện trong vipassanā : *khi trí tuệ phân biệt được danh sắc một cách rõ rệt, thì lúc đó cũng xuất hiện chánh định để thực thi nhiệm vụ của nó . Sátna hiểu rõ, thì sátna chánh định có mặt .*

Một khi danh pháp hay sắc pháp xuất hiện trước căn môn, lúc ấy, sinh khởi Chánh Niệm về điều ấy ; ngay lập tức, Chánh kiến về thực tại đó có thể được phát triển và Chánh định sẽ xuất hiện khi hội đủ những điều kiện thích hợp , để thực thi nhiệm vụ của mình, mà không cần phải nghĩ đến việc tập trung tư tưởng vào một đề mục nào đó . Một ví dụ điển hình là Ngài Ananda đã giác ngộ ngay khi đầu chạm gối , sau nhiều ngày mỗi một tập trung tư tưởng thiền quán .

Khi Chánh niệm về danh pháp và sắc pháp nổi lên, mà không cố gắng tập trung vào những đề mục , thì cũng có Chánh định xuất hiện vào sátna đó , vì đã có những điều kiện thích hợp và thực hiện nhiệm vụ của nó .

Khi Chánh kiến được phát triển thấu đáo và thâm nhập được vào ngũ uẩn sinh diệt, và cuối cùng sẽ là sự diệt tận các lậu hoặc .

Đức Phật dạy có 4 cách để luyện thiền định :

- Cách thứ nhất : “Đây là phát triển bốn bậc thiền dẫn đến cuộc sống hạnh phúc ...”
- Cách thứ nhì : dựa trên đề tài thiền quán , 40 đề mục .
- Cách thứ ba : “về điểm này, những Thọ xuất hiện nơi vị Tỳ kheo quá rõ ràng; những Thọ tồn tại trong Ông cũng thật hiển nhiên; và những Thọ nơi ông cũng diệt thật rõ ràng . Tưởng nổi lên trong ôngtưởng tồn tại trong ông, rồi kết thúc trong ông cũng đã thật rõ ràng . Vị Tỳ kheo này được gọi là người đã luyện tập thiền định, trở nên hiện thực dẫn ông ta đến niệm và thức tỉnh “ .
- Cách thứ tư : “ ...ở điểm này, một vị Tỳ kheo sẽ kiên trì theo dõi sinh và diệt với Ngũ thủ uẩn như sau :như sắc pháp: như thế, như thế , sắc diệtnhư Thọ.....đó là Tưởngđó là Hànhlà Ý thức sinh và diệt.

Ba giai đoạn quyết định hành vi :

Tác ý khác so với Xúc ; xúc có nhiệm vụ tiếp xúc để tâm nhận bắt được cảnh .

Tác ý cũng khác so với Ekaggatā ; ekaggatā có nhiệm vụ tập trung vào **cảnh duy nhất** , (không tập trung vào cảnh bất kỳ) .

Tác ý cũng có nhiệm vụ tập trung vào **bất kỳ cảnh** nào xuất hiện trước bất kỳ môn nào , và “lái” các {tâm & sở hữu đi kèm} hướng về cảnh .

Tác ý chỉ thực hiện nhiệm vụ riêng của nó , trong lúc hỗ trợ các {tâm & sở hữu đi kèm} để nhận được cảnh mà nó đang kiểm soát .

Còn Cetana , nó “điều phối” , “hướng dẫn” chức năng các pháp đi kèm, lại “sẵn sàng muốn” ; nó chính là nghiệp nhân (tác thành nghiệp), biểu thị rằng, các tâm niệm đều tạo nên nghiệp (ý nghiệp) . Cetana thực hiện nhiệm vụ “kép” .

Ekaggata hạn chế kinh nghiệm của mình trước một đối tượng riêng biệt , trong khi Cetana hướng sự tỉnh thức của mình vào đối tượng riêng biệt .

Ekaggata và Cetana cùng nhau hành hoạt để tách biệt và tạo thành một kinh nghiệm thức về một đối tượng riêng biệt.

7. **Mạng quyền** hay **Sinh khí , Jivitindriya** : ý nghĩa là nói đến *sức mạnh ràng buộc* với 6 trạng thái của thức (tiền ngũ thức + ý thức) đồng sinh, nên gọi là Quyền ; là **sinh lực, năng lượng** giúp đỡ và duy trì cuộc sống cho các Tâm và Sở hữu khác đi kèm để đủ 3 tiểu sátna **cho sự tồn tại** .

Cũng gọi là Mạng Căn ; Căn vì điều hành các tâm sở câu hữu ; Mạng vì nuôi dưỡng các tâm sở câu hữu . Có 2 loại Mạng quyền :

- i. Danh mạng quyền : Nāma-Jivitindriya , nuôi dưỡng danh pháp
- ii. Sắc mạng quyền : Rupā-Jivitindriya , nuôi dưỡng sắc pháp .

Mạng căn có trạng thái là “trông coi liên tục”, có phận sự là “suy trì cuộc sống” cho các pháp đi kèm . Mạng quyền thành tựu nơi việc “thiết lập” ; do vậy nguyên nhân xa của mạng quyền là vì sự “duy trì” các pháp .

“Mạng quyền canh chừng bảo vệ những pháp đi kèm, ngay những sátna sinh,và cho dù có canh phòng như thế, cuộc sống chỉ gắn bó với các pháp đó mà thôi.....Vượt khỏi sátna diệt, cuộc sống không còn tồn tại bởi vì trạng thái phi hiện thực của chính cuộc sống và các pháp được duy trì . Ngay tại sátna diệt, mạng quyền không thể duy trì thêm được các pháp nữa , vì chính sự huỷ hoại của cuộc sống ...” (Chú giải Pháp Tự)

Như vậy, mỗi một sátna , một tâm và sở hữu không thể sinh nếu không có đủ sinh lực duy trì sức sống chỉ trong 1 sátna đó ; và ngược lại, một sinh lực không thể xuất hiện nếu không có một tâm và các sở hữu đi kèm , trong sátna tâm đó . Mạng quyền sinh diệt liên tục đồng với môi tâm và sở hữu đi kèm .

-oOo-

Tóm lại 7 tâm sở biến hành chia làm 2 nhóm :

- | | |
|---------|------------|
| • Xúc | • Tư |
| • Thọ | • Nhất tâm |
| • Tưởng | • Tác ý |

Và Mạng Quyền để duy trì các tâm .

Nếu Cetana định đoạt các Nghiệp, thì sở hữu Mạng quyền nuôi dưỡng Cetana và các {tâm & sở hữu khác đi kèm} .

7 Biến hành tâm sở này có mặt trong tất cả các tâm . Có 10 loại tâm luôn đồng sinh diệt với cả 7 sở hữu biến hành này , đó là Ngũ Song Thức . Trong sự hình thành nên các Thức : Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân và Ý thức , đều có mặt cả 7 tâm sở biến hành này . Mỗi loại đều có trạng thái, phận sự , cách thành tựu và nguyên nhân riêng . Chúng cũng có các tính chất khác nhau khi đi kèm với các loại {tâm & các sở hữu đi kèm} khác nhau , cũng như tâm ở những cõi giới khác nhau .

Tất cả các sở hữu biến hành này đều đồng sinh, đồng diệt với tất cả các loại tâm và đồng chia xẽ cùng một cảnh với tâm , nó mang cùng chủng loại và ở cùng cõi với tâm mà chúng đi kèm . Nói

cách khác, 7 tâm sở biến hành này là nòng cốt của tất cả các loại tâm . Không có nó, không thể thành tựu được bất kỳ tâm nào, chúng mang những yếu tố quyết định .

Nói theo nhân gian , không có 7 trạng thái tinh thần này , thì không có bất kỳ một tiến trình tư tưởng nào phát sinh cả .

Một nhóm Xúc, Thọ, Tưởng, cho giai đoạn đầu của mọi tiến trình tư tưởng ; và nhóm Tư, Nhất tâm, Tác ý là giai đoạn thành tựu mọi hành vi Thân-Khẩu-Ý , nghĩa là tạo tác mọi nghiệp.

Thật là hệ trọng để quán sát sự sinh khởi của chúng , nếu “không khéo” chúng trở thành “chướng ngại” ; nếu “khéo” , chúng sẽ trở thành “tiến hóa” .

“Khéo” đây, là khéo phòng hộ các căn , là Chánh Niệm Tỉnh giác , là khéo Tác ý (như-ly tác-ý) , để cho {Thiện tâm và các sở hữu Thiện đi kèm} sinh khởi và hành hoạt .

Các Sở Hữu Biệt Cảnh

Các tâm trạng riêng biệt

Tâm sở biệt cảnh (*biệt khởi với các tâm*, riêng biệt, hay phụ) , chỉ phát sinh trong một số loại thức (Tâm vương) tương ứng với chúng { Tâm sở Tợ tha Biệt cảnh} , và chúng không cần hiện hữu trong mỗi tâm . Có 6 trạng thái tinh thần tiêu biểu :

1. **Tâm** , **vitakka** : **Vi** = đặc biệt ; **Takka** = suy gẫm . Trước hết Tâm là một trạng thái Tâm có thể phát sinh với nhiều loại tâm. Bước đầu chuyên tâm , tâm hướng về đối tượng , có nghĩa là suy tư, tư duy, suy gẫm , chuyên chú, *đó là cái mà hướng những trạng thái đồng sinh về với đối tượng* .

Vậy, **Tâm** , hướng các tâm sở khác vào đối tượng , hướng tâm đến cảnh , khi sự chú ý mang đối tượng vào vòng định lực , như là tìm kiếm cảnh , là một suy tư có tính ứng dụng hay tư tưởng ứng dụng . **Tâm** là hình thức nhận biết sơ đẳng nhất về đối tượng của tâm , bằng cách lưu lại dấu vết trên đối tượng, để có thể nhận ra nó sau này. Như người mù sờ voi :”nó đây”, khi sờ biết voi. Hoặc sự an trú niệm vững chắc có được là do chi thiền Tâm. Nếu tầm bất lực, sự gắn liền của niệm với đề mục không còn khấn khít, sự chú ý sẽ ra khỏi đề mục .

“...tư tưởng ứng dụng chính là Tâm; có nghĩa là tìm ra, phát hiện ra; Tâm có trạng thái là hướng tâm đến cảnh ; phạm sự của nó là gây sự chú ý đến và đập vào (đối với người hành Thiền hay đang suy tư) ; nhờ có Tâm mà tiếp cận và chú ý đến ; Tâm thành tựu ở nhiệm vụ hướng tâm đến cảnh ...” (Thanh Tịnh Đạo) .

Có nghĩa là quan điểm tư tưởng, dán áp tâm và tâm sở lên đối tượng . Trong kinh tạng, Vitakkha có nghĩa là quan điểm tư tưởng. Trong Abhidamma, thì vitakkha có nghĩa là dán áp các tâm sở lên đối tượng . Phạm sự là “khởi đầu” cho sự biết cảnh và “liên tục” tiếp xúc cảnh . Thành tựu là nhận biết cảnh qua nhiều khía cạnh .

Tâm có mặt trong các Dục giới tâm (44 tâm , ngoại trừ 10 thức trong 18 tâm Vô Nhân = 54-10) . Ta thấy nó không đi với Ngũ song thức , bởi vì Ngũ song thức không cần Tâm để bắt cảnh , còn các tâm dục giới còn lại, nếu không Tâm hướng tìm đến cảnh , thì không bắt được cảnh .

Bản chất Tâm sở Tâm là vô ký, trong dục giới, nếu nó cùng làm việc với Thiện hay Bất thiện tâm, nó sẽ trở thành Thiện hay Bất thiện . Có 3 loại Tâm bất thiện :

- Dục tầm , kama vitakka : tâm trạng tìm đến, hướng về thú vui Dục lạc
- Sân tầm , byapada vitakka : tâm trạng tìm đến , hướng về bạo lực , ác tâm , ác ý.
- Tận Hại tầm , Ác hại tầm , vihimsa vitakka : tâm trạng tìm đến , hướng về việc lừa dối , làm tổn hại .

Tâm là một tâm trạng, do vậy, nó cũng là một loại thói quen mang tên là Tâm, là những điều bận tâm quá nhiều : “...căn cứ vào bất luận điều gì mà Tỳ kheo cân nhắc và suy tư quá nhiều, thì kết quả dẫn đến sẽ khiến trí tuệ của Tỳ kheo đó có thành kiến về điều đó như vậynếu như một vị Tỳ kheo cân nhắc và suy tính quá nhiều về Dục Tâm, thì ắt hẳn vị Tỳ kheo sẽ toát ra tư tưởng thoái thác . Nếu vị Tăng Ni đó lợi dụng Tâm Dục quá đáng, thì tâm trí của vị đó sẽ hướng theo tâm dục mà thôi, và sẽ có những suy tư lệch lạc méo mónếu như một vị Tỳ kheo lợi dụng quá đáng Tâm Dục, thì trí tuệ của Tỳ kheo đó sẽ ngã theo tâm dục .
.....Sân tâmÁc Hại tâm.....”

Có 3 Tâm thiện :

- Ly Dục tâm, nekkhamma vitakka : đối trị với Dục tâm
- Từ mẫn tâm, Abyapada vitakka : đối trị với Sân tâm
- Bi mẫn tâm, Avihimsa vitakka : đối trị với Ác hại tâm

“nếu như một vị Tỳ kheo cân nhắc và suy tính quá nhiều về Ly Dục Tâm – nekkhamma vitakka , thì ắt hẳn vị Tỳ kheo sẽ toát ra tư tưởng xuất ly . Nếu vị Tăng Ni đó lợi dụng Ly Dục tối đa , thì tâm trí của vị đó sẽ hướng theo xuất ly mà thôi, và sẽ có những suy tư thiên về lánh tục .
.....Từ mẫn tâm – Abyapada vitakkaBi mẫn tâm – Avihimsa vitakka”

Nếu **Tâm cùng làm việc với các tâm Thiền Sắc giới, nó sẽ là Chi Thiền (appanā-vitakkha)** ; Tâm ở đây được phát triển tương đối cao, trở thành 1 trong 5 chi thiền, nó là một trạng thái tinh thần làm nhiệm vụ là áp chặt các tâm vương cùng tâm sở qui trên một đối tượng duy nhất, đồng thời có khả năng khắc chế 2 bất thiện tâm là Hôn trầm và Thụy miên (trong 5 triền cái, chướng ngại tinh thần) , **nếu chung với Tâm Siêu thế, nó trở thành Chánh Tư Duy (Sammā Sankappa)** “...pháp là sự tìm cảnh, sự nghĩ ngợi, sự suy xét, sự chuyên chú, sự hướng tâm, sự đem tâm khấn khít cảnh, chánh tư duy, chi đạo liên quan đạo. Đây là Tâm...” (Pháp Tụ)

Chánh Tư duy phải xuất hiện chung với Chánh Kiến, khi chánh kiến về danh sắc xuất hiện, thì Tâm và Tứ dứt khoát xuất hiện, nhưng Tứ không phải là chánh tư duy.

2. **Tứ, vicāra** : đây là một từ chuyên biệt trong Phật giáo, để chỉ một tâm trạng có thể phát sinh với nhiều loại tâm, với nhiệm vụ là sự “tiếp tục sự Chuyên tâm”, xoay quanh cảnh, làm cho các tâm sở (tâm trí, tâm trạng) trụ vào cảnh, quan sát cảnh, ứng dụng những tư duy đó, duy trì sức ép liên tục lên cảnh, không để cảnh trôi vuột đi .

“...Tứ được duy trì liên tục chính là tư tưởng được duy trì liên tục; tính chất liên tục là ý nghĩa của Tứ . Trạng thái của Tứ là sức ép liên tục trên cảnh . Tứ có phận sự giữ cho những tâm và sở hữu đi kèm phải bận rộn liên tục . Tứ thành tựu bằng cách bám chặt lấy cảnh “ (Thanh Tịnh Đạo) .

Hiển nhiên là khi Tâm bất thiện, thì Tứ cũng bất thiện : “Tứ Dục” ; “Tứ Sân” ; “Tứ Vô Hại” .

“...đừng có suy nghĩ bất chánh, những suy tư không có lợi như Dục tâm, tức là tư tưởng sắc dục; Sân tâm, tức là những tư tưởng ác tâm ; Vô hại tâm, tức là những tư tưởng lừa dối gây hại. ... vì những tư tưởng này không đem lại lợi ích gì, lại không phải là nguyên tắc cơ bản cho cuộc sống của một bậc Thánh.....

....khi các người suy tư, nên nghĩ như sau : Đây là Khổ; Khổ đang diễn ra ; Khổ đã qua ; đây là cách Diệt Khổ,

Suy tư ở đây, là Chánh Tư Duy về Tứ Diệu Đế .

Khi đã Định, Thiền Chỉ, Tứ không còn đi ra khỏi phạm vi của đối tượng nữa . Ví dụ : Thọ gồm nắn chậu bình . Tâm là bàn tay giữ bên ngoài; Tứ là tay kia di động để nắn . Vào Nhị Thiền,

Tâm không còn cần thiết để trợ lực nữa , chỉ còn Tứ . Tuy nhiên, một số hành giả còn loại bỏ được cả tâm lẫn Tứ ở giai đoạn Nhị thiền, thay vì loại bỏ Tứ ở giai đoạn Tam thiền .

“...pháp là sự gìn giữ, sự giám sát, sự bám sát, sự chăm nom, trạng thái khẩn khít, trạng thái xem xét của tâm . Đây là Tứ” (Pháp tụ) . Vacāra trừ diệt Vicikichā (Nghĩ) .

Có 3 sở hữu để làm lẫn : Cetana , Vitakka và Manasikara :

Cetana , nó “điều phối” , “hướng dẫn” chức năng các pháp đi kèm, lại “sẵn sàng muốn” ; nó chính là nghiệp nhân (tác thành nghiệp), biểu thị rằng, các tâm niệm đều tạo nên nghiệp (ý nghiệp) . Cetana thực hiện nhiệm vụ “kéo” .

Manasikara cũng có nhiệm vụ tập trung vào **bất kỳ cảnh** nào xuất hiện trước bất kỳ môn nào , và “lái” các {tâm & sở hữu đi kèm} hướng về cảnh . Nó chỉ thực hiện nhiệm vụ riêng của nó , trong lúc hỗ trợ các {tâm & sở hữu đi kèm} để nhận được cảnh mà nó đang kiểm soát .

Vitakka là “đưa các pháp đồng sinh vào cảnh” và “thực hiện liên tục” việc này . Dán áp liên tục . Vicara nắm giữ cảnh để tâm dán áp một cách đặc biệt vào cảnh, kèm giữ cảnh , là suy tư .

Tư duy có 2 loại : Tâm (vitakka) và Tứ (Vicara) :

“..Tâm là sự thoả hiệp đầu tiên giữa Tâm và Căn trần, cả hai đều còn thô thiển và sơ khai , như tiếng chuông ngân .

Tứ chính là hành động giữ cho tâm phải bận rộn liên tục với cảnh, biếm tâm phải neo chặt nơi căn trần (vẫn còn đang thô thiển) với sức ép liên tục nơi bản chất riêng biệt, như tiếng chuông chùa ngân vang ...”

Tâm hướng tâm tìm đến cảnh ; Tứ thì chiếm lấy cảnh rồi “bám chặt” lấy cảnh đó . Tâm thô thiển hơn Tứ nhưng cả hai đều thực thi nhiệm vụ riêng của mình trong sátna tâm mà chúng sinh diệt .

Tâm có nhiệm vụ hướng tâm tìm đến cảnh và cần Tứ để chiếm lĩnh lấy cảnh đó .

Tâm và Tứ đều xuất hiện với 44 tâm, chúng sinh diệt với các tâm mà chúng đi kèm . **Chính Tưởng ghi nhận hay hồi tưởng mà ta có thể nhớ lại những suy tư có liên quan .**

Với tâm siêu thế, Tâm là một chi trong Tám Chi Thánh Đạo, Chánh Tư Duy , chánh tư duy này tiếp xúc với các danh pháp hay sắc pháp xuất hiện , nhằm mục đích giúp Chánh Kiến hiểu biết thực chất của danh hay sắc pháp ấy . Như vậy, Chánh tư duy trường dưỡng Chánh kiến . Tuy nhiên, khi và chỉ khi Chánh Niệm xuất hiện tại sátna danh hay sắc pháp sinh khởi, thì Chánh kiến mới có thể sinh khởi được .

Ngoài ra, lưu ý rằng , trong trường hợp tâm quả sắc giới phải thực hiện vai trò tâm tục sinh, thì Tâm và Tứ không sinh khởi kèm theo .

Tâm, là những ý nghĩ đơn thuần , thought, conception .

Tứ, là suy đi nghĩ lại sâu xa hơn . Continuing activity of the mind . Suy nghĩ tới lui , quanh quẩn , không dừng được , không có mục đích nào cả , thì không phải là Chánh tư duy .

Tâm và Tứ có tác dụng liên tưởng và tư duy , là ngữ ngôn của ý , như ta nói thầm ở trong ý , trong tâm

Trong trí ta, các tâm hành Tâm và Tứ luôn luôn hoạt động mà chúng ta không nghe thấy được , không cảm thấy được .

Khi tư duy chuyển sang ngữ ngôn, thì Tâm và Tứ phát hiện trong tiếng nói . Nhưng trong Thức của ta, còn có những hạt giống khác, để Tâm và Tứ chọn lựa những điều muốn phát ra âm thanh . Cũng như Tâm và Tứ được kiểm soát, được nhuận sắc . Nên nhớ rằng , Tâm là đưa cảnh đến Tâm, còn Tứ là quan sát Cảnh .

Chánh niệm như ngọn đèn trong căn phòng Tâm Hành , soi rõ hình dáng của Tâm và Tứ . Nhờ đó, ta biết là ta đang suy nghĩ cái gì . Như thế, phát xuất từ Chánh Kiến, Tâm và Tứ là Chánh Tư Duy .

Chánh tư duy giúp ta nhìn thấy rõ, làm phát sinh Chánh ngữ, Chánh nghiệp và Chánh Mạng. Chánh tư duy phải căn cứ trên Chánh kiến và trở lại nuôi dưỡng Chánh kiến, 2 phần nuôi dưỡng nhau.

Chánh ngữ có Ngôn và Luận. Ngôn tương đương với Tâm, chỉ nói thôi. Còn Luận tương đương với Tứ, vì có phân tích, mổ xẻ.

Nếu trong lòng ta vẫn còn Tâm Tứ đầy ắp, thì ta sẽ không thể Văn, Tư, Tu được, bởi vì không còn chỗ để nghe và học nữa.

3. Thắng giải, adhimokkha : là tâm trạng “Quyết đoán”, chỉ chức năng quyết đoán riêng biệt của tâm. Nghĩa đen là tâm trạng “giải thoát”, “thoát khỏi ngõ vực”, “đứng hẳn cái này”.

Thắng giải ngăn các tâm sở không được do dự, mà phải dứt khoát quyết định.

“Hành vi giải quyết, chính là Thắng giải; Thắng giải có trạng thái là “sức thuyết phục”; phạm sự của nó “không phải mò mẫm”; tính “cương quyết” là thành tựu của Thắng giải. Nguyên nhân xa chính là “điều gì đó cần phải thuyết phục”. Thắng giải được xem như là một cột biên mốc do bởi đặc tính “không xê dịch được” của cảnh. (Thanh Tịnh Đạo).

Hành vi giải quyết một vấn đề gì phải được hiểu như là một hành động đầy thuyết phục về một cảnh nào đó”

Thắng giải không đi với Ngũ Song Thức và tâm Si, còn lại 78 tâm Thắng giải có thể đi kèm, kể cả tâm tử và tâm tục sinh, và tất nhiên là một tâm hành, thắng giải mang trạng thái của tâm đi kèm tại sátna tâm ấy.

Vì như ta quyết định nghiên cứu Phật pháp, thắng giải Thiện này sinh khởi kèm theo nhiều Thiện tâm và sở hữu tịnh hảo khác đi kèm. Vì thắng giải thiện “đoan chắc” được cảnh. Nhưng thật khó mà biết chính xác thắng giải, vì cũng có nhiều tâm & sở hữu tham gia vào việc “quyết định” để nghiên cứu Phật pháp. Ta chỉ có thể biết chắc sự vắng mặt của thắng giải, khi có sở hữu Nghi ngờ nổi lên. Nhưng Thắng giải áp chế hoài nghi **trong cảnh và đối với cảnh**, còn Vicara thì đối trị hoài nghi **trong pháp và đối với pháp** khi phát triển đến chi Thiền.

4. Cần, viriya, là tâm trạng Thèm muốn, Khéo Khẩn trương, Tinh tấn, gia tăng thêm năng lượng sinh lực cho các tâm sở.

“Cần – tinh tấn – là trạng thái của một người đầy sinh lực và khí thế; trạng thái của nó là “sắp xếp, hộ tống”; Tinh tấn có phạm sự “củng cố” các hiện trạng tri thức các tâm và sở hữu đi kèm; Tinh tấn thành tựu như là “điều gì đó không thể suy thoái được”. Do bởi các từ “bị khuấy động, ngài phấn đấu rất khôn khéo”, nên tình trạng “khẩn cấp” là nguyên nhân gần của Tinh tấn; hoặc nguyên nhân xa là cơ sở “khởi động” tinh tấn. “Khởi động” là căn nguyên mọi thành đạt”.

Nhiệm vụ chính của Cần là củng cố và hỗ trợ các trạng thái tri thức của {tâm & sở hữu đi kèm}, để cả 2 loại này đều thực hiện chức năng của mình mà không bị diệt mất, nhằm thực hiện công việc được hoàn hảo.

Cần là một tâm hành, cũng mang trạng thái tính chất của tâm mà nó đi kèm, tâm thiện hay bất thiện, tâm quả hay duy tác, nó gia tăng thêm sự cố gắng cho các tâm ấy và cũng bị các tâm và sở hữu đi kèm chi phối nó. Khi bất thiện, đó là Tà Tinh tấn; khi thiện, là Chánh Tinh Tấn, (vayama) một chi trong Tám Chi Thánh đạo.

Cần không đi kèm với Ngũ song thức và các tâm có Hôn trầm và Phóng dật, có 16 loại tâm tất cả không đi với Tinh tấn, còn lại 73 tâm khác có thể đi kèm Tinh tấn (Xem phần phối hợp tâm).

Tâm tục sinh, hộ kiếp và tâm tử, nếu phận sự của chúng do tâm quan sát, sẽ không có Tinh tấn đi kèm; nếu phận sự do Đại Quả, thì có Tinh tấn đi kèm.

Tinh khẩn trương của Cần là một biểu hiện của ý thức sâu sắc về Sinh, Lão, Tử. Ốm đau, tuổi già và cái chết kề cận, là những thực tại trước mắt, chúng nhắc nhở ta phải “khẩn trương”. Lúc ấy, tâm trạng thôi thúc chúng ta phải tu tập, tâm trạng ấy là sở hữu Tinh tấn, không phải cái “ta” đã thực hiện sự cố gắng đó. Nó là tâm hành, nó hành hoạt, vậy thôi.

Các thực tại trên đều là nguyên nhân sinh khởi Chánh Tinh tấn, như thế, nó giúp cho Chánh niệm được thực tại trong sátna hiện tiền. Khi hội đủ các điều kiện, Chánh tinh tấn xuất hiện, nó tăng cường và hỗ trợ các tâm với Chánh Niệm.

Tinh tấn là căn nguyên của mọi thành đạt, bởi vì, Tâm trạng Tinh tấn còn được nhấn mạnh dưới trạng thái “khả năng kiểm soát” hay “sự ngăn chặn”. Tinh tấn là một “Quyền”, có nghĩa là “nguyên tắc cai quản”, trong Ngũ Quyền, Ngũ Lực, Ngũ Căn, để đối trị tính Hôn trầm và Phóng dật. Tinh tấn cũng là một trong Thất Giác Chi và Tứ Chánh Cần (padhana).

“.....trạng thái của Cần chính là tăng cường sức mạnh và hiểu thấu hay hỗ trợ. ...Như một Thiền sinh khi được tăng cường thêm nghị lực không bị gục ngã hay bị sa đọa do những hiện trạng luân lý. Đây chính là trạng thái do việc tăng cường sinh lực”

“.....như vậy cho nên, Cần không để cho các hiện trạng tương ứng với nhau bị giảm sút hay thoái lui; Cần năng cao và hỗ trợ chúng. Chính vì vậy mà Cần có trạng thái là Hỗ trợ “.

Chánh Tinh tấn còn được ngụ ý là “quyền” và nó là một “nhiệt huyết và nhuệ khí, sinh lực và tính ngoan cường”, một “hiện trạng chịu đựng không nao núng, không chùn bước và am hiểu rõ ràng những gánh nặng phải chịu đựng”. Tính ngoan cường và sinh lực bỏ ra là không có gì hơn được nữa: *“thất sung sướng biết bao, cho dù da thịt, cơ bắp và cả xương cốt tôi phải héo mòn; cho dù ngay cả thân xác và máu huyết tôi có khô héo; chỉ cần tôi chịu đựng được cho đến khi tôi vượt thắng điều phải thắng; vượt qua với sức mạnh, nghị lực và cố gắng như thế này. Đây chừ Tỳ kheo, do nỗ lực nghiêm túc nhất mà tôi đã đạt đến giác ngộ, thì tôi đã chiến thắng được trận chiến, và tôi đã được giải thoát khỏi mọi ràng buộc”.*

Khi Tinh tấn được nhắc đến như là viriya, nó mang ý nghĩa là dũng mãnh, xuất hiện bất ngờ, bốc lên cao. Được sự dụng trong Tứ như ý túc, Ngũ quyền, Ngũ lực, và Thất giác chi.

Khi Tinh tấn được dùng như là padhana, nó mang ý nghĩa “cần thiết trước tiên”, tinh tấn là việc trước tiên. Dùng trong Tứ Chánh Cần.

Khi Tinh tấn được dùng vāyama, nó mang ý nghĩa “cố gắng”, “quét sạch” chướng ngại, như cơn bão quét sạch. Dùng trong Chánh Tinh tấn.

5. Hỷ, piti : một tâm trạng Quan tâm, tạo cho cảnh có sự thú vị để làm tâm hăng hái, là một trạng thái tinh thần “nhiệt tình”, “say mê”, một tâm trạng “mê ly”.

“...Piti khiến ta sáng khoái (vui lòng, thỏa mãn), như vậy, đây chính là hạnh phúc; Piti có trạng thái “làm sáng khoái”; có phận sự “làm sáng khoái” thân và tâm; phận sự khác là “thâm nhập khắp” (xúc động vì trạng thái mê ly). Piti thành tựu như là “sự phấn chấn” (Thanh Tịnh đạo).

Piti rất ảnh hưởng đến cảnh mà tâm nhận bắt hay xác định được và cảm nhận do {tâm & sở hữu đi kèm}. Piti khiến ta hài lòng, sung sướng vì cảnh, và khiến {tâm & các sở hữu đi kèm} cùng “sáng khoái” theo. *Người vui cảnh cũng vui theo là thế.*

Piti không có mặt trong các tâm đi cùng với Xả, Ưu, Hận; Piti đối trị các tâm này. Nhưng nó có thể phát sinh cùng tâm Tham căn. Piti có thể là Thiện hay Bất thiện hay Quả hay Duy tác.

Nhưng nó dứt khoát có mặt trong tất cả các **tâm câu hành Hỷ (hay tâm Thọ Hỷ - domanassa)**

dù Bất thiện hay Thiện . Mặt khác, khi ta **gắn bó** với một cảnh với Thọ Lạc sukha, thì Piti cũng xuất hiện .

Trong trường hợp các tâm Vô nhân, chỉ có Tâm quan sát Thọ Hỷ và tâm sinh tiểu , thì đi kèm với Piti . Các tâm đồng lực javana, nếu Thọ Hỷ, thì cũng đi kèm theo Piti .

Tóm lại, có 51 tâm Dục giới có thể đi kèm với Piti (trừ 3 tâm thiền ở giai đoạn 4, 5 và siêu thế) . Do vậy, Chánh Niệm tỉnh thức với Piti là quan trọng , sẽ giúp ta phân biệt được khi nào Piti là Thiện và Bất Thiện.

Ở những sátna tâm nơi Piti xuất hiện, những tâm trạng hay cảm giác nhầm chán, mệt mỏi sẽ tan đi , nếu có mặt của Tinh tấn, sự phấn chấn vui vẻ sẽ thay cho tâm trạng và cảm giác tiêu cực ấy . Theo Thanh Tịnh đạo, Piti có 5 mức độ , nghĩa là tâm trạng sáng khoái có 5 mức độ, từ nhẹ nhàng đến tràn ngập như cơn hồng thủy ; từ thô đến vi tế . Và Piti có thể làm sinh khởi sắc pháp , sự sáng khoái có thể biểu hiện qua nét mặt , qua hành vi .

Tuy nhiên, Piti không phải Thọ Hỷ (domanassa vedana) , cũng không giống Thọ Lạc (sukha vedana) , vì Thọ vedanta là một Uẩn và là một sở hữu . Tâm sở Hỷ - piti – và Lạc – sukkha – không giống nhau nhưng dễ lẫn lẫn nhau . Lạc là cảm thọ , Thọ Hỷ , nó vừa là tâm sở vừa là 1 uẩn , nó là cảm thọ về một đề mục thiền . Còn Hỷ là Tâm sở biệt cảnh , nó là trạng thái tinh thần đối với đề mục .

Sở hữu Hỷ - piti cetasika – là sự hân hoan đối với cảnh ; còn Thọ hỷ - domanassa vedana – là nhận lãnh cảnh với sự hân hoan .

Thọ Hỷ cảm nhận được “ý vị” của cảnh và nhiệm vụ của nó là khai thác bằng các cách, khía cạnh hấp dẫn, kêu gọi của cảnh .

Pity, Hỷ, là một Tâm Hành , thuộc Hành Uẩn , Piti không thể cảm thọ mà trạng thái của nó chính là sự mãn nguyện, sự thỏa mãn và phận sự của nó chính là làm ta sáng khoái . Ngoài ra, Piti còn ảnh hưởng đến cảnh và vui mừng sáng khoái trước cảnh đó . Piti có phận sự đặc biệt đang khi hỗ trợ cho tâm ; phận sự của nó , do vậy, rất khác biệt với cảm giác (cảm thọ) . Piti do {tâm & các sở hữu đi kèm} chi phối , rồi chi phối trở lại các pháp đi kèm này , nó là một pháp hành .

Thọ Lạc sukha , là một cảm thọ, cảm giác “hạnh phúc vô tận” . Khác biệt so với Piti, nhưng cả hai Thọ Lạc sukha và Piti, đều là hai chi Thiện :

“Và bất kỳ khi nào cả hai tương ưng nhau, thì Piti chính là sự hài lòng khi chiếm lãnh được cảnh hằng mong ước, và Sukha chính là cảm nhận thực sự cảnh khi chiếm lãnh được . Khi đã có Piti, dứt khoát sẽ có sukha ; nhưng khi đã có sukha, thì không nhất thiết phải có Piti . Piti bao gồm trong Hành Uẩn, còn sukha bao gồm trong Thọ Uẩn . Nếu một người kiệt sức trong sa mạc, khi nhìn thấy hoặc nghe nói đến “cây cầu” ở không xa nữa, người này sẽ có “Piti” ; nếu người đó bước vào bóng mát dưới cây cầu và tận dụng nguồn nước mát mẽ, hẳn sẽ có được sukha “ . Khi giữ Chánh Niệm, thì sẽ nhận ra được khác biệt vi tế giữa tâm trạng Hỷ piti và các cảm Thọ Hỷ, cảm Thọ Lạc sukha .

Chi thiện Hỷ là chú tâm hoan hỷ vào đề mục thiền mà không bị dính mắc.

“...pháp là sự vui mừng, sự no vui, sự hân hoan, sự hỷ duyệt, sự hài lòng, sự vui vẻ, sự phấn khởi, sự thích thú, sự hoan hỷ của tâm, hỷ giác chi. Đây là Hỷ....” (Pháp tụ) .

Và Hỷ, piti, cũng là một trong Thất giác chi : Hỷ giác chi . Chánh Tinh Tấn cũng là một điều kiện tốt sinh khởi Hỷ giác chi , vì nó tiếp thêm sinh lực cho {tâm & các sở hữu đi kèm}, Piti cũng là một đề mục để Chánh Niệm về Vô ngã

6. Cầu (Dục vọng), chanda : ý muốn làm, ao ước muốn làm, muốn đạt mục đích ; cũng được gọi là “hăng hái, ao ước muốn thực hiện” điều gì đó ; cũng gọi là Ý chí , tầm cầu . Được

dịch chính thức là Dục , trong toàn bộ giáo lý , cho nên phải lưu tâm cẩn thận, không nên lầm với Dục là dục tính (libido) .

Là một pháp hành, tâm trạng Ý chí có thể là Thiện, có thể là Bất thiện , tùy vào các {tâm & các sở hữu đi kèm} mà nó hỗ trợ .

“Chanda chỉ “ước muốn hành động”; thế nên chanda là lòng hăng say có trạng thái ước muốn để hành động . Phận sự chanda là quét qua một cảnh ; chanda thể hiện như là một nhu cầu của một cảnh . Cùng một cảnh, đó lại là nguyên nhân gần của chanda và chanda nên được coi như là cánh tay vươn dài của tâm nhằm hiểu rõ cảnh... “(Thanh tịnh đạo)

“Chanda xuất hiện với 8 loại tâm tham căn. Khi chanda xuất hiện cùng tâm tham căn, nó lục soát, tìm kiếm cảnh đang khao khát, chanda rất cần đến cảnh đó .

Cho dù chanda khác xa Tham (lobha) – chỉ là một loại Bất thiện – nhưng khi chúng xuất hiện chung, thì rất khó phân biệt .

Khi chúng ta muốn có được một cảnh để chịu, Lobha liền bám sát lấy cảnh ; và chính Chanda mới có thể kết thúc sự chiếm đoạt được cảnh mong ước đó . Lobha không thể tự kết thúc được điều gì cả .

Tuy nhiên, ngay khi chúng ta không cần chiếm lấy cảnh ta đang gắn bó, lúc ấy, chanda cũng xuất hiện kèm với Lobha nữa .

Chanda cũng xuất hiện với hai loại tâm Sân . Chanda tìm kiếm cảnh mà tâm sân không ưa thích. Ở đây, chúng ta nhận ra rõ hơn Chanda hơi khác với Lobha , mà Lobha thường hay gắn bó với cảnh và chẳng bao giờ đi kèm với tâm Sân “ (Chú giải Pháp Tu)

Chanda cũng không đi kèm với hai tâm si căn, vì nghi ngờ có nhiệm vụ là “lưỡng lự, hoài nghi” hay “phóng tâm, phân tâm, rối trí” , không nắm chắc cảnh , nên chanda không tìm đến cảnh không cần đến .

Chanda cũng không đi kèm với các Tâm Vô Nhân , cho nên, nếu các tâm tục sinh, hộ kiếp và tâm tử , do các tâm vô nhân làm phận sự, thì chanda dứt khoát không xuất hiện .

Chanda luôn luôn đi kèm với tất cả các tâm Dục giới Tịnh hảo , nó thôi thúc , động viên hành động hăng hái , nó ước ao hành động , nó tìm kiếm cảnh cho tâm thiện nhận bắt và nó hỗ trợ cho {tâm thiện & các sở hữu thiện đi kèm} thực hiện nhiệm vụ .

Cùng mong muốn hành động, nên Chanda và Cetana giống nhau và cũng khác nhau .

Cetana chính xác là ý muốn hoàn hảo, là Nghiệp, cetana có thể thôi thúc động viên một hành động hoàn hảo và hành động đó có thể tạo được kết quả sau này ; đồng thời cetana lại hướng dẫn các pháp đi kèm trong lúc thực thi nhiệm vụ một cách hoàn hảo .

Chanda là một yếu tố cần thiết cho các điều tịnh hảo, bởi vì Ý chí Thiện xuất hiện để trợ lực, động viên các tâm Thiện để kết thúc một cảnh Thiện , không có tâm trạng “ao ước hành động”, ta không thể có những tư tưởng và hành vi thiện .

Do đó, Chanda cần thiết để tu tập :

“...Chanda tức là ý muốn thực hiện , mới chỉ là khởi đầu ; việc loại bỏ các triền cái là công việc ở giữa ; và sự say mê là kết thúc ...”

Khi chanda đi kèm theo các tâm Thiền, nó tìm kiếm đề mục thiền mà tâm thiền cảm nhận được với lòng say mê miên mật .

“Này chư Tỳ kheo, như bình minh là điềm báo trước mặt trời sắp mọc, chanda cũng là trường duyên cho sự xuất hiện bậc Thánh Bất Chánh đạo .

....đối với Tỳ kheo nào có ước muốn (chanda), ta hy vọng vị ấy chỉ muốn tu luyện bậc Thánh Bất Chánh đạo mà thôi”

Khi ta tu tập điều tốt một cách có hiệu quả, Chanda sẽ trở thành một sức mạnh chiếm ưu thế, lúc ấy tâm trạng ước muốn (chanda – cầu) sẽ giúp cảnh mong muốn trở thành hiện thực, đó là *Ý chí Như Ý Túc*, Một trong Tứ Như ý túc.

Như vậy, tâm trạng ước muốn thành tựu (chanda) này cũng có nhiều cấp độ từ thấp đến cao, tùy vào sự phát triển công phu tu tập.

Chanda chỉ là sự ao ước suông, chỉ là “cầu”, tầm cầu, có ý chí muốn đạt đến. Chanda là trạng thái của ý chí, không mang tính luân lý, đạo đức.

Lobha lại là bám chặt cảnh hay bám chặt điều đã có, đang có hay sắp có. Lobha là trạng thái không hoàn hảo, bất thiện, mang tính luân lý rõ rệt.

*

* *

Hai loại đồng khởi (biến hành) và biệt khởi trên, gồm có 13 loại, được xếp vào Tâm Sở Tợ Tha. Gọi là Tợ Tha, bởi vì khi các sở hữu tợ tha xuất hiện với {tâm & các sở hữu đi kèm} bất thiện, thì tất cả đều bất thiện cả. Ngược lại, với Tâm Tịnh hảo, thì tất cả đều là Thiện.

Các sở hữu tợ tha, tự chúng, không có ý nghĩa luân lý rõ ràng, nhưng chúng sẽ trở thành thiện hay bất thiện tùy thuộc vào loại tâm nào xảy ra với chúng. Chúng ta xét phương cách mà chúng trợ giúp, như là phương cách mà các tâm trạng của ta diễn qua trong tư tưởng nội tâm, qua ví dụ

Các sở hữu	Ý chí muốn thực hiện một điều bất thiện	Ý chí muốn thực hiện một điều thiện
Tâm	“suy nghĩ tính toán” về cảnh một cách “không hoàn thiện”	“suy nghĩ” đến cảnh một cách <i>hoàn hảo</i>
Thắng giải	nếu có, cũng “nhận thức về cảnh đó giống như” cảnh của tâm bất thiện.	“thâm tín” về cảnh là cảnh của tâm thiện.
Tinh tấn	hỗ trợ cho {tâm & sở hữu đi kèm}	hỗ trợ cho {tâm & sở hữu đi kèm}
Hỷ	nếu có, cũng chỉ “quan tâm” đến cảnh đó	“quan tâm” đến cảnh và làm “tươi tỉnh” {tâm & sở hữu đi kèm}
Ý chí Chanda	nếu có, thì “cần đến cảnh” và “đi tìm cảnh” đó.	“tìm kiếm” cảnh một cách <i>hoàn hảo</i> , “hỗ trợ” {tâm & sở hữu đi kèm} để <i>hoàn tất</i> điều thiện

Như thế, khi các sở hữu tợ tha xuất hiện với các tâm bất thiện, thì chúng trợ lực cho tâm bất thiện, để thực hiện nhiệm vụ bất thiện không hoàn hảo. Bởi vì Bất Thiện tâm luôn có căn Si hợp Nghi hoặc/và Phóng dật, nên một vài tâm thực hiện nhiệm vụ không hoàn hảo.

Ngược lại, khi các sở hữu tợ tha xuất hiện với các tâm Tịnh hảo, thì chúng trợ giúp cho tâm thực hiện nhiệm vụ của mình một cách hoàn hảo. Bởi vì Tịnh hảo tâm luôn đối trị căn Si và cả Tam độc, nên các tâm đều thực hiện nhiệm vụ một cách hoàn hảo.

Mặc dù nhân loại vẫn luôn gây phiền não cho nhau, làm hại lẫn nhau, chung qui cũng vì Tham, Sân, Si. Nhưng nhân loại vẫn tiến bộ về mọi mặt và tiến hoá đến ngày hôm nay. Những gì phù hợp với Chân, Thiện, Mỹ thì luôn tồn tại với nhân loại; và những gì trái ngược lại, dứt khoát bị đào thải, huỷ diệt. Đó là ý nghĩa triết học và giáo dục cho con người mà VDP mang lại.

Rất khó có thể phân biệt được nhiều loại sở hữu, vì có nhiều sở hữu xuất hiện cùng một lúc kèm theo với tâm để thực hiện nhiệm vụ của mình. Mà tâm thì biến chuyển từ sátna này đến sátna khác. Ta có thể so sánh để cảm nhận:

Đồng khởi	Trạng thái	Nhiệm vụ	Thành tựu	Nhân gần	Biệt khởi	Các Phẩm Trụ Đạo
Xúc	đụng chạm đến	tác động va chạm; tiếp xúc để tâm nhận biết cảnh	trùng khớp tâm-thân	cảnh		Bát Chánh đạo (Chánh Niệm)
Thọ	Cảm giác của Thân và Tâm	Nhận cảnh	Kinh nghiệm cảnh	Cảnh		
	sảng khoái	làm sáng khoái cùng khắp	sự phấn chấn		Hỷ	Bảy Giác chi;
Tưởng	ghi nhận, nhận ra, nhớ lại	ghi nhận và nhận biết điều đã ghi nhận	giải thích	cảnh		Bát Chánh đạo (Chánh Tư duy, Chánh Kiến)
Tư	phối hợp các tâm	sẵn sàng muốn & hành xử	hướng dẫn các tâm đến và hành động hoàn hảo để có kết quả			Bát Chánh Đạo (Chánh Nghiệp)
	hướng tâm đến cảnh, ghi dấu để tìm lại	gây sự chú ý, đập vào	hướng tâm đến cảnh		Tâm	Bát Chánh Đạo (Chánh Tư duy)
	ước muốn hành động	quét qua cảnh	chiếm lĩnh cảnh	cảnh	Ý chí	Tứ Như-ý ;
Tác ý	hướng những trạng thái tương ứng đến cảnh	nối kết các pháp tương ứng với cảnh; tập trung vào cảnh bất kỳ	đối mặt với cảnh	cảnh hiện tại		Bảy Giác chi (Niệm); Bát Chánh Đạo (Chánh Niệm)
Nhất tâm	Không phóng tâm	gắn kết các trạng thái cùng tồn tại; tập trung vào cảnh duy nhất	trí tuệ	Lạc		Bảy Giác chi; Bát Chánh đạo (Chánh Định)
	sức ép liên tục lên cảnh	làm các tâm phải bận rộn liên tục	bám chặt lấy cảnh, chiếm cảnh		Tứ	Bát Chánh đạo (Chánh Niệm)
	sức thuyết phục	không phải mò mẫm	cương quyết		Thắng giải	
	sắp xếp, hộ tống	củng cố các hiện trạng tri thức	điều gì đó không thể suy hoại được	khẩn cấp	Tinh tấn	Tứ Như-ý ; Tứ Chánh Cần; Bảy giác chi;
Mạng căn						Bát Chánh Đạo (Chánh Mạng)

Sau khi so sánh , ta hãy suy gẫm về lời khuyên :

*Chánh Giải thoát bắt nguồn từ Chánh Kiến
 Chánh Kiến bắt nguồn từ Chánh Định
 Chánh Định bắt nguồn từ Chánh Niệm
 Chánh Niệm bắt nguồn từ Chánh Tinh Tấn
 Chánh Tinh Tấn bắt nguồn từ Chánh MỆNH
 Chánh MỆNH bắt nguồn từ Chánh NGHIỆP
 Chánh NGHIỆP bắt nguồn từ Chánh NGŨ
 Chánh NGŨ bắt nguồn từ Chánh TƯ DUY
 Chánh TƯ DUY bắt nguồn từ Chánh Kiến*

Chương V – SỞ HỮU VÔ TỊNH HẢO PHÂN TÍCH CÁC TRẠNG THÁI TÂM THỨC KHÔNG HOÀN HẢO

Trong chương 4, đã đề cập đến các Tâm Bất Thiện, là các bản chất không hoàn hảo của tinh thần. Chúng đồng khởi với các Sở hữu Bất thiện, là những trạng thái tâm lý không hoàn hảo. Tất cả các trạng thái ấy đều là các pháp Bất thiện, tức là các pháp không trong sạch.

Bất kỳ lúc nào, trạng thái tinh thần của ta không hoàn hảo, lúc ấy, và các tâm bất thiện hành hoạt. Tuy nhiên, nhận diện những pháp bất thiện một cách thô thiển không khó; nhưng nhận diện được những pháp bất thiện cực kỳ vi tế không phải là dễ.

Dưới lớp vỏ của một hành vi Thiện, như Bồ thí chẳng hạn, ẩn dấu một nguyên nhân bí ẩn sâu xa, làm sao ta nhận biết?

Vì vậy, học kỹ và thực hành Chánh niệm sắc bén để nhận chân các pháp bất thiện là một pháp rất cần thiết để trao dồi thiện nghiệp. Khi có tâm thiện, ta có niềm tin vững chãi nơi Chân-Thiện-Mỹ, những pháp hoàn hảo.

Trong cuộc sống, các trạng thái không hoàn hảo xuất hiện luôn luôn, biểu hiện qua những “suy tưởng lan man, vô tích sự” mà không thể nào kiềm hãm nó được. Đó là các pháp bất thiện sinh khởi tự động, mà ta “tưởng” rằng chúng là “bản chất”, “bản năng” của tư tưởng. Nhưng thực ra, chúng là hệ quả của vô lượng điều bất thiện trong vô số kiếp quá khứ tích lũy đến nay. Ta phải nhận thức rõ ràng rằng, tâm bất thiện thôi thúc hành vi Thân-Khẩu-Ý của ta nhiều hơn tâm thiện nhiều lần.

Ngoài ra, trong cuộc sống hiện tiền, ta cũng bị huân tập và tự huân tập những pháp bất thiện hàng ngày, hàng giờ. Những Hành vi, Lời nói và Suy nghĩ không hoàn hảo đã khiến ta trở thành bất hạnh, tâm trạng không bình yên. Chính bởi vì ta đã không “thực biết” các pháp bất thiện là gì và điều kiện sinh khởi, trưởng dưỡng chúng là gì. Tất cả hệ lụy là, “*Tri Ngã như thử, bất như vô sinh*”, nếu biết ta như thế này, thì đừng sinh ra là hơn”, hoặc là:

“Lang thang từ độ Luân hồi,

“Vô minh nẻo trước, xa xôi dặm về” (Vũ Hoàng Chương)

Chính Vô minh đã làm chúng ta thỏa mãn cái chúng ta hiện đang thỏa mãn; làm chúng ta mong mỗi những điều chúng ta mong mỗi điên cuồng.

Chúng ta tiếp tục vào **trạng thái tinh thần bất thiện**: Tâm (citta) nào tương ứng với 3 căn bất thiện, là tâm bất thiện. Trong 3 căn này, căn SI (moha) quan trọng hơn cả, bởi vì **2 căn còn lại, tiềm ẩn căn Si**. Còn căn Si có thể chỉ đứng 1 mình. Mọi loại tâm bất thiện đều có Si đi kèm.

Có 14 Sở hữu – Cetasika – bất thiện (liên quan đến 12 tâm – Citta – bất thiện) theo 5 cách (thành 5 nhóm). Trong đó, có 3 Sở hữu bất thiện vừa thuộc loại Căn, vừa là có Nhân bất thiện: Sở hữu Tham, Sở hữu Sân và Sở hữu Si. Chúng đồng sinh, phối hợp và kích tác các tâm (citta) bất thiện căn trong tâm thức. Như vậy, tâm bất thiện có rất nhiều cấp độ, rất nhiều cách thể hiện, rất nhiều dạng, vì vậy mà nó rất vi tế, khó nhận diện.

Tất cả 14 sở hữu (cetasika) bất thiện đều có thể đi kèm chỉ với một tâm (citta) bất thiện, nhưng không có trường hợp ngược lại.

Tất cả các {tâm bất thiện & sở hữu bất thiện đi kèm theo} đều đi kèm với các Sở hữu Biến hành và tùy trường hợp, với Biệt Cảnh, nhưng cũng không có trường hợp ngược lại.

VDP dạy rất kỹ về tất cả các pháp bất thiện, chính vì chúng là *những thực tại trong cuộc sống*, chúng cần phải “thực biết” để nhận diện.

	Căn , Nhân (Bản năng)	Tâm Sở (Biểu hiện)		Nghĩa của Tâm
Sở hữu Bất thiện	1.-Si phần	Si , moha (1)	Vô minh (Avijja)	“sự mê muội”, sự thiếu hiểu biết về pháp .
		Vô Tâm (2)	Vô lương tâm	
		Vô Quý (3)	Vô liêm sỉ	
		Phóng dật (4)	bồn chồn	Tán loạn
	2.-Tham phần	Tham , lobha (5)	Ái	“sự dính mắc của tâm vào cảnh”; ái, đắm nhiễm, trù mến
		Tà kiến, ditthi (6)	Nhìn sự vật lệch lạc	“kiến điên đảo”
		Ngã mạn, māna (7)	Sự tự lượng giá	“sự so sánh danh-sắc”
	3.-Sân phần	Sân , dosa (8)		“sự đánh mạnh của tâm vào cảnh”, phẫn nộ, hiểm hận .
		Tật , issā (9)	đố kỵ do thèm muốn	Còn có nghĩa là khuynh hướng bói lỗi người .
		Lận, macchariyam (10)	tham lam	Hẹp hòi, keo kiệt
		Hối (11)	lo lắng, lo nghĩ	
	4.-Hôn phần	Hôn tâm (12)	Sợ hãi	Lười biếng của tâm vương
		Thuy miên (13)	Lười biếng	Lười biếng của tâm sở
	5.-Nghỉ ngơi (14)		Chần chừ, do dự	

I.-Các trạng thái tâm lý bất hạnh căn bản : Có Bốn loại cetasika bất thiện **luôn luôn xuất hiện với mỗi loại Citta bất thiện** : Vô minh (Avijja) hay Si (moha) ; Vô Tâm (Ahirika) ; Vô Quý (Anottappa) và Phóng Dật (Udhacca) .

Trong đó , Vô minh hay Si , vừa là Căn , vừa là Nhân , vừa là Citta , vừa là Cetasika
Cho đến khi nào chưa tận diệt được 4 sở hữu bất thiện này , thì tâm bất thiện vẫn còn điều kiện xuất hiện . Chỉ có bậc Thánh Alahán mới diệt tận bốn loại tâm này .

I.- Si (moha) hay Vô minh (Avijja) :

“....thế nào là Si ? Đó là thiếu hiểu biết, thiếu khả năng nhìn xa trông rộng; trong trường hợp thiếu điều phối, thiếu phán đoán, thiếu giác ngộ và thiếu thâm nhập; không có khả năng lĩnh hội hay hiểu thấu đáo vấn đề; không có khả năng so sánh, cứu xét và chứng minh; ý nghĩ điên rồ, ngây thơ, thiếu thông minh, đần độn đến độ mơ hồ, đầu óc ngu muội, ngu si, bực lưu (ogha), phối (Yoghas); thành kiến ám ảnh do ngu si, ngăn cản (che chướng) do ngu si; đần độn là căn của điều tội tệ, đó chính là đần độn hay Si (moha) (Chú giải Pháp tụ)

Si – moha – là trạng thái tinh thần mê mờ, tối tăm. Nó không biết cái điều đáng biết; nó có khi biết cái điều không đáng biết. Moha như người mù bẩm sinh.

“...Moha, ...làm thành mù, làm thành không mắt, làm thành không trí, đoạn diệt trí tuệ, dự phần vào tồn não, ...” ; “mê tối trong cảnh, gọi là Moha”

Trạng thái tâm thức Si còn được gọi là Vô Minh (Avijja) . Nhưng giữa hai phạm trù này, có sai biệt .

Si – moha – không biết điều thiện hay bất thiện là như thế nào và cũng không biết đến những điều kiện chi phối các pháp khi xuất hiện , nó điên rồ và mù quáng ; mê muội và lầm lạc ; nó “tự tối tăm” , cho nên Moha có tính đậm đặc hơn, tập trung hơn , nó có năng lực tạo ác nghiệp .

Moha thường được dùng với ý nghĩa căn bản bất thiện .

Như vậy, Si là rất kiên cố và nó luôn tiềm ẩn , rất khó diệt tận .

“Si có trạng thái là mù quáng hay đối lập với trí tuệ hiểu biết (thiếu hiểu biết hay không hiểu biết về các Pháp Chân Đệ như Tứ Thánh Đệ, 12 Nhân duyên, Tam pháp ấn,) ;

bản chất của Si là không thể thâm nhập được (không thể xâm nhập sâu vào Cảnh) ;

phận sự của Si là bao trùm bản tính nội tại của cảnh (vì không xâm nhập được, nó phủ trùm và che chắn bản chất nội tại) ;

thành tựu của Si là chống lại tư cách đạo đức hoàn hảo (patipatti) hay tạo ra cố chấp và mù quáng (đồng sinh với Tà kiến và trường dưỡng hay chi phối Tà kiến cho thêm phần kiên cố) ;

nguyên nhân trực tiếp là “phi-lý Tác-ý” ; và Si được xem như là Căn của mọi hành vi đời bại”

(một ví dụ vi tế là , khi ta thường thức một món ăn quá ngon miệng, thế là Tham xuất hiện, Si có mặt ; lúc đó, cảnh đã nô lệ hoá ta và hướng dẫn mọi hành vi ăn uống của ta , nghĩa là phi-lý tác-ý rồi vậy) .

Có nghĩa là, cảnh xuất hiện với ta , tự thân cảnh ấy, hoàn toàn trung đạo . Chỉ có Tâm là nguồn cội sinh khởi mọi điều thiện hay bất thiện , chỉ vì ta chỉ mong muốn Cảnh thỏa mãn với ta mà thôi . Si xuất hiện với mỗi tâm, hơn nữa, Si là Căn, là Nhân, là Tâm hành, nên nó rất nguy hiểm , nó là nhân sinh khởi mọi tâm bất thiện , nó sinh khởi với mỗi tâm bất thiện , nó trường dưỡng cái tâm bất thiện mà nó đi kèm ở mỗi sátna tâm . Ngay cả lúc không có Tham Sân gì cả, Si cũng xuất hiện, thể hiện qua sự “phóng tâm” , đó là “phóng dật” .

*“...phàm nhân không được giảng dạy, nên không biết được sự thỏa mãn nơi **Sắc**, đau khổ vì **Sắc**, và thoát ra khỏi **Sắc** , thực sự là gì cả .*

*Vì thế cho nên, với **Thọ, Tưởng và Hành**....họ lại không hiểu ra được sự thỏa mãn nơi **Thức**, đau khổ vì **Thức**, và thoát ra khỏi **Thức** là làm sao*

Đó chính là Vô minh, và như vậy, con người mới vô minh nương nào”.

*“.....Tuệ giác, chính là hiểu được sự thỏa mãn nơi **Ngũ Uẩn** là làm sao ; đau khổ vì **Ngũ Uẩn** ra thế nào ; và thoát ra khỏi **Ngũ Uẩn** ra sao “ .*

Thật rất khó phát hiện trạng thái của Si và rất khó tận diệt Si . Chúng ta phải thường xuyên tu luyện Chánh Kiến ; tinh tấn với Chánh Niệm , bởi vì ta có vô lượng sátna tâm vô minh hàng phút giây . Ta phải hiểu biết thực sự các khác biệt giữa những lúc Chánh niệm và những lúc Thất niệm .

Chỉ đến lúc thành tựu bậc Thánh Alahán , lúc đó Vô minh diệt .

Vô minh (avijja) có phạm trù rộng rãi , thường dùng trong nghĩa Nhân duyên . Vô minh có nghĩa cụ thể hơn là không hiểu biết, không sáng suốt, không thông minh . Vô minh che khuất bản thể tướng các pháp . Có 2 loại Vô minh :

- Căn bản Vô Minh – Anusaya moha : nó nằm trong bản chất con người , như loại cây độc, cành lá hoa trái đều có độc chất . Đó là trạng thái Vô minh tiềm ẩn , được kể là một loại Tuỳ miên , Kiết sử, Phối, Bộc lưu, Lưu hoặc, Triền cái . Nó có tác dụng che phủ, làm mờ tối tâm trí chúng sinh, khiến cho chúng sinh không thể thấy được ngay cả bản chất thực sự của mình , nhất là không thể tỏ ngộ chân lý. Lúc nào nó cũng có thể chi phối con người được cả . Chỉ nơi tâm thức bậc Thánh A La Hán, mới diệt tận vô minh .

- Chi mạt Vô minh – Pariyatthana moha : nó tùy dịp khởi sinh lên cùng tâm thức . Nó là một loại sở hữu đi kèm với tâm moha .

Si hay Vô minh không phải và khác với tri thức văn hoá tục đế ; nhưng tri thức văn hoá tục đế hỗ trợ cho sự hiểu biết các Chánh pháp . Khi các pháp chân đế được nhận thức , nghĩa là có Chánh Kiến, Chánh Niệm, Chánh Tư duy,thì Si hay Vô minh bị đẩy lùi từng bước , từng giai đoạn một theo quá trình tu tập .

2.-Vô Tàm (Ahirika) và Vô Quý (Anottappa) :

“Ở đây, không thấy có những dẫn đo suy xét chu đáo, như vậy Vô tàm là thiếu lương tâm ; không biết mắc cỡ , thế nên Vô Quý là thiếu thận trọng .

Ở đây, Vô Tàm là không ghê tởm trước những hành vi ác hạnh...hay lại có trạng thái là khiếm nhã . Vô Quý có trạng thái là không khiếp sợ trước những hành vi của mình , hay lại có trạng thái là không lo lắng gì cả “ (Thanh tịnh đạo)

Hai cetasika này hình như có liên hệ rất mật thiết nhau, nhưng trạng thái riêng của chúng thì khác nhau ở nguyên nhân . Vô tàm sánh với con heo **không biết** bản thù và Vô Quý như con thiêu thân, không sợ lửa đốt chết vì **không biết** hậu quả . Nghĩa là luôn có Vô minh tham gia .

	Vô Tàm	Vô Quý
Định nghĩa	Vô lương tâm . Không ghê tởm trước xấu ác . Khiếm nhã.	Thiếu thận trọng ; Không để ý đến lời khen chê . Vô liêm sỉ
Phận sự	Làm điều xấu không biết mắc cỡ .	Làm điều xấu không sợ sệt
Thành tựu chung	Không chùn bước trước bất kỳ điều bất thiện nào	Không chùn bước trước bất kỳ điều bất thiện nào.
Nguyên nhân gần	Không biết mắc cỡ	Không sợ hậu quả
Nguyên nhân sâu xa	Thiếu tự trọng , vì không có sự ray rứt đạo đức , và vì Mắc cỡ có nguyên nhân là lòng tự trọng .	Thiếu trọng nhân, vì không có sự kính sợ đạo đức , và vô liêm sỉ có nguyên nhân là không sợ dư luận .

Theo Chú giải Pháp Tụ, tính mắc cỡ có nguồn gốc chủ quan, xuất phát từ những đặc đo suy nghĩ liên quan đến nguồn gốc xuất thân như gia đình, thế tộc, bản thân. Trường hợp Vô tàm là thiếu những dẫn đo suy xét đó, lúc ấy ta không đủ sức mạnh tâm linh để tự chủ, làm mất sự tự trọng. Trường hợp chúng ta tự kềm chế vì sự kính sợ, sợ bị khiển trách, sợ bị pháp luật trừng trị, đó là sự sợ hãi từ bên ngoài. Nếu không biết sợ, thì đây là trường hợp Vô Quý.

Như thế, khi Vô Tàm xuất hiện, thì Vô Quý cũng có mặt. Có ngôn ngữ : *Trước cái Sống và cái Chết ; trước cái Nghèo và cái Giàu ; trước cái Vinh hiển và cái Nhục nhã ; sự hèn nhát xuất hiện* . Đó là sự sinh khởi của Vô tàm và Vô Quý .

Các tâm bất thiện luôn đi kèm với Vô Tàm – sự thiếu tự trọng – và Vô Quý – sự thiếu thận trọng – Cho dù đôi khi tâm bất thiện ấy có cường lực yếu ớt, thoáng qua, thì Vô Tàm và Vô Quý cũng hiện hữu ở sátna tâm ấy, mà ta không nhận ra .

Như vậy, khi ta dính mắc vào ngũ dục, ta có nhận ra cái vô cùng vi tế của Vô Tàm và Vô Quý trong ta ? Khi ta có một lời nói dối mà ta cho là vô hại, cái tâm vi tế nào trong ta đã hành hoạt ? Khi ta tham gia vào những chuyện trò phù phiếm, ta có nhận thức một thoáng mắc cỡ nào hiện khởi trong lòng không ?

“...cho dù mục tiêu xấu trên đời này và đời sau có ra sao đi chăng nữa . Tất cả đều phát sinh từ Vô Minh, và cả tình dâm dục lãng loạn .

Và một khi người xấu không cảm thấy xấu hổ , và không còn biết kính trọng ai , nên họ làm những điều xằng bậy . Và qua những điều xằng bậy như thế, họ rơi vào khổ cảnh .

Chính thế, mà việc từ bỏ các ham muốn nhục dục và vô minh, sẽ tạo ra trí tuệ cho mình .

Này chư Tỳ kheo, Phải từ bỏ và quên đi những mục tiêu xấu xa trên đời này”

Cuối cùng, khi ta thực biết Vô Tàm và Vô Quý, thì ta không thể nào xao lãng việc tu tập trau dồi Chánh pháp , cho dù phải xả bỏ thân xác này đi nữa . Đây là một sự thật Chân đế .

Khi ta hiểu một cách như thực về trạng thái tinh thần và tâm lý bất hạnh gọi là Vô Tàm và Vô Quý , ta mới thấy Đức Phật dạy cho ta cách tôn trọng và gìn giữ cái Danh-Sắc này ra sao .

Đức Phật dạy cho ta giữ gìn và tôn trọng cái Danh Sắc này một cách trong sạch nhất, đến là trong suốt, là thanh tịnh . Để cho cái danh sắc này kịp đưa ta đến bờ kia , trước khi ta vớt nó đi . Chứ không phải vì cái Danh Sắc này là nhân duyên hoà hợp, mà ta không giữ gìn nó , để rồi ta cứ mãi lăn trôi bên bờ này .

3.-Phóng Dật (udhacca) , còn gọi là Phóng tâm, Trạo cử , Tán loạn :

Là trạng thái tâm lý hiệu động, kích động hay hỗn loạn; hoặc thao thức , bồn chồn , xao lãng, thiếu sự chú ý, tâm trạng bất an , giống như “lo ra” vớ vẩn , hoặc bị dính mắc vào một cảnh nào đó không dứt ra được (như tương tư , chẳng hạn) :

“...Udhacca là náo động tâm, như là trạng thái giống như gió khuấy động mặt nước . Phận sự của udhacca là gây náo động , như lá cờ quay cuồng trước gió ; thành tựu của udhacca là quay cuồng dao động , như đám tro bị hòn đá rơi trúng dậy bụi tung tóe khắp nơi ; nguyên nhân sâu xa của udhacca là tư tưởng không có hệ thống do bị kích thích tâm và được coi như là phân tâm trước cảnh kích động” (Chú giải Pháp Tụ)

“Cá bị vớt lên khỏi nước và vớt trên đất khô như thế nào, thì tâm dao động cũng như thế ...”

Khi udhacca có mặt, thì không thể có kiên định tồn tại, không có điều kiện cho cố định , không còn tính hoàn hảo nữa , làm ta quên mất điều thiện .

Udhacca không giống như trạng thái mà ta hay gọi là “áy náy bồn chồn”, hay “dao động” thông thường trong ngôn ngữ qui ước ; mà khi udhacca xuất hiện, thì trạng thái ác cảm và khó chịu đi kèm, nó làm suy giảm mạnh mẽ các năng lực tinh thần .

Udhacca thường nhận thức cảnh quá khứ , hoặc “mơ ước” cảnh vị lai, đó là do sức mạnh của Tưởng trợ giúp, khiến cho Udhacca thêm trường dưỡng lớn mạnh .

Thường udhacca xuất hiện không những với tâm với sân căn , mà còn đi kèm với những tâm có tham căn hay si căn . Như thế, udhacca đi kèm theo với từng tâm bất thiện một . Trong trường hợp udhacca đi kèm với tâm si hợp trạo cử , như thế là “phóng tâm tương ứng” .

Trạo cử udhacca thường xuất hiện, nhưng ta không thể nhận ra dễ dàng , nó là một trong 5 “triền cái”, nó như là một điều gì đó đi đôi với hối hận . Những khi ta bỏ lỡ mất cơ hội làm điều thiện, trạng thái đó là phóng tâm, là trạo cử , là udhacca ; vì nó ngăn không cho ta thực hiện hành vi thiện . Hoặc khi ta cảm thấy bình yên , bình thản ; thì ta phải chánh niệm để nhận ra trạng thái tâm lý bình thản ấy lành mạnh hay trạng thái bình thản ấy có tâm đeo bám với sự yên tĩnh đó ? Cho đến khi nào vẫn còn có những điều kiện (duyên hệ) để bất thiện tâm sinh khởi, thì các tâm bất thiện ấy luôn kèm theo với Si căn vô minh – vì quên mất thực tại ; theo sau là vô tàm – tức không sợ điều bất thiện ; rồi vô quý – không biết hậu quả ; cuối cùng trạo cử .

Bốn loại sở hữu tâm này Si, Vô Tàm, Vô Quý và Phóng dật là 4 bất thiện sở hữu biến hành với mọi bất thiện tâm . Nghĩa là các trạng thái tâm lý si mê , vô lương tâm, thiếu thận trọng và vọng

động luôn luôn xuất hiện với mọi trạng thái tinh thần và tâm lý không lành mạnh . Cho dù các trạng thái ấy là thô lỗ hay tế nhị , cường mãnh hay nhẹ nhàng thoáng qua .

Luôn luôn mọi thực tại đều xuất hiện trước ta với mọi trạng thái tâm lý tinh thần sinh diệt kèm theo qua từng sátna , phải giữ lấy chánh niệm tinh thức để không lọt vào trong cái bẫy của các bất thiện tâm .

II.- Trạng thái tâm lý tham đắm (Tham – Lobha) .-

Trạng thái tinh thần Tham , là một bản năng cực kỳ quan trọng , nó hầu như chi phối mọi hành vi của sinh vật . Như ta đã phân tích trong chương Citta , nó là một Căn , một Nhân (hetu) , và là một Sở hữu nữa . Do vậy, tâm Tham có nhiệm vụ “kép”, vừa là Hetu , và là Citta , nó là tâm Hữu Nhân, nên có cường lực mạnh ; lại vừa là Cetasika , một tâm Hành , nó hoạt động .

Nghĩa là trạng thái tinh thần và tâm lý Tham , vừa là một bản năng cơ bản , vừa là một động thái tâm lý kích tác thành hành vi .

Do vậy mà Thắng pháp yếu luận đề cập đến Lobha như một Hetu , đã đưa ra một danh sách dài để minh họa sự khác biệt trong hình thái và động thái : *“lobha như dây leo bóp chết cây chủ ; như đại dương không thể thỏa mãn hết tham muốn ; thô lỗ như tham đắm hay tế nhị hơn như là một “kỳ vọng” , một “hy vọng””* .

Từ ngữ Pàli Lobha định nghĩa : *Lobha là bám chặt vào , đó là Tham”* . Là dính chặt, không buông bỏ được, không xa lìa ra được , không tách ra được .

Do mãnh lực của Tham như vậy, nên nó còn là một “triền phược” , là một sự trói buộc chặt chẽ , một sự thôi thúc không nguôi .

“...tinh tham lam có trạng thái là bám chặt lấy cảnh, giống như “nhựa bầy khi” . Phận sự của nó là bám lấy, như miếng thịt bám chặt vào chảo nóng ; Tham lam thành tựu bằng cách không buông tha, như loại thuốc nhuộm ; nguyên nhân sâu xa của tham là vui sướng với cảnh khi tóm gọn được , căng phồng lên (bành trướng) với triều sóng tham lam,như sông tràn bờ đổ vào đại dương bao la” (Thanh tịnh đạo).

Đức Phật đã cảnh báo các Tỷ Kheo về việc sa bẫy của “5 dục lạc” , nếu không chuyên chú phòng hộ các căn môn .

Chấp thủ (upadana) là một tâm trạng nguy hiểm, nó đưa ta đến chỗ tự hủy diệt . Khi lòng tham nổi lên, ta thích chấp thủ cảnh khả ái đó , nó nô lệ hóa chúng ta . Vì thế, nguyên nhân của tham đắm là sự vui thú nơi các cảnh . Chìm đắm sâu vào tham đắm , ta dần đi đến tự hủy diệt, do không thể được giải thoát , và trôi lăn mãi trong luân hồi vô tận .

Khi Lobha xuất hiện thô lỗ , nghĩa là khi trạng thái tham lam được hiển lộ một cách thô tục qua hành vi Thân, hay Lời nói bằng các hành vi bất chánh , và như vậy , nó tạo bất thiện nghiệp cho vị lai . Khi Lobha biểu lộ qua suy nghĩ (ý) , thì nó thúc đẩy và trưởng dưỡng Tà kiến , mở đường cho nghiệp đạo bất thiện qua ý môn trong việc trừ định chiếm đoạt (Sở hữu Tư và Tác ý) thành quả của người khác .

Tâm trạng tham lam cũng được xem như cách tay vươn dài của ta đến sự thành công của người khác , nó có thể dẫn đến việc đánh cắp một phần hay toàn phần sự thành công ấy của người khác.

Khi lobha xuất hiện vi tế , nghĩa là khi tâm trạng tham lam được bao bọc một lớp vỏ mỹ miều của sự “bật thiệp” , hay “lòng tốt” ,để che đậy một ước muốn chiếm đoạt hay một mưu toan nào đó Thực ra , tất cả lời nói hay thái độ bóng bẩy , lịch thiệp ấy chỉ là giả vờ cả . Dưới đáy của sự bật thiệp ấy, là trạng thái Vị kỷ, chỉ vì ta vẫn muốn được người mến mộ hay nổi tiếng (tham danh).

“...thế nào là **Lừa Đảo** ? Đó là người quá lệ thuộc vào của cải, danh lợi, tiếng tăm, là người có ý muốn sằng bậy, là người gặp rắc rối (phiền não hay thôi thúc) do ước muốn : Qua cái gọi là cần sử dụng những vật dụng cần thiết ; bằng lời nói bóng nói gió ; bằng cách dàn xếp hay thiết lập dự định ; hoặc qua những dàn xếp trong thái độ, mà tỏ ra cau có, có hành vi cau có, lừa đảo, trở thành lừa đảo, có mảnh khóc lừa đảo ; tất cả những thứ đó đều là lừa đảo cả “

“...thế nào là **Lời nói bóng gió** ? Người nào đó, muốn lệ thuộc quá độ vào của cải, danh lợi, tiếng tăm, thì tức khắc người đó đã có ý định xấu xa. Người nào có lời nói bóng gió, lời nói diều cợt (tán phét), lời nói tán dương quá đáng, lời nói phỉnh gạt, lời nói tâng bốc ; suy luận quá đáng hay suy luận liên tục, để tiện biện luận có thái độ sai khiến. Những lời này gọi là có lời nói bóng gió.

Chúng ta tạo Nghiệp bất thiện qua Lời nói (Khẩu) và Suy tư (Ý) từ đây.

Trong những lúc ta cảm thấy thú vị với cảnh đẹp, hoặc khi ta thích thú thường thức một bản nhạc hay, thì tâm trạng tham đắm vẫn xuất hiện ngay sátna thích thú ấy.

Tham là một Nhân, là một Căn, và một Sở hữu, nó chính là bản năng, cho nên nó buộc phải xuất hiện qua từng môn trong các môn, trong từng sátna ta cảm thọ cảnh.

Lobha chỉ có thể xuất hiện với 8 loại tâm Tham Căn mà thôi. Và như chúng ta đã tham khảo chương citta, trong Tham còn có căn Si.

Khi trong tâm trạng tham có sự thích thú vui vẻ hay có cảm giác dễ chịu, là Tâm Tham Thọ Hỷ, có sở hữu Hỷ đi kèm. Nhưng Tham luôn có thể hiện diện trong trạng thái tinh thần tâm lý bình thản, vô tư, lúc này nó đi kèm với Thọ Xả - Tâm Tham Thọ Xả này xuất hiện liên tục trong đời sống hàng ngày, nhưng ta vì vô minh nên không nhận ra được chúng. Như thế, ta thấy rằng tâm Tham xuất hiện ở mọi góc độ, dưới mọi dạng tâm lý, và rất là tinh tế.

Thành thử, khi tâm tham sinh khởi, ta không biết, đó là vô minh, tâm Si ; vì không biết nên không không áy náy, là Vô Tàm ; và không sợ hậu quả, là Vô Quý ; và bị thôi thúc, là Phóng tâm. Bốn thứ bất thiện biến hành luôn có mặt với mọi tâm bất thiện !

Tiếp theo là sự nô dịch loài người bởi tâm Tham : các tâm bất thiện này làm ta bám chắc lấy cái điều thích thú tham đắm ấy, mà khái niệm (trởng) cho rằng đó là “hạnh phúc” ; khi mất đi cái hạnh phúc, thì ưu phiền, khổ não, hối tiếc, thậm chí hờn hận, có thể đi đến Sân Hận – các Tâm Sân xuất hiện, nó càng làm cho sự u mê thêm sâu sắc, trường dưỡng tâm Si. Và tiếp tục, ta chìm sâu vào trong tham đắm, sân hận, si mê trong vòng xoay vô cùng vô tận của luân hồi.

VDP cho biết rằng, do ta tích lũy tham đắm quá nhiều, quá sâu sắc qua vô lượng kiếp, mà khoa học ngày nay nói rằng, Tham là bản năng cơ bản, là trạng thái tinh thần tâm lý cơ bản ; cho nên rất khó mà diệt tận chúng. Ngay bây giờ, ta vẫn hành xử sao cho mọi thuận lợi đều đến cho mình ; mà không được thế hay nghịch lại, ta bắt đầu khó chịu ! Hay khi ta giúp đỡ cho một ai đó, ta có cảm thấy “dính mắc” trong vài sátna với lòng độ lượng của ta ? Ta đã chẳng thấy gấn bó, hài lòng với những điều ta đã làm cho hấn sao ? Ta đã chẳng phải đã tự hài lòng với “tâm lòng tốt” của ta ? Và sau đó, một vài nghịch ý đối với hấn, ta lại khó chịu và đi đến sân hận !

Tham là nguồn gốc của sự “thất vọng” vô tận.

Con đường diệt tận bản năng cơ bản này, cái tâm Tham này, là một cuộc trường chinh ta chống lại ta, mà kinh điển gọi là “Cuộc chinh phục Thánh Đức” :

“...cuộc chinh phục Thánh Đức là gì ?chư Tỳ kheo, người nào, do “bản chất” khả sinh, lại tìm kiếm những gì khả sinh như thế ; bất kỳ ai do “bản chất” có khả năng già yếu đi, lại đi tìm kiếm những gì sẽ già yếu ; do “bản ngã” là sẽ tan rữa,do “bản chất” là khả tử,do “bản chất” hay sâu khổ, ...do “bản chất” hay gây hại, lại tìm kiếm điều nguy hại.

...điều gì cho là Khả Sinh ? Vợ và Con chẳng ? Tôi tớ ? Tài sản ? Sản nghiệp ? Lợi danh ?
...tất cả cũng đều khả sinh .

Này chư Tỳ kheo, tham lam những thứ Khả sinh như trên,người sẽ bị nô lệ, say đắm, mãi mê, nghiệp ngập; do bản chất con người khả sinh, họ tìm kiếm điều khả sinh như thế đó ...”

Bởi vì, thoát khỏi bản năng cơ bản, con người ấy là bậc Thánh vậy . Bởi vì tham vẫn có thể xuất hiện ngay cả với tâm Thiên Thiện , do dính mắc , chấp thủ những kinh nghiệm trong cõi thiên .

Tuy nhiên, nếu một đam mê theo khuynh hướng Chân-Thiện-Mỹ, và sự đam mê ấy mang lại lợi ích cho mình và cả cho tha nhân, mà Tâm lý học Tây phương gọi là “sự thăng hoa”, thì điều ấy lại khác đi . Đó là Chánh Mạng, Chánh Tư Duy, là Chánh Nghiệp,miễn là những đam mê ấy không làm sinh khởi, dù thoáng qua, một chút nào Tham đắm dính mắc, hay Sân hận khi chưa thành công hay không đạt thành công .

Bất kỳ trạng thái tinh thần tâm lý nào xuất hiện, chúng đều là các “pháp” để ta quan sát, chánh niệm và thực hành chánh tri kiến . Chúng ta phải sống một cuộc đời bình thường như bao người khác, **trong trí tuệ chánh niệm tỉnh giác**, đôi khi chúng ta cần phải nỗ lực đến “tận nhân lực” để tận dụng cuộc đời quý giá, có một không hai trong hiện tại này, cho bản thân, cho những người thân yêu và cho cả nhân quần xã hội . Vô ngã, Vô Tướng, Vô Tác, Vô Nguyên là như thế .

Trong lộ trình tâm, những kinh nghiệm xuất hiện qua các môn khác nhau, thì ngay tiếp sau, những tâm bất thiện (như Tham) có thể xuất hiện làm phận sự Tâm Đồng tộc Javana, đó là trạng thái gấn bó, dính mắc với cảnh . Thông thường là như thế, tâm bất thiện rất thường sinh khởi trước các tâm Thiện, nhưng ta không biết, vì thiếu chánh niệm và chánh tri kiến . Các lộ trình tâm nối tiếp, chỉ thực hiện các nhiệm vụ mà tâm Đồng lực cảm nhận, cho nên có rất nhiều sátna tâm, mà trạng thái dính mắc, chấp thủ xuất hiện trong các lộ trình . Do vậy, nên dính mắc là điều rất khó tránh được, nếu không “khéo” chánh niệm tỉnh giác” .

Tham còn mang nhiều tên khác nhau tùy theo cảnh và trạng thái tâm lý đi kèm, từ thô thiên đến cực kỳ vi tế :

- Tham đắm (raga - raga), nghĩa là “đắm nhiễm” đeo dính vào một cảnh nào không dứt ra được, như tấm vải trắng bị nhuộm màu rồi vậy, là “ô nhiễm”; còn gọi là “ái nhiễm”. Nói chung là “nhiễm” rồi vậy, nên một số học giả thường dùng Raga để chỉ trạng thái của Lobha . (Chữ Vi-raga hàm ý chỉ Níp Bàn, là phủ định của raga) . Từ Kama-raga được dịch là Dục Tham, hàm nghĩa là “đắm nhiễm trong cõi Dục” . Từ đây, sẽ dẫn đến Triền cái : kama-raga-samyojana . *Xin cẩn thận !*
- Tham Ái (Abhijja)
- Tình thương (pema), là tình yêu thương trong phạm vi gia đình huyết thống, cha mẹ, anh em, người hôn phối, con cháu ...có nghĩa sâu xa là tình thương chân thật, không chút gì gian dối, vụ lợi; được gọi là samyojana, sợi dây thân ái, là một loại “kiết sử”. Pema có thể được xem như là một hình thức của tâm Từ (metta) .
- Nếu tình thương rơi vào đắm nhiễm trong dục lạc như tình vợ chồng, trai gái, thì gọi là “rati”, là ái luyến, quyến luyến, là một hình thức của Tham Lobha .
- Tham luyến, khi sự ham muốn trở nên ràng buộc, thì nó là kamaguma (kama : khả ái của cõi Dục; guma : sợi dây), nó được liệt trong Phược, Chấp Thủ, Lậu hoặc, Triền cái, Tuy miên, Kiết sử, Phôi, Bộc lưu .
- Tanha – được dịch là Ái, một từ Hán-Việt . Tanha chỉ sự thèm thuồng cao độ, nhiệt tình ham muốn mãnh liệt vượt quá mức bình thường đối với cảnh dục giới, sự mê say đắm đuối, sự mê cuồng **trong đeo đuổi** các cảnh an lạc dục giới, là sự “khát ái” có tính vi tế : “Sông nào bằng sông Ái”. Còn Lobha, là sự **dính mắc** vào cảnh đến mức không muốn

buông lìa , chỉ muốn hưởng thụ những khoái lạc do giác quan mang lại . Lobha có tính thô thiển .

Có nhiều hình thức mà Tham xuất hiện : Dục Ái (Kama-tanha) ; Hữu Ái (Bhava-tanha) và Vô-hữu-Ái (Vibhava-tanha) . Tất cả đều xuất hiện dưới trạng thái Ái (tanha) , một khuynh hướng của chúng sinh hữu tình (khuynh hướng còn lại là Tà Kiến) ; như vậy, Ái cũng là một bản năng tinh thần tâm lý .

- **Dục Ái (kama-tanha)** : Dục, là từ Hán Việt , chỉ những cảnh trần (cõi Dục) , từ Dục ở đây không liên quan gì đến Chanda (Dục, Ý chí tầm cầu) . Dục Ái là trạng thái tinh thần và tâm lý thèm khát trước cảnh trần được cảm nhận qua 6 môn , nó có tính chất “thôi thúc”, “thúc đẩy” giống như các tâm Dục giới trong cõi dục vậy . Dục Ái có thể có Tà kiến hay không , cũng làm được phận sự . *Đây là từ Dục thứ hai được dịch trong giáo lý.*
- **Hữu-Ái (Bhava-tanha)** : Hữu là sự tồn tại . Hữu ái là trạng thái có tính bản năng sinh tồn , là khát vọng tồn tại , được tồn tại , mà kinh điển gọi là “thường kiến” . Nếu Hữu ái đi kèm Tà kiến, là trạng thái tinh thần tin tưởng rằng, thực tại luôn tồn tại . Từ đó, đưa đến niềm tin rằng có một “tự ngã” tồn tại muôn đời . Nếu Hữu ái không có Tà kiến, là loại chấp thủ tái sinh nơi cõi Vô sắc hay tái sinh nơi cõi Trời Sắc giới .
- **Vô-Hữu-ái** : là trạng thái tinh thần trái ngược với Hữu ái . Nó là một tư tưởng chi đạo tinh thần , không có khát vọng tồn tại hay được tồn tại , “đoạn kiến” . Đây là một loại Tà kiến , cho rằng “có tự ngã” và “tự ngã” này sẽ đoạn diệt sau khi chết . Quan niệm này đưa đến việc phủ nhận lý Nhân duyên để danh sắc pháp sinh khởi , hệ quả là không tin vào tái sinh .

Có những trường hợp tâm Tham lobha và Ái dục tanha phối hợp nhau , trạng thái tinh thần tâm lý này biểu hiện ở sự che dấu những tội lỗi bằng những hành vi “thiện”, trạng thái này gọi là “Phú”, “Tàng”, là “Maya” . Các hình thức của “Phú tàng” nhiều vô kể : sự “khoa trương – satheyya” , “mạo xưng, mạo nhận”, “khoác lác”, “tự tôn” ... để che dấu những thói hư tật xấu hoặc/và những khiếm khuyết của thân-tâm

Thanh tịnh đạo cho rằng có 108 loại Ái dục có thể quan sát được :

6 ái dục qua 6 môn X 3 trạng thái trên = 18 loại X 2 Trí = 36 loại X 3 thời = 108 loại .

Tham Ái là một tập tính di truyền và và một tập tính tập nhiễm , do vậy nó thuộc về Thánh Đế thứ nhì : Tập Đế : “...chư Tỳ kheo, chân thánh để nói về nguồn gốc của Khổ là gì ? Bất kỳ Tham Ái nào cũng có liên quan đến Tái sinh, đi kèm với Hỷ, và Tham tìm kiếm khoái cảm đây đó ; cụ thể như Dục ái, Hữu Ái và Vô hữu ái dục . Nay chư Tỳ kheo, điều này được gọi là Chân Thánh Đế về nguồn gốc Đau Khổ “ (Sariputa).

Thanh Tịnh Đạo cho rằng Vô minh và Tham Ái là Căn của bánh xe luân hồi , vậy Tham Ái là mối nối chúng sinh với chuỗi xích xiềng 12 nhân duyên .

Nhận xét chung cho Tâm Tham (8 tâm Tham Căn Hữu Nhân và cả Sở hữu Tham) :

Dĩ nhiên, Tham là một trạng thái tinh thần lẫn tâm lý có tính bản năng . Mọi sinh thể đều muốn được sinh tồn và thực hiện phong cách sinh tồn của mình . Trong đó có 3 hình thức Tham (kama-raga) cơ bản nhất :

- **Ăn** , là một Dục Tham : mọi sinh thể đều cần có trao đổi chất để tồn tại, phát triển và thay thế bảo trì thân thể . Các loài thực vật thì trao đổi chất qua hệ thống rễ lá ; các động vật thì ăn thực vật và ăn lẫn nhau , tạo thành “tháp thức ăn” . Các động vật thì chỉ ăn khi đói . Loài người đã tiến hóa vượt bậc, họ biến nhu cầu ăn để sinh tồn trở thành ăn để hưởng thụ ; và vì thế, tâm Sân căn và Si căn đã phát triển cao nhất : họ tàn sát các loài vật để

cung phụng cho nhu cầu vượt quá sự cần thiết, đi đến diệt chủng các loài vật, hủy hoại môi trường.

- Sinh sản, là một Dục Tham: mọi sinh thể đều sinh ra để truyền trao lại vốn gen của giống nòi. Các động vật hoặc nhiều loài thực vật chỉ sinh khởi ham muốn giao phối theo mùa. Con người đã tiến hóa vượt bậc, họ có thể làm điều này bất kể thời gian, cho đến những hành vi thương luân, bại lý.
- Thỏa mãn giác quan, là nhiều loại Dục tham: đây là phần tiến hóa nhất của loài người so với loài vật. Họ thỏa mãn các giác quan để ngủ, nghỉ, để hưởng thụ, v...v cho đến sự chiếm đoạt tài sản, đất đai, nô lệ. Loài người tiến hóa cho đến nỗi, họ không thể tồn trữ thức ăn cho đến muôn đời, nên họ tồn trữ Tiền bạc, tài sản. Họ không thể chứa tài sản nhiều quá, nên họ chiếm hữu lấy đất đai. Họ không thể thực hiện quyền sở hữu trên đất đai mệnh mông mà họ đã chiếm, nên họ chiếm hữu Nô lệ. Họ không thể chiếm quá nhiều nô lệ, nên họ phải chiếm lấy quyền lực. Họ tiến hóa nhanh đến nỗi, họ dùng tiền bạc để mua nữ sắc, mua thêm quyền lực, đất đai, nô lệ; họ dùng quyền lực để chiếm thêm tiền bạc, tài sản, đất đai, nô lệ và nữ sắc. Và đó, bộ lạc, thị tộc, quốc gia, dân tộc và nhà cầm quyền ra đời.

Tuy nhiên, vũ trụ này do nhiều nhân duyên, nên trí tuệ xuất hiện, loài người là một loài linh trưởng có trí tuệ. Vì có trí tuệ, nên loài người cũng nhận thức được mối hiểm nguy của Tham lam. Họ đã cùng nhau thống nhất phạm vi của tham lam. Từ đó, luật lệ, tôn giáo, luân lý, đạo đức được truyền dạy và thực thi. Khi những mặt tiêu cực của tâm Tham bị hạn chế, đó là điều kiện cho Tâm Thiện sinh khởi và thúc đẩy những mặt tích cực của tâm Tham. Hệ quả là loài người đã tiến bộ đến như hôm nay, và dĩ nhiên, những tàn dư tiêu cực của Tham vẫn còn đeo đẳng theo từ vô thủy.

Mặt tích cực của tâm Tham được trích trong câu chuyện “*Nakula-pita và Nakula-mata*”, chuyện hai vợ chồng Nakula:

Nakula thưa với Đức Phật: “*Thưa Tôn giả, tôi đã cưới Nakulamata làm vợ từ ngày tôi còn trẻ. Từ đó đến nay, tôi chẳng hề nghĩ đến sự phản bội đối với vợ tôi lần nào, nói chi là có sự ngoại tình. Thưa Tôn giả, tôi luôn luôn muốn được có mặt bên Nakulamata trong đời này và cả trong các kiếp sống luân hồi nữa*”

Bà Nakulamata bạch Phật: “*Thưa Tôn giả, tôi đã đến sống chung với Nakulapita trong ngôi nhà này của chúng từ ngày tôi còn trẻ. Từ đó đến nay, tôi chẳng hề nghĩ tưởng đến ai khác cả. Thưa Tôn giả, tôi luôn luôn muốn sống bên cạnh chàng trong đời này và cả trong các đời sau của kiếp sống luân hồi*”

Đức Phật dạy: “*Nếu người đàn ông và người đàn bà sống chung nhau, hoà hợp, muốn được ở mãi bên nhau trong nhiều đời kiếp, họ cần phải có chung một “niềm tin – saddha”, chung một “giới đức – sila”, chung một lòng từ (caga) và một trình độ ngang nhau về trí tuệ (panna)*.”

Nếu nói theo Tâm phân học Tây phương, thì gọi là “sự thăng hoa” của tình yêu. Nhưng ở đây, là một “nguyện lực”, được thúc đẩy bởi Dục – chanda – mong muốn mãnh liệt sự hành trì tu tập các hạnh Balamật (paramis – sự hoàn hảo tinh thần), và dựa trên “pema”, “tanha” và cả “lobha” nữa, nhưng mãnh lực của sự cao quý từ các hạnh lành (Ba La Mật), đã đưa họ đến bờ an vui. Còn nhiều truyện kể về các vị Bồ tát như Bồ tát Thiện huệ (sumedha) và nàng Sumitta; đôi uyên ương Mahakassapa và Bhadda; hoặc cả gia đình Ngài Bàng Công Uẩn vậy.

Vicara và Lobha hơi giống nhau ở chỗ “dán chặt” cảnh. Tuy nhiên có khác nhau trong vi tế, Vicara “dán chặt” vào cảnh không mạnh mẽ, như mẹ bồng con nâng niu không muốn rời. Lobha

cũng “dán chặt” vào cảnh, nhưng như con trăn xiết chặt con mồi, càng lúc càng xiết cứng, không buông tha. Vicara là tùy cảnh, còn Lobha là bất thiện. Chanda thì tầm cầu nhưng không nắm giữ (chấp thủ - upadana), là tùy cảnh. Còn nếu Chanda (Dục) lại đi với Lobha (Tham), thì nó thành kama-chanda (Tham Dục), là tầm vãi đã bị nhuộm màu!
Nên chú ý kỹ các từ ngữ Kama, lobha, raga, tanha... khi từ Hán-Việt có dịch là Dục.

III.-Trạng thái tâm lý sai lạc – Tà Kiến (Ditthi) .-

Tà kiến là cách nhìn méo mó về những hiện tượng, mà một trong những méo mó cơ bản nhất là sự tự đồng hóa, là chấp thủ với cái “tự ngã”.

“...trạng thái của Tà kiến là nhận thức thiếu sáng suốt. Xuyên tạc sự thật là phạm sự; thành tựu chính là nhận thức sai lệch; nguyên nhân sâu xa là không muốn nhìn thấy bậc Thánh Alahán. Tà kiến là một lỗi lầm rất trầm trọng”

“...do không phải Chánh Đạo, Tà kiến là “Tà Đạo”, vì chỉ cần chúng ta đi sai đường, cho dù chúng ta coi con đường đó sẽ dẫn đến ngôi làng ta cần đến, nhưng chúng ta không thể đến được. Thế nên, đây thực sự là một người có ý tưởng sai lệch. Cho dù người đó coi đây (tin rằng) chính là con đường dẫn đến vận mệnh hạnh phúc, nhưng người đó không đạt đến được. Vì thế, từ chỗ không phải Chánh Đạo, đã trở thành Tà Đạo vậy” (Chú giải Pháp tu)

Xác tín thiếu khôn ngoan là trạng thái của Ditthi (như là Tà tín – miccha-saddha). Khi Tà kiến chi phối, người ta chấp thủ sự sai lầm về thực tại, đi đến Giới cấm thủ hay “kiến chấp” (upadana-ditthi). Ditthi có phạm sự “xuyên tạc”, làm sai lệch thực tại, đưa đến “vọng tưởng”, “điên đảo tưởng”. Tà kiến còn đồng nghĩa với “điên đảo kiến”. Tà kiến luôn xuất hiện, ta không thể nào biết thực sự khi nào Tà kiến xuất hiện, chỉ vì ta chưa đạt được Chánh Tri Kiến và giữ được luôn Chánh Niệm. Ta suy nghĩ và hiểu ra sao về Giáo Pháp của Đức Phật? Do đó, Tà kiến là cực kỳ quan trọng cho người tu tập. Phải luôn cảnh giác với mọi sự “hiểu biết” xuất hiện trong nội tâm.

Nguyên nhân sâu xa của Tà kiến, là “tật đố” hoặc/và “kiêu mạn”, không muốn thấy bậc Thánh Alahán, cũng là một loại bất thiện tri thức: *“...thế nào là bạn xấu? có những hạng người chẳng có chút lòng tin nơi Phật pháp, nếp sống luân lý đạo đức của họ đáng ngờ vực, thiếu trí tuệ, bần tiện, không sáng suốt, thiếu thông minh. Đó chính là lệ thuộc vào người khác, hoàn toàn lệ thuộc vào người khác. Tiếp cận với họ, tiếp cận với họ một cách thâm mật, tôn vinh họ, tôn vinh hoàn toàn, vương mắc với họ. Điều này chính là có những người bạn xấu” (Phân tích)*

Tránh xa bạn xấu và thân cận bạn tốt, thiện tri thức, sẽ tích lũy được nhiều điều hiểu biết chân chính (Chánh tri kiến). Nói cách khác, tích lũy nhiều Chánh Tri Kiến, sẽ có nhiều duyên hệ gặp gỡ nhiều bạn tốt.

Những nguyên nhân khác: *“...chư Tỳ kheo, ta không biết được điều gì thích hợp để cho các hiện tượng xấu đã, đang xuất hiện dễ nhận dạng hơn và tiến triển mạnh. Đó là quan điểm trụ lạc... nơi quan điểm xấu, hiện trạng xấu chưa xuất hiện, chắc chắn sẽ xuất hiện; và nếu đã xuất hiện, thì chắc chắn sẽ tăng thêm và phát triển mạnh...”*

... ta không biết được điều gì thích hợp để cho các hiện tượng TỐT đã, đang xuất hiện, lại khiến điều đó mờ nhạt đi. Đó là do Tà Kiến trụ lạc mà ra ...

... ta không biết được điều gì thích hợp để cho các Tà Kiến xuất hiện. Nếu chưa xuất hiện hay đã xuất hiện, đó là Tà kiến, thì đó là Phi-Như-Lý tác-ý ...

Nghĩa là không biết đến Chánh pháp, hoặc biết mà vẫn hờ hững với Chánh pháp. Nghiêm trọng hơn, còn suy luận sai lầm, là Tà tư duy (miccha-vitakka).

Có rất nhiều loại Tà Kiến , nếu theo Ý nghiệp , thì có 3 loại chính :

- Vô Hữu kiến : quan niệm không có quả của nghiệp , liên quan đến “đoạn kiến”
- Vô nhân kiến : quan niệm không chấp nhận nhân duyên .
- Vô hành kiến : quan niệm không có nghiệp .

Tuy 3 tà kiến này, thọt trông thì không liên quan nhau, nhưng khi nhận xét kỹ, chúng có quan hệ nhân quả nhau : nếu không công nhận có nghiệp, thì đi đến không nhận ra kết quả; và nếu không nhận ra kết quả như là quả của nghiệp trước đó, thì cũng không nhận được nguyên nhân. Ngoài ra, còn đến hơn 62 loại Tà kiến, mà Đức Phật đã biện giải phá tan chúng trong Kinh Phạm Võng .

Nếu phân theo Thân Nghiệp : “...*họ cho thân xác chính là bản ngã ; họ cho bản ngã có một thân xác ; họ cho thân xác là một con người nơi bản ngã ; và bản ngã lại là một con người nơi thân xác ..*” . Đây là Sắc, có 4 vọng kiến . Thêm Thọ, Tưởng, Hành, Thức là 5 uẩn X 4 vọng kiến = 20 Tà kiến về Thân .

Còn theo Danh pháp, “...*đừng cảm nhận cảnh của các căn khác, nghĩa là nhĩ thức không cảm nhận được cảnh của các thức còn lại ; nhãn thức; tỷ thức;*” Nghĩa là con người “chấp thủ” cái ý tưởng “bản ngã” để điều phối kinh nghiệm giác quan khác nhau , nghĩa là họ tưởng rằng họ vừa nhìn thấy , và vừa nghe ai đó trong cùng một lúc .

Tà kiến không xuất hiện với tất cả các Tâm, nó liên quan trực tiếp đến “chấp thủ” và chỉ xuất hiện với Tâm Tham căn mà thôi . Có 4 Tâm Tham hợp Tà Kiến , có 2 Thọ (Hỷ và Xả) và 2 Trợ (Hữu trợ và Vô trợ) .

Nếu thực sự ta chưa biết chính xác dưới dạng Danh pháp, sự xuất hiện của những “hiểu biết” do những duyên hệ nào, thì không thể có Chánh Tri Kiến và Chánh Niệm được, và vì vậy, không thể diệt trừ Tà Kiến được . Và cho đến khi nào ta chưa thể tận diệt được Tà kiến, thì ta vẫn còn tiềm ẩn mỗi duyên hệ đi chệch khỏi Chánh Đạo . Thật nguy hiểm !

Chánh Kiến, *người nào có Chánh Kiến, thì mọi hành đều dẫn đến hạnh phúc* . Nhưng Chánh Kiến chỉ phát triển tốt trong Chánh Niệm , và ta thấy rằng việc tu tập hành trì Văn-Tư-Tu và Giới-Định-Tuệ là tương tức . Không thể trước sau , mà phải ngay bây giờ và ở đây , với tất cả trong một và một trong tất cả .

Sau cùng, ta có thể nhận xét Tà Kiến cũng là một bản năng, nó là biến thái của bản năng sinh tồn, nó là cái “tự ngã”, cái “bản ngã”, cái “tôi” . Tà kiến “hữu ngã” này kết tụ trong sự tự đồng hóa với kinh nghiệm giác quan qua vô lượng kiếp, để nó có khả năng sinh tồn . Vì vậy, VDP liệt Tà kiến là khuynh hướng thứ nhì của mọi chúng sinh, là Kiến Lậu (ditthi-asava) hoặc “Kiến tùy miên” (ditthi-anusaya) . Nói cách khác, Ái (Tanha) và Tà Kiến là 2 mặt của một đồng tiền, chúng không thể tách rời nhau; chúng giống nhau mà lại khác nhau như là hạt photon, lúc là hạt, lúc là sóng .

IV.-Trạng thái tâm lý “vị ngã” – Mạn (Mana) .-

Trạng thái tâm lý tự so sánh mình với người khác , xuất hiện khi nghĩ rằng mình hơn, bằng hoặc kém hơn người khác .

“...*Mạn kiệt sử là gì ? Mana, khi ta suy nghĩ “tôi là người tốt hơn hẳn”, “ta cũng tốt như người khác “ , “Tôi kém hơn” . Tất cả những điều đó đều là Mana .*

Mana con mình quá cao, vênh váo, kiêu căng, cao kỳ, ngạo mạn, khoe khoang, chưng diện, kiêu căng, ngang ngược, có ước ao tự khoe mình . Tất cả đều là Mana “

Tất cả chỉ gói gọn lại là, khi có so sánh là tự xem mình quan trọng . Nếu không, so sánh làm gì ? Tự đánh giá lấy mình, xem mình là quan trọng, dù nhiều hay ít quan trọng, vẫn là quan trọng, là “tham danh”, là “Ái” . Do vậy, Mana thường đi kèm với tâm Tham căn, nhưng tâm Tham căn không thường đi với Mana . Tuy nhiên, Mạn và Tà kiến lại hoàn toàn khác nhau, Tà kiến là loại “chấp thủ” có tính “ngã và ngã sở” trong khi Mana lại có tính “chỉ tự khẳng định”, “tính tán dương tự đắc”, “ước muốn để mọi người nhìn thấy, biết đến” . Tham là nguyên nhân sâu xa của Mana . Còn Mana xem như là một trạng thái điên rồ, loạn trí . Tóm lại Mana chỉ đi kèm với 4 tâm Tham Vô Tà, nó làm thành hai trạng thái thô thiển chính : Maya, là xảo trá và satheyya, là khoác lác, khoa trương :

“...Mana tương tượng với tính ngạo mạn là trạng thái ; tự tán dương là nhiệm vụ ; ước muốn khoe khoang là thể hiện” (chú giải Pháp tự)

Về đối tượng hay Cảnh : *“...kiêu hãnh về gia tộc; kiêu hãnh về sức khỏe ; kiêu hãnh vì sắc vóc hoàn hảo ; vì dáng điệu yêu kiều ; vì khéo tay ; kiêu hãnh vì cuộc sống ; kiêu hãnh vì lợi lộc ; vì nhiều tài sản ; kiêu hãnh vì danh vọng ; kiêu hãnh vì được kính trọng ; vì không bị coi thường ; kiêu hãnh vì thông minh lỗi lạc ; vì học thức uyên bác ; kiêu hãnh vì có nhiều người trung thành ; vì có nhiều uy tín ; vì là người thành đạt ; vì là người nổi tiếng ; kiêu hãnh vì thường hay bố thí ; vì là người đạo đức ; kiêu hãnh vì là người tu luyện Thiền....” (Phân Tích)*

Như thế, trạng thái tinh thần tự kỷ luôn luôn xuất hiện dưới mọi hình thức, mọi nội dung . Tóm lại pháp bất thiện luôn xuất hiện để chiếm lĩnh dòng tâm thức và chi phối dòng tâm thức, ngăn che các pháp thiện sinh khởi . Vì mỗi sátna tâm chỉ có một tâm .

“...thế nào là “tự đánh giá cao chính mình” ? Vì không đạt được chính điều đó, lại ra vẻ như đã đạt được ‘vì không thể thực hiện được điều đó, mà làm ra vẻ mình đã thực hiện được ; vì đã không dành được điều gì đó, mà làm ra vẻ như đã dành được ; vì đã không thực hiện được điều gì đó, mà làm ra vẻ đã thực hiện trót lọt ; những điều đó tương đương với tự phụ, tỏ vẻ tự cao, hiện trạng tự cao tự đại, tính kiêu kỳ, ngạo mạn, chung diện, làm ra vẻ, ước ao được phô trương. Những điều đó, chính là tự đánh giá mình quá cao vậy ...” (Phân tích)

Chúng ta thường có thành kiến hay định kiến về chính bản thân chúng ta và bành trướng nó ra người khác, để chúng ta có thể đánh giá họ . Thực ra, cái ta thấy ở họ, trước tiên, lại nằm ở trong ta !!!

Khi nhận thức đủ sắc bén, lẽ nào ta không nhận ra một thoáng tự hào sinh khởi trong nội tâm, mỗi khi ta nhìn thấy kẻ kém may mắn hơn ta, dù chỉ một trong những điều ưu thế mà ta đang tự đồng hóa với cái “ngã” này ?

Mana ngăn trở lòng Từ ; cũng như Sân và hận, cả hai đều gây khó chịu cho người khác và làm thương tổn tâm hồn ta . Mana trường dưỡng tâm Si, làm ta không biết tự hổ thẹn – vô tâm ; thiếu thận trọng trong xử thế - vô quý ; làm ta lẫn lộn trong nhận thức – phóng dật .

Nếu ta thực sự hiểu được mọi trạng thái tinh thần và tâm lý tiêu cực, thì ta sẽ có thêm nhiều điều kiện để các đức tính tích cực xuất hiện và hoạt động . Chỉ có duy trì chánh niệm sắc bén, ta sẽ nhận chân được các pháp bất thiện sinh lên và diệt đi và chúng chỉ là những diễn trình danh-sắc, các diễn trình già, bệnh và chết trên từng sátna tâm ; ta sẽ trực nhận chẳng có gì là “bản ngã”, mọi pháp vô thường .

V.-Trạng thái tinh thần và tâm lý bạo hành – Sân (Ác cảm – Dosa) .-

Khi trạng thái tinh thần hay tâm lý không thích một cảnh nào đó, lập tức một mối ác cảm xuất hiện . Theo quan niệm thông thường, Sân thể hiện một “tánh nét nóng nảy”, thật ra, đó chỉ là sự

biểu hiện thô thiển của Sân . Trạng thái thường gặp của Sân là sự buồn rầu (soka) , than vãn (parideva) , khó chịu (domanassa – ưu phiền) . Trạng thái vi tế của Sân là “không hài lòng, không thích thú, không hân hoan” .

Là một trạng thái tâm thức bạo hành , là Dosa, Tâm Sân , khi nó xuất hiện, thì cảm thọ sẽ là không vui về gì , Thọ Ưu – Tâm Sân luôn đi với Thọ Ưu , và luôn làm cho tâm thức bị cấu nhiễm .

Tâm Sân là một Căn, là Hữu Nhân , mà tâm lý học Tây phương gọi là bản chất tinh thần . Mặt khác, Tâm Sân cũng vừa là một Sở hữu tâm , thuộc Hành uẩn , nó cũng là một trạng thái tâm lý tạo tác hành vi . Như vậy, Sân có chức năng “kép”, thật cực kỳ quan trọng để nhận diện các trạng thái tinh thần và tâm lý có tính Sân trong đó .

Bởi chính thế mà tâm Sân có muôn vàn lý do để hiện khởi, mà chính ta không biết . Cho nên, ta đổ lỗi cho ngoại cảnh , mà không biết rằng tính hung hăng này là bản năng và là hành vi trong ta, nó thúc đẩy ta phải tìm cảnh để hung hăng . Tâm Sân lúc nào cũng tìm ra cảnh cho nó xuất hiện .
“...nổi cơn thịnh nộ, hoặc trở nên cáu kỉnh là trạng thái của Dosa , giống như cơn rắn bị đập, nó lao mình lên hoặc quăn quại ; hoặc là thiêu rụi điều gì dosa lệ thuộc, giống như vụ cháy rừng . Dosa thành tựu bằng cách xúc phạm hoặc gây tổn hại , như kẻ thù nắm được cơ hội ; nguyên nhân sâu xa là nắm được những cơ sở gây phật ý người khác, như nước tiểu hòa thuốc độc...”
(Pháp tụ) .

Có nhiều nguyên nhân giúp Dosa xuất hiện , được gọi là “nguyên nhân gây phiền toái” :

“...có 9 cơ sở gây phiền toái : Hấn đã làm hại tôi ; hấn đang hại tôi ; hấn sẽ hại tôi ; Hấn đã làm hại ; đang làm hại ; và sẽ làm hại người than của tôi ; Hấn đã làm tốt ; đang làm tốt ; sẽ làm tốt cho người mà tôi không yêu thích ; Và thế là 9 điều phiền toái xuất hiện , đây là 9 cơ sở gây phiền toái “
Tất cả 9 cơ sở này đều là cái “ái ngã” , “ngã ái” .

Tâm Sân căn chi xuất hiện với 2 loại tâm, hỗ trợ và vô trợ , khi hiển hiện với sở hữu Sân, nó có nhiều trạng thái khác nhau, từ sự không thích nhẹ nhàng cho đến giết người . Cho nên, cho dù Sân ở mức độ nào đi nữa, cũng đều nguy hiểm, vì sự tích lũy chúng trong tâm, sẽ đến ngày bùng nổ khi đủ duyên hệ , như tàn lửa có thể gây cháy rừng . Bởi vì có nhiều nghiệp đạo bất thiện qua Thân-Khẩu-Ý mà Sân chi phối để hành hoạt : Với Thân, sẽ là sát sinh, trộm cắp, gây hại cho chúng sinh ; với Khẩu, là nói dối, nói 2 lời, nói lời thô ác ; với Ý, nó kích tác các tâm bất thiện với ác ý để hại người .

Tâm Sân làm cho sự u mê càng lớn mạnh , kích tác các tâm bất thiện biến hành hiện khởi, thiếu vắng lòng từ , ...tạo tác hờn hận, hối,

Trong đời nhân xử thế thường ngày, dosa làm cho ta thiếu vắng lời nói dịu dàng, thiếu vắng lòng mến khách , làm ta sợ hãi vì những sân hận ta đã gây ra làm ta khó chịu với mọi hiện tượng xuất hiện trước ta mà ta không toại ý , như chờ đợi xe bus nhưng nó trễ chuyến ; ta sắp hàng mua mà người khác chen ngang vào ; ta gọi điện thoại reo mà không bắt máy ; tiếng ồn quá điếc tai,tất cả mọi cảnh qua 6 môn đều có thể làm sân hận hiện khởi cả .

“...hoặc khi điều phật ý nổi lên, nghĩa là bực tức vô căn cứ . Ví dụ Tỳ kheo nào đó nổi câu nói rằng : trời mưa nhiều quá; tại sao chẳng mưa ? ; trời nắng dữ dội thế ? ; trời chẳng có nắng gì cả ! ; vị ấy bực tức khi gió thổi nhiều quá, không quét được là bỏ đi hoặc không mặc được cà savị Tỳ kheo đó bực tức ngay cả với gốc cây”

Sân như là ung nhọt trong tâm hồn : “...này Tỳ kheo, loại người nào tâm họ được ví như ung nhọt ? ...hạng người này tỏ ra rất dễ cáu kỉnh và náo loạn cả lên . Khi nói với họ bất kỳ điều gì, cho dù rất tầm thường, họ cũng đã nổi nóng lên. Họ rất dễ bực tức và hay sinh sự ; họ rất dễ

phần nộ và để lộ ra trạng thái bức tức, hận thù và hờn giận . Giống như một ung nhọt, ...chỉ cần đụng nhẹ vào là đủ làm chảy ra đủ thứ mủ máu tanh hôingười như vậy, là “người có lòng giống như ung nhọt””

Chính tâm trạng “chấp thủ”, “chấp trước”, “dính mắc” chi phối tâm Sân ; nói cách khác, Tham chi phối Sân cực mạnh . Những dính mắc với lợi lộc, danh vị, lời khen , hạnh phúchoặc/và những thứ mà từ đó tâm kiêu mạn (mana) dựa vào . Khi những thứ ấy bị tổn thương, hay thay đổi, tâm Sân xuất hiện lập tức . Khi ta cảm thấy buồn khổ, thì sân đã có mặt . Ta thấy Sân là một trạng thái bạo hành và cũng lại là một trạng thái lo âu sợ hãi ; người có tâm Sân, là một kẻ bạo tàn khi tâm Sân bùng cháy , và vừa là một kẻ dễ bị kinh khủng khi tâm Sân chìm xuống ; vừa là một kẻ sadist vừa là michoist – sado-machoist ! .

Liên quan đến tâm Sân là các trạng thái tâm lý như :

- Khổ hay Ưu : dukkha hay domanassa .
- Vô ơn – Makkha : cũng hàm nghĩa gièm pha người khác ; kẻ phản bội – mittadubbhi , lấy ơn làm oán
- Ác ý – Palasa : xuất phát từ ngã mạn , tật đố , tham lam , ác ý , hiểm độc, hiểm ác , sự tinh ranh với ác ý ... , nếu không được kiềm chế, sẽ dẫn đến việc huỷ diệt cảnh .
- Đối nghịch – Thambha : sự chai cứng , ương ngạnh
- Tranh hơi – Sarambha : liều lĩnh tranh hờn , tranh hơn một cách quyết liệt , bất chấp lý lẽ đúng hay sai, bất kể cả tính mạng , tài sản . Là cách tranh đua do Sân dẫn dắt .
- Hung dữ , phần nộ - kodha .
- Thù oán – Upanaho
- Sát hại – Himsa : sự khó chịu đến cực điểm nên không hề chần chừ để huỷ diệt cảnh. Khi huỷ diệt xong, thì tâm trạng rất hài lòng, thỏa mãn , thích chí ...
- Oán hận – Vyapada
- Ưu sầu – Soka : do hờn ghét , hờn hận , thường đi với tâm trạng oán ghét .
- Tức tối – Abhisajjati ; căm phẫn – kuppatti ; sùng sộ - patitthiyati ; bức tức – appaccayati
- Than vãn – Parideva : do sân hận (dosa) và khổ đau tâm hồn (domanassa) .
- Uất hận – Upayasa : trạng thái uất hận làm kích động tâm trạng người yếu ớt và những kẻ thường sống dựa vào người khác , do không phản kích lại được , dễ đưa đến sự huỷ diệt đối tượng hoặc sự tự huỷ diệt một cách âm thầm hay thầm lặng . Uất hận dễ thành “nột kết” . Sự ưu sầu (soka) như dầu trong chảo nóng ; than vãn (parideva) như dầu đã sôi lên; uất hận (upayasa) là sự bốc cháy đến cạn số dầu trong chảo .
- Sợ hãi – bhaya và Khiếp đảm – bherava : trạng thái không hài lòng với cảnh . Cũng có khi sợ hãi và khiếp đảm là duyên phát sinh các thiện pháp, như thấy cảnh sinh lão bệnh tử, v... v. mà hướng về thiện nghiệp .

Như vậy, Sân là một trạng thái tinh thần bệnh hoạn , một loại bệnh tâm thần , cực kỳ nguy hiểm. Dosa là một bản năng và là một hành vi tạo tác, cho nên khi nào còn đủ duyên hệ cho chúng, thì chúng vẫn có thể xuất hiện bất kỳ lúc nào , dosa xuất hiện với mọi cảnh hiện ra qua 6 môn . Khi các căn nhận được cảnh bất thiện, mà ta hiểu rằng chúng chỉ là những tâm qua , lúc ấy , với Như-ly Tác-ý, chúng ta tránh được quả dị thực ấy . Sân chỉ là loại danh pháp, nó xuất hiện khi đủ duyên hệ thích hợp .

Vì sân ẩn náu tận đáy sâu của tiềm thức, nên khó nhận diện chúng , chỉ đến khi đủ duyên , chúng bùng phát , ta mới biết, thì đã trễ rồi !

Khi đau đớn hoặc ốm đau, ta thường có ác cảm, sân hận cái sự đau đớn hoặc cái phần đau đớn của cái thân thể này. Phải nhận thức được rằng, thân thức thọ khổ này, là tâm quả bất thiện của nghiệp bất thiện quá khứ. Thân thức phải thọ Khổ để trả nghiệp, nhưng ta phải giữ cho tâm trạng của ta không có phản ứng sân hận đối với thân thức thọ khổ này, lấy “khổ” làm chánh niệm, đó là tính “kham nhẫn Ba La Mật”, nó giúp ta chịu đựng được bền bỉ hơn. Ta cũng có thể khởi tâm Từ, mà trải lòng ra cho mọi chúng sinh đã, đang và sẽ chịu đau khổ như ta hôm nay, Vô Lượng Từ là đối trị tâm sân. Giữ Chánh kiến và chánh niệm về Danh pháp và sắc pháp, giúp ta chịu đựng được đau khổ nhiều hơn ta tưởng.

Chỉ có chánh tri kiến với chánh niệm, để trực nhận ra lẽ vô thường của mọi pháp, từ bỏ mọi chấp trước, thì tâm sân mới có thể đi đến suy hao, trừ diệt. Quả A na Hàm là trạng thái tinh thần và tâm lý vô sân này.

VI.- Trạng thái tâm lý Đố kỵ (Tật đố - Issa) ; Hà tiện (Xan – Macchariya) ; Hối hận (Kukkucca)

Cả 3 trạng thái tâm lý này đều sinh ác cảm và ưu phiền, do đó, chúng đi kèm với tâm Sân căn. Chúng từng loại một, đi kèm với tâm Sân căn, nhưng không nhất thiết tâm sân căn đi kèm với một trong 3 tâm này.

1.-Đố kỵ, ganh tỵ, ghen tương : Issa xuất hiện ngay khi có ai đó nhận được một cái gì dễ chịu, thì Issa xuất hiện, nó thúc đẩy ta muốn biết tại sao người đó có được điều dễ chịu, mà nó lại không có. Đó là tâm trạng ghen tỵ, đố kỵ. Ngữ nghĩa Pàli định nghĩa rằng : *Không chịu được điều người hơn mình, gọi là Issa* ”

Cái điều dễ chịu bao gồm quà biếu, vinh dự, tiếng khen hoặc sự thành đạt hay những ưu thế của họ trước ta. Tâm này không thích cái “cạnh” mà ta đang cảm nhận, nó **thọ Ưu** và xuất hiện với tâm **Sân căn**.

“...trạng thái của Issa là ghen ghét, khó chịu trước những tiến bộ của người khác. Phận sự của Issa là không thích thú gì với tiến bộ đó ; thành tựu của issa là lánh mặt lại với những tiến bộ như vậy. Nguyên nhân sâu xa của Issa chính là tiến bộ đó của người khác và Issa phải được coi như là một Kiết Sử “ . (Pháp Tụ)

Khi Issa nổi lên mạnh mẽ, nó dẫn đến giết hại người : “*ích kỷ hại nhân*”. Issa xuất hiện một cách tự nhiên như là một sự nổi dãi của cái “ngã mạn”, “bản ngã” - ati-mana. Issa như là một biến thái của bản năng sinh tồn cơ bản, cho nên nó đi với tâm Sân căn, với Tham căn, với Mạn, và là một “kiết sử”, một “nội kết”, một trạng thái bị dồn nén, ảm ức, do cái “ngã” không được thỏa mãn, không được vượt ve, trước sự thỏa mãn của một người khác.

Sự biến thái của tâm Issa thường dưới dạng : Sự tự đề cao – Attukkamsana : là dùng lời nói để tự mình (atta) khen ngợi mình (ukkamsana), trong đó có **mana và lobha**. Nó trái ngược với sự phi báng người – Para-vambhana (Para : kẻ khác : vanbhana = hạ thấp), có **dosa và issa**. Cũng là tự phô trương hoặc chê bai người khác. Nó làm tổn hại đềm sở hữu Tùy Hỷ - mudita cetasika. Issa xuất hiện dưới các loại : do lợi lộc, do tìn ngưỡng, do danh vọng, do vinh quang thành đạt, do cúng dường tặng phẩm, mà tất cả những cái trên được người khác có được, bất kể mình đã có hay chưa có.

Chánh niệm trước sự sinh khởi của các tâm bất thiện, như là các diễn trình danh sắc, hiểu được lý “vô ngã”. “vô thường”, phát triển tâm Từ và tâm Hỷ, dần dà, ta diệt trừ được tâm Đố kỵ này.

2.-Hà tiện , keo kiệt, bủn xỉn, xan tham : Tính keo kiệt là một dạng “tù túng tâm linh”, nó làm cho người không thể dang tay ra để ban tặng cho ai bất kỳ thứ gì cả , khôn g thể chia xẻ bất kỳ cái gì chỉ bất kỳ ai cả .

Nguyên nhân sâu xa là tài sản riêng của người đó, nhưng trong thâm sâu cùng tận tâm hồn, nguyên nhân lại là tài sản của người khác !

“...trạng thái của Xan là dấu không cho ai biết về tài sản riêng của mình đã có hoặc thành tựu được . Phận sự của Xan là không chia xẻ của riêng với bất kỳ ai . Thành tựu của Xan là “rút lại” , không chia xẻ hay cảm thấy cay đắng khi phải chia xẻ . Nguyên nhân sâu xa là tài sản riêng của người đó , và được coi là một tật xấu tâm linh...” (Pháp tự)

“...có 5 thứ Xan : bủn xỉn chỗ ở ; bủn xỉn gia đình (thường đến khát thực) ; bủn xỉn quà biếu (không muốn chia xẻ) ; bủn xỉn tiếng tốt (chỉ muốn khen một mình mình mà thôi) “...chỉ muốn tán dương thành tích của mình và không muốn tán dương thành tích của người khác . và bủn xỉn Pháp (không muốn chia xẻ điều hiểu biết)”

Người keo kiệt còn cản trở, ngăn trở người khác làm việc bổ thí .

“...người keo kiệt khi nhìn thấy người ăn mày, thì tâm trí họ cay đắng và rúm ró lạiLúc nào cũng muốn lùi lại và không dám trải long ra”

“...thiếu lòng quảng đại , là hiện tượng tâm hồn đã khép lại và bệnh hoạnNhưng vì người keo kiệt không muốn cho người khác những gì thuộc về mình, mà còn muốn lấy cho mình những gì của người khác . Chính vì vậy mà tính keo kiệt phải được hiểu với trạng thái che dấu và chiếm hữu tài sản riêng cho mình”

Xan tham có , vì nó tương ứng với cái “bản ngã” , cái “ngã sở” , vì chúng ta chẳng muốn buông bỏ bất kỳ điều gì , và lại sợ hãi rằng những điều ấy thay đổi mất đi , giảm đi . Phải hiểu rõ rằng, mọi cảm thọ , cảm nghiệm qua căn thân, chỉ là hệ quả của hành vi quá khứ .

“...người keo kiệt sợ hãi, vì vậy không dám cho đi . Với người đó , không cho đi lại là mối nguy . Đói ăn, khát uống , điều này hẳn cũng sợ . Đó chính là tai họa giáng xuống cho kẻ ngu si, ngay đời này và cho cả đời sau”

Tuy nhiên, sự không chia xẻ bất cứ cái gì để phục vụ cho việc bất thiện, không kể là bủn xỉn . Như vậy, chánh niệm với các tâm hiện khởi liên hệ với các mức độ xan và hình tướng của nó, ta có thể hiểu được nghiệp quá khứ mà ta đã tích lũy .

Như vậy, khi tâm Xan xuất hiện, thì ác cảm xuất hiện, ta có Thọ Ưu, và đi kèm với tâm Sân căn . Xan chỉ xuất hiện với tâm Sân căn , nhưng tâm sân căn có thể không xuất hiện với tâm Xan . Xan cũng không xuất hiện với tâm Tham căn và Si căn . Tu tập và hành trì giáo pháp để thoát khỏi cái bản ngã vô minh, phát triển tâm Từ và thực hành Bồ thí Ba La mật ; khi thiện tâm hướng dẫn hành vi của ta , thì tính keo kiệt sẽ bị diệt trừ .

3.-Hối hận – kukkucca : hay bồi rối, lo lắng :

“...với trạng thái là ăn năn hối lỗi . Phận sự của Hối là buồn rầu vì những hành động đã thực hiện hay bỏ qua . Kukkucca thành tựu ở lòng hối hận . Nguyên nhân sâu xa là những việc gì đã làm hay bỏ qua, và cần xem như là một “phiền trược” vậy . (Pháp tự)

“...hối là gì ? Ý thức được những điều luật trong những điều phi luận pháp .

Ý thức được những điều phi luận pháp trong những điều luật

Ý thức được những điều không đạo đức trong những điều đạo đức .

Ý thức được những điều đạo đức trong những điều không đạo đức .

Tất cả các loại Hối hận, bôn chôn, thận trọng, hối tiếc trong lương tâm, đay nghiến lương tâm . Đó là những điều được gọi là Hối hận, lo lắng “

Vì vậy, có Thọ Ưu, buồn rầu nên có ác cảm, nên Kukkucca đi kèm với tâm Sân căn. Hối thường được coi như là một nhân đức, nhưng thực chất nó không phải là trạng thái tâm lý hoàn hảo, do tâm sân căn cùng đi với nó.

Xao xuyên và lo âu là một tâm trạng, nó làm sinh khởi ác cảm về cảnh khó chịu, chứ chưa là sự hối hận. Tâm lý học Tây phương gọi là “hối quá”.

“Đâu là những hiện trạng dẫn đến Hối hận? Hạnh kiểm xấu trong Thân-Khẩu-Ý. Ngoài ra, mọi hiện trạng xấu đều dẫn đến ăn năn hối tiếc.Thiếu những hiện trạng tốt cũng sẽ dẫn đến ăn năn hối tiếc...”

Như thế, ngoài những hành vi bất thiện đem lại hối hận, khi bỏ qua không làm việc thiện cũng dẫn đến như thế.

Như thế, hối là một “phiền trọc” “...hắn đau buồn, than vãn, khóc lóc, đâm ngực lêu gào, và rơi vào bất tỉnh...”; “...hối hận phải được coi như là một phiền trọc. Tâm kèm với hối hận sẽ không được tự do, nó bị nô dịch, Vào sátna như vậy, không có bình yên và hạnh phúc...”

Một tâm trạng hối hận, hối tiếc khôn nguôi, mà tâm lý học Tây phương gọi là “mặc cảm bị dồn nén”, có khả năng đưa người đó vào bệnh tâm thần phân liệt hay loạn trí. Như thế, phóng tâm dứt khoát đi kèm.

Hối hận có liên quan không tách rời được với Quá khứ. Khi không giữ được Chánh niệm Tỉnh thức, ta thường rơi vào quá khứ, nơi đó, những ta đã tích tập quá nhiều điều không hoàn hảo, như vậy, ta đã tạo ra những duyên hệ chi Hối hận sinh khởi và kiên cố thêm lên.

Với Chánh Niệm tỉnh thức, ta nhận ra những tâm trạng ấy đã sinh và đã diệt, vì những duyên hệ quá khứ mà hệ quả đó, ta đã vô minh không nhìn thấy, và các pháp ấy sinh khởi và diệt đi do duyên hệ, không có cái “ngã” nào làm ra, chúng là những pháp hành. Thiên quán để nhìn thấy chúng, ôm ấp chúng và chuyển hóa chúng, là cách ta tạo ra những duyên hệ để Hối hận dần dần diệt đi. A Na hàm là trạng thái tâm lý không có hối hận.

Cuối cùng, trạng thái tinh thần và tâm lý bạo hành – Tâm sân – khi xuất hiện, ta phải biết và nhận diện chúng với các tâm trạng không hoàn hảo (bất thiện) khác cùng đi theo, như đố kỵ hay, bủn xỉn hay hối hận hoặc giả không có trạng thái tâm lý nào trong 3 tâm trạng này.

Cả 3 tâm trạng trên (hối hận, bủn xỉn, đố kỵ) không thể xuất hiện cùng lúc với các tâm trạng có Tham căn.

VII.- Trạng thái tâm lý Bất Ôn : Hôn trầm (Thina) & Thuy Miên (Middha) và Hoài Nghi (Vicikiccha) .-

1.- Hôn trầm (thina) có nghĩa là lười biếng, chậm chạp hay là tính thân nhiên, phớt lờ, vô cảm. Là sự giải đãi của cả Thân và Tâm. **Thuy miên (middha)** có nghĩa là lơ đãng, uể oải, hay bạc nhược về thể chất lẫn tinh thần. Hai trạng thái này luôn xuất hiện chung với nhau thành một cặp. Hai trạng thái tạo thành một trạng thái như là thiếu vắng sự cố gắng, thiếu phấn đấu và khó khăn do thiếu khả năng, chúng làm triệt tiêu mọi nghị lực.

Hôn trầm và Thuy miên có chung trạng thái tâm lý miễn cưỡng, ác cảm và chậm chạp, khó lay chuyển; như là sự ốm yếu và lười biếng tâm thần. Chúng làm ngăn trở sự vận dụng tâm linh, đối nghịch lại mọi cố gắng của nghị lực, làm triệt tiêu mọi nghị lực, triệt tiêu sinh khí để thực hiện điều thiện hay làm bất kỳ điều gì để tu tập tiến bộ.

“Cặp từ Hôn trầm và Thuy miên chính là lười biếng, chậm chạp, cộng với lơ đãng uể oải.”

Hôn trầm có trạng thái là thiếu vắng hay đối nghịch với cố gắng ; phạm sự của nó là phá hoại nghị lực; và thể hiện của nó là sự sa sút về trạng thái liên đới .

Còn Thuy miên có trạng thái là đặc tính khó di chuyển (xoay chuyển) ; phạm sự là khép kín cửa ý thức ; co lại và lùi bước trước cảnh hay tình trạng uể oải thân thờ là thành tựu .

Cả hai đều là tư duy thiếu phương pháp, không tự khuấy động lên khỏi bất mãn và lười biếng như là nguyên nhân sâu xa “ (Pháp tự)

Hôn trầm thành tựu bằng cách làm suy giảm các pháp tương ứng , làm cho {tâm & các sở hữu đi kèm} suy sụp . Còn Thuy miên thành tựu bằng cách làm chùn lại trong việc nắm bắt cảnh , hay tỏ ra thân thờ uể oải ; thuy miên còn được xem là tình trạng uể oải lười biếng, buồn ngủ, lúc nào cũng ngủ được hay ở trong tình trạng ngái ngủ , hoặc lơ đãng nhắm mắt làm ngơ

Hôn trầm và Thuy miên xuất hiện ở dạng thô , thì dễ nhận thấy, qua sự lười biếng, buồn ngủ ; nhưng ở dạng vi tế , chính là “*tư duy thiếu phương pháp, không tự thức tỉnh khỏi bất mãn và lười biếng*” . Điều này có nghĩa là trạng thái tâm lý ở tình trạng “*tập trung chú ý không khôn ngoan*”, phi-lý tác-ý vào cảnh, ta cho là quá bận rộn để không làm một vài điều thiện cần phải làm; ta cho là để khi khác sẽ làm , thay vì làm ngay bây giờ , nghĩa là “*hôm nay bỏ qua ; ngày mai lại không học ; sau này sẽ hư*” . Khi Hôn trầm và Thuy miên xuất hiện, không những ta chỉ dừng lại, mà còn sa sút về phần chất .

Hôn trầm và Thuy miên chỉ xuất hiện với các tâm bất thiện hữu trợ bao gồm 4 tâm tham căn hữu trợ , trong đó có cả Tà kiến (hợp tà hữu trợ) , chúng có thể xuất hiện cùng với Mạn trong trường hợp này, là tâm Tham vô tà hữu trợ , và do vậy, nó có thể thọ Hỷ hay thọ Xả .

Hôn trầm và Thuy miên có thể xuất hiện với một loại tâm sân hữu trợ , trường hợp này có thể cùng xuất hiện với Đố kỵ hay Xan tham hay Hối hận với cảm giác khó chịu , thọ Ưu .

Tính triết lý trong việc xác định trạng thái tâm lý này , là sự phát triển của sự thỏa mãn giác quan hữu trợ và sự buồn sầu hữu trợ . Chúng không thể xuất hiện với tâm Si căn .

Mặc dù ngủ là một sự nghỉ ngơi sau một thời gian hoạt động, vì đó là qui luật của sắc pháp , nhưng giấc ngủ không hôn trầm và thuy miên, là giấc ngủ mà tâm rơi thẳng vào dòng hữu phần , và *trước khi rơi vào giấc ngủ, giữ chánh niệm tỉnh thức và nghĩ đến thức giấc* .

Hôn trầm và Thuy miên rất khó tận diệt , ta rất khó nhận diện chúng khi chúng xuất hiện dưới dạng vô cùng vi tế . Mỗi khi ta trở nên chập chập do trở trời, đau nhức hay mệt mỏi là khi đó đã có mặt hôn trầm và thuy miên ; mỗi khi ta có phiền não, tâm hôn ta trở nên kém nhạy cảm, kém sắc bén, là hôn trầm và thuy miên đã hoành hành . Bất cứ khi nào thấy xuất hiện tính bơ phờ, lơ mờ và kém nghị lực để làm điều thiện, hôn trầm thuy miên đã chi phối chúng ta . Hôn trầm và Thuy miên biểu hiện rõ nét nhất vào những lúc sắp ngủ và khi thức giấc .

Vào những sátna ấy, ta không thể tự ép mình phải quan tâm đến điều thiện được, ta không thể tự thức dục mình làm bất kỳ điều thiện nữa . Chúng là “*triền cái*” làm ngăn trở bước tiến tâm linh của chúng ta : “*Tỳ kheo hãy điều độ trong ăn uống và cảnh cáo họ không được quá chấp thủ với “dễ dãi, tiện nghi khi ngủ” . Vì sự Tham lam đó, làm cho Hôn trầm và Thuy miên xuất hiện . Và chúng là căn bệnh tâm thân và phá hủy ý chí làm điều thiện*”, làm căn cỗi tâm linh .

“*...khi một Tỳ kheo ăn uống quá độ, có chủ định nằm ngủ thoải mái trên giường, hay chủ tâm tìm đến giấc ngủ an nhànthì tâm của họ sẽ không còn hướng về nhiệt tâm nữa, không còn chuyên tâm liên tục nữa , không còn bền đỗ và không cố gắng....*”

Do vậy, phải phòng hộ các căn môn , điều độ trong ăn uống, chánh niệm tỉnh thức và tu tập hành trì các pháp giác ngộ :

“...như thế đó, khi chúng ta ở lại nơi các căn môn không được phòng hộ cẩn thận, không điều độ trong ăn uống, không tinh thức và tìm kiếm điều chính trực, không thực hành miệt mài ngày qua ngày để tiến đến giác ngộ; rồi thì thân xác của ta như bị bỏ bùa mê, ta không còn nhận ra chính mình nữa, pháp không còn rõ ràng, Hôn trầm và Thuy miên bao quanh trái tim và tồn tại trong ấy; không còn vui vẻ cuộc sống sùng đạo; và nghi ngờ đủ thứ luôn bám sát theo ta”.

Như thế, khi nào có Chánh tinh tấn, thì hôn trầm và thuy miên không thể sinh khởi được. Chánh tinh tấn để duy trì chánh niệm tinh thức, thì đẩy lùi được hôn trầm thuy miên. Ta sẽ thấy mỗi duyên hệ làm sinh khởi hôn trầm và thuy miên; đồng thời ta cũng thấy vô số duyên hệ quanh ta cho các điều thiện sinh khởi. Chỉ có A La hán là mới tận diệt được chúng mà thôi.

“Này Moggallana, khi nào người trú có tướng và thuy miên xâm nhập, chớ có tác ý đến nó, chớ có tướng nhiều đến nó. Sự kiện này có thể xảy ra, do người trú như vậy, thuy miên ấy được đoạn diệt”

“Nếu trú như vậy mà thuy miên ấy vẫn không đoạn diệt, thì ..., với tâm của người, hãy tùy tâm, tùy tứ, với ý, hãy tùy quán pháp như đã được nghe, như đã học thuộc lòng. Sự kiện này có thể xảy ra, do người trú như vậy, thuy miên ấy được đoạn diệt”

“Nếu trú như vậy mà thuy miên ấy vẫn không đoạn diệt, thì..., người hãy kéo hai lỗ tai và lấy tay xoa bóp chân của người.; người hãy từ chỗ ngồi đứng dậy, lấy nước rửa mắt, nhìn về phía chân trời, nhìn lên các vì sao lấp lánh....;người hãy tác ý đến quang tướng; ...người hãy trú tâm trên chỗ kinh hành, với tướng trước mặt, tướng sau lưng (Chánh niệm tinh giác khoảng bước chân), với căn hướng nội, với ý không hướng ngoại (quán sát tâm trong tâm). Sự kiện này có thể xảy ra, do người trú như vậy, thuy miên ấy được đoạn diệt”

Đây là đoạn kinh mà Đức Thế Tôn giáo hoá cho Ngài Mục Kiền Liên, khi Ngài Mục Kiền Liên ngủ gật trong Thiền.

2.-Hoài nghi (vicikiccha) : Hoài nghi trong Abhidamma chỉ cho trạng thái tâm lý hoài nghi về các giáo pháp của Đức Thế Tôn, không tin tưởng vào Phật pháp.

“trạng thái của nó là thay đổi; phân sự là ngập ngừng, do dự tâm linh; thành tựu ở nơi thiếu quả quyết, và không chắc chắn nắm được sự việc. Nguyên nhân sâu xa là sự suy tư thiếu phương pháp (phi lý tác ý); và hoài nghi được coi như là một hiểm hoạ với mục tiêu đã đề ra (giác ngộ)”

Khi hoài nghi giáo pháp, ta bị “dao động nao núng”, không biết chắc sự thật: “sự dao động thay đổi thất thường, chính là không có khả năng thiết lập được bất kỳ một phương thức nào cả. vậy, hiện trạng này có cố định hay vô thường? Vì thiếu khả năng am hiểu sự việc thế, nên là “không chắc chắn nắm được vấn đề”....

Sự thay đổi thất thường là thiếu sự linh động tâm linh, thiếu quyền biến tâm linh, thiếu sự uyển chuyển tâm linh; nói chúng là thiếu khả năng quyết đoán về một điều gì đó. Vì thế, sự lúng túng xuất hiện, khiến cho tâm linh trở nên tê liệt, hay xơ cứng. Vì tâm linh bị tê liệt, ta không thể chuyên tâm vào việc phát triển khả năng trí tuệ và tâm linh được.

Nguyên nhân sâu xa của trạng thái hoài nghi Phật pháp, là phi-lý Tác-ý vào cảnh được cảm nhận hiện tại: “Này chư Tỳ kheo, thầy không biết bất kỳ điều gì khác, ngoài trừ về một sức mạnh như vậy, đã khiến cho nghi ngờ và lưỡng lự xuất hiện; nếu chưa xuất hiện, hoặc đã xuất hiện, mà lại tạo cho có điều kiện thích hợp và phát triển thêm. Như là tập trung chú ý thiếu phương pháp”. Nơi họ, nếu không thể tập trung chú ý có phương pháp (như lý tác ý) thì dứt khoát, nghi ngờ và lưỡng lự sẽ xuất hiện; nếu chưa xuất hiện hoặc nếu đã xuất hiện, thì sẽ có khả năng tạo duyên hệ thích hợp và tăng trưởng thêm nhiều”.

Trạng thái tâm lý hoại nghi này chỉ xuất hiện với duy nhất một trạng thái tinh thần căn bản là Vô minh , tâm Si căn . Mặc dù hoại nghi hoàn toàn khác với Vô minh (si) ; nhưng khi có hoại nghi, thì cũng có vô minh đi kèm với mọi pháp bất thiện .

Dù hoại nghi chỉ xuất hiện với một tâm si căn, nhưng lại cực kỳ khó tận diệt . Vì Si là một căn , là một nhân . và là một sở hữu thuộc Hành uẩn . Con đường đi đến giải thoát là để tận diệt Vô minh . Vô minh đã là căn, nhân, hành , làm sao diệt được tận nó ? Còn Si căn, là còn duyên hệ để hoại nghi tái sinh khởi .

Ta nên phân biệt trạng thái Vicikiccha với Vitakka : vitakka là sự phỏng đoán, dò dẫm, sự chưa chắc chắn về vấn đề khó khăn , chưa biết chắc là đúng hay chưa đúng , nhưng vẫn tiếp tục tìm tòi cho đến khi chắn chắn đúng chân lý . Còn vicikiccha chỉ xuất hiện trong trường hợp riêng có sự ngờ vực về Tam Bảo mà thôi . Vì ngờ vực Tam Bảo, Phật, Pháp, Tăng, thì không cách nào được giải thoát cả , chỉ trầm luân trong luân hồi nghiệp báo nhân quả mà thôi .

Chỉ có một con đường duy nhất , Văn-Tu-Tu , tinh tấn miệt mài trau dồi Giới-Định-Tuệ ; khi Trí tuệ sinh khởi , hoại nghi sẽ diệt trước tiên :

“Nhận rõ Phật pháp, đạt đến Phật pháp, biết rõ Phật pháp, lao vào Phật pháp. Vượt qua cửa ải hoại nghi, trút bỏ được những điều không chắc chắn, và đạt đến được toàn bộ niềm tin vững chắc nơi những lời giáo hoá của Đức Phật , mà không cần đến sự trợ giúp của bất kỳ ai khác “ .

PHÂN TÍCH VỀ SỰ HÌNH THÀNH & VẬN ĐỘNG TÂM LÝ TIÊU CỰC SỰ PHỐI HỢP CÁC TÂM & SỞ HỮU BẤT THIỆN

VDP cho ta biết rằng, Tâm không thể sinh khởi mà không có mặt các Sở hữu đi kèm . Tâm thuộc về Nhóm Thức (thức uẩn) và Sở hữu thuộc về nhóm Hành (hành uẩn) . Nghĩa là các trạng thái tư tưởng , tinh thần nền tảng không thể biểu hiện nếu thiếu các trạng thái tương ứng để hành hoạt chúng .

Trong đó , có các trạng thái phổ quát (sở hữu biến hành) và trạng thái cá biệt (sở hữu biệt cảnh); ngoài ra, chúng còn phối hợp với nhau theo một số điều kiện (duyên hệ) khi hội đủ , mà VDP đã cho chúng ta biết qua từng loại sở hữu .

Trạng thái tư tưởng và tinh thần là một tổng hoà hợp của Tâm thức và các tâm sở , chúng đồng sinh, đồng diệt, đồng biết cảnh, đồng căn . Do vậy, sự phối hợp giữa các Tâm là cực kỳ phức tạp và vi tế .

Các Tâm Vương hầu hết bị các Sở hữu tâm lôi cuốn và thúc đẩy, không còn trung thực trong nhận thức . Các Sở hữu tâm tạo Nhân, còn Tâm Vương nhận lãnh Quả . Nói cách khác, trong phạm vi các giác quan (Dục giới tâm) , các Thức do sự tập nhiễm bởi các Kinh-nghiệm giác quan và các Khái-niệm lũy tích lại ; và do quá trình tự động hoá với các kinh nghiệm và khái niệm ấy tạo thành “tự ngã” , mà có sự ngoại suy, suy diễn, *phóng chiếu tâm thức* ra hiện tại và vị lai .

SO SÁNH VÀ ĐỐI CHIẾU HỆ THỐNG TÂM & SỞ HỮU TÂM
So sánh trạng thái tinh thần tư tưởng nền tảng với trạng thái tâm lý biểu hiện

Tâm - Citta			Sở hữu Tâm - Cetasika					
Tham Lobha	1	Tham thọ Hỷ hợp tà vô trợ						
	2	Tham thọ Hỷ hợp tà hữu trợ						
	3	Tham thọ Hỷ ly tà vô trợ				Tham , lobha (5)	Tham phần	
	4	Tham thọ Hỷ ly tà hữu trợ				Tà kiến, ditthi (6)		
	5	Tham thọ Xả hợp tà vô trợ				Ngã mạn, māna (7)		
	6	Tham thọ Xả hợp tà hữu trợ						
	7	Tham thọ Xả ly tà vô trợ						
	8	Tham thọ Xả ly tà hữu trợ						
Sân Dosa	9	Sân Thọ Ưu hợp phần vô trợ	Sân , dosa (8)		Sân phần			
	10	Sân Thọ Ưu hợp phần hữu trợ	Tật , issā (9)					
			Lận, macchariyam (10)					
			Hối (11)					
Si Moha	11	Si Thọ Xả hợp Phóng Dật	Si , moha (1)		Si phần			
	12	Si Thọ Xả hợp Hoài Nghi	Vô Tâm (2)					
			Vô Quí (3)					
			Phóng dật (4)					
			Hôn trầm (12)		Hôn phần			
			Thuy miên (13)					
			Nghì (14)		Nghì phần			

VDP nêu lên 3 cách mà sự chi phối, ảnh hưởng của các Sở hữu tâm lên Tâm và ngược lại :

- 1.- Phối hợp giữa Tâm Thức và Tâm sở , trong đó, những tâm sở phối hợp tương ứng với tâm thức . Nói cách khác, các tâm bị chi phối bởi các sở hữu tâm nào .
- 2.-Phối hợp giữa Tâm sở và Tâm thức, trong đó, những tâm sở nào có mặt trong tâm thức nào . Nghĩa là sự chi phối của các sở hữu tâm lên tâm .
- 3.-Các các phối hợp của Tâm sở Nhất định và Bất định .

Thực hành Tứ Niệm Xứ , ta sẽ nhận biết được dần dần những trạng thái tinh thần, tư tưởng của chính bản thân , và cũng nhận ra được những trạng thái không hoàn hảo nào đã hình thành nên cái gọi là “bản chất” của ta . Mà giáo lý đã phân loại làm Lưu hoặc, Tuý miên , Triền phược,

I.- Sự phối hợp giữa Tâm và Tâm sở Bất thiện
Sự hình thành trạng thái tâm lý tiêu cực do bản năng chi phối

1.-Tâm Bất Thiện :

a) Tâm Tham : tất cả có 8 tâm tham thuộc tâm vương (thức) . Chúng phối hợp với các tâm sở trong các nhóm Tợ Tha, các phần Tham, Sân, Si , là 22 tâm sở. Tuy nhiên, do tính chất của Thọ, Tương ưng và Trợ, mà một số tâm sở sẽ không thể cùng sinh , do đó, chi thật sự có khoảng 18 đến 20 tâm là cùng sinh mà thôi . Cụ thể :

Các Sở hữu tâm (theo cột)	Tham Thọ Hỷ				Tham Thọ Xả			
	Hợp Tà		Ly Tà		Hợp Tà		Ly Tà	
	Vô Trợ	Hữu Trợ	Vô Trợ	Hữu Trợ	Vô Trợ	Hữu Trợ	Vô Trợ	Hữu Trợ
Sở hữu tợ tha - Biến Hành								
Xúc								
Thọ								
Tương								
Tư								
Định								
Mạng quyền								
Tác ý								
Sở hữu tợ tha - Biệt Cảnh								
Tâm								
Tứ								
Thắng giải								
Cần								
Hỷ								
Dục								
Sở hữu Si phần								
Si								
Vô Tâm								
Vô Quí								
Phóng Dật								
Sở hữu Tham Phần								
Tham								
Tà Kiến								
Ngã Mạn								
Sở hữu Sân phần								
Hôn trầm								
Thuy miên								
Cộng	19	21	19	21	18	20	18	20

b) Tâm Sân : có 2 tâm Sân do hợp với sân phần Vô và Hữu Trợ , chúng phối hợp với 12 Tợ tha (trừ Hỷ) ; 4 tâm sở Si phần ; 4 tâm sở Sân phần và 2 tâm sở Hôn phần . Số tâm sở trong các nhóm trên thì nhiều, nhưng trong tâm sở sân phần, tâm sở Tật, Lận, Hối không thể khởi lên cùng lúc, nên thực chất, có 17 hoặc 19 tâm sở cùng sinh khởi mà thôi . Cụ thể :

	Tật		Lận		Hối	
	Vô Trợ	Hữu Trợ	Vô Trợ	Hữu Trợ	Vô Trợ	Hữu Trợ
Sở hữu tợ tha - Biến Hành						
Xúc						
Thọ						
Tướng						
Tư						
Định						
Mạng quyền						
Tác ý						
Sở hữu tợ tha - Biệt Cảnh						
Tâm						
Tứ						
Thắng giải						
Cần						
Hỷ						
Dục						
Sở hữu Si phần						
Si						
Vô Tâm						
Vô Quí						
Phóng Dật						
Sở Hữu Sân phần						
Sân						
Tật						
Lận						
Hối						
Sở hữu Hôn phần						
Hôn trầm						
Thuy miên						
Cộng	17	19	17	19	17	19

c) Tâm Si : chỉ có 2 tâm Si hợp Phóng Dật và Hoài nghi , cùng phối hợp với các tâm sở tợ tha (11 , trừ Hỷ và Dục) ; 4 tâm sở Si phần và 1 Hoài nghi . Nếu hợp Phóng dật, thì không có Hoài Nghi ; nếu hợp Hoài Nghi, thì không có Thắng giải . Thế cho nên, Tâm Si chỉ phối hợp đúng 15 tâm sở . Cụ thể :

	Si hợp Hoài Nghi	Si hợp Phóng Dật
Sở hữu tợ tha - Biến Hành		
Xúc		
Thọ		
Tướng		
Tư		
Định		
Mạng quyền		
Tác ý		
Sở hữu tợ tha - Biệt Cảnh		
Tâm		
Tứ		

Thắng giải		
Cần		
Hỷ		
Dục		
Sở hữu Si phần		
Si		
Vô Tâm		
Vô Quí		
Phóng Dật		
Sở Hữu Hoài Nghi		
Hoài Nghi		
Cộng	15	15

2.-Tâm Vô Nhân : Chỉ có 12 sở hữu trợ tha phối hợp mà thôi :

	5 song thức	K5	Ky	Q thọ Hỷ	Vi tiểu
Sở hữu trợ tha - Biến Hành					
Xúc					
Thọ					
Tướng					
Tư					
Định					
Mạng quyền					
Tác ý					
Sở hữu trợ tha - Biệt Cảnh					
Tâm					
Tứ					
Thắng giải					
Cần					
Hỷ					
Dục					
Tiếp thu (tâm vương)					
Thiện					
Bất thiện					
Quan sát (tâm vương)					
Thọ Xá					
Cộng	7	10 tâm sở + 3 tâm vương	11	11	12

Qua Bảng tổng hợp, ta nhận thấy sự chi phối của các trạng thái thuộc bản năng (tâm – citta ; Tâm Vương ; hay Thức) đối với các Sở hữu .

**II.- Sự phối hợp giữa Tâm Sở và Tâm Bất thiện ; Và các Nhất định & Bất định sở hữu Bất thiện
Sự hình thành trạng thái tâm lý tiêu cực do phản ứng tâm lý chi phối**

STT	Liệt kê các tâm thức	Biến hành	Biệt cảnh						Tâm sở bất thiện (Tật, Lận, Hối bất định)						
			Tâm	Tứ	Thắng giải	Cần	Hỷ	Dục	Si	Tham	Tà kiến	Mạn	Sân	Hôn	Nghi
	Tâm bất Thiện														
1	Tham thọ Hỷ hợp tà vô trợ														
2	Tham thọ Hỷ hợp tà hữu trợ														
3	Tham thọ Hỷ ly tà vô trợ														
4	Tham thọ Hỷ ly tà hữu trợ														
5	Tham thọ Xả hợp tà vô trợ														
6	Tham thọ Xả hợp tà hữu trợ														
7	Tham thọ Xả ly tà vô trợ														
8	Tham thọ Xả ly tà hữu trợ														
9	Sân Thọ Ưu hợp phần vô trợ														
10	Sân Thọ Ưu hợp phần hữu trợ														
11	Si Thọ Xả hợp Phóng Dật														
12	Si Thọ Xả hợp Hoài Nghi														
Vô Nhân	Quả bất Thiện														
13	Nhãn thức quả bất thiện thọ Xả														
14	Nhĩ thức quả bất thiện thọ Xả														
15	Tỷ thức quả bất thiện thọ Xả														
16	Thiệt thức quả bất thiện thọ Xả														
17	Thân thức quả bất thiện thọ Khô														
18	Tâm tiếp thu quả bất thiện thọ Xả														
19	Tâm Quan sát quả bất thiện thọ Xả														

Qua Bảng tổng hợp trên, ta có thể nhận thấy mọi phản ứng của chúng ta trước các Cảnh và trước các Cảm thọ tiên khởi qua 5 thức giác quan, là rất lệ thuộc vào thói quen hay tập khí từ quá khứ. Các tập khí, thói quen này làm gia tăng thêm cường độ tiêu cực nếu chúng ta không có Chánh niệm và Như-lý Tác-ý.

Do vậy, rất nên cảnh giác trước mọi cảnh xuất hiện qua 6 căn môn.

Chương VI – CÁC NHÓM PHIÊN NẢO (KILESA) NGHIÊN CỨU TẦNG SÂU TÂM THỨC

Những lớp bụi thời gian lắng đọng hàng triệu năm đã phủ trùm lên những lục địa, mà ngành khảo cổ học và nhân chủng học trong khai quật, đã khơi dậy lại những dấu vết cổ xưa. Tâm thức ta cũng thế, nó cũng bị những lớp bụi tinh thần rơi phủ hàng ngày, hàng giờ trong vô lượng cuộc sống đã qua, và nó cũng tạo nên một tâm-địa-tầng không dễ gì khai quật.

Các lục địa trôi dạt va chạm vào nhau, bùng lên những cơn địa chấn vô cùng dữ dội để tạo sơn, động đất, sóng thần, hoặc núi lửa phun trào, hủy diệt mọi thứ trên đường nó đi. Cũng như thế, các tâm-địa-tầng của chúng ta, cũng làm phun trào những cơn chấn động lớn nhỏ, tạo nên những hành vi có tính hủy diệt chính bản thân hay tha nhân, mà hậu quả kéo dài không biết đến bao giờ mới sửa chữa được.

1.- Từ Vô thi đến nay, do bản năng sinh tồn của mọi sinh vật, trong đó có loài người chúng ta, mà sinh khởi sự phân biệt “ta” và không phải “ta”, mà VDP gọi là **Vô Minh căn bản**, nó phân chia tâm thức ra làm hai phần. Từ đây, hiện tượng bám sinh “tự đồng hóa” giữa Thân và Tâm, giữa Tâm và các Kinh nghiệm giác quan, đã xảy ra liên miên vô tận, làm kiên cố sâu dày thêm khối vô minh căn bản này, cái “ngã”, “tự ngã”, “bản ngã”, mà nơi đó, tiềm ẩn Ba bản năng cơ bản Tham – Sân – Si, mà giáo pháp gọi là Tam Độc, hình thành và phát triển.

2.- Trên nền tảng Ba bản năng cơ bản Tham – Sân – Si, đã phân hóa thành Hai khuynh hướng một cách tự phát: Tham Ái và Tà kiến. Dưới sự vận động của Tham Ái và Tà kiến, những nhiễm ô, phiền não nổi lên, những giận dữ, lo âu, oán thù, dục vọng, sợ hãi nổi lên, và mỗi lần như thế, trong tâm thức trở nên căng thẳng (stress) và bắt đầu thắt lại những cái “nút” bên trong, tạo thành những sợi tơ vô hình nhưng vô cùng bền chắc, nó chi phối mọi trạng thái tinh thần, tư tưởng và tâm lý con người, nó trói buộc con người vào vòng nô lệ của nó. Giáo pháp gọi hiện tượng này là các “Phược” (Ganthas) hay **“Thân Phược”** (Kaya-gantha), những trói buộc từ Thân-tâm và trói buộc chính Thân tâm, không sao thoát khỏi luân hồi.

“Trong nhóm dây trói buộc, là những hiện tượng thắt nút hay trói buộc nơi các vòng luân hồi liên tục, qua sinh và tử...” (Pháp Tụ)

Có 4 loại Phược:

- Tham Ái Thân phược (Abhijja – Kayagantha) : chính là bản năng, là một trong hai khuynh hướng nguyên thủy (Ái và Tà kiến).
- Sân Hận thân phược (Vyapada --) : là một trong 3 bản năng cơ bản (Tham-Sân-Si)
- Giới Cấm thủ thân phược (Silabbata paramasa --) : là một loại Tà kiến, cũng chính là một trong hai khuynh hướng nguyên thủy.
- Thân phược giáo điều (Idam-saccabjinivesa --) : sự chấp thủ niềm tin cá nhân, sự cố chấp vào niềm tin sai lạc; cố chấp vào giáo điều. Cũng là một loại Tà kiến, Ngã kiến, thuộc về một trong hai khuynh hướng nguyên thủy.

3.- Từ khi cái “ngã” đã trở thành quá kiên cố, với sự trói buộc vô hình của Thân Phược, tâm thức đã bị nô lệ vào các giác quan và các đối tượng “khả ái” (kama) của chúng. Con người bám chắc vào, dính mắc sâu vào các giác quan và đối tượng của nó, mà VDP gọi sự dính mắc này là các **“Chấp Thủ”**, những dính mắc này móc chặt con người sâu vào chuỗi xích xiềng sinh tử:

“*Này chư Tỳ kheo, nơi người nào chỉ biết tận hưởng các thú vui, dẫn đến chấp thủ và ái dục . Chấp thủ lại do ái dục chi phối ; Hữu do Thủ chi phối . Sinh lại do Hữu chi phối ; tan rã và Tử lại do Sinh chi phối . Đau khổ, thương tiếc, bức dọc, khó chịu, thống khổ, buồn chán, thất vọng, Sinh rồi lại Diệt . Đó chính là cách nối dẫy toàn bộ các nối thống khổ”.*

Có 4 cách chấp thủ :

- Dục thủ (Kamupadana) : bám víu chặt vào , bám chặt lấy, khư khư ôm chặt lấy tất cả các cảnh dục cảm nghiệm được qua các căn môn . Nó là hệ quả của quá trình tự đồng hóa Thân-tâm-Kinh nghiệm-Khái niệm . Thế giới mà con người nhận thức được, được con người chấp là cái thế giới thực . (Kama = khả ái , đáng yêu thích , cảnh Dục giới)
- Kiến thủ (Ditthupadana) ; Giới cầm thủ (Silabbatupadana) ; Ngã chấp thủ (Attavadupadana) : Ba chấp thủ này dĩ nhiên thuộc về Tà kiến và cũng chính là sự tự đồng hóa Thân-Tâm-Khái niệm .

4.-Sự hình thành Tập khí (carita) : Tập nguyên nghĩa là “*tróp hương*”, hay “*xông khói*” ; khí là năng lượng , tức là một loại năng lực còn sót lại khi một hành động được thành tựu , và có sức khơi lại cái cũ , và tìm thấy những ấn tượng mới .

Những ký ức về những hành động và hoạt động tâm lý trong quá khứ , được thu góp và cất giữ lại dưới một dạng năng lượng . Tập khí – habit energy – các hạt giống hiện hành thành ra thế giới, biểu hiện chủng tử và tập khí ra. Tập-khí là một năng lượng làm thành thói quen .

Có những thói quen cũ ngàn đời, có những thói quen mới , nó trở thành tiềm năng , thành hạt giống , được huân tập vào tâm thức (Alaya) . Do đó, còn nghĩa là những chủng tử đã gieo trồng hoặc đã tạo ra từ trước . Do đó, tập khí là một năng lực “*siêu giác quan*”, bất tư nghi, huân biến, bí mật bắt nguồn cho mỗi ý tưởng, mỗi cảm giác, hay mỗi hành động mà ta đã hay đang tạo tác ; tập khí sống một cách tiềm ẩn trong Alaya .

Trong tâm lý học Tây phương, có thể gọi là ký ức tích tập , trong cái nghĩa rộng nhất của nó .

Đôi khi Tập khí còn được gọi là chủng tử , chủng tử tập khí là hiện thân của Nghiệp thức, mang tính chất tâm-sinh-lý, tâm-vật-lý, vật chất và tinh thần , cá nhân và cộng đồng ,là tự tướng và tổng tướng . Là những thói quen tập nhiễm qua vô lượng cuộc sống .

Dưới ảnh hưởng của các trạng thái tinh thần hoàn hảo hoặc không hoàn hảo ấy ; do nghiệp lực , nên hình thành nên những tập khí cơ bản nhất của loài người , mà những tập khí này không thoát ra khỏi tàn dư năng lượng của những trạng thái tinh thần tư tưởng quá khứ . Có 6 trạng thái của Tập khí cơ bản , là 6 tính chất cơ bản về “*tính nết*” của nhân loại :

1	Tham tập khí <i>Raga-carita</i>	Cả hai Tập khí tinh thần này đều biểu lộ ra dáng vẻ bề ngoài khả ái và lễ độ, phong nhã và thích sự hào nhoáng; nhưng Tập khí Tham thì khuynh hướng tham danh lợi, sắc dục nổi rõ; hoặc thích chỉ trích do đố kỵ và hay dối gạt, không chân thật. Tập khí Tín, thì tỏ ra rộng rãi, hào phóng, chân thật và nhất là có tinh thần mộ đạo.
2	Tín tập khí <i>Saddha-carita</i>	
3	Sân tập khí <i>Dosa-carita</i>	Cả hai Tập khí tinh thần này đều biểu lộ qua dáng vẻ bề ngoài thô lỗ, cộc cằn, thiếu lễ độ. Đi theo Thiết thức thích các vị chua, mặn, cay, nồng. Tập khí này không chú trọng đến ngoại hình (phục sức cầu thả, ít chú trọng đến sự sạch sẽ, ngăn nắp). Có Sân căn, tính bạo hành, tỏ ra khó chịu khi phải nhìn thấy sự thô xấu hoặc nghe những âm thanh không thích; thường phản ứng nặng lời, oán hận, bức tức. Tuy nhiên, điểm khác biệt giữa 2 Tập khí này rất rộng. Tập khí Sân biểu lộ sự cứng đầu, cố chấp, khuynh hướng về sự huỷ hoại. Tập khí Minh thì ít hờn oán hơn và dễ nghe theo những lời
4	Minh tập khí <i>Buddhi-carita</i>	

		khuyên nhũ tốt (cầu thị, biết phản tỉnh) và trong hành động có chín chắn, cẩn thận, có khuynh hướng thiện.
5	Si tập khí	Tập khí tinh thần Si biểu lộ rõ nét qua sự mê mờ, lãng quên, không nhớ; không phân biệt phải quấy hay tốt xấu. Tập khí Si thiếu vắng các tâm Tinh giác (sati) và trí (panna), và bị điều khiển bởi các tâm Phóng dật và Hôn trầm.
	<i>Moha-carita</i>	
6	Tâm tập khí	Tập khí tinh thần Tâm thì biểu lộ sự lưỡng lự, không chắc chắn, thần thờ suy nghĩ đầu đầu, không tập trung làm bất kỳ việc gì được; luôn đắm chìm trong tưởng tượng mà lãng phí thời gian, chẳng làm được việc gì có ích cả. Vừa như trầm cảm, vừa như tự huỷ hoại.
	<i>Vitakka-carita</i>	

Sáu loại tập khí này, hoà trộn nhau, đan xen nhau, theo từng mức độ khác nhau, tạo ra vô số tánh nết người trong nhân loại. Những tánh nết xuất phát từ 6 loại tập khí này như là nền tảng, mà trên đó, sự huân tập, tự huân tập liên miên, đã tạo thành từng cá nhân cụ thể và riêng biệt.

5.- Từ đây, mọi hành vi Thân-Khẩu-Ý, được sinh khởi và chi phối trong cuộc sống, ngày qua ngày, giờ phút qua giờ phút. Mỗi một hành vi xuất phát hoặc sinh khởi trên nền tảng những trạng thái tinh thần và tâm lý trong kiếp nhân sinh, đều để lại những tàn dư của nó, để lại những dấu vết, khi đậm, khi nhạt, nhưng dứt khoát, đều phải có dấu vết, cho dù hành vi đó có đi đến thành công hay thất bại; có bỏ dở nửa chừng hay không thực hiện được.

Không phải chúng ta khi thưởng thức một món ăn tuyệt hảo, đều không còn chút tàn dư hương vị trong tư tưởng? Không phải khi chúng ta đã nóng giận với điều gì, khi cơn giận qua đi, đều không còn chút tàn dư trong tâm lý? Không phải khi ta đã làm một điều thiện, đều không để lại chút tàn dư đẹp đẽ trong tâm hồn?

Hiện tượng tích tập này được gọi là “dấu ấn tâm linh”, hoặc là “cặn bã tinh thần”, mà giáo pháp gọi là **“Lậu Hoặc”**. Tất cả những lậu hoặc này, là những mầm mống tinh thần, dù thiện hoặc/và bất thiện, chúng cũng tự sinh sôi nảy nở trong tận cùng dưới đáy sâu tâm thức, mà đôi khi được gọi là “chủng tử”.

Sự tích tập các tàn dư của mọi trạng thái tinh thần và tâm lý, những cặn bã tinh thần ấy, ngày càng sâu dày, là mối hiểm nguy cho quá trình tư tưởng hay tâm lý.

“Lậu hoặc tuôn trào từ các căn, trần và ý. Nơi tất cả các cõi có danh pháp xuất hiện, thì lậu hoặc cũng diễn ra, ngay cả ở cõi hiện thực cao nhất là cõi Trời Vô sắc thứ Tư.

Lậu hoặc giống như một loại rượu mạnh được ủ men trong thời gian dài”

“...lậu hoặc đang rỉ ra khỏi các căn môn. Lậu hoặc tuôn trào ngay từ lúc sinh cho đến khi diệt. Trong bất cứ lúc nào, lậu hoặc vẫn tuôn trào.

Có 4 loại Lậu Hoặc :

- Dục lậu (Kamasava) : những tàn dư tinh thần còn lại từ trạng thái tinh thần hay tâm lý bám giữ các đối tượng trần thế qua các giác quan; nghĩa là từ sự chấp thủ các cảnh dục giới (Dục thủ; kama).
- Hữu lậu (Bhavasava) : những tàn dư tinh thần còn lại từ những trạng thái tinh thần hay tâm lý xuất phát từ bản năng sinh tồn; nghĩa là từ trạng thái “chấp ngã, chấp Hữu” (bhava).
- Kiến lậu (Ditthasava) : những tàn dư tinh thần còn lại từ trạng thái tư tưởng thuộc về Tà kiến.
- Vô minh lậu (Avijjasava) : những tàn dư tinh thần từ cuộc sống không hiểu biết các Giáo pháp, từ sự không tu tập Chánh pháp; nghĩa là từ Si mê hay Vô minh.

Từ đây, tâm-địa-tàng của nhân loại có hai ngã rẽ, nghĩa là những trạng thái tinh thần tâm lý trên sẽ đem lại hậu quả tất yếu cho hai hệ thống tâm lý tinh thần tương ứng. Ngã rẽ thứ nhất, là hệ quả tất yếu do lậu hoặc sinh khởi; ngã rẽ thứ hai, là hệ quả tất yếu của cả Ba nhóm: Lậu Hoặc, Chấp thủ và Thân Phược.

6.- Các căn bã tinh thần, Lậu hoặc, ảnh hưởng lên quá trình tư duy hay các phản ứng tâm lý, chúng chi phối những khuynh hướng tinh thần tâm lý tương ứng với mức độ mà nó tích lũy được. Lậu hoặc càng sâu dày, thì sức chi phối càng bền bỉ, chặt chẽ. Sự chi phối này tựa như một mạng lưới vô hình, trói chặt con người vào trong phạm trù tư tưởng của nó. Giáo pháp gọi hiện tượng này là **“Phối”** hay là “Ách”, như cái ách điều khiển con trâu vậy. Đây là những cái “ách” **chính** trói người vào Dục giới, nó thường gây phiền toái cho con người. Nhưng nó vẫn **chưa là tất cả** các điều trói buộc.

“Gọi là những dây đai trói buộc là vì, những sợi dây này không cho phép ta được giải thoát khỏi những ràng buộc với cảnh vật và khỏi sự đau khổ”.

Có 4 “Phối”, sợi dây ràng buộc chính:

- Dục phối (Kamayogha) : trạng thái tinh thần bị chi phối bởi Dục lậu (kama).
- Hữu phối (Bhavayogha) : trạng thái tinh thần bị chi phối bởi Hữu lậu (bhava)
- Tà kiến phối (Ditthiyogha) : trạng thái tinh thần bị chi phối bởi Tà kiến lậu
- Vô minh phối (Avijjayogha) : trạng thái tinh thần bị chi phối bởi Vô minh lậu.

7.- Trong cuộc sống, đôi khi gặp cảnh mà ta đam mê vui thích, ta không thể ngăn được niềm vui sướng trào dâng, không sao kềm chế được. Những nỗi mừng vui “đầy nước mắt” khi đoàn tụ người thân; những cơn giận dữ bùng nổ đốt cháy những niềm hạnh phúc; thậm chí cho đến những cơn kích ngất lan tràn toàn thân xác, mà tâm phân học gọi là Hysterie, v...v. và còn nhiều vô số kể, những cơn bộc phát tinh cảm như thế trong đời thường. Giáo pháp gọi những hiện tượng tâm lý này là **“Bộc Lưu”**.

“những bộc lưu, sở dĩ được gọi như thế, có nghĩa là bộc lưu quét vào đại dương tái sinh và với một nghĩa khác nữa, là khó lòng vượt qua nổi”

“Ôi đại dương! Ôi đại dương! Đây chừ Tỳ kheo, người vô minh, phạm nhân kêu lên như thế. Nhưng...đó chẳng phải là đại dương trong giới luật chỉ dành cho bậc Thánh. Đại dương của người phạm phu là một khối nước vĩ đại, một bộc lưu, nước lớn nổi lên láng...”

Này chừ Tỳ kheo, con mắt, người ta ví như đại dương. Mãnh lực của con mắt là những cảnh sắc ta thấy. Bất kỳ ai chịu đựng được các mãnh lực đối tượng đó tạo ra; người ấy được ví như người đã vượt biển trot lợt.

Đại dương đó còn được ví như là con mắt với sóng vỗ và nước xoáy, với cá mập và hồn ma,”

Bộc lưu nhắc nhở ta về mối hiểm nguy như lũ lụt, khiến ta chết chìm một cách vô minh trong đó. Đây mới chỉ là những khuynh hướng cho sự bộc phát tâm lý mà thôi, chúng vẫn chưa là tất cả.

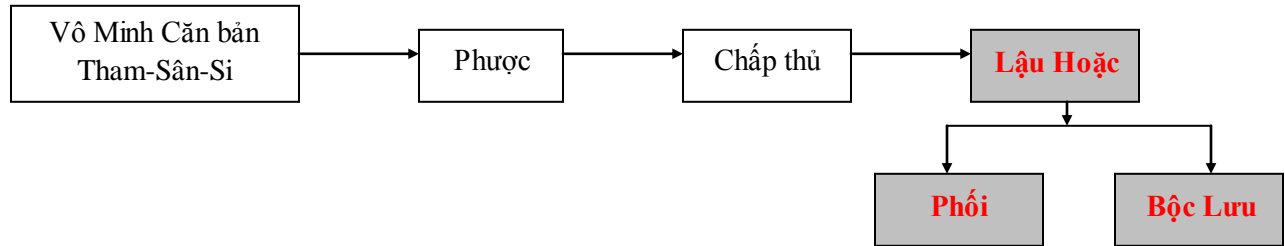
“Này chừ Tỳ kheo, có đến bốn loại bộc lưuDục bộc lưu. Hữu bộc lưu. Tà kiến bộc lưu. Vô minh bộc lưu. Đây chính là bốn loại kiến bộc lưu. Chỉ am hiểu đầy đủ, thể hiện trọn vẹn, làm suy yếu và tận diệt được bốn loại bộc lưu này, mà vị A La Hán mới có thể tu luyện được Bát Chánh Đạo”

Có 4 loại Bộc lưu, 4 khuynh hướng chính:

- Dục bộc lưu (Kamogha) : cơn bùng phát tâm lý do Dục lậu (tinh cảm ví dụ trên - kama)

- Hữu bộc lưu (Bhavogha) : cơn bùng phát tâm lý do Hữu lậu (ví dụ như đứng trước sự sinh tồn - bhava)
- Kiến bộc lưu (Ditthogha) : cơn bùng phát tâm lý do Kiến lậu (ví dụ như các cuộc bạo loạn do ý thức hệ hay tôn giáo cuồng tín)
- Vô minh bộc lưu (Avijjogha) : cơn bùng phát tâm lý do Vô minh lậu .

Như thế , Lậu hoặc sẽ biểu hiện ra bằng 4 cách chi phối tư tưởng (Phối) chính và 4 khuynh hướng bùng phát tâm lý (Bộc lưu) chính . Đây là ngã rề thứ nhất .



8.- Mọi hành vi ngày thường của chúng ta , thường nếu thiếu Chánh Niệm, thì phần lớn , hình thành theo những khuynh hướng tiềm tàng từ trong đáy sâu tâm thức . Những khuynh hướng tiềm tàng này , khi biểu hiện nhẹ nhàng, khi thì trào dâng mạnh mẽ . Đây là những khuynh hướng tiềm ẩn tổng hợp từ các trạng thái tinh thần tâm lý của Phược, Chấp Thủ và Lậu Hoặc . Ba trạng thái tinh thần tư tưởng này biểu hiện lẫn nhau , đan xen nhau trong đáy sâu tâm thức một cách thường trực , không ngơi nghỉ . VDP gọi hiện tượng tâm thần này là những **“Tùy Miên”** , khuynh hướng ngủ ngầm . Chúng nằm trong đó, nhưng hoạt động trở lại vào bất kỳ sátna tâm nào, khi có duyên hệ thuận lợi . Các tùy miên này đã hình thành , bám sâu, vững chắc trong tâm thức trong vô lượng thời gian quá khứ nên rất khó mà dứt trừ được chúng .

“Tham Dục tùy miên tồn tại thường xuyên trong ta như là một khuynh hướng mạnh mẽ”

“...do tính thâm căn cố đế nơi các tùy miên, nên ta gọi chúng là tiềm ẩn . Đây chính là nguyên nhân làm cho Tham dục.....luôn xảy ra liên tục”.

Có Bảy khuynh hướng tinh thần tâm lý tiềm sinh :

- Tham Dục tùy miên (Kamaragamusaya) : khuynh hướng này xuất phát từ trạng thái Chấp Thủ, Lậu hoặc và Phược : Dục thủ, Dục lậu, Tham Ái. Nói tổng quát là trạng thái tham sống, và tham sống với lạc thú giác quan, là một thiên hướng tinh thần cơ bản .
- Hữu tham tùy miên (Bhavaraganusaya) : khuynh hướng này xuất phát từ trạng thái Chấp Thủ và Lậu hoặc : Ngã chấp và Hữu lậu . Nói tổng quát là trạng thái tham sống, sợ bị diệt vong cũng là một thiên hướng tinh thần cơ bản .
- Sân hận tùy miên (Patighanusaya) : là khuynh hướng vô minh căn bản, trong 3 bản năng con người .
- Ngã mạn tùy miên (Mananusaya) : khuynh hướng này là hệ lụy của Ngã chấp, Tham ái, Vô minh .
- Tà kiến tùy miên (Ditthanusaya)
- Hoài nghi tùy miên (Vicikicchanusaya)
- Vô minh tùy miên (Avijjanusaya)

Ba tùy miên sau cùng đều liên quan đến Tà kiến các loại và cũng là Vô minh lậu .

9.- Có những khuynh hướng tùy miên, những lậu hoặc sâu dày kiên cố, những chấp thủ cố chấp đã trở thành tập khí; tất cả những trói buộc này kết tụ dần qua vô lượng quá khứ, trở thành một

khối vô hình khó mà tiêu tan được . Chúng làm cho con người mãi mãi có những phiền não, khổ đau và luôn luôn bị thôi thúc , hay đi tìm kiếm , trong chuỗi dài vô tận của luân hồi sinh tử . Những khối kiên cố này, được gọi là “nội kết”, **“kiết sử”**, gần giống như ta thường gọi là “những mặc cảm bị dồn nén”, “những ấn ức bị dồn nén”, “những ao ước, mong muốn bị dồn nén”, hay “dục tính bị dồn nén”, hoặc “stress”, v...v. mặc dù những khái niệm này không thể nói lên được hết phạm trù của “kiết sử” được . *Ví như là khối tình Trương Chi* .

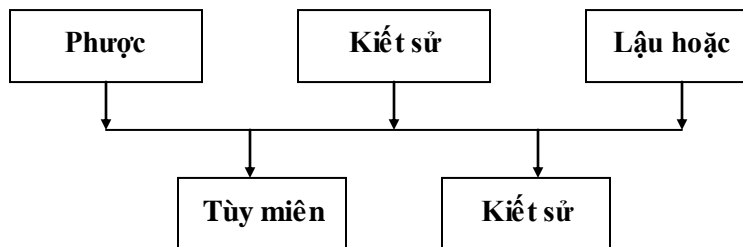
Các nội kết được thống kê và phân loại theo 2 cách chính :

10 Kiết sử	Hạ phần kiết sử	Thượng phần kiết sử
Tham dục (Kama-raga)	Tham dục (Kama-raga)	
Sân hận (Vyapada)	Sân hận (Vyapada)	
Ngã mạn (Mana)		Ngã mạn (Mana)
Tà Kiến (Ditthi)		
Hoài nghi (Vicikiccha)	Hoài nghi (Vicikiccha)	
Giới cấm thủ (Silabbata-paramasa)	Giới cấm thủ (Silabbata-paramasa)	
Tật đố (Issa)		
Bùn xin (Macchariya)		
Hữu tham (Bhavaraga)		
Vô minh (Avijja)		Vô minh (Avijja)
	Thân kiến (Sakkaya-ditthi)	
		Sắc ái (Rupa-raga)
		Vô Sắc ái (Arupa-raga)
		Phóng dật (Uddhacca)

Mười kiết sử , là những nội kết chung , trong đó , năm hạ phần là những kiết sử trong tâm thức các chúng sinh cõi Dục và năm thượng phần trói buộc chúng sinh cõi cao hơn Dục giới như cõi Trời Phạm thiên Sắc giới và Phạm thiên Vô sắc giới . Như thế đây, Kiết sử là quan trọng và khó diệt tận biết chừng nào !

Như thế, trạng thái tư tưởng và tinh thần của Phước, Chấp thủ và Lậu hoặc đã đúc kết tâm thức con người vào trong 2 trạng thái , tùy miên và kiết sử . Đây là ngã rẽ thứ hai .

Cả hai trạng thái trong ngã rẽ này đều là những sự trói buộc , chi phối, ảnh hưởng lên quá trình hình thành trạng thái tư tưởng của con người , từ đó, nó chi phối hay điều khiển mọi hành vi Thân-Khẩu-Ý, và các quá trình tích tập, kết tủa trở lại vào tâm thức lại tiếp diễn từ sátna này đến sátna kế tiếp . Giáo pháp gọi đó là hiện tượng “huân tập”, tự huân tập , bị huân tập , tái huân tập, các quá trình này nối tiếp nhau miên viễn trong vòng xoay của luân hồi .



10.- Từ đây, cuộc sống con người lọt vào trong vòng cương tỏa của những **phiền não** : sinh là khổ; bệnh là khổ ; già yếu là khổ ; chết , bỏ lại tất cả , là khổ ; cái ta thương mà xa cách, mất đi, là khổ ; cái ta ghét bỏ , hận thù , mà phải sống chung, gần gũi, là khổ ; cái ta mong cầu , ao ước ,

lại không đến với ta , là khổ ;những nỗi niềm thành, bại, vinh, nhục, phải, sai, được, mất , làm trạng thái tinh thần tâm lý của con người bị suy hao , khổ não

Những phiền não này, chúng làm ô nhiễm tâm hồn ta, chúng dẫn vật tâm trí chúng ta , thậm chí, chúng còn làm tâm hồn ta trở nên ô uế, bần thiêu , xấu xa , đê tiện .

“Ta gọi là các phiền não, vì chúng tự làm vẩn đục chính mình, và còn làm vẩn đục những hiện tượng liên quan đến chúng”

Có 10 loại phiền não chính :

- | | |
|---|--|
| • Tham (Lobha) | • Hôn trầm (Thina) : thuộc về Vô minh |
| • Sân (Dosa) | • Vô Tàm (Ahirika) : thuộc về Tham dục |
| • Si (Moha) | • Vô Quý (Anottappa) : thuộc về Tham dục |
| • Ngã mạn (Mana) : thuộc về Tà kiến | • Tà kiến |
| • Hoài nghi (Vicikiccha) : thuộc về Vô minh | • Phóng dật |

Chúng đều là những tâm bất thiện cả , nhưng những tâm bất thiện này lại có tầm ảnh hưởng tiêu cực mạnh mẽ cho trạng thái tinh thần tâm lý của loài người , vì chúng thuộc về Tam Độc , thuộc về Ái và Tà kiến , những bản năng cơ bản của chúng sinh, những khuynh hướng bẩm sinh của con người .

11.- Vi Diệu Pháp đã chỉ cho chúng ta tất cả những hiện tượng không hoàn hảo của tất cả những trạng thái tinh thần tư tưởng căn bản và những trạng thái tâm lý đi kèm . VDP cũng chỉ rõ những hệ lụy mà chúng đem lại cho cuộc sống nhân sinh .

Ngoài những hệ lụy là đem lại phiền não, ô nhiễm và khổ đau , chúng còn ngăn trở việc tu tập Chánh pháp . Giáo lý gọi những trở ngại này là những **“triền cái” (Nivarana)** .

Những triền cái là những vật cản, tràn ngập tâm thức ta, nó làm suy yếu trực giác hay tư tưởng ta, nó ngăn cản việc tu luyện và phát triển những điều hoàn hảo .

Có Sáu chướng ngại chính yếu :

- | | |
|--|---|
| • Tham dục (Kama-chanda) | • Phóng tâm và Hối hận (Uddhacca & Ukkucca) |
| • Sân hận (Vyapada) | • Hoài nghi (Vicikiccha) |
| • Hôn trầm và Thụỵ miên (Thina & Middha) | • Vô minh (Avijja) |

Trong 6 triền cái này, ta thấy rất rõ là yếu tố duy nhất là Căn bản Vô minh , trong đó có đủ Tham – Sân và Si . Các triền cái Hôn trầm , Thụỵ Miên, Phóng tâm , Hoài nghi , thực chất chỉ là những biểu hiện của trạng thái Vô minh .

Đến đây , ta lại trở về với Vô minh căn bản . Khi Vô Minh diệt , cũng là lúc chuỗi xích xiềng luân hồi sinh tử bị vỡ tan , và đó là trạng thái tinh thần tư tưởng của bậc Thánh A La Hán .

Biết rõ những yếu tố này , thì việc tu tập sẽ tạo thêm những duyên hệ cho nhiều điều hoàn hảo sinh khởi và những điều không hoàn hảo sẽ đi đến tiêu diệt .

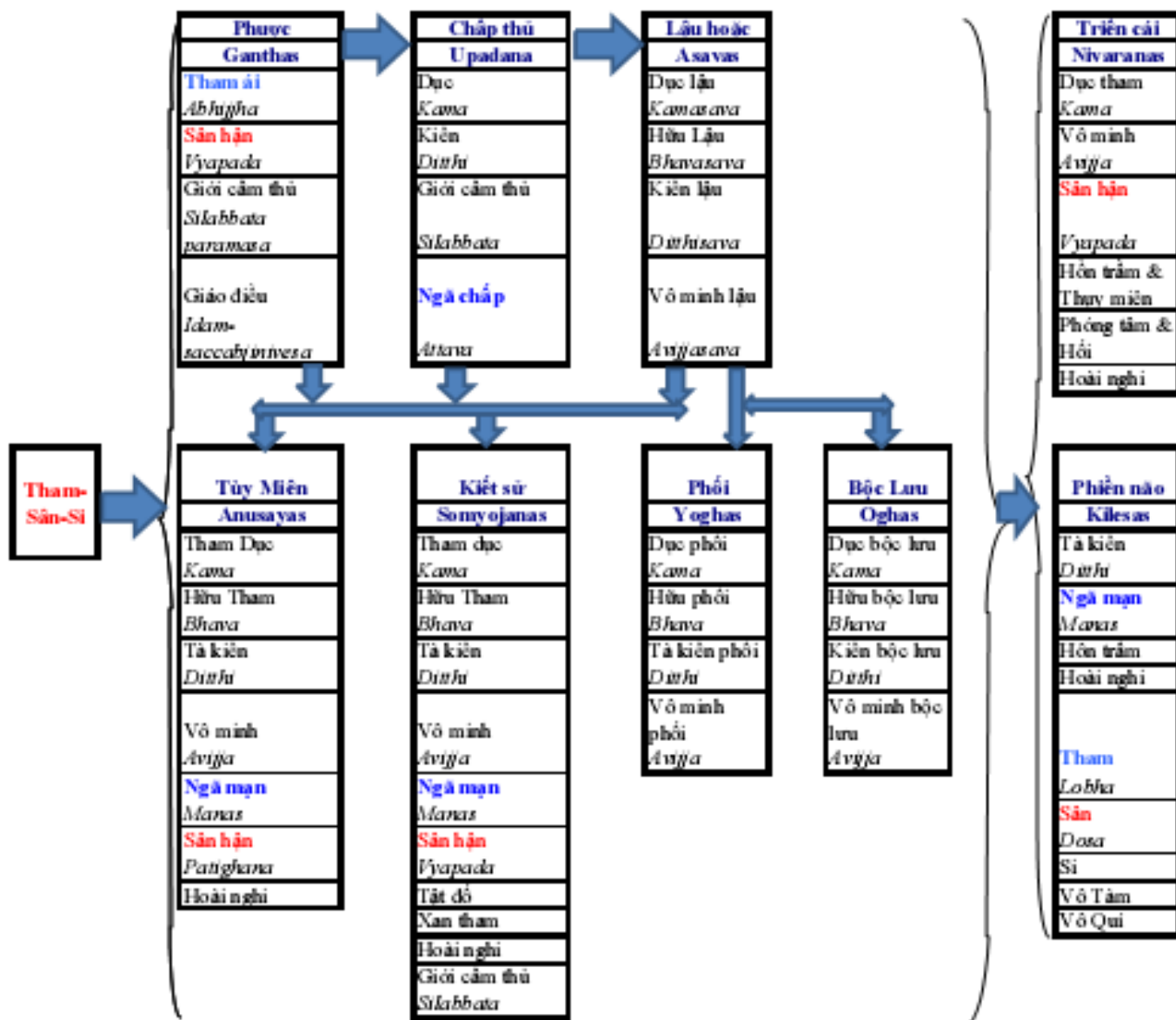
“Ngày chur Tỳ kheo, vào thời điểm (Sátna) mà đồ đệ thánh thiện đã lấy Phật Pháp là đối tượng thiền , chú tâm vào Phật Pháp đó , toàn tâm toàn lực nghiên cứu Phật Pháp , sẵn sàng lắng tai nghe Phật pháp .

Ở thời điểm (sátna) như vậy , năm triền cái không còn tồn tại nơi đồ đệ này được nữa ; cũng vào thời điểm (sátna) như vậy , Thất Giác chi do tu luyện mà có, sẽ mang lại kết quả tốt đẹp “.

TÓM TẮT NHÓM PHIÊN NÃO

Lậu hoặc	Bộc Lưu	Phối	Phược	Chấp thủ	Triền cái	Tùy Miên	Kiết sử	Phiên não
Asavas	Oghas	Yoghas	Ganthas	Upadana	Ni varanas	Anusayas	Somyojanas	Kilesas
Dục lậu <i>Kamasava</i>	Dục bộc lưu <i>Kama</i>	Dục phối <i>Kama</i>		Dục <i>Kama</i>	Dục tham <i>Kama</i>	Tham Dục <i>Kama</i>	Tham dục <i>Kama</i>	
Hữu Lậu <i>Bhavasava</i>	Hữu bộc lưu <i>Bhava</i>	Hữu phối <i>Bhava</i>				Hữu Tham <i>Bhava</i>	Hữu Tham <i>Bhava</i>	
Kiến lậu <i>Ditthisava</i>	Kiến bộc lưu <i>Ditthi</i>	Tà kiến phối <i>Ditthi</i>		Kiến <i>Ditthi</i>		Tà kiến <i>Ditthi</i>	Tà kiến <i>Ditthi</i>	Tà kiến <i>Ditthi</i>
Vô minh lậu <i>Avijjasava</i>	Vô minh bộc lưu <i>Avijja</i>	Vô minh phối <i>Avijja</i>			Vô minh <i>Avijja</i>	Vô minh <i>Avijja</i>	Vô minh <i>Avijja</i>	
			Tham ái <i>Abhijjha</i>					
			Sân hận <i>Vyapada</i>		Sân hận <i>Vyapada</i>		Sân hận <i>Vyapada</i>	
			Giới cấm thủ <i>Silabbata paramasa</i>	Giới cấm thủ <i>Silabbata</i>			Giới cấm thủ <i>Silabbata</i>	
			Giáo điều <i>Idam- saccabjinivesa</i>					
				Ngã chấp <i>Attava</i>				
						Ngã mạn <i>Manas</i>	Ngã mạn <i>Manas</i>	Ngã mạn <i>Manas</i>
					Hôn trầm & Thụy miên			Hôn trầm
					Phóng tâm & Hối			Phóng dật
					Hoài nghi	Hoài nghi	Hoài nghi	Hoài nghi
							Tật đố	
							Xan tham	
						Sân hận <i>Patighana</i>		
								Tham <i>Lobha</i>
								Sân <i>Dosa</i>
								Si
								Vô Tâm
								Vô Quý

TÓM TẮT SỰ CHI PHỐI LẤN NHAU CỦA CÁC NHÓM PHIÊN NẢO



PHÂN LOẠI VÀ SO SÁNH CÁC TRẠNG THÁI TINH THẦN & TÂM LINH

Việc nghiên cứu vào tầng sâu tâm thức, không thể bỏ qua những sự biểu hiện khác biệt của những trạng thái tinh thần và tâm linh. Tâm thức được biểu hiện thành vô vàn trạng thái khác nhau, vô cùng phức tạp, mà sự nhận biết chúng, như là một sự nhận biết mùi vị khác nhau của các loại nước trên trái đất này. Chúng ta miễn cưỡng phân loại và so sánh chúng, để trực nhận ra sự biến hiện của chúng qua các phần sau.

Phối hợp những hệ thống phân loại này trong cõi Dục, chúng ta sẽ thấy sự quan hệ mật thiết giữa Tâm Vương (thức) và Tâm sở (trạng thái tinh thần). Ta có thể thấy các loại thức (các loại Tâm trong Tâm Vương) được quyết định như thế nào, bởi sự hiện diện của các trạng thái tinh thần (Tâm sở). Ví dụ, trong phạm trù giá trị nghiệp, các loại thức thiện được quyết định bởi sự hiện diện của các trạng thái tinh thần thiện. Trong phạm vi cảm xúc, các loại thức được quyết định bởi những trạng thái tinh thần thuộc về nhóm cảm giác.

Và ngược lại, ta có thể khảo sát những trạng thái tinh thần (Tâm sở) hoạt động như thế nào trong việc phản ứng lại với mỗi loại thức (tâm vương). Đó là việc nghiên cứu các tâm đối trị.

Nhận xét tổng quát :

- Mỗi tâm (hay mỗi tâm niệm), không phải là một “ngã thể” cố định thường có mặt, mà chỉ là một tập hợp của các nhân duyên (điều kiện), được gọi là các Tâm Sở. Nói cách khác, một tâm (citta) là do nhiều yếu tố hình thành, các yếu tố này được gọi là tâm sở (cetasika), tùy theo loại tâm (địa) nào mà các tâm sở có mặt khác nhau.
- Các Thức như Nhân thức, Nhĩ thức, v.v., là các Tâm Vương do 7 tâm sở kết hợp hình thành, đó là : Xúc, Tác Ý, Thọ, Tưởng, Tư, Nhất tâm, Mạng căn. Các tâm sở này đồng khởi lên 1 lượt, không trước, không sau
- Mỗi loại Tâm (tâm vương) được hình thành bởi các loại tâm sở khác nhau.
- Các Bất thiện tâm sở, thì chỉ hình thành (hay có mặt) trong các bất thiện tâm (vương). Ngược lại, các Thiện tâm sở chỉ hình thành (hay có mặt) trong Thiện Tâm (vương).
- Các trạng thái tâm lý cá nhân biểu hiện, thì gồm có sự vận động của 2 phần : phần Thức, là các tâm vương và phần yếu tố tương ứng là các tâm sở.
- Tâm sở chỉ phát sinh khi có điều kiện thuận lợi, chúng là pháp hành (sankhàra-dhamma)

Duy thức, trong khi loại bỏ một cái “Ngã” thường hằng, lại thi thiết cái gọi là Alaya thức, mà thức này có công năng chấp trì đại chủng, hay nói cách khác, thức này mang tính chất **Chân-dị-thực** và **Cơ-sở chấp-thọ-thân phần** (chúng sinh tương thực hữu hay cơ sở của một ý niệm vọng chấp về cái Ngã).

Bộ phận truyền thừa của Duy thức cho rằng, nếu Chân-dị-thực hay Cơ-sở chấp-thọ-thân phần (I) như thế, được đồng nhất với tâm thức tổng thể (Mạt na thực hay Tổng thức nhiếp trì và chi phối 6 chuyển thức), thì người ta sẽ khó khăn khi xác lập sự tồn tại của cá nhân trong một thời điểm nào đó (khi ngất xỉu hay ngủ mê hay một thiền giả đắc định), bởi vì, lúc ấy, sự hoạt dụng của Y-thức hoàn toàn vắng bật. Do đó, tầng thức không đồng nhất được với Mạt na.

Thêm nữa, Tầng thức dùng làm kho chứa dành cho 4 xu hướng (4 động thái)

- 1.-Động thái nhiếp thọ đối tượng khách trần
- 2.-Nhiếp thọ tánh đồng phần
- 3.-Nhiếp thọ tính hữu vi vô ký
- 4.-Nhiếp thọ ngôn ngữ được cấu trúc (hiện thức : cái thức luôn có khuynh hướng đặt tên cho những khái niệm. Ngôn-cảnh-thức).

Và từ ở Alaya, những vết in của các hành vi hoá thành nghiệp của chúng ta , được Alaya lưu trữ và ta quan sát thế giới bằng **biểu thức** lưu xuất từ kho lưu trữ như thế .

Cái ý niệm hư vọng “tôi là” đã khởi sinh trên cơ sở của tầng thức này, đôi khi được người ta tách rời ra thành cái gọi là “hư vọng thức” .

Chính trong Mạt Na thức, có những điều kiện được ưa chuộng, ưa thích như hình, tướng, v...v . như thế . Vì sự phân biệt là thuộc Ngã, thuộc linh hồn, thuộc nhân cách . Mạt na thức là dành cho thế giới đối tượng , trong đó, tính nhân-quả là thù thắng về hình sắc, về vẻ bề ngoài, về điều kiện, về tướng trạng . Do đó, **phải vượt lên trên phân biệt và vô-phân-biệt** .

Ngược lại, là những kẻ đi trong phân biệt , như hình ảnh của chính mình trong gương, trong bóng nước , hay nghe tiếng dội trong thung lũng . Do không từ bỏ được nhị biên , nên họ tiếp tục phân biệt và không bao giờ đạt đến tịch lặng trong tâm, là cảnh giới của trí tuệ cao thượng thực chứng trong tự-ngã-thâm-sâu-nhất của mình .

Học thuyết Phật giáo về “không”, không phải là một sự đoạn diệt tuyệt đối , mà là một sự bác bỏ một “hiện tượng giới” (thế giới tương đối) được xem là một thực-tính-tôi-hậu , nơi mà “sinh” và “diệt” thực sự xảy ra. Tuy vậy, sự bác bỏ này không có nghĩa là, đằng sau sự bác bỏ sẽ có một cái gì trái với nó , nghịch đảo lại cái “hiện tượng giới” .

Thế giới “danh” và “sắc” ở bên ngoài và thế giới “tư tưởng” và “cảm thọ” ở bên trong , tất cả đều là sự cấu trúc của tâm . Khi tâm ngưng dứt thì sự dật nên một thế giới hiện tượng cũng bị chấm dứt . Sự chấm dứt này được gọi là vô-sinh, bất-sinh, nhưng đây không phải là sự xóa sạch hiện hữu, trái lại, là sự nhìn thấy hiện hữu thực sự , nó đã và đang bị méo mó bởi lăng kính của sự phân biệt nhị-biên.

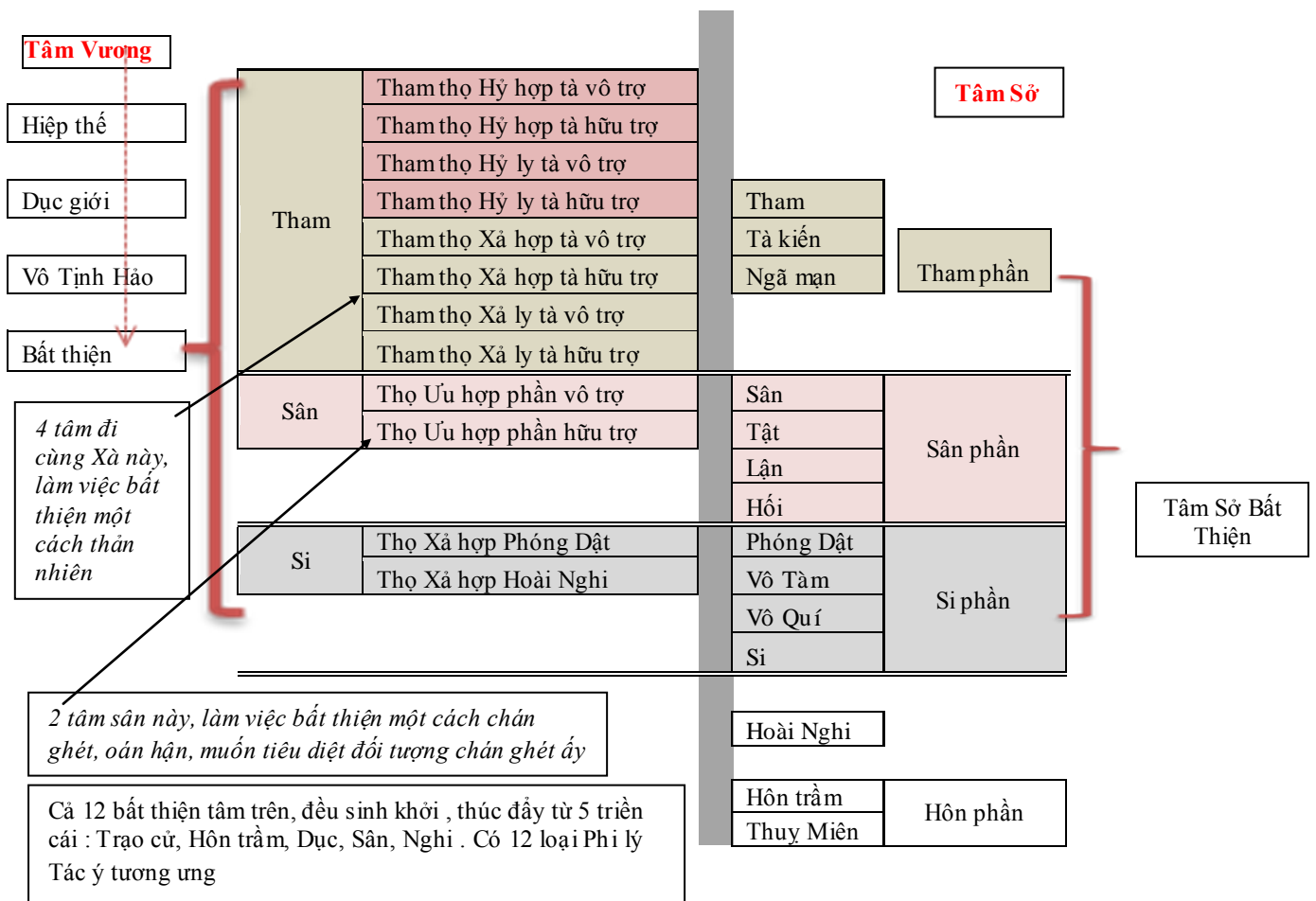
So sánh phần Bất thiện tâm (trong Tâm vương và Tâm Sở):

- Tà , là tà-kiến . Hợp tà , là phù hợp với tà kiến , do tà kiến mà sinh khởi (còn gọi là Ung tà). Trái lại, là Ly tà hay phi-ung tà .
- Trợ , là sự thúc đẩy , sự xúc dục . Vô-trợ , là hoạt động một cách tự nhiên, hoạt động một cách không phản xạ , tự động hoạt hoá. Ngược lại , là Hữu trợ , là muốn hoạt hoá, phải có tác nhân khác xúc dục , cần sự kích tác.
- Hợp phần , là sự phù hợp với một trong 3 phần Tham, Sân hay Si , nó thúc đẩy tốc độ sinh khởi nhanh chóng của các phần này .Bởi vì Tham-Sân-Si, đều sinh khởi từ Vô minh, mà tà kiến là 1 phần Vô minh

Các Tâm câu hữu với tâm sở Thọ : Bởi vì sự quan trọng của Thọ trong việc sinh khởi các tâm :

Các tâm câu hữu với các Thọ	Lạc	Khổ	Ưu	Hỷ	Xả	
Nhãn						
Nhĩ						
Tỷ						
Thiệt						
Thân						
Javana						Nếu đối tượng khả ái
						Nếu đối tượng quá khả ái, thì khởi lên cùng với Suy đặc tâm
Quả Thân thức thiện						
Quả Thân thức bất thiện						
4 tâm Tham						
12 Thiện Dục giới						

1 Suy đặc					
1 Vi Tiểu					
44 Đại hành & Siêu thế					
2 Sân tâm					
4 tâm Tham					
2 tâm Si					
6 Quả bất thiện Vô nhân					Trừ Thân thức
5 Quả Thiện vô nhân					
1 Suy đặc					
2 Vô nhân Duy Tác					Trừ Vi tiểu
12 Thiện Dục giới					
23 Ngũ Thiện tâm					



18 tâm Vô Nhân (tác động trở lại hay thụ động)

7 Tâm quả Bất thiện		8 Tâm quả Thiện	
Nhân, Nhĩ, Tỷ, Thiệt thọ Xả			
Thân thức thọ Khổ		Thân thức thọ Lạc	
Tiếp thu thọ Xả			
Quan sát thọ Xả			
		Quan sát thọ Hỷ	

Và 3 Tâm Duy Tác

1.-Trong 18 tâm vô nhân, gồm có 7 tâm quả (còn gọi là dị thực) bất thiện + 8 tâm quả thiện + 3 tâm duy tác
 2.-Trong 24 tâm Thiện dục giới (tịnh hảo), gồm có 8 tâm thiện, sinh 8 tâm quả thiện, và 8 tâm duy tác.
 Nhận xét : Từ 8 tâm thiện dục giới (tịnh hảo), sinh ra 16 tâm quả thiện (dị thực)

So sánh cách phân loại Tâm sở trong Duy Thức và VDP :

Tâm Sở	52	So sánh Duy Thức		
Thọ	1			
Tường	1			
Hành	50	Giống	Không giống	So sánh DT/VDP
Tâm sở biến hành	Xúc	Xúc		
	Thọ	Thọ		
	Tường	Tường		
	Tư	Tư		
	Định (nhất tâm)	Định		
	Mạng quyền			Không có
	Tác Ý	Tác Ý		
Tâm sở Biệt cảnh	Tâm	Tâm		
	Tứ	Tứ		
	Quyết định (Thắng giải)	Thắng giải		
	Cần (Tinh tấn)		Niệm	Dư
	Hỷ		Tuệ	Dư
	Dục	Dục		
Tâm sở Bất Thiện	Si	Si	Giải đãi	Dư
	Vô Tâm	Vô Tâm	Phóng dật	Dư
	Vô Quý	Vô Quý	Bất tín	Dư
	Trạo cử	Trạo cử	Thất Niệm	Dư
	Tham	Tham	Mạn	Dư
	Tà kiến	Ác kiến	Hại	Dư
	Mạng quyền			Không có
	Sân	Sân	Hận	Dư
	Tật	Tật	Phú	Dư
	Lận (bỏn Xén)	Xan	Não	Dư
	Hối	Hối	Cuồng	Dư
	Hôn trầm	Hôn trầm	Xiêm	Dư
	Thụy Miên	Miên	Kiêu	Dư
	Nghi	Nghi	Tấn loạn	Dư
Tâm Sở Tịnh quang				
Biến Hành	Tín	Tín		
	Niệm			
	Tâm	Tâm		
	Quý	Quý		
	Vô Tham	Vô Tham		
	Vô Sân	Vô Sân		

	Hành Xá	Hành Xá		
	Tịnh Thân		Vô Si	Dư
	Tịnh Tâm		Bất hại	Dư
	Khinh Thân		Khinh An	
	Khinh Tâm			
	Như Thân			
	Như Tâm			
	Thích Thân			
	Thích Tâm		Tinh tấn	
	Thuần Thân			
	Thuần Tâm			
	Chánh Thân		Bất phóng dật	
	Chánh Tâm			
Tiết Ché	Chánh Ngữ			
	Chánh Nghiệp			
	Chánh Mạng			
Vô Lượng	Bi			
	Tuý Hỷ			
Tuệ quyền	Khổ			
	Vô thường			
	Vô Ngã			

HỆ THỐNG TÂM VƯƠNG			HỆ THỐNG TÂM SỞ		
	Tâm bất Thiện	Quả bất Thiện	Tâm sở Bất Thiện		
1	Tham thọ Hỷ hợp tà vô trợ	13 Nhân thức quả bất thiện thọ Xả	14	Si	
2	Tham thọ Hỷ hợp tà hữu trợ	14 Nhĩ thức quả bất thiện thọ Xả	15	Vô Tàm	
3	Tham thọ Hỷ ly tà vô trợ	15 Tỷ thức quả bất thiện thọ Xả	16	Vô Quí	
4	Tham thọ Hỷ ly tà hữu trợ	16 Thiệt thức quả bất thiện thọ Xả	17	Trạo Cừ	
5	Tham thọ Xả hợp tà vô trợ	17 Thân thức quả bất thiện thọ Khô	18	Tham	
6	Tham thọ Xả hợp tà hữu trợ	18 Tâm tiếp thu quả bất thiện thọ Xả	19	Tà kiến	
7	Tham thọ Xả ly tà vô trợ	19 Tâm Quan sát quả bất thiện thọ Xả	20	Mạng quyền	
8	Tham thọ Xả ly tà hữu trợ		21	Sân	
9	Sân Thọ Ưu hợp phần vô trợ		22	Tật	
10	Sân Thọ Ưu hợp phần hữu trợ		23	Lận (bồn Xén)	
11	Si Thọ Xả hợp Phóng Dật		24	Hối	
12	Si Thọ Xả hợp Hoài Nghi		25	Hôn trầm	
			26	Thuy Miên	
			27	Nghi	
Tâm Thiện	Đại thiện	Quả Thiện	Tâm Sở Tịnh quang	Biển Hành	
31	Thọ Hỷ, Hợp Trí, Vô Trợ	20 Nhân thức quả thiện thọ Xả	28	Tín	
32	Thọ Hỷ, Hợp Trí, Hữu Trợ	21 Nhĩ thức quả thiện thọ Xả	29	Niệm	
33	Thọ Hỷ, Ly Trí, Vô Trợ	22 Tỷ thức quả thiện thọ Xả	30	Tàm	
34	Thọ Hỷ, Ly Trí, Hữu Trợ	23 Thiệt thức quả thiện thọ Xả	31	Quí	
35	Thọ Xả, Hợp Trí, Vô Trợ	24 Thân thức quả thiện thọ Lạc	32	Vô Tham	
36	Thọ Xả, Hợp Trí, Hữu Trợ	25 Tâm tiếp thu quả thiện thọ Xả	33	Vô Sân	
37	Thọ Xả, Ly Trí, Vô Trợ	26 Tâm tiếp thu quả thiện thọ Hỷ	34	Hành Xả	
38	Thọ Xả, Ly Trí, Hữu Trợ	27 Tâm Quan sát quả thiện thọ Hỷ	35	Tịnh Thân	
		Đại Quả	36	Tịnh Tâm	
		39 Thọ Hỷ, Hợp Trí, Vô Trợ	37	Kinh Thân	
		40 Thọ Hỷ, Hợp Trí, Hữu Trợ	38	Kinh Tâm	
		41 Thọ Hỷ, Ly Trí, Vô Trợ	39	Như Thân	
		42 Thọ Hỷ, Ly Trí, Hữu Trợ	40	Như Tâm	
		43 Thọ Xả, Hợp Trí, Vô Trợ	41	Thích Thân	
		44 Thọ Xả, Hợp Trí, Hữu Trợ	42	Thích Tâm	
		45 Thọ Xả, Ly Trí, Vô Trợ	43	Thuần Thân	
		46 Thọ Xả, Ly Trí, Hữu Trợ	44	Thuần Tâm	
			45	Chánh Thân	
			46	Chánh Tâm	
			47	Chánh Ngữ	Tiết Chế
			48	Chánh Nghiệp	
			49	Chánh Mạng	

				50	Bi	Vô Lượng	
				51	Tuỳ Hỷ		
				52	Tuệ quyền		
	Duy Tác			Tâm sở biến hành	1	Xúc	
28	Tâm khán Ý Môn				2	Thọ	
29	Tâm khán Ngũ Môn				3	Tương	
30	Tâm sinh tiểu				4	Tư	
	Duy Tác				5	Định	
47	Thọ Hỷ, Hợp Trí, Vô Trợ				6	Mạng quyền	
48	Thọ Hỷ, Hợp Trí, Hữu Trợ				7	Tác Ý	
49	Thọ Hỷ, Ly Trí, Vô Trợ			Tâm sở Biệt cảnh	8	Tâm	
50	Thọ Hỷ, Ly Trí, Hữu Trợ				9	Tứ	
51	Thọ Xả, Hợp Trí, Vô Trợ				10	Thắng giải	
52	Thọ Xả, Hợp Trí, Hữu Trợ				11	Cần	
53	Thọ Xả, Ly Trí, Vô Trợ				12	Hỷ	
54	Thọ Xả, Ly Trí, Hữu Trợ				13	Dục	
Đào Đại	Sắc giới	Quả sắc giới	Duy tác sắc giới				
55	Sơ thiền	60	65				
56	Nhị thiền	61	66				
57	Tam Thiền	62	67				
58	Tứ thiền	63	68				
59	Ngũ thiền	64	69				
	Vô sắc giới	Quả Vô sắc	Duy tác vô sắc				
70	Không vô biên	74	78				
71	Thức vô biên	75	79				
72	Vô sở hữu	76	80				
73	Phi tưởng, phi-phi-tưởng	77	81				
Siêu thế	Tâm Đạo (5 x 4 tâm = 20 tâm)	Tâm Quả (5 x 4 tâm = 20 tâm)					
82-86	Sơ đạo	102-106					
87-91	Nhị đạo	107-111					
92-96	Tam đạo	112-116					
97-101	Tứ đạo	117-121					

Qua bảng hệ thống hoá này, nổi rõ lên một điều là 2 xu hướng của tâm thức con người : Thiện và Bất thiện, nghĩa là xu hướng an vui và khổ đau . Cũng qua bảng hệ thống, mối tương quan Duyên sinh, Nhân quả và qui trình tạo Nghiệp được làm rõ . Cuối cùng , là các sự tiến bộ tâm linh của các Tâm trong quá trình tu tập.

Chương VII - NGUYÊN LÝ NHÂN-DUYÊN PHÂN TÍCH VỀ ĐIỀU KIỆN TÍNH CỦA THỂ GIỚI CỦA NHẬN THỨC

Abhidamma cho ta những nguyên tắc chi phối vạn vật như sau :

- Có những định luật tự nhiên chi phối vũ trụ
- Các Tâm và điều kiện vật lý khởi sinh, có nguyên nhân – hay theo Duyên Khởi
- Các mối liên hệ, quan hệ, có tính điều kiện và ảnh hưởng tương tác , giữa Quả và Nhân .

Đồng thời có sự khác biệt giữa tiềm năng và hiện thực :

- Từ ngữ Căn (mūla) có nghĩa là gốc, cội rễ ; là cái “đã hiện bày” , là hiện thực .
- Từ ngữ Nhân (hetu) có nghĩa là từ đó mà sinh thành ; là cái “chưa hiện bày rõ rệt , còn tiềm ẩn” , là tiềm năng .

I.-Những Qui luật tự nhiên : Có 5 qui luật tự nhiên mà VDP chỉ ra :

1. Luật Thời tiết – utuniyama : ta có thể liên hệ đến phần môi trường, môi sinh , hệ sinh thái ... nói chung là hệ sinh quyển .
2. Luật di truyền – bijaniyama : định luật về chủng tử (bijja) , hạt giống .
3. Luật về Nghiệp – kammavipakaniyama : định luật về Nghiệp Quả
4. Luật về Tâm thức (Thức) – cittaniyama
5. Luật của các Pháp – dhammaniyama : về mọi hiện tượng của nhận thức .

Thuyết Duyên khởi là một giáo lý cao siêu , *“ai thấu hiểu lý nhân duyên, là hiểu giáo pháp”* .
Chương này, chúng ta chỉ đề cập một cách hời hợt nhất về nguyên lý duyên khởi .

II.-Các hình thức duyên hệ : Đó là sự phân tích về những “mối quan hệ”, “mối tương quan”, hay “điều kiện tính” , được Đức Phật nói rõ ràng, *vì không hiểu lý Nhân-Duyên, nên chúng ta phải trôi lăn quá lâu trong vòng luân hồi”* .

Từ “duyên” dùng trong giáo pháp để nói lên một sự tương quan : *“nuơng nhờ nhau để diễn tiến”*; *“Pháp nào được sinh ra, nuơng nhờ, không lia bỏ pháp sinh ra, chúng gọi là duyên”*.
Như vậy, Duyên có trạng thái là “nâng đỡ”, “ủng hộ”, “trợ giúp” ; có ý nghĩa là “nguyên nhân”, “nền tảng “ , hay “lý do” ; hoặc là một “nhu cầu cần thiết” hay một “sự trợ giúp cần thiết” ;
duyên được thường dùng trong ý nghĩa “liên quan” hay “trợ giúp” là chính trong Duyên Hệ .

Dưới đây là **24 phương thức về điều-kiện-tính**, quyết định 12 thành tố của lý Nhân-Duyên :

1. **Nhân duyên** , Hetu-paccaya , là Nguyên nhân : có nghĩa là duyên bắt nguồn từ gốc rễ .
Nguyên nhân hoạt động trong phạm vi tinh thần, có liên quan đến 6 nguồn gốc Thiện hay Bất-thiện :Tham-Sân-Si và Vô Tham-Vô Sân- Vô Si .
Các gốc rễ này là căn nguyên của 103 tâm hữu nhân (121 Citta – 18 tâm vô nhân) và cũng là căn nguyên của 51 sở hữu tâm (trừ sở hữu Si) . Như thế, các trạng thái tinh thần, tư tưởng, tâm lý chi phối hành vi của con người, tuyệt đại đa số bắt nguồn từ Sáu cội rễ căn nguyên này, kể cả những gì xuất hiện với ta , đến với ta . Gọi là 6 nhưng thực chất chỉ là 3 : Tham – Sân – Si, những bản năng cơ bản của tất cả sinh vật . Mặt trái của chúng là 3 cội rễ còn lại , giác ngộ là lật ngửa một bàn tay đang úp !
2. **Cảnh duyên** , Ārammana-paccaya, là Điều kiện khách quan : là Duyên do đối tượng . Điều kiện khách quan thường được nói đến là các đối tượng của kinh nghiệm . Là do sự liên hệ giữa chủ thể và đối tượng . Tất cả có 6 đối tượng của 6 giác quan , gọi là 6 cảnh . Tuy nhiên, giáo lý còn phân chia ra chi tiết là 21 cảnh , nhưng sự phân chia không quan trọng bằng 6

cảnh chính . Gọi là Cảnh Duyên, với ý nghĩa là “cảnh bám tâm và tâm bám cảnh” ; “cảnh trợ giúp cho tâm sinh khởi, đồng thời có tâm mới có cảnh tương ứng” .

Mỗi duyên hệ này có nghĩa rằng mọi tâm trạng đều do cảnh chi phối và mọi cảnh đều do tâm trạng phản ánh ra .

Còn gọi là Sở duyên duyên . Ví dụ, vật nhìn thấy bằng mắt là Duyên của Nhãn Thức .

3. **Trường duyên** , Adhipati-paccaya , Tăng thượng duyên, là Tính ưu thế , ưu thắng của mối liên hệ giữa giác quan và đối tượng của nó : nói đến 4 phạm trù hoạt động tinh thần (tác ý) : mong cầu, suy nghĩ, cố gắng, lý trí . Những thứ này có ảnh hưởng nhiều hơn hết , đối với những yếu tố của kinh nghiệm .

“Trường”, có ý nghĩa là dẫn dắt , khuynh hướng điều khiển ; là dẫn dắt phát triển vượt trội , được vững mạnh . Như thế, hoặc là tâm trạng hay khuynh hướng của ta dẫn dắt đi tìm đến cảnh , hoặc là đối tượng của giác quan của ta dẫn dắt tâm trạng .

4. **Vô gián duyên**, Anantara-paccaya, là Tính liên tưởng , liên tiếp, liên kế , liên tục , không gián đoạn . Chi phối hoàn toàn đời sống từ vô thi đến vô chung, trừ khi chứng đắc Alahán . Có thể liên tưởng đến trạng thái thần kinh , hoạt động liên tục ; hoặc các sátna tâm sinh diệt liên tục xuyên qua nhiều đời nhiều kiếp , chỉ trừ A La Hán , tâm chấm dứt khi tâm tử diệt .

5. **Đẳng vô gián duyên** , Samanantara-paccaya, là Tính cấp thiết , tiếp nối : tương tự như trên .

Tính liên tưởng và tính cấp thiết hầu như đồng nghĩa, và nói đến sự quyết định một chấp tư tưởng bởi chấp tư tưởng đứng ngay trước . Cũng nói đến sự quyết định một trạng thái tâm/vật chất , bởi một trạng thái tâm/vật chất đứng ngay trước , hoàn toàn không một kẻ hở nào .

6. **Câu sinh duyên**, Sahājata-paccaya, đồng sinh duyên, là Duyên khởi đồng thời : cùng sinh cùng hiện hữu , như trong trường hợp 5 uẩn , 4 đại và các loại tâm & tâm sở tương ứng . Ý nghĩa là , khi một hiện tượng có khả năng duyên sinh lên, thì pháp do nó trợ sinh cũng cùng sinh khởi . Có thể hiểu là các trạng thái tinh thần và tâm lý đồng sinh khởi một lượt đối với đối tượng , là các tâm đồng sinh như trường hợp xúc, thọ , tưởng .

7. **Hỗ trợ duyên** , Anamanna-paccaya, là Sự trao đổi lẫn nhau , tính hỗ trợ : hay tính qua lại, nói đến sự phụ thuộc lẫn nhau của những yếu tố .

8. **Y chỉ duyên**, Nissaya-paccaya, là sự Hỗ trợ , phù trợ có tính nương tựa, nâng đỡ ; là duyên do phụ thuộc lẫn nhau , y cứ dựa vào của bất kỳ một yếu tố riêng biệt nào đó ; là mãnh lực trợ giúp bằng cách làm chỗ nương nhờ cho pháp khác . Nghĩa là các trạng thái tinh thần nào sinh khởi, phải nương nhờ vào trạng thái tinh thần khác hay một căn cứ vật chất khác .

Ví dụ , sự tự cao tự đại phát sinh nhờ vào trạng thái “chấp ngã” vị kỷ (do cảnh) . Hoặc nhãn thức sinh khởi do nhãn vật (do vật) .

9. **Cận y duyên**, Upanissaya-paccaya, là sự Hỗ trợ dứt khoát và vững chắc : là duyên do hội đủ điều kiện , khi hỗ trợ trở thành hỗ trợ dứt khoát, phải được hiểu theo nghĩa xui khiến trong một hướng riêng biệt . Nó hành xử như duyên có tính quyết định .

Cảnh trong Cận y duyên gần giống Cảnh trong Trường duyên , nhưng khác nhau về tính chất. Trường duyên nói đến khía cạnh **chủ trọng** ; Cận y duyên nói đến khía cạnh **sức mạnh** . Có hai loại cận y : Vô gián cận y duyên và Thường (thường xuyên) cận y duyên .

Trong cuộc sống, có những giai đoạn cuộc đời mà chính tại nơi đó , một biến cố xảy ra đẩy cuộc đời ta vào bước ngoặt quan trọng . Đó là do sức mạnh và sự tập trung của các duyên hệ Cận y và Trường duyên , với nhiều duyên khác nữa hỗ trợ .

10. **Tiền sinh duyên** , Pureyāta-paccaya, là Sự hiện tồn trước : quá khứ , là sự hiện hữu có trước của những yếu tố tiếp tục hiện hữu, sau khi những yếu tố tiếp theo hình thành . Sự hiện hữu của giác quan và đối tượng của chúng, đã có ở quá khứ, và tiếp tục ở hiện tại .
11. **Hậu sinh duyên** , Pacchayata-paccaya, là Sự hiện tồn sau : bổ sung sự hiện hữu trước , và nói đến sự hiện hữu của những yếu tố sau này, như là kinh nghiệm tinh thần .
12. **Trùng dụng duyên** , Tập hành duyên , Āse vāna-paccaya, là sự Tái diễn : dẫn đến kỹ xảo hay thói quen . Nó gia tăng sức mạnh của những chấp tư tưởng . Giữa Vô gián và Trùng dụng có sự khác biệt , vô gián là tính liên tục của các pháp khác nhau , trùng dụng là sự tái lập của cùng một pháp , nhưng có thể là liên tục hoặc không liên tục .
13. **Nghiệp duyên** , kamma-paccaya, : do hành động có ý chí mà có kết quả . Nghiệp có thể phát sinh đồng thời : nghiệp đồng sinh duyên . Có thể phát sinh liên tục – Nghiệp Vô gián duyên ; hoặc phát sinh khác thời gian – Nghiệp Dị thời duyên . Tất cả đều chỉ cho sở hữu Tư – cetana, là trạng thái tinh thần và tư tưởng chủ ý hay quyết định hành vi .
14. **Dị thực duyên** , Quả duyên , Vipāka-paccaya, là Hậu quả : là kết quả cho thấy mặt phản ứng của nghiệp trước , có ảnh hưởng và dùng để quyết định các hiện tượng chung sống . Quả cũng hoạt động trong một mức độ giới hạn, như điều kiện hay nguyên nhân .
15. **Vật thực duyên** , Āhāra-paccaya, là Chất dinh dưỡng : duyên do vật thực nói chung, về vật chất lẫn tinh thần . Vật thực duyên có tính nhân quả rất quan trọng để có được một nếp sống lành mạnh hoặc cao thượng về thân thể lẫn tinh thần . Ta có thể tham khảo qua các kinh Thực trong Nikaya hay A Hàm .
16. **Quyền duyên** , Indriya-paccaya, là sự Kiểm soát , cai quản , điều hành , là duyên do khả năng. Như là Chúa tể vậy . Có 22 năng lực kiểm soát :
 - a. 7 thuộc về thân : 5 giác quan + Sắc Âm Dương
 - b. 1 thuộc vừa Danh, vừa Thân : Sinh Khí (Mạng quyền).
 8 Quyền trên thuộc về Sắc quyền . Nó nắm quyền chi phối mọi trạng thái tinh thần, tư tưởng , tâm lý của con người đối với đối tượng (cảnh) tương ứng , từ lúc sinh ra đến lúc diệt đi .
 - c. 14 thuộc về Danh : 1 ý + 5 cảm thọ + 5 lực + 3 siêu thế (cái chưa biết sẽ biết, biết cái tốt cùng, biết của người đã chứng đắc) .
 Ý quyền nắm quyền cai quản các sở hữu đồng sinh , nghĩa là nắm quyền cai quản các tâm trạng . Thọ quyền nắm quyền chi phối mọi cảm thọ . Lực quyền nắm quyền đưa con người đến giác ngộ . Siêu thế quyền nắm quyền đưa trí tuệ đến viên mãn .
17. **Thiền duyên** , Jhāna-paccaya, Sự miệt mài : trong tất cả chức năng, như thiền định miệt mài , miệt mài thiện hay bất thiện... Bảy trạng thái tinh thần trong thiền tập (7 Thiền chi) là các thiền duyên .
18. **Đạo duyên** , Magga-paccaya, : Con đường làm duyên cho sự giác ngộ : 8 Chánh đạo và 37 phẩm .
19. **Tương ưng duyên** , Sampayutta-paccaya, là Duyên do Liên kết , kết hợp , hoà hợp : nói đến điều kiện của một yếu tố bởi các yếu tố tương tự .
20. **Bất tương ưng duyên** , Vippayutta-paccaya, là Duyên do Tách rời, không kết hợp : là điều kiện của một yếu tố tách rời, như cay đắng là yếu tố tách rời sự ngọt ngào .

Có trường hợp Đồng sinh duyên , nhưng có khi Tương ứng , có khi Bất tương ứng .

21. **Hiện hữu duyên** , Atthi-paccaya, là sự Có mặt : sự hiện hữu cần thiết của một số điều kiện, để hiện tượng khác phát sinh . Ví dụ, ánh sáng phải có mặt, cho kinh nghiệm về hình dạng có thể nhìn thấy, phát sinh .

22. **Vô hữu duyên** , Natthi-paccaya, là Duyên do không hiện hữu , Vắng mặt : giống như tách rời, dạng tiêu cực của điều-kiện-tính . Như vắng ánh sáng, là điều kiện cho bóng tối phát sinh. Do vắng mặt cảnh bất thiện, nên tâm bất thiện chưa sinh khởi được , nên tâm thiện có điều kiện sinh khởi .

23. **Ly khứ duyên**, Vigata-paccaya, là Chia lìa ; và

24. **Bất Ly duyên** , Avigata-paccaya, là Không chia lìa

Chia lìa và Không chia lìa, giống như cặp Hiện hữu và Vô hữu , tách rời và liên kết .

24 cách thức của điều-kiện-tính hành hoạt cùng với 12 thành tố của lý duyên khởi . Học tập và nghiên cứu sâu sắc về 24 điều kiện tính trên đây, sẽ giúp ta đi sâu vào bản thể của các pháp . Nói cách khác, nguyên lý Duyên khởi hoạt động , dựa vào 24 tính chất điều kiện hoá trên . Hiểu được mối duyên hệ , ta sẽ hiểu được sâu sắc Tứ Đế, hiểu được các qui luật Nghiệp báo , Nhân quả, Luân hồi,thế cho nên “*Bồ tát sợ Nhân ; chúng sinh sợ Quả*” là vậy .

Tâm lý được phân tích qua giáo lý 12 Nhân duyên bằng 24 điều kiện tính , nói đến quá trình tâm lý ô nhiễm , khảo sát một cách sâu sắc về bản chất của ô nhiễm .

- Danh liên hệ với Danh theo 7 cách :
 - Tâm & tâm sở mới diệt, liên hệ với tâm & tâm sở hiện tại theo Vô gián & Đẳng vô gián, Vô - Hữu, Ly - Khứ .
 - Tốc hành tâm Javana trước liên hệ với Javana sau theo tập hành (trùng dụng)
 - Tâm & Tâm sở câu hữu , liên hệ theo Hỗ tương
- Danh liên hệ với Danh-Sắc theo 5 hay 7, hoặc 9 cách tùy trường hợp :
 - Thân, Thiên, Đạo theo Nhân duyên, Thiên duyên và Đạo duyên
 - Tư câu sinh và và Dị sátna Tư liên hệ , liên hệ danh sắc câu hữu do Nghiệp duyên. (Dị sátna Tư là Tư tâm sở không cùng thời gian với kết quả, nghĩa là thời gian Tư khởi khác với thời gian các Quả khởi)
 - Các tâm pháp liên hệ nhau; và liên hệ sắc pháp câu sinh theo Dị thực duyên
 - Và các duyên khác như Vật thực, Quyền duyên
- Danh liên hệ với Sắc chỉ theo 1 cách : Hậu sinh duyên , vì tâm & tâm sở chỉ sinh khởi sau khi thân đã sinh .
- Sắc liên hệ Danh-Sắc chỉ theo 1 cách : Năng duyên
- Sắc liên hệ với Danh chỉ theo 1 cách : Tiền sinh duyên
- Danh-sắc liên hệ với danh theo 2 cách : Sở duyên duyên (trường duyên) và Thân y (Cận y) duyên .
- Danh sắc liên hệ với danh sắc theo 9 cách : Tăng thượng, Câu sinh, Hỗ tương, Y chỉ, Vật thực, Bất tương ứng, Hữu duyên, bất ly khứ

Tâm lý được vận hành bởi một động lực là **Vô minh**, một trạng thái mê muội bản năng, nó chi phối mọi hoạt động của tâm lý ô nhiễm . Vô minh là điều kiện nguồn của dòng sông tâm lý , nó được đề cập đến như là một mối liên kết đầu tiên .

Ta đã chẳng phải nhận thấy rằng, tâm thức ta, tư tưởng ta lang thang đắm chìm trong vô định, không thể ngăn nó lại. Không nghĩ suy về việc này, đến gọi nhớ chuyện đã qua hay tưởng đến chuyện sẽ đến, mặc dù không bao giờ đến! Đó là đắm chìm trong Vô minh, trong ảo giác, ảo tưởng.

Khổ là một cảm giác, cảm giác này không phải là kết quả của một quá trình tâm lý đơn giản, mà là một sự tổng hợp đồng thời gồm nhiều điều kiện khác nhau, trong đó, vô minh là một và **Hành** là một mối duyên hệ. Vô minh và Hành có mối quan hệ hỗ tương, nhân quả, Vô minh là điều kiện của Hành, Hành là động lực vận động của tâm-vật-lý (Thân-Khẩu-Ý hành). Nếu không có động lực, thì không có tồn tại, động lực tồn tại của chúng sinh coi như là vô minh. Vô minh nuôi dưỡng Hành, Hành làm cho Vô minh tăng sức mạnh, Hành là biểu hiện của Vô minh và là mối liên kết thứ hai.

Tâm lý tồn tại nhờ có động lực, mà động lực ấy là ô nhiễm, cho nên dòng sông tâm lý là ô nhiễm Hành lại chính là những **sở hữu Tư (cetanā)** quá khứ, cho nên đôi khi còn được gọi là **nghiệp hành**.

Thức là khả năng phản ánh thế giới hiện tượng, là khả năng phân biệt, là cái biết. Cái biết này, do những sở hữu Tư chi phối và thực thi nhiệm vụ của nó, nghĩa là do động lực của Hành thúc đẩy, nên cái biết ấy cũng biểu hiện vô minh. Bản chất của vô minh và động lực của Hành, làm cho Thức đi vào sai lầm và biểu hiện trở thành 2: chủ thể và khách thể. Do vậy, thế giới hiện tượng là thế giới của tâm lý, chứ không phải là thế giới khách quan.

Chủ thể được Thức phân lập ở đây là **Danh**, và khách thể, là **Sắc**. Cơ sở để cho chủ thể & đối tượng sinh khởi là 6 giác quan (**Lục Nhập**) tiếp xúc với đối tượng của chúng (**Xúc**). Xúc đây còn là một kích thích tâm-vật-lý nữa:

...này các Tỳ kheo, thế nào là Thọ? Đây là 6 nơi cảm thọ: cảm thọ được từ sự tiếp xúc của mắt; cảm thọ phát sinh từ sự tiếp xúc của tai; ...của mũi; ...của lưỡi; ...của thân; ...và cảm thọ phát sinh từ sự xúc tiếp của ý. Đây là Thọ". Ý nói ở đây là thức thứ 6. Như vậy, Xúc có nghĩa là sự phối hợp giữa giác quan, đối tượng của giác quan và ý thức. Sự hoà hiệp này gọi là Xúc. Xúc là hiện tượng tâm lý trong 5 tâm sở biến hành của Duy thức, trong 7 tâm sở biến hành của VDP.

Từ đây, có Thọ, cảm giác, là một yếu tố quan trọng, vì cảm giác là sự biểu hiện rõ nét của tiến trình tâm lý mà ai cũng cảm nhận được. Thọ trong tiến trình 12 nhân duyên nghiêng về khía cạnh dễ chịu (Lạc, Hỷ). Điều này nói lên bản năng của con người. Bản năng này là tìm kiếm sự thoải mái, thuận lợi, dễ chịu, hưởng thụ, cuối cùng là hạnh phúc. Cảm thọ nhấn mạnh đến yếu tố chủ quan, là một loại cảm giác chủ quan.

Theo sau cảm giác dễ chịu, hạnh phúc, là cảm giác thỏa mãn, vui sướng, hài lòng, mà ta gọi là Ái. Đối với tiến trình tâm lý, Ái là một trạng thái tâm lý được biểu hiện mạnh mẽ và kết thúc chu trình của tâm thức, và nó trở thành một năng lực tổng hợp để tạo tác trong tâm thức hay hành vi của con người. Vô minh được biểu hiện trong Ái một cách mạnh mẽ nhất, điên cuồng nhất. Ái được coi là then chốt cho vòng sinh tử. Còn nếu là cảm giác khó chịu, Vô minh và Hành sẽ phản ứng lại và phát triển thành sân hận, oán ghét.

Thủ chỉ là một hệ quả tất yếu của Ái mà thôi. Thủ là cái nắm bắt, giữ gìn, bảo thủ, hay tế vi hơn, là sự ghi nhận một kinh nghiệm, lưu trữ một kinh nghiệm.

Tâm lý chấp thủ là yếu tố mang tính ích kỷ, mà về sau, Duy thức phân tích sâu hơn căn nguyên của chúng và Thức Mạt Na là cội nguồn của sự chấp thủ này.

Thủ cũng là một biểu hiện của vô minh, nó hình thành một bản năng sinh tồn và bản năng hưởng thụ, nó bảo vệ cái hạnh phúc và từ chối cái khổ đau .

Phân tích các yếu tố tâm lý trong 12 nhân duyên có vẻ như chúng xuất hiện tuần tự , nhưng thực tế, chúng diễn ra cực kỳ nhanh, gần như đồng thời . Có thể nói rằng, trong một ý niệm, đã có đủ 12 nhân duyên . Nghĩa là , khi một yếu tố nhân duyên hiện khởi, thì toàn bộ 11 yếu tố còn lại cùng khởi hiện .

II.-Duyên khởi : Có 12 mắc trong chuỗi Luân hồi :

1.-Vô minh , là một trạng thái tinh thần , là một tâm sở, Tâm sở Si . Tâm sở Si lại là một cội nguồn, là căn gốc, luôn có mặt trong mọi loại bất thiện tâm, là 1 trong 3 độc .

Một cách trình bày khác là Vô minh hiện khởi từ 4 lậu (Dục lậu, Hữu lậu, Kiến lậu và Vô minh lậu) . Do có 4 Lậu, mà Vô minh hiện khởi . Diệt 4 Lậu, Vô minh diệt .

Vô minh là điều kiện cho Hành sinh khởi , nó làm điều kiện cho Hành .

2.-Hành , là một trạng thái tinh thần cố ý làm, quyết ý làm, cố tâm làm , là một tâm sở, Tâm sở Tư (cetana) . Cetana chi phối và quyết định mọi Hành , cetana đôn đốc, xúi dục các pháp, làm cho các pháp đồng sinh khởi để nắm bắt cảnh và hoàn tất nhiệm vụ . Nhân sinh cetana, gần là Thọ-Tưởng và Thức .

Như vậy, với nhân tựa vào là các Tâm sở Thọ , Tưởng và Tâm Vương Thức ; Tâm sở Si làm điều kiện cho Tâm Sở Tư hoạt động .

- Nếu Cetana phối hợp cùng các tâm sở tương ưng cùng sinh với 1 hay nhiều tâm trong 12 bất thiện tâm, khi đó, Hành sẽ là Phi-phúc-hành .
- Nếu Cetana phối hợp ngược lại, với 8 Dục giới Thiện tâm và 5 Thiện tâm Sắc-giới , sẽ tạo ra các tâm Quả Thiện tương ưng và Thiện Sắc-nghiệp ; gọi là Phúc-hành .
- Còn nếu cetana phối hợp cùng sinh với 1 vài tâm trong 4 tâm thiện Vô sắc giới , sẽ tạo ra các Tâm Quả Vô sắc giới , gọi là Bất-động-hành .

Các Phúc hành và Phi-phúc hành tạo ra tâm tục sinh và cũng tạo ra Sắc pháp .

Bất động hành không tạo ra được sắc pháp bởi vì tâm Thiện Vô sắc không tạo được sắc pháp .

3.-Thức : Tâm sở Tư cùng hoạt động chung với các tâm Hiệp Thế, từ đó tạo ra các **Tâm Quả Hiệp Thế**, như vậy là Thức Quả tâm Hiệp Thế; hay nói cách khác, Thức ở đây được tạo ra do Hành là Nhân, nhĩ, thức .

4.-Danh-Sắc : qua phân tích các Tâm và sắc pháp ; **5.-Sáu giác quan (lục nhập) ; 6.-Xúc (kích thích) ; 7.-Thọ (cảm thọ) ; 8.-Tham Ái**

9.-Bám víu (thủ) : Có 4 loại bám víu (thủ) : Dục thủ; Tà kiến thủ ; Giới cầm thủ ; Ngã luận thủ (chấp ngã)

10.-Trở thành (Hữu) : Có 2 loại :

- Nghiệp hữu : gồm 3 nghiệp Thân-Khẩu-Ý
- Sinh hữu : khi có sự sinh, có hiện hữu các Uẩn trong các cõi do nghiệp hữu . Có 9 loại :
 - Dục hữu : là có sự hiện hữu của chúng sinh trong 11 cõi dục giới .
 - Sắc hữu : là có sự hiện hữu của chúng sinh trong 16 cõi Sắc giới
 - Vô sắc hữu : trong 4 cõi Vô sắc giới
 - Hữu tướng hữu : là có sự hiện hữu của chúng sinh trong cõi tưởng thô trong 29 cõi dục, sắc và vô sắc (trừ 1 cõi vô tưởng và 1 cõi phi-tướng-phi-phi-tướng)
 - Vô tướng hữu : thuộc cõi vô tưởng

- Phi tướng phi-phi tướng hữu
- Nhất Uẩn hữu : là có chúng sinh trong cõi chỉ có 1 uẩn duy nhất , thuộc cõi vô tướng hữu
- Tứ Uẩn hữu : thuộc cõi vô sắc
- Ngũ uẩn hữu : 11 cõi dục .

11.-Sinh (hiện hữu) ; 12.-Lão-Tử . Khi đã sinh khởi, thì chỉ đi đến Hoại và Diệt , không có con đường nào khác .

Từ đây cho ta thấy rõ nghĩa hơn của **Tam tự tánh & Tam Vô-tự-tánh** :

1.-Y Tha Khởi tánh : (**Đối chất cảnh**) nghĩa là, sự tương tác giữa Nhân và Duyên , chỉ cho **nền tảng** hiện hữu của các pháp .

2.-Biến kế sở chấp tánh : (Giả danh tánh hay Qui-danh tánh) , dựa trên nền tảng Y-tha-khởi , ta cấu trúc hay đầu tư (bằng ngôn ngữ) thành một thực tại độc lập –**Độc ảnh cảnh / Độc đầu ý thức** – trong hiện tượng giới . Tính cấu trúc qui-danh này là cái **tương tự** thực tướng . xuất hiện với ta (kiến phần) .

3.-Cuối cùng, Viên-thành-thật tánh hay **Bản chất tối hậu** của hiện tượng giới . Tính chất này là sự phủ định về độc ảnh cảnh , tức là tánh không của nhất thiết pháp .

Tánh không của các pháp , theo Duy thức, là muốn nói đến các pháp sai biệt dựa trên tính tương quan của tam tánh :

1.-Y tha khởi (đối chất cảnh) , do duyên sinh, nên trống vắng bản chất nội tại - vô tự tánh.

2.-Biến-kế hay giả-danh , chỉ là chức năng của tâm thức, là thức biến . Do vậy, chúng trống vắng **sở hành nội cảnh** , nên chúng cũng vô-tự-tánh .

3.-Viên-thành-thật tánh, là hiện tượng trống không bản chất nội tại, bởi vì chúng là những hiện tượng tuyệt đối thường hằng , và tánh không cũng không phải là một thực thể siêu việt, khách quan .

III.- 12 Nhân-Duyên trong tiến trình Danh-Sắc qua 5 Uẩn :

- | | |
|--------------------------------|------------------------------|
| 1) Vô minh & Hành = Hành Uẩn ; | 4) Thọ = Thọ Uẩn ; |
| 2) Thức = Thức Uẩn ; | 5) Ái, Thủ, Hữu = Hành Uẩn ; |
| 3) Danh-Sắc = 5 Uẩn ; | 6) Sinh-Lão-Tử = 5 uẩn : |

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Vô minh	Hành	Thức	Danh-Sắc	6 Nhập	Xúc	Thọ	Ái	Thủ	Hữu	Sinh	Lão-Tử
Hành Uẩn		Thức Uẩn	5 Uẩn	Thọ Uẩn			Hành Uẩn			5 Uẩn	

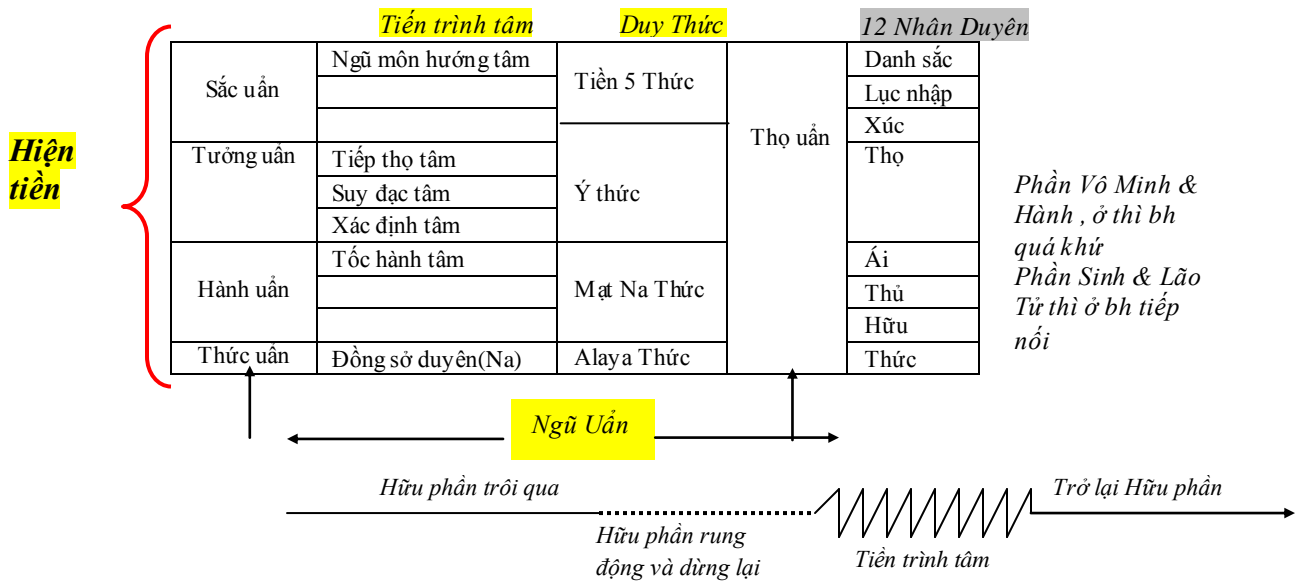
Chức năng kép của Hành, trong mắc xích thứ 2 , trong chuỗi 12 nhân duyên . Hành là điều kiện đi liền trước cho sự khởi sinh của Thức – đây là tiến trình đầu tiên trong 4 uẩn :thọ, tướng, hành – Tuy nhiên, hành cũng là tiến trình tâm lý nối tiếp sau Thọ, nó tái hiện dưới hình thức Ái (sân) , phát triển đến Thủ, cuối cùng tạo Hữu ; làm xung lực cho một giai đoạn mới của hoạt động Danh-Sắc (là 5 uẩn, trong đó , có Hành) .

Vậy, mỗi Hành mở ra một chuỗi những sự kiện dẫn đến một Hành mới ; và Hành này lại tiếp tục sinh khởi trong sự tự tái lập miên viễn trong dòng sông sinh-tử . Mỗi một chu trình, Hành lại củng cố thêm cho cái tập khí (thói quen tâm lý) của sự phản ứng ấy .

Và đó là tác nhân làm cho tư tưởng của ta luôn luôn bị kích tác, kích thích mới thường xuyên, từ sátna này đến sátna khác, những kinh nghiệm ký ức tích tập luôn nổi lên để kích tác chu trình phản ứng này.

VDP chỉ cho ta phương cách không tạo tác thêm những Hành mới. Tuy nhiên, những Hành quá khứ đã tích tập từ vô thị, luôn nổi lên. Và VDP cũng dạy cho ta cách quan sát với thái độ tinh thần Xả. Vào lúc ấy, ta sẽ có kinh nghiệm như cảm thọ trong thân, vì những phản ứng tích lũy trong quá khứ đó, sẽ tuần tự trôi lên bề mặt tâm thức, tự chúng thể hiện như những cảm thọ. Dần dần, nhờ tu tập, tự chúng sẽ diệt đi, vì tiến trình Danh-Sắc là tiến trình Vô Ngã, Vô Thường, có Sinh, phải có Diệt. Ta quán sát sự Sinh-Diệt của chúng như thế, và ta sẽ thấy chúng như một dòng sinh-diệt liên tục: "...những gì có bản chất sinh, cũng có bản chất diệt".

12 Nhân-duyên trong một tiến trình tâm :



Như vậy, từ thực hành minh sát từ thô đến tế, ta sẽ dần dần nhận chân rằng : Từ Khổ đế và Tập đế, là nhân sinh khởi 4 nhóm : Nhân của Quả khứ → Quả hiện tại → Nhân hiện tại → Quả vị lai.

Từ đây, tiếp tục sinh khởi 3 chu trình :

- Chu trình Phiền não : Vô minh, Ái và Thủ ; thuộc Hành Uẩn
- Chu trình tạo nghiệp : Hành và Hữu (Nghiệp hành và Nghiệp hữu) ; thuộc Hành Uẩn
- Chu trình hệ lụy tạo Quả : Thức, Danh-Sắc, Lục Nhập, Xúc, Thọ, Sinh, Lão-tử, thuộc Ngũ Uẩn

Sự tương tác chuyển di cho nhau trong dòng sông thức, đã nối tiếp Nghiệp Hành quá khứ với Thức là quả hiện tại ; nối tiếp hệ lụy Thọ hiện tại và nhân Ái hiện tại ; nối tiếp giữa nhân Ái hiện tại và hệ lụy của nó là Sinh.

Trên hết và cũng là trước hết, là 2 căn gốc sinh khởi mọi khổ lụy luân hồi nghiệp quả : Vô Minh thuộc quá khứ tích tập và Ái thuộc hiện tại huân tập, chúng tương dưỡng nhau qua những duyên sinh tiếp nối.

Và chu trình 12 yếu tố nhân duyên đã hoàn chỉnh và vận hành trên dòng sông miên viễn , với diễn trình triền miên của ý chí sinh tồn quá khứ (dư tàn của 5 uẩn quá khứ - Tử tâm) cho quả là tâm Tục sinh hiện tại (là 5 uẩn hiện tại) , tiếp tục tự huân tập và bị huân tập để tạo nhân trong hiện tại và hiện tồn ý chí tiềm ẩn cho vị lai (tâm Tử) .

Nhận xét :

- Diễn trình 8,9,10 : thuộc Hành Uẩn , là hành vi tác ý , từ Tham-sân-si, dứt khoát sẽ đưa đến bám víu và trở thành hiện thực . Diễn trình này không thể bẻ gãy được .
- Diễn trình 11,12 , thuộc Ngũ Uẩn, là kết thúc diễn trình trên, không thể bẻ gãy được .
- Diễn trình 1,2,3,4,5, thuộc Hành Uẩn và cả Ngũ Uẩn , là diễn trình tất yếu, không bẻ gãy được .
- **Chỉ có diễn trình 5, 6 (thuộc Thọ Uẩn) và 7,8 (giữa Thọ Uẩn và Hành Uẩn) là có thể bẻ gãy chuỗi tuần hoàn này, nghĩa là, ta còn 4/12 cơ hội để bẻ gãy chuỗi luân hồi nhân quả này. Có nghĩa là, phòng hộ 6 căn bằng Chánh Niệm và Đoạn trừ lậu hoặc bằng Tuệ Minh Sát.** Nói cách khác, chuỗi duyên sinh này, có thể được đảo ngược, thậm chí, bị bẻ gãy, bằng những hành vi quyết tâm cao độ (hạnh nguyện) và được lập đi lập lại hình thành thói quen trong tư duy lẫn hành vi (tu tập) . Đức Phật đã chỉ cho nhân loại phương cách bơi ngược dòng luân hồi ; và quả thật, chúng ta có thể luôn luôn bơi ngược dòng .

Như vậy, ta thấy rõ hơn là Hành Uẩn tạo Nghiệp và Ngũ Uẩn là Dukkha.

“có một sự nối kết của chuỗi nhân duyên (nhân duyên cộng tập), nhờ đó mà các sự vật trở thành hiện hữu và biến diệt . Nếu sự nối kết này được tháo gỡ, thì sẽ không có “sinh”, không có “diệt”.

“ngay khi có một sự tháo gỡ nào đó trong chuỗi nhân duyên hỗ tương ấy, thì sẽ không có “hiện hữu”; sự nhất thể và sự tách ly là những ý niệm mà phàm nhân dựa vào đấy để phân biệt (nhân duyên) .

“không có gì thực sự được sinh ra , hữu, phi-hữu; phi-hữu, phi-phi-hữu . Chỉ có một sự kết hợp, trong đó, ta nhìn thấy sự vật trở thành :hiện hữu” và “biết diệt” .

“chỉ nhờ vào những ý niệm qui ước, mà chúng ta nói đến một “chuỗi nhân duyên” nối kết nhau. Khi có sự đứt đoạn xảy ra trong chuỗi ấy, thì không có “sự sinh” nào .

“vì thiếu vắng “sự sinh”, nên ta gọi nó là “bất-sinh” . Thực ra, chỉ có một “chuỗi tương tục” .

“..vô-minh, hành, thức, v...v, là những chuỗi nhân duyên bên trong; còn cây cối, đất sét, đồ dùng, bánh xe, các chủng tử, các thành tố, v...v, tạo nên chuỗi nhân duyên bên ngoài.

“nếu bảo rằng “sinh” thực sự là phi-hiện-hữu, thì có ai mà biết được sự “nối kết” ? Nhưng trong phạm vi các giác quan qui ước, thì có sự “tương duyên” và sự “sinh”

“những phạm trù như hơi nóng, tính trôi chảy, sự vận động, tính rắn chắc, v...v, là do phàm nhân phân biệt . Đấy chỉ là những sự nối kết . Chúng không thể được nêu định là các phạm trù (các loại) , do đó, chúng cũng không có tự-tính.

Trước khi đi sâu vào việc phân tích diễn trình tư tưởng và hành vi , ta nhìn trở lại các phân tích từ khởi đầu đến đây , ta thấy rõ hơn :

1. Trước nhất, mọi danh pháp, sắc pháp thuộc Tam giới đều có chung trạng thái :

- Không thường (aniccato)
- Không bền vững (adhuvato)
- Vô dụng (asārakato)
- Biến động (calato)
- Hư Hỏng (palakato)
- Thay đổi (viparināmadhammato)

- Diệt vong (maranadhammato)
- Suy hoại (vibhavato)
- Bị cấu tạo (sankhato)
- Tan rã (pabhanguto)

*Vì vậy, tất cả chúng đều tạm bợ, như ảo ảnh, mà kinh vẫn gọi là **Vô Thường**.*

2. Đồng thời, chúng lại cùng chung những trạng thái :

- Vô Sở Hữu (anattato)
- Phi-Sở hữu (parato)
- Trống rỗng (rittato)
- Huyền ảo (tucchato)
- Không (sunnato)

*Thế cho nên, tất cả chúng đều không có tự tánh riêng, đều là nhân duyên hoà hợp, mà kinh vẫn gọi là **Vô Ngã**.*

3. Và cuối cùng, khi ta bị lọt vào vòng “nô lệ” cho chúng, là **Dukkha**.

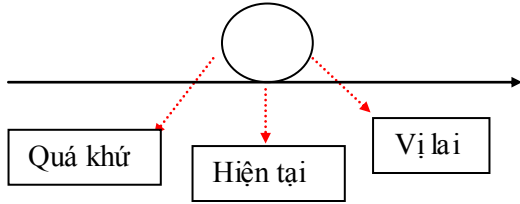
Nói theo tục đế, nhân loại đã tạo ra thế giới. Thế giới đến lượt nó, nó tạo điều kiện (duyên) lại cho nhân loại. Nhưng thế giới không tạo ra nhân loại.

Đến lượt thế giới, nó áp đặt điều kiện lên sự tồn tại của nhân loại.

Nói theo xã hội học, nhân loại đặt bày ra những định chế xã hội để tồn tại và phát triển. Nhưng khi những định chế ấy trở thành chế định, nó như một cỗ xe vô tình, nghiền nát mọi chương ngại trên con đường nó đi, bất kể người sáng tạo ra nó.

Chương VIII - LỘ TRÌNH TÂM PHÂN TÍCH DIỄN TRÌNH TƯ TƯỞNG

1.- Một bánh xe lăn tròn trên con đường , mỗi một thời điểm, bánh xe chỉ tiếp xúc với con đường , ở một điểm mà thôi :



Đức Phật so sánh tuổi thọ của chúng sinh như bánh xe, và mỗi chúng sinh chỉ tồn tại vào lúc tư tưởng phát sinh và mất đi . Quá khứ đã từng tồn tại, nhưng bây giờ đã mất đi và cũng chẳng hiện hữu trong vị lai. Hiện tại lúc này đang hiện hữu, nhưng chẳng từng tồn tại trong quá khứ, cũng không tồn tại trong vị lai .

Thời điểm vị lai, không hiện hữu trong hiện tại, cũng chẳng có trong quá khứ, và chắc gì sẽ xuất hiện trong tương lai ? Khi bánh xe ngừng lăn, nghĩa là , sátna tâm không sinh khởi nữa , điều này mang ý nghĩa là chúng sinh đã chấm dứt tồn tại .

Ghi nhớ : “Mỗi một sátna, chỉ sinh khởi 1 tâm” , và “mỗi một tâm sinh lên, thì tâm trước nó bị diệt”

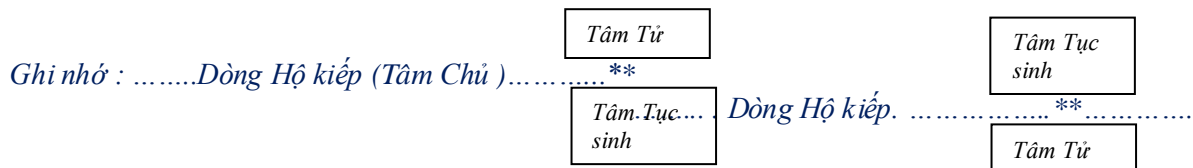
Một dòng sông chảy từ nguồn ra cửa biển . Giữa nguồn và cửa biển, là một sự tiếp diễn không ngừng, nhưng không đồng nhất . Dòng sông sinh và tử của chúng sinh cũng tương tự như thế :

- Sinh : là nhân tố “hợp nhất” hay “liên kết”, mà kinh gọi là “hoà hiệp” .
- Sự tiệm tiến , sự trưởng thành, trụ : là nhân tố “thức” (luồng Hộ kiếp) , đôi khi được gọi là “Alaya”
- Tử : là nhân tố “rời bỏ”, “không hoà hợp” . Nhưng dòng sông vẫn chảy .

Ba nhân tố này có cái chung : đối tượng của nó là nhân tố “thức” cuối cùng của kiếp trước . Cho nên, luôn nhớ rằng, “thức” vận hành đồng thời với “nghiệp tái sinh” , đem lại cho sự sống riêng biệt những đặc tính chung của nó, và duy trì nó cho đến khi bị gián đoạn hay cạn kiệt, đôi khi còn gọi là “Nghiệp Lực” .

Do vậy, đời sống của một cá nhân, không chỉ là sự hội tụ của 3 nhân tố, mà còn **bởi một mình** “thức” . Nhân tố thức này, bảo tồn tính liên tục và duy trì sự sống ngay cả khi không có tiền trình tư tưởng (trong giấc ngủ say hay gây mê) , nhưng dòng sông vẫn ngầm chảy . Giữa những tiền trình tư tưởng thức khác nhau, tiềm thức tự tái xác nhận “nó là” , và bảo tồn sự liên tục của đời sống .

Như vậy, đời sống của chúng ta bắt đầu bằng sự hoà hợp hay liên kết nhân tố “thức” nối tiếp kiếp trước (Tâm Tử) với kiếp này (Tâm Tục sinh) . Nó được duy trì suốt cuộc đời này bởi nhân tố “thức “ (luồng Hộ kiếp, tâm Chủ, tâm Hộ kiếp ; dòng hữu phần , tâm hữu phần) trong chuỗi sống nối tiếp nhau và chấm dứt bằng “rời bỏ”, rồi lại kiếp sau , trước khi có sự hoà hiệp .



Như vậy, chu kỳ sinh-diệt , hay sinh-tử , được hàm chứa trong 2 phạm vi :

- Sinh Diệt từng sátna : sự tồn tại của một tâm chỉ là một sátna . Chúng sinh chỉ tồn tại trong sátna tâm .

- Và Sinh Diệt của một đời sống . Chúng sinh chỉ tồn tại khi các sátna tâm còn sinh diệt nối tiếp nhau .

Ném một hòn sỏi vào hồ nước tĩnh lặng, những gợn sóng đồng tâm tức khắc sinh khởi khi hòn sỏi chạm mặt nước . Gợn sóng và hòn sỏi là khác nhau ; nhưng những Gợn sóng nhận năng lượng của hòn sỏi mà sinh khởi .

Một Âm thanh phát ra, có tiếng vọng từ vách núi . Âm thanh và Tiếng vọng là khác nhau; nhưng Tiếng vọng nhận năng lượng của âm thanh mà sinh khởi .

Tương tự, một hạt cơ bản phân rã , năng lượng còn lại khởi sinh trong hình thức các hạt cơ bản khác .

Robert Openheimer nói : “Hạt điện tử có ở nguyên một vị trí không ? Câu trả lời là “Không”. Vậy nó thay đổi ? “Không” . Hay nó có ở vị trí đâu đó trong không gian không ? “Không” . Vậy nó có chuyển động ? “Không” . “

“Một hạt điện tử chỉ là một mô hình lý thuyết (khái niệm) ; có một cái gì đó biến mất và một cái gì đó sinh ra . Có mối liên hệ giữa chúng với nhau, nhưng chúng không phải cùng là một thứ” .
Các mối quan hệ trên là quan hệ Nhân-Quả .

Kiếp sống quá khứ, hiện tại và vị lai là một chuỗi tâm không gián đoạn.

Mỗi tâm sinh thì lập tức diệt đi, để tâm kế tiếp phát sinh .

Tâm không bao giờ tồn tại và cũng không khoảnh khắc nào mà không có tâm .

Chỉ có 1 tâm ở 1 thời điểm và chỉ có 1 Tâm là biết 1 cảnh .

Ngược lại, ở 1 thời điểm chỉ có thể biết được 1 cảnh và không thể có tâm mà không có cảnh .

Mỗi 1 tâm sinh lên thì diệt ngay, như vậy, mỗi một thời điểm chúng ta thấy thế gian là cảnh sắc, thì cảnh sắc đó đã không còn tồn tại nữa, nó đã diệt theo với tâm ngay lập tức , *thực chất thế gian là “N hư H uyển” , là “ Ch ân (sự thực) K hông (trống rỗng) V an H ữu”* .

Thức là một dòng vô hình và biến chuyển, nó là một tiến trình vô hình , một diễn trình không thấy được , trong đó, nó làm cho mỗi một thực tại là một thực tại ; mỗi một hòn sỏi là một hòn sỏi ; thế giới là thế giới ; và mỗi loài chúng sinh là một loài.

Dòng vô hình này là nơi chứa đựng tất cả những kết quả của mọi hành nghiệp và kinh nghiệm quá khứ ; là kho chứa những năng lực còn tồn đọng lại từ quá khứ ; là những hoa và trái chứa trong một hạt dẻ ; là *cả vũ trụ ở trong một hạt dẻ* . Mà một cách gọi khác là Alaya thức , Tàng thức , trong danh chế định, gọi là Vô thức, Tiềm thức , không không đủ ý nghĩa hàm chứa .

Tiến trình Tâm-Vật-lý biến đổi liên tục này rõ ràng đã cho ta thấy, đời sống là không có bắt đầu và không có lúc chấm dứt. Sátna tâm này diệt, sátna tâm kế tiếp sinh khởi, tổ hợp của các diễn trình tâm-vật-lý cũng diệt từng sátna và sinh từng sátna ; nghĩa là từng tính chất, từng trạng thái sinh diệt miên viễn .

Sátna Tâm chủ vừa diệt, sátna Tâm Tử khởi sinh ; Sátna Tâm Tử này diệt, thì Sátna kế tiếp sinh, gọi là Tâm tục sinh ; sátna Tâm tục sinh này diệt, thì sátna tâm Chủ kiếp kế tiếp sinh, và từng sátna trong sinh tồn, cái này diệt thì cái kia sinh , cho đến khi sátna tâm Chủ diệt, thì sátna tâm Tử sinh, và cứ lại như thế mà tiếp diễn , sinh tử luân hồi miên viễn .

Tất cả chỉ là những sátna tâm trùng trùng điệp điệp nối tiếp nhau trong vòng sinh-diệt. Không có cái gọi là “sống” và cũng không cái gọi là “chết” ; cũng không có cái “diệt tận tuổi già” cũng không có cái “diệt tận sự chết” ; chỉ có cái “ý chí sinh tồn”, cái “khát ái”, đã tạo thành nghiệp lực và nghiệp lực mạnh mẽ này đã duy trì cái gọi là “sự sống” .

Có một khái niệm thế học, cho rằng, có một “trường sinh-học” duy trì, chứa đựng và là nguồn năng lượng của sự sống. Khái niệm này có thể liên tưởng đến “Nghịch lý EPR” mà Einstein đã

nhận được. Hay theo trường phái Copenhagen :” Thực tại chỉ có , khi Ta quan sát và đo lường nó “

Cũng thế , Thức thuộc về kiếp này (Tâm Hộ kiếp) và thức chấm dứt (Tâm Tử) , chẳng giống nhau và cũng chẳng khác nhau . Tâm Tử nhận năng lượng từ Tâm Hộ kiếp mà sinh khởi ngay khi Tâm Hộ Kiếp phân rã .

Cũng vậy, khi Tâm Tử phân rã , Tâm Tục sinh nhận năng lượng từ Tâm Tử mà sinh khởi ; Và Tâm Chủ tiếp nối Tâm Tục Sinh , khi Tâm Tục sinh phân rã .

Mối quan hệ giữa kiếp này và kiếp sau, là mối quan hệ Nhân và Quả . Quan hệ Nhân-Quả là quan hệ chẳng đồng dạng , mà cũng chẳng khác biệt . Kiếp sau phát sinh tùy thuộc vào kiếp này, sự tục sinh do kết quả của phiền não và nghiệp mà không có bất cứ một sự chuyển di Danh-sắc nào . Như hòn sỏi & sóng nước ; Âm thanh & Tiếng vọng ; cả 2 không giống nhau, nhưng cả 2 không khác nhau . Về mặt hiện tượng giới, chúng khác nhau, về mặt bản thể, chúng là năng lượng biểu biệt . Duyên hệ , là những điều kiện tính cần và đủ , tiên quyết và ngẫu nhiên , đã góp phần vào dòng sông luân hồi này .

Có thể hiểu như là , đối với phần lớn chúng ta, khi chết đi, một phần tính chất nào đó của chúng ta vẫn tiếp tục tái sinh (tiến trình vẫn tiếp diễn) . Sống và Chết , như Sinh và Diệt, tất cả chỉ là những tiến trình Danh Sắc, chúng tương tự như Thức và Ngủ . Do vậy, chúng ta phải học cách chết một cách tốt đẹp nhất, chết với Chánh niệm . Muốn vậy, chúng ta cũng phải biết sống một cách tốt đẹp nhất : sống trong Chánh Niệm Tỉnh Thức .

Không có cái “ngã” liên tục , vĩnh cửu và giống nhau ; mà cũng không có sự huỷ diệt hoàn toàn tính tiếp diễn trong tiến trình Nhân-Quả .

Đó là cái cách mà , “Vô Ngã” và “Vô Tự Tánh” tương hợp với trách vụ tinh thần và tái sinh .

2.- Tâm thức xảy ra dưới hình thái thụ động và chủ động . Qui luật tự nhiên là cái Thụ động sẽ nhường bước cho cái Chủ động , khi có một kích thích được tiếp nhận qua các cửa giác quan . Tâm bhavanga , tâm hữu phần, tâm Chủ , là một hình thức nguyên sơ của tâm thức . Nó trôi chảy từ lúc thọ thai cho đến lúc chết , trừ những khi nó bị gián đoạn ở một trong các cửa giác quan . (Tâm) thức, (khác) tương phản với tàng thức này (luồng Hộ kiếp) , nảy sinh như một hiện tượng đề kháng (phản ứng) và xung động . Nói cách khác, tàng thức vẫn là tàng thức, cho đến khi nó bị gián đoạn, hay bị ngăn trở, bởi một đối tượng . Sự tiếp xúc giữa tàng thức và đối tượng, dẫn đến phản ứng, và phản ứng này dẫn đến xung động, và xung động này lần lượt xảy đến (*diễn trình-tiến trình tư tưởng thức - lộ trình Tâm*) , phát sinh một diễn trình tâm .

Dòng tâm hữu phần là một trạng thái tâm nền, nó không có đối tượng gì có thể nhận biết rõ ràng; nó chỉ duy nhất duy trì sinh mạng và sự liên tục của dòng tâm thức mà không có bất kỳ một đối tượng nào hiện tại cả . Không có dòng hữu phần , khi ta ngủ say , làm sao thức giấc và trở lại là chính mình ? Cho nên, còn được gọi là dòng Hộ kiếp , bảo vệ kiếp sống .

Nó cách khác, một tâm sinh khởi và đoạn diệt (là sự nhận biết bất kỳ đối tượng nào đang diễn ra), ***rồi cách quãng một đoạn*** , một tâm khác lại sinh lên, diệt đi, ***rồi một quãng trống nữa*** Quãng trống này càng lớn, thì sự nhận biết của chúng ta càng thưa . ***Quãng trống càng lớn, ta càng dăng trí, gọi là thất niệm nhiều*** . Bởi vì, không có tâm nào sinh khởi nên cũng chẳng có sở hữu nào , nên không nhận biết gì .

Khi ta chìm vào giấc ngủ say và sâu , chỉ còn dòng hữu phần hoạt động, lúc đó, thời gian đối với ta không còn nữa . Do vậy, nhiều khi ta chìm vào giấc ngủ sâu vài phút, khi chợt tỉnh, ta cảm thấy ngủ thật lâu .

Dòng hữu phần càng kéo dài, ta càng mất dấu thời gian về mặt tâm lý . Do vậy, thời gian tâm lý là “*Huyền*” , theo Chân đế . Ngược lại, dòng hữu phần càng bị rút ngắn lại, ta càng có nhiều thời gian hơn cho chính mình . Đó là kết quả tức thời do Chánh niệm mang lại cho ta .

Trở lại dòng Hữu phần , sự gián đoạn xảy ra hoặc là :

- Tiến trình tư tưởng thể chất (thức giác quan) hành hoạt qua 5 cửa giác quan (5 môn) ; tiến trình này được quyết định bởi cường độ hay tác động của đối tượng ; Có 4 loại , từ loại điều hành 17 chấp tư tưởng đến loại không thể tiến đến điểm quyết định hay nhận dạng đối tượng (Lộ Ngũ Môn) . Nghĩa là sự phân tích diễn trình của tư tưởng hay nhận thức phát sinh do 5 giác quan vật chất : Mắt, Tai, Mũi, Lưỡi, Xúc giác .
- Tiến trình tư tưởng tinh thần (thức của ý) hành hoạt qua tâm (ý thức, giác quan thứ 6) (Lộ Ý môn). Có 2 loại, một loại “trong sáng” (cực rõ) , nó điều hành qua trí nhớ , giai đoạn cuối cùng trong tiến trình tư tưởng ; và một loại “tối tăm” (không rõ, mơ hồ) , nó chấm dứt trước ***giai đoạn trí nhớ*** . Nghĩa là sự phân tích diễn trình của tư tưởng hay nhận thức phát sinh do giác quan thứ 6 , là Ý thức .

Trở lại vấn đề thời gian , chúng ta có 2 loại chế định về thời gian : thời gian tâm lý và thời gian vật lý . Thời gian vật lý do chế định ; thời gian tâm lý có được do Trí Nhớ và sự huân tập trong cuộc sống . Loài người là chúng sinh duy nhất có thời gian tâm lý . Còn các loài vật khác, trí nhớ chỉ đơn thuần là trí nhớ . Một lần nữa, ta thấy *thời gian tâm lý vẫn là Chế định và không thực* .

■ *Xưa kia người ta nghĩ rằng, nếu mọi vật trên đời này biến mất thì sẽ còn lại Không Thời gian ; thế nhưng , theo Thuyết Tương Đối thì Không Thời gian cũng sẽ biến mất theo với mọi vật . Einstein .*

■ *.....Không gian, Thời gian, Lực,v.....v.. đều là dạng xuất hiện, là thuộc tính của vật chất”*

■ *Thời gian là đàn hồi và có thể co giãn , không gian cũng như vậyCả 2 đều có thể nở ra, co lại giãn ra, ngắn lạiKhông gian co lại sẽ được chuyển hoá thành thời gian và làm nó giãn ra , tức là chạy chậm lại .*

■ *Chúng ta thừa nhận cho thời gian có một chiều không gian , và chính sự biểu diễn sự chuyển động như thế của thời gian đối với chúng ta trong không gian , làm cho chúng ta cảm giác về quá khứ, hiện tại và tương lai . Chỉ có hiện tại “Bây Giờ” là tồn tại , chỉ có nó mới có tính thực tại hiển nhiên . Cái thời gian chủ quan hay thời gian tâm lý đó, tất cả chúng ta đều phải gánh chịu .*

■ *Đối với nhà Vật lý, thời gian không còn được đánh dấu bằng một chuỗi các sự kiện nữa . Sự phân biệt giữa quá khứ, hiện tại, và tương lai không còn hữu dụng nữa . Mọi thời điểm đều có giá trị như nhau .*

(Những cứ liệu khoa học này chỉ dùng để tham khảo , không nhằm mục đích để chứng minh điều gì)

Tiếp tục với dòng hữu phần, chướng ngại lớn nhất sẽ tạo ra tiến trình tư tưởng dài nhất, và chướng ngại nhỏ nhất sẽ tạo ra tiến trình tư tưởng ngắn nhất . Các chướng ngại, các đối tượng này, VDP gọi là Cảnh . Dĩ nhiên chúng là các Cảnh đối tượng của các Thức giác quan , và cấp độ lớn nhỏ của chướng ngại đối tượng được phân biệt ra làm 8 cấp :

1.-Cảnh rất lớn	1.-Cảnh rất rõ
2.-Cảnh lớn	2.-Cảnh rõ
3.-Cảnh nhỏ	3.-Cảnh không rõ
4.-Cảnh rất nhỏ	4.-Cảnh mơ hồ
Các cảnh trên là đối tượng của các lộ trình tâm qua 5 môn (Lộ Ngũ Môn) . <i>Chỉ xuất hiện trong Thời Hiện Tại và thuần Sắc-pháp</i> .	Các cảnh trên là đối tượng của các lộ trình tâm qua ý môn (Lộ Ý Môn) . <i>Xuất hiện trong cả 3 thời : Hiện tại - Vị Lai – Quá khứ và bao gồm cả sắc lẫn Danh pháp</i> .

Các cảnh còn được phân ra Cảnh Chủ (chủ quan) và cảnh Khách (khách quan) hay cảnh Ngoại quan vì cảnh khởi do trợ duyên của ngoại lực . Đối với Cảnh rất nhỏ và Cảnh mơ hồ, do cảnh lực quá muội lực, nên lộ trình tâm cũng chỉ rung động mà thôi, nên không kể vào đây . Do vậy, ta còn 3 cảnh cho lộ 5 môn và 3 cảnh cho lộ ý môn .

3.- Một số ký hiệu chỉ các tâm trong tâm lộ : (để nghị có thể dùng nguyên tắc 3 chữ theo nguyên tắc quốc tế dựa trên nền tảng Pàli-ngữ , có lẽ hợp lý hơn cho tất cả mọi người)

- Tâm Hữu phần, Tâm Hộ kiếp : **Bh**avanga-Citta bha
- Hữu phần Vừa qua, Hộ kiếp Quá khứ : **At**īta-bhavanga-Citta..... ati
- Hữu phần Rung động : bhavanga-**Ca**lana ana (hoặc bhc)
- Hữu phần dứt dòng, bhavang-upac**he**da eda (hoặc bhu)
- Ngũ môn hướng tâm, **Pan**cadvaravajjana-citta pan
- Ý môn hướng tâm, **Man**odvāravithi-citta, man
- Ngũ song thức, Dvi-panca-vinnana) dvi
- Trong đó , Tâm nhãn thức, **ca**kkhuvinnana-citta..... cak
- Tiếp thu tâm, **sam**panacchana-citta sam
- Suy đạc tâm, **san**tirana-citta san
- Xác định tâm, **vo**tthabbana vot
- Tâm đồng lực, **ja**vana jav
- Tâm Na cảnh, Mót, Thập di, tiếp đối tượng, **tad**alambana tad
- Tâm khách - **Ag**antuka-bhavanga..... aga
- Tâm Tử - **Cu**tti-Citta cut
- Tâm Tục sinh – **Pa**tisandi..... Pat
- Năm Thức đầu – **Pan**ca-**va**innana Pav

4.- Chúng ta xem xét một số tâm lộ cơ bản trong cõi Dục giới : Trước tiên, *chúng ta hãy phân tích 17 chấp tư tưởng tạo thành tiến trình tư tưởng dài nhất , do 5 cửa giác quan tiếp nhận đối tượng của nó (Lộ Ngũ Môn cảnh rất lớn)*, được tạm phân làm 7 chặng , kể từ lúc dòng hữu phần bị cắt đứt :

- **Lúc bình thường :** (*bha*) , dòng hữu phần đang trôi chảy ở trạng thái tiềm ẩn (tiêu cực), còn được gọi là dòng hộ kiếp, vì được tạo thành do nhiều Tâm hộ kiếp (bhavanga-citta) sinh diệt nối tiếp nhau không dừng . Trong thường nhật, có những lúc ta không có những cảm xúc giác quan, không suy nghĩ, không có bất kỳ tâm thiện hay bất thiện nào, lúc đó, vẫn có tâm sinh diệt, đó là tâm hộ kiếp, và dòng tâm này là dòng hữu phần ; tương tự như thế với giấc ngủ say không chiêm bao . Nếu không có tâm hộ kiếp, ta sẽ ngủ không bao giờ thức dậy , nên cũng gọi là Tâm Chủ , tâm chủ quan . Đôi khi được gọi là Tầng Thức , Alaya thức .

Tâm hộ kiếp đầu tiên sinh khởi ngay khi Tâm tục sinh diệt, nó làm duyên cho tất cả các tâm hộ kiếp trong dòng hữu phần trong suốt cuộc sống. Tâm hộ kiếp là tâm Quả, tất cả các tâm hộ kiếp đều là quả của Nghiệp mà nó sinh ra tâm tục sinh, nên nó cũng giống như tâm tục sinh. Nếu tâm tục sinh là Quả Bất thiện, thì tất cả tâm Hộ kiếp cũng là Quả Bất thiện, và ngược lại. Tất cả tâm hộ kiếp hành hoạt giống như tâm tục sinh của kiếp sống đó vì chúng cùng là hậu quả của cùng một Nghiệp, chúng chỉ biết cảnh riêng của chúng, mà cảnh đó thì giống như cảnh của tâm tục sinh. Có 19 loại tâm tục sinh và do vậy, cũng có 19 tâm hộ kiếp. (xem phần tâm tục sinh)

- **Khi bị kích thích**, là khi có một 1 đối tượng hiện diện trước 1 trong các giác quan, dòng hữu phần bị kích thích. Gọi là hữu phần vừa qua (hay hộ kiếp quá khứ - ati), vì tâm này sinh diệt đồng thời với cảnh vừa hiện đến, nhưng chưa bị cảnh chi phối.
- **Tâm hữu phần rung động** (ana), là trạng thái tâm chủ bị cảnh mới chi phối.
- **Tâm hữu phần bị cắt đứt dòng chảy** (eda), nhường chỗ cho những tâm khách khởi lên. Mặc dù tâm hộ kiếp không biết cảnh, nhưng nó bị “ảnh hưởng” bởi sự “ồn ào, nhiễu loạn” của cảnh cho đến khi cảnh chiêm cứ lấy dòng hữu phần.
- **Chặng đầu tiên** của lộ trình tâm: Một tâm khách khởi lên, hướng về đối tượng qua cửa giác quan bị kích thích. Gọi là Ngũ Môn Hướng Tâm (pan), do 2 tâm Quả Thiện và Quả Bất Thiện tác động.
- **Chặng thứ 2**: Thức của giác quan tương ứng sinh khởi (trường hợp nhãn thức, cak), nghĩa là, tùy theo đối tượng, 1 trong 5 thức giác quan tương ứng sẽ khởi lên để bắt cảnh. Ta nhớ lại Ngũ song thức cũng là tâm quả thiện và bất thiện.
- **Chặng thứ 3**: Tiếp thọ tâm, Tâm tiếp thu (sam), làm nhiệm vụ tiếp nhận đối tượng, cũng là tâm quả vô nhân thiện và bất thiện.
- **Chặng thứ 4**: Tâm quan sát, duy đặc (san), có nhiệm vụ điều tra đối tượng, cũng là tâm quả thiện và bất thiện, chúng câu hành với Thọ Xả (nếu cảnh cực tốt, thì Thiện thọ Hỷ)
- **Chặng thứ 5**: Tâm Đoán định, phán đoán (vot), nó xác định cảnh trong tiến trình căn môn, là Tâm Duy Tác Vô nhân, nó chỉ thực hiện chức năng phán đoán.

Có 3 tâm tác động vào tâm suy đặc và đoán định (vot) này, vì chúng làm sống lại những kinh nghiệm giác quan quá khứ và do Ý môn hướng tâm thọ Xả tác động:

- Tâm Quả Bất thiện thọ Xả
- Tâm Quả thiện Thọ Xả và Tâm Quả Thiện thọ Hỷ.

Từ chặng 1 đến chặng 5, giai đoạn này là “ngưỡng cửa đưa đến diễn trình của tư tưởng tốt hay xấu”. Các tâm tham dự quá trình tâm giai đoạn này, đều là **Vô Nhân** hoặc Duy Tác hay Kết Quả. Chúng không có “Nhân” thiện hay bất thiện, mà **chỉ thuần là Duy Tác hay Kết Quả**. Cho nên Chánh Niệm phải sắc bén mãnh liệt để nhận ra được khoảnh khắc tâm có tính quyết định, để ta có thể cai quản những tâm đồng lực (jav) bằng Tác Ý Khéo.

Ví dụ, nếu ta huân tập nhiều bất thiện tâm, khi cảnh bất lạc do nghiệp dẫn dắt đến, nếu tâm sân phát sinh, đó là “phi lý tác ý”; ngược lại, nếu ta biết tâm quả bất lạc này chỉ sinh để diệt, và tâm sân không sinh khởi, đó là “như lý tác ý”. Trường hợp như lý tác ý, thì tâm thiện sẽ nối tiếp lộ trình tâm.

Hãy giữ chánh niệm thường xuyên, vì tâm thức ta từ vô thi, đã huân tập thiện lẫn bất thiện nhiều vô kể, hãy cảnh giác.

- **Chặng thứ 6**: các tâm **Đổng Lực Javana**. Giai đoạn này, tính thiện hay bất thiện đã được quyết định, tùy vào các tâm có nhân thiện hay bất thiện, sau tâm phán đoán vot. Vì thế, các

tâm jav này là **Hữu Nhân và Tạo Nghiệp** (tạo tác), có tất cả 7 tâm kế tiếp nhau có cùng tính chất. Tùy theo thời điểm tạo nghiệp trong lúc tâm Javana khởi lên, sẽ sinh khởi các thời điểm cho Quả như sau :

Sátna	1	2	3	4	5	6	7
	Hiện báo Nghiệp (Quả hiện tại)	Thọ lãnh bất kỳ lúc nào (Hậu báo nghiệp)					Quả ở kiếp sau (Sinh báo nghiệp)

Các Tâm Jav do 55 tâm tác động :

- 21 tâm Thiện (8 Dục giới + 9 Đại thiện + 4 Siêu thế)
- 12 tâm Bất thiện (8 Tham + 2 Sân + 2 Si)
- 4 Tâm quả (Dự lưu, Nhất lai, Bất lai, Alahán)
- 18 tâm Duy tác

Như thế, khi nào tâm bất thiện sinh khởi do cảnh, không chỉ đơn thuần 1 tâm bất thiện, mà còn có đến 7 tâm bất thiện nối tiếp nhau trong một tiến trình, và tiến trình này có thể được nối tiếp theo sau bởi những tiến trình khác. Vô số tâm bất thiện này sinh hàng ngày, hàng giờ do bất kỳ điều gì chúng ta không thích hoặc bị dính mắc. Trong trường hợp bình thường, tâm đồng lực này thu tóm hầu hết các Bất thiện tâm, vì chúng ta bị dính mắc quá nhiều vào các cảnh trần được biết qua các giác quan, nhưng có lẽ tâm Tham thọ Xả vì những khoảnh khắc dính mắc trôi qua mà ta không chú ý. Hoặc giả Sân thọ Ưu hay Xan, Tật, Hối thoảng qua khi ta cảm thấy buồn phiền vì các cảnh trần mắt thấy tai nghe. Nhưng loại dính mắc thường trực nhất là các Khái-niệm. Như vậy, **nếu không Chánh niệm, chúng ta suy nghĩ hầu hết thời gian với các Bất Thiện Tâm.**

Tiến trình tâm Đồng lực Thiện hay Bất thiện có thể xảy ra rất ngắn và xem kẽ nhau, ví dụ như lỡ bố thí nhiều quá, làm hối tiếc do tâm bồng xén sinh khởi, chẳng hạn. Do vậy, phải nhớ rằng, **phiền não có thể sinh khởi bất kỳ lúc nào**, thậm chí ngay cả trong lúc hành thiện.

Tâm Đồng lực phát sinh không thể kiểm soát được, nhưng ta biết những điều kiện có thể làm sinh khởi nhiều tâm Thiện, đó là Bất phóng dật, đó là 5 giới, 10 thiện nghiệp, 6 Ba La mật. Trong thường ngày, rất nhiều trạng thái tinh thần và tâm lý sinh lên rồi diệt đi, mà ta không lưu ý hoặc không kịp lưu ý đến chúng. Có những tâm trạng hiển lộ rõ rệt và biểu hiện qua hành vi; có những tâm trạng hiển lộ không rõ rệt, và chưa đi diễn hoặc không đi đến hành vi. Tất cả các trạng thái ấy, đều có sự tham gia của rất nhiều thứ tâm và sở hữu, nhưng trong đó, Cetana chính là động lực thúc đẩy xung yếu. Nếu cetana yếu ớt, các javana chẳng đưa đến hành vi rõ rệt nào cả. Do vậy, rất nhiều trạng thái tâm lý sinh khởi hàng ngày với cetana yếu ớt hay không sinh khởi, thì chẳng có một hành vi nào cả.

- **Chặng thứ 7** : là giai đoạn **ghi nhớ**, các tâm Na cảnh (tad), còn gọi là Tâm Thập Di, Mót, là tâm Quả, không có khả năng tạo nghiệp. Chặng này **có thể tạo nên trí nhớ** vì nhiệm vụ của tâm này là gìn giữ và ghi nhớ cảnh vào trong tiềm thức. Từ chặng đầu tiên đến sátna thứ 7 của jav, ta được 15 sátna tâm. Ta nhớ sắc pháp tồn tại 17 sátna tâm, đến đây, ta còn 2 sátna tâm nữa mà cảnh chưa diệt Theo sau tâm jav, có tâm biết cảnh trong 2 sátna, đó là tâm tad. Nếu sắc pháp yếu, phải có nhiều hơn 3 sátna tâm hữu phần trễ trôi qua trước khi tiến trình bắt đầu, thì có thể sắc pháp đã diệt trước khi tâm tad sinh, như thế, tâm tad không thể sinh khởi. Chỉ có Dục giới mới có đủ điều kiện cho tâm tad phát sinh, vì chúng nương gá vào trần cảnh. Tâm tad còn có thể biết cảnh qua Ý môn (xem lộ ý) và chúng là tâm Quả cả. Có 11 tâm tác động vào tâm tad : 8 Đại Quả + 3 Suy đạc và tất cả đều là Quả Dục giới tâm.

Sau sátna thứ 2 Tad diệt đi, dòng hữu phần tiếp tục trôi chảy..... Luồng thần kinh ví như một dòng chảy liên tục. Các Danh-Sắc mãi mãi sinh diệt tạo nên dòng chảy êm ả đó . Một sự kích thích luồng dẫn truyền thần kinh (Xúc) làm khởi sinh nhận thức . Thức ấy chỉ sinh khởi trong chỉ 1 sátna tâm rồi diệt, nhường chỗ cho một số sátna tâm sinh diệt tiếp theo để làm nhiệm vụ của chúng .

Như vậy : “*Tâm dẫn đầu thế gian, Tâm kéo thế gian đi theo nó. Toàn thể thế gian đều đi theo Tâm*”

STT	Số Sátna	Chót Na Cảnh		Tên Tâm	Nhiệm vụ	Chú Ý
1	1	Ati	3 sát na	Hữu phần Vừa qua	<i>Tâm Quả</i>	<i>Được gọi là “nhập”, một đối tượng tác động đến dòng đời</i>
2	1	Ana		Hữu phần Rúng động	<i>Tâm Quả</i>	<i>Đối tượng đi vào dòng đời, gây rung động</i>
3	1	Eda		Hữu phần Dứt dòng	<i>Tâm Quả</i>	<i>Làm gián đoạn dòng đời,</i>
4	1	Pan	1 sátna	Hướng Ngũ môn	<i>Duy Tác</i>	<i>Thức chú ý, đưa đối tượng nhập vào dòng đời (thức chức năng) . Nếu phòng hộ từ đây, thì Tác ý sẽ hạn chế được Phi lý</i>
5	1	Cak	1 sátna	Nhân thức	<i>Tâm Quả</i>	<i>Các thức nhận và biết . Thức nhận biết là kết quả của 7 xung lực đầu tiên Suy đặc là hoạt động của tư duy, nhưng chưa tác nghiệp</i>
6	1	Sam	1 sátna	Tiếp thu		
7	1	San	1 sátna	Quan sát hay Suy đặc		
8	1	Vot	1 sátna	Đoán định, phán đoán	<i>Tác ý</i>	<i>Chính thức quyết định nhận dạng và thừa nhận đối tượng của Thọ (chức năng). Thiện hay Bất thiện do Tác Ý Khéo hay không khéo (Như Lý hay Phi lý Tác-ý)</i>
9	1	Jav	7 Sátna đồng lực	Đồng lực	<i>Duy Tác</i>	<i>Có chức năng lướt qua đối tượng, và hấp thu toàn bộ đối tượng 7 chấp xung lực này có tác động Nghiệp, có thể Thiện hay Bất thiện, tùy theo tâm Tác Ý (chấp thứ 8). Thời điểm Tác nghiệp</i>
10	1	Jav		Đồng lực		
11	1	Jav		Đồng lực		
12	1	Jav		Đồng lực		
13	1	Jav		Đồng lực		
14	1	Jav		Đồng lực		
15	1	Jav		Đồng lực		
16	1	Tad	2 sátna	Na Cảnh		<i>Ghi nhớ tất cả 17 chấp tư tưởng, .</i>
17	1	Tad		Na Cảnh		

■ **Tâm Na Cảnh (Thập Di – Tad)** : một kinh nghiệm dục giới được tâm thức ghi nhận tùy theo thái độ tâm-vật-lý của ta đối với đối tượng . Thái độ tâm-vật-lý này tùy thuộc vào tập khí bẩm sinh của ta hoặc/và tập khí thói quen của ta (tất cả những việc này đều là nghiệp đã qua, thuộc quá khứ) , được gọi là Quả của Nghiệp quá khứ . Tâm Tad là kết quả của những kinh nghiệm quá khứ của ta . Vì vậy, tâm Tad là 11 tâm Quả (3 tâm San và 8 Đại quả) .

Nếu San thọ Hỷ (đối tượng khả ái) , thì Tad thọ Hỷ. Thông thường thì tâm Tad có **cùng một cảm thọ với tâm Jav** , nhưng nếu Jav thọ Ưu, thì Tad sẽ thọ Xả (vì Tad không thể có thọ Ưu) . Đối với một người mà tâm tục sinh thọ Hỷ, thì sau tâm Jav thọ Ưu, sẽ không có tâm Tad , vì tâm bha kế tiếp sẽ thọ Hỷ . Khi ấy, tâm San thọ Xả sẽ khởi lên trong 1 sátna và được gọi là tâm khách, tâm khách quan (Aga - Agantuka-bhavanga) và trong trường hợp này, thì đối tượng của tâm Tad cũng khác với Jav .

Nếu tâm Tục sinh không thọ Hỷ, thì Tad sẽ thọ Xả và tâm bha kế tiếp theo sau cũng thọ Xả , Tâm San cũng không thể tương ưng với Sân tâm, vì San quá muội lược .

Chỉ có Alahán mới có thể chế ngự tâm Tad, và tâm Tad trường hợp này đồng tánh với Jav .

Như vậy, tâm Tad chỉ khởi lên sau những Dục giới Jav, và chỉ những chúng sinh Dục giới, những đối tượng ở Dục giới và đối tượng là rất lớn hoặc cực rõ .

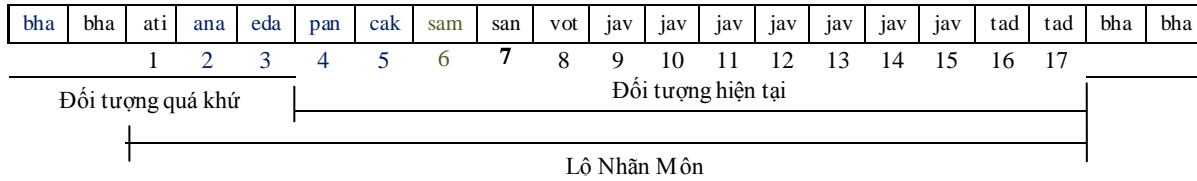
Tâm Hữu phần Khách (Aga) là 1 trong 10 tâm hữu phần Dục giới, nhưng không phải là Hữu phần cơ bản (2 San thọ Xả và 8 Quả dục giới hữu nhân)

Ngoài chót Tad , Lộ 5 môn còn các chót Hữu phần khách Aga và chót Đồng lực Jav .

Đối với chót Hữu phần Khách, tâm Tad được thay thế bằng tâm Aga nhưng Aga chỉ khởi lên chỉ 1 sátna rồi về bha .

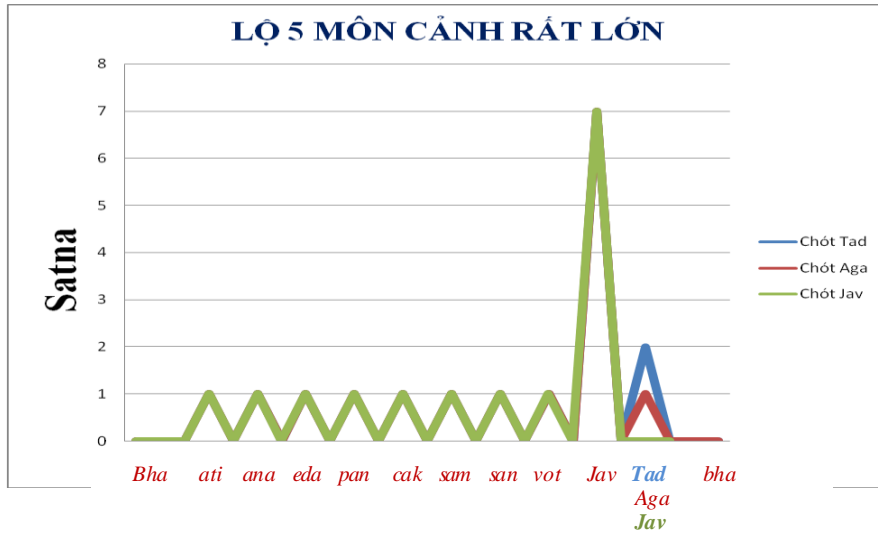
Đối với chót Jav, tâm Tad và tâm Aga không khởi, chỉ sau 7 sátna Jav, dòng tâm thức trở về bha

Đồ biểu Lộ Nhân môn , cảnh cực lớn, chót Na cảnh :



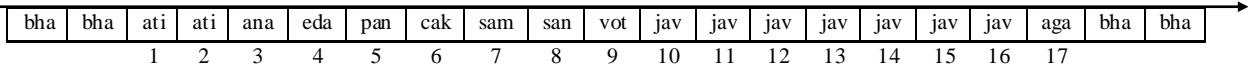
Nếu ta đặt cho dòng hữu phần một trị số là zero (0) , và mỗi sátna tâm mang trị số là +1, đường biểu diễn **giả định** sẽ có được như sau :

Lộ trình tâm qua Ngũ môn, thời bình nhật , cảnh rất lớn với 3 chót :



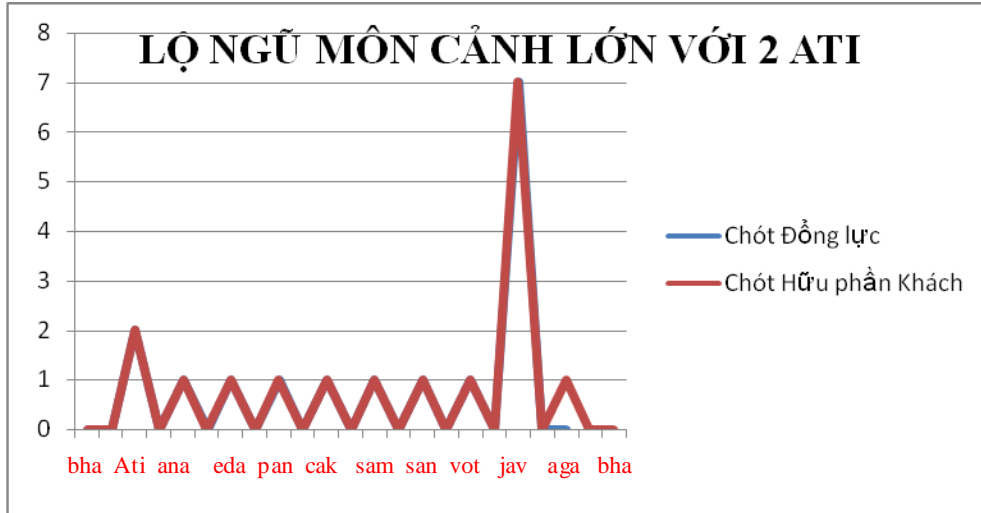
Ngoài ra, xa hơn nữa, **tâm Quan sát có thể thực hiện chức năng tâm Tad** trong trường hợp **lộ ý môn cận tử** .

Đồ biểu Lộ Nhân Môn cảnh Lớn, 2 Ati, chót Aga :

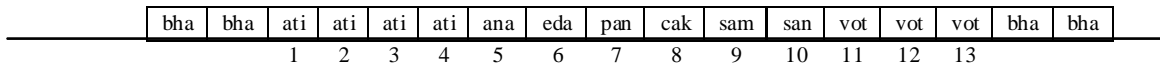


Với trị số bha là 0 và mỗi sátna là +1 , ta có biểu đồ giả định :

Đối với Lộ Ngũ Môn Cảnh Lớn, chỉ có 2 chót Tad và Jav , tuy nhiên, vì cảnh lực không mạnh mẽ bằng cảnh rất lớn, nên dòng bha phải cần đến 2 đến 3 sátna ati (đôi khi đến 4 sátna ati – trong trường hợp này, jav chỉ còn 6 sátna) mới sinh khởi lộ trình tâm được . Như vậy, có 2 lộ trình cho mỗi chót tùy thuộc 2 hay 3 Ati



Đồ biểu Lộ Nhân Môn cảnh Nhỏ, 2 Ati, chót Aga :



Đối với Cảnh Nhỏ, vì cảnh lực yếu nhiều, nên cần 4 đến 9 sátna ati, thêm 3 sátna san, mới sinh khởi được, sau sátna san cuối cùng, cảnh diệt đi, dòng tâm thức trở về bha. Vậy, có 6 lộ tâm



Lộ Ngũ Môn giống nhau cho cả 5 thức giác quan mắt, tai, mũi, lưỡi, và xúc giác (thân), khi đối tượng chuyên biệt xuất hiện trước cửa giác quan liên hệ. Lộ trình tâm thuộc 5 môn này, chỉ nhận biết sắc pháp đơn thuần mà thôi, chúng hoàn toàn **không biết, không phân biệt, không có khái niệm gì về ý nghĩa của đối tượng** ấy như thế nào. Chúng chỉ đơn thuần là cái kinh nghiệm giác quan mà thôi, không qua chế định của bất kỳ Khái niệm gì cả. Abhidamma gọi là “**đối tượng Paramattha**”.

Kinh văn nói rằng, cái “**thấy**” chỉ là cái “**thấy**”; cái “**nghe**” chỉ là cái “**nghe**”;

5.- Khi cửa tâm ý (ý môn) tiếp nhận một đối tượng tâm pháp, các chuỗi biến cố hơi khác với chuỗi trên. Ý môn là Danh-pháp, nó là tâm, tâm đi trước Man gọi là ý môn, cũng gọi là tâm Dứt dòng. Ý môn là do bởi tâm Man biết cảnh và nó cũng là Căn môn cho việc nối tiếp tiến

trình tâm, Tâm Man là Tâm Duy Tác Vô Nhân, nó không câu hành với những tâm thiện hay bất thiện, cho nên sau khi hướng đến cảnh là những tâm thiện hay bất thiện khởi sinh.

Sự hiểu biết sự vật, tính trạng, trạng thái... là sự biết của Lộ Ý Môn, hoàn toàn không phải là do Lộ Ngũ Môn. Lộ ý môn sinh khởi liên tục, và có khả năng nhận biết cả 2 đối tượng:

“paramattha và pannatti” (thực tại tối hậu và thực tại chế định). Abhidamma cho rằng:

- Khi biết đối tượng Paramattha, thì không biết đối tượng thuộc Pannatti (trí tuệ thiên)
- Khi biết đối tượng là Pannatti, thì không biết đối tượng thuộc Paramattha (trí phàm nhân)

Tâm hướng về ý môn (Man) cùng với loại tâm San trong chuỗi trên. Khoảnh khắc Man này có thể nhận biết đối tượng vừa được kinh nghiệm, (vì trí nhớ đã được tạo nên từ chuỗi trước và là những đối tượng đã được qua các tâm Sam, San), cho nên ngay lập tức, các tâm Jav hiện hành và những tâm này có giá trị luân lý đáng kể. Lộ trình sẽ ngắn đi 3 chặng Cak, Sam và San.

Ngoài ra, do bản chất của cảnh, cũng có thể có và cũng có thể không có tâm Ati. Nếu cảnh là sắc thành tựu hiện tại, thì buộc phải có Ati. Do vậy, danh pháp mạnh và nhanh hơn sắc pháp là thế.

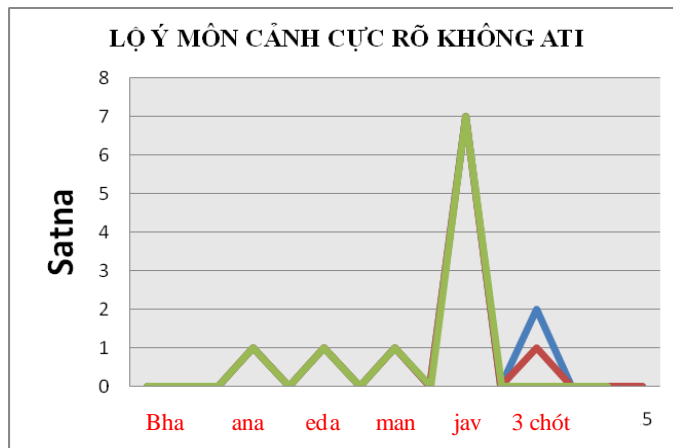
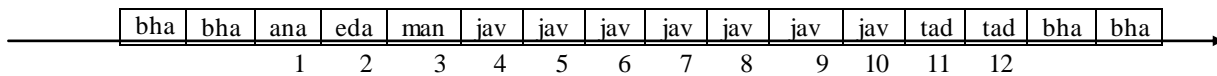
Lộ Ý môn Cảnh cực rõ, cũng như lộ 5, có 3 chót, Tad, Aga, và Jav. Và đối với Cảnh Rõ, có 2 chót Aga và Jav. Tuy nhiên, điều khác biệt, nằm ở tâm Ati:

Cảnh Cực Rõ chót Tad, không Ati, có 12 sátna tâm. Nếu có Ati theo qui luật, thì có từ 1 đến 5 sátna Ati, để tối đa không quá tổng số 17 sátna tâm. Có 6 lộ tất cả.

Cảnh cực rõ chót Aga không Ati, có 11 sátna, do vậy, khi có Ati thì từ 1 đến 6 Ati. Có 7 lộ.

Cảnh cực rõ chót Jav không Ati, có 10 sátna, khi có Ati, thì từ 1 đến 7. Có 8 lộ.

Lộ Ý, Cảnh Cực Rõ chót Tad, không Ati, có 12 sátna tâm



Đối với Cảnh Rõ, cũng tương tự,

Chót Aga không Ati, có 11 sátna, khi có Ati, thì từ 1 đến 6 Ati. Có 7 lộ.

Chót Jav không Ati, có 10 sátna, khi có Ati, thì từ 1 đến 7. Có 8 lộ.

Như vậy, **giống lộ tâm của cảnh cực rõ chót Aga và Jav**, cho thấy một lần nữa Danh pháp mạnh hơn sắc pháp.

6.-Khi lộ 5 được tiếp nối bởi lộ ý, đây là một diễn trình cực kỳ phức tạp, để nhận thức cảnh. Sự nối tiếp phải đi qua các lộ:

- **Lộ Nói tiếp**, Atitagghanavithi-citta : gọi tắt là **Lộ Ý Ati** , là lộ ý như đã trình bày trên, làm nhiệm vụ biết đối tượng quá khứ từ lộ 5 . Như ta đã biết, Lộ Ngũ biết sắc trần hiện tại, hình dáng, màu sắc,, một điểm nào vừa chấm dứt, liền tiếp theo sau ý môn một lộ tâm Ati để biết đối tượng hay cảnh quá khứ một điểm ấy . Như vậy, có bao nhiêu lộ 5 biết **cảnh hiện tại** (paramattha hiện tại) , thì có bấy nhiêu lộ ý Ati tiếp nối theo sau .
- **Lộ Thu vén**, Samuhaggahanavithi-citta, gọi tắt là **Lộ Ý Sam** : là lộ ý tổng hợp tất cả các chi tiết của đối tượng hay cảnh **của quá khứ**, nhận từ lộ ý Ati . Cũng thế, có bao nhiêu lộ ý Ati, thì có bấy nhiêu lộ Sam theo sau .

Hai lộ ý này có đối tượng hay cảnh, là **paramattha** quá khứ (vì cảnh đã diệt ngay sau khi lộ 5 biết cảnh) . Tức là còn chưa phân biệt gì cả .

- **Lộ định nghĩa**, Atthagghanavithi-citta, gọi tắt là **Lộ Ý Att** : là lộ ý làm nhiệm vụ biết attha-pannatti, là dựa vào Kinh nghiệm cảm giác quá khứ để có Khái niệm mọi chế định từ đối tượng hay cảnh từ lộ ý Sam, mà chưa có danh tự gì để đặt tên .
- **Lộ định danh**, Namaggahanavithi-citta, gọi tắt là **Lộ Ý Nam** : là lộ ý làm nhiệm vụ biết nama-pannatti, là các Khái niệm chế định về danh xưng, tên gọi đối tượng hay cảnh nhận từ lộ ý Att.

Hai lộ ý này có đối tượng là **Pannatti chế định**. Tức là đưa đối tượng hay cảnh vào hiện tượng giới .

Các qua trình trên dựa trên quá trình Xúc, Thọ, Tác ý, Tưởng, Tư .

Tuy nhiên, Lộ Nói tiếp dài hay ngắn, tùy thuộc vào chót của lộ 5 . Lộ Thu vén cũng thế, dài ngắn tùy thuộc vào chót của lộ Nói tiếp .

Trong trường hợp cảnh Thịnh Lộ Nhĩ, thì lộ Thu vén sẽ có hay không có, tùy thuộc vào sự phức tạp của âm thanh, âm sắc .

Lộ Ý nói tiếp Ati và Lộ Ý Thu vén Sam, có tâm lộ giống nhau có 12 sátna, nhưng các tâm và tâm sở tham gia khác nhau .

Lộ Định nghĩa dài ngắn cũng tùy thuộc vào chót của lộ Thu vén . Lộ Định danh dài ngắn cũng vậy, tùy thuộc vào chót của lộ Định nghĩa .

Từ lộ Định nghĩa đến lộ Định danh, tâm lộ giống nhau có 10 sátna, nhưng tâm sở tham gia khác nhau .

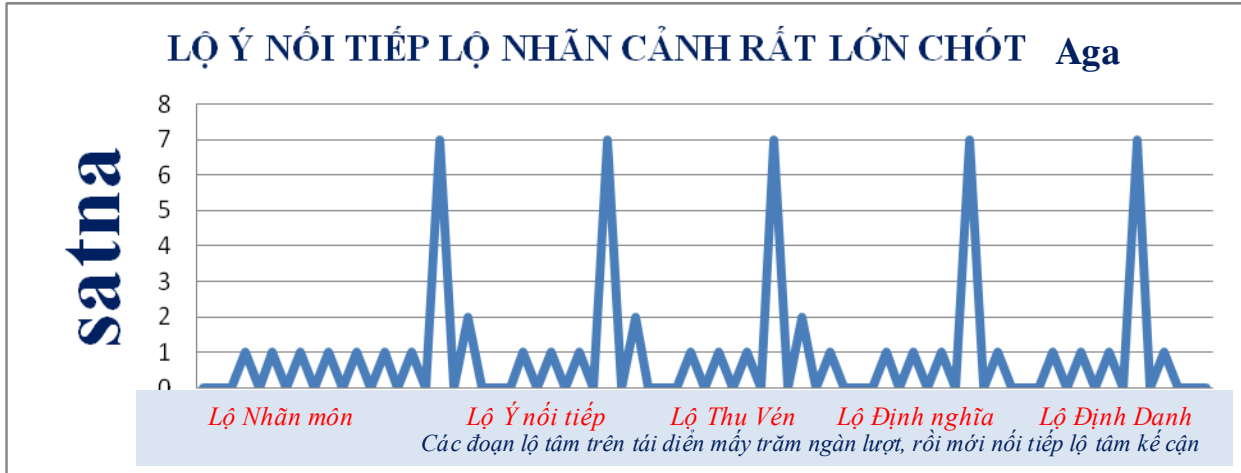
bha	bha	ana	eda	man	jav	jav	jav	jav	jav	jav	jav	bha	bha
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		

Tất cả những tâm lộ nói tiếp này, lập đi, lập lại hàng mấy trăm ngàn lượt rồi mới chuyển qua lộ tâm kế tiếp .

Như thế, các Lộ Ngũ chấp với các Lộ Ý, và tiếp tục chấp với các lộ nói tiếp về sau, đủ cho thấy tư duy của con người là vô cùng phức tạp, và từ đó, ta mới thấy Đức Bổn Sư thật sự là Thiên-Nhân-Sư .

Một tiến trình tâm giả lập tạo nên nhận thức :

Cũng như các đồ thị giả lập khác, với bha = 0 và sátna tâm = +1 :



7.- **Khi người sắp chết**, tâm hữu phần bị gián đoạn, rung chuyển trong một khoảnh khắc rồi diệt đi. Chặng dứt dòng do một đối tượng tự hiển bày tại các Môn, kết quả là Pan sinh khởi, theo sau là 5 sátna Jav vốn đã yếu đuối, thiếu sức sinh sản (năng lượng) và chỉ có nhiệm vụ duy nhất là xác định bản chất của tâm sinh khởi tiếp theo: **Tâm Tử (từ thức Cuti)**, Tâm Tử có cùng tính chất và đối tượng như tâm Hộ kiếp bha, sinh lên 1 lần rồi cuối cùng chấm dứt. Khi tâm Tử diệt, sự chết mới thật sự xảy ra, khi ấy, 3 loại Sắc: Sắc tâm, Sắc vật thực và Sắc Nghiệp, chậm nhất là sau 17 sátna, thì sẽ diệt hoàn toàn. Riêng Sắc Nam Nữ, thì vẫn tiếp tục sinh diệt cho đến khi thân xác trở thành cát bụi hoàn toàn (hoặc thiêu hoàn toàn).

Tâm lộ cận tử thông thường có 2 phương thức: Lộ 5 môn cận tử và Lộ Ý môn cận tử, Từ khi còn tục sinh. Và Lộ Niết bàn thì không còn tục sinh nữa.

Lộ 5 và Lộ Ý cận tử cùng có 4 trường hợp:

- **Jav → Aga → Bha → Cut:**

Lộ 5:

bha	bha	ati	ana	eda	pan	pav	sam	san	vot	jav	jav	jav	jav	jav	aga	aga	bha	cut
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15				

Lộ Ý:

bha	bha	ana	eda	man	jav	jav	jav	jav	jav	aga	aga	bha	cut
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10				

- **Jav → Aga → Cut:**

Lộ 5:

bha	bha	ati	ana	eda	pan	pav	sam	san	vot	jav	jav	jav	jav	jav	aga	aga	cut
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15			

Lộ Ý:

bha	bha	ana	eda	man	jav	jav	jav	jav	jav	aga	aga	cut
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10			

Trong 2 trường hợp trên, có sự xuất hiện của tâm aga, nên tâm lộ tục sinh nối tiếp sẽ có 2 sátna aga tiếp sau 5 sátna jav, tuy nhiên, cảnh của 2 kiếp không phải là một:

cut	pat	14 bha	ana	eda	Man	5 jav	2 aga	bha	bha
			1	2	3	4-8	9-10		

Hai tâm lộ tục sinh trên sinh khởi trong phạm nhân và bậc Sơ quả, Nhị quả, bởi vì các hạng người này chưa dứt diệt được Tham Dục, nên trần cảnh còn chi phối tâm, biểu hiện qua Na Cảnh Aga. Vì vậy, nên khi tục sinh cũng sẽ mang theo trần cảnh Aga. Nhưng 2 cảnh Aga khác nhau.

- Jav → Bha → Cut :

Lộ 5 :

bha	bha	ati	ana	eda	pan	pav	sam	san	vot	jav	jav	jav	jav	jav	bha	cut
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13				

Lộ Ý :

bha	bha	ana	eda	man	jav	jav	jav	jav	jav	bha	cut
1	2	3	4	5	6	7	8				

- Jav → Cut :

Lộ 5 :

bha	bha	ati	ana	eda	pan	pav	sam	san	vot	jav	jav	jav	jav	jav	cut
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13			

Lộ Ý :

bha	bha	ana	eda	man	jav	jav	jav	jav	jav	cut
1	2	3	4	5	6	7	8			

Trong 2 trường hợp còn lại này, tâm lộ tục sinh sẽ không có 2 sátna aga, nghĩa là ngắn hơn 2 sátna:

cut	pat	14 bha	ana	eda	Man	5 jav	bha	bha
		1	2	3	4-8			

Hai tâm lộ còn lại này, là tâm lộ cận tử của các bậc Tam quả trở lên, ở cõi Sắc và Vô sắc.

Tổng kết, thông thường nhất, đối với Lộ 5, có 4 x 5 môn = 20 tâm lộ và đối với Lộ Ý, có 4 tâm lộ. Chúng ta nhận thấy, các Lộ Ý cận tử đều không có Hữu phần quá khứ, bởi vì, tất cả cảnh xuất hiện tại ý môn cận tử đều là Danh pháp. Ngoại trừ trường hợp cá biệt và ngoại lệ, khi ấy sẽ có Ati.

8.-Các biện giải về tâm Lộ Cận Tử :

a) Về trường hợp Tâm Hữu phần xen vào trước Tử Tâm :

Chúng ta trở lại phần Sắc pháp, các đoàn sắc. Sắc mạng quyền gồm có 9 đoàn :

9 đoàn sắc nghiệp								
1	2	3	4	5	6	7	8	9
Nhãn	Nhĩ	Tỷ	Thiệt	Thân	Ý vật	Nam	Nữ	Mạng quyền
6 Sắc vật nương						Sắc tính		

Đây là trường hợp mà Đoàn Mạng quyền không bị hoại, chúng sinh còn tồn tại. Khi Sinh nghiệp bắt đầu muội lược, thì Sắc mạng quyền cứ 1 sátna tiêu, diệt đi một đoàn mà không sinh, cho đến khi Tử tâm xuất hiện, thì chúng chỉ còn 3 đoàn (đủ 1 sátna) để cùng diệt với tâm Tử.

Theo qui luật, Tâm Tử diệt, thì Sắc mạng quyền phải diệt theo. Cho nên kể từ tâm Tử về trước 17 sátna (kể luôn cả tâm Tử), thì sắc mạng quyền phải diệt mà không sinh.

Tuy nhiên, đời sống của Sắc pháp dài hơn Danh pháp 17 lần, nên nếu khi sátna Jav thứ 5 (hoặc sátna Aga thứ 2) diệt, mà sắc mạng quyền vẫn còn đến 6 bọn, cho nên 1 bha sinh khởi để Danh mạng quyền kéo dài thêm 1 sátna để cùng diệt với tâm Tử.

b) Tử thức chỉ thi hành nhiệm vụ báo hiệu sự chấm dứt mạng căn , và không quyết định bản chất của lần tái sinh. Các tâm Jav xảy ra ngay trước Tử thức , tạo nên một diễn trình nghiệp báo và quyết định bản chất của Kiết sinh thức (Tâm tục sinh) . Vì các đối tượng tự biểu hiện ở Ý-môn giờ cận tử , và danh pháp mạnh và nhanh hơn sắc pháp . Các Tâm Jav cận tử thường rất muội lực, yếu ớt chỉ có 5 sátna , nên cực kỳ dễ bị tác động bởi những hành nghiệp biểu hiện qua những đối tượng .

Có 4 trường hợp Chết , theo VDP :

- Thọ mạng chấm dứt
- Nghiệp- lực chấm dứt
- Cả hai trường hợp trên xảy ra đồng thời
- Chết bất đắc kỳ tử , gọi là đoạn nghiệp .

Các đối tượng tâm pháp này tự biểu hiện ở ý môn , theo thứ tự ưu tiên tùy theo cuộc sống đã trải qua . Có thể nói hành nghiệp giống như là những phản xạ có tính hình thức của những hành vi nào đó đã thực hiện trong đời sống, mà những hành vi này mang một dấu ấn sâu đậm trong tâm thức :

- a) Các hành nghiệp quan trọng , do đã làm từ trước . Các hành nghiệp này ***manh đến nỗi làm lu mờ*** các nghiệp khác . Gọi là Cực trọng nghiệp .
- b) Nếu không có những hành nghiệp trên, thì cái gì ***thường hay làm, cái tập khí, cái thói quen*** sẽ biểu hiện . Gọi là Thường Nghiệp , Tập Quán Nghiệp .
- c) Nếu vẫn không biểu hiện được nghiệp trên, thì cái kinh nghiệm trong cuộc sống tương đối gần nhất, có ảnh hưởng nhất , sẽ biểu hiện . Gọi là Cận Tử Nghiệp , nghiệp xảy ra trong thời gian gần cận với sự chết.
- d) Nếu vẫn không có những hành nghiệp trên, thì Nghiệp quá khứ sẽ trở . Gọi là Nghiệp tích lũy .

Những hành nghiệp tự biểu hiện dưới hình thức là Chính Hành Nghiệp đó, hoặc là những dấu hiệu (tâm pháp hay sắc pháp) có liên quan mật thiết với hành nghiệp ấy . “*Nếu không biết chết sẽ như thế nào, làm sao biết cách sống?*”

Từ đó, các đối tượng biểu hiện thành những Cảnh thời cận tử , được VDP lý giải như sau :

- a) Cảnh Nghiệp : là một trong các Nghiệp đã nói trên và chỉ hiện khởi qua Ý Môn.
- b) Cảnh Nghiệp-tướng : là những vật, những biểu tượng cụ thể, những hình tượng cụ thể liên quan đến những nghiệp nói ở trên . Ví dụ : con dao với nhà đồ tể ; người Mẹ đối với đứa con trai ; Hương hoa, tượng Phật đối với Phật tử tín tâm, v....v. Cảnh Nghiệp tướng khởi sinh qua cả 6 môn, tùy vào trường hợp khi lâm chung . Do vậy, việc cho người sắp chết nghe kinh đọc tụng và mùi hương hoa thường cúng dường Tam Bảo, là nhằm vào việc kích thích sự sinh khởi tâm thiện .
- c) Cảnh giới tướng (thường được gọi là Cảnh Thú tướng) : là những dấu hiệu của cảnh giới, nơi mà người sắp chết sẽ tái sinh vào . Đây chỉ là “dấu hiệu” , nên những “dấu hiệu” này sẽ kích thích sự sinh khởi những tâm thiện hay bất thiện tiềm ẩn trong tâm thức người sắp lâm chung . Cảnh này thường xuất hiện vào trạng thái “hôn mê” khi lâm chung và Cảnh này luôn là Sắc-tướng.

Vì thế, tiếp cận với người đang lâm chung , chúng ta có thể nhận thấy nét sợ hãi hoặc nét mỉm cười, hoặc những lời thì thào đứt quãng, thường thoáng nhẹ trong cơn co giật cuối cùng . Do đó, dân gian có câu : “*Mỉm cười nơi chín suối*” .

8.-Kiết sinh thức – Tâm tục sinh – Patisandhi , có nghĩa là thức nối kết (đời này sang đời khác). Là hành vi của tâm khởi lên vào khoảnh khắc thọ thai . Thức này được tâm-nghiệp cuối cùng của kiếp trước quyết định . Đôi khi , tâm tục sinh còn được gọi là “huơng âm” . Khi sắp lâm chung, nghiệp sẽ cho quả tục sinh trong kiếp sống mới, khi ấy, những “Căn” sẽ hiện khởi xen lẫn vào . Nghiệp nào có lực mạnh (nghiệp lực) và mang căn nào , thì người tục sinh sẽ mang thiên hướng về căn tánh đó .

Ví dụ như nước sông đổ vào biển, mang theo phù sa :

- Nước sông như kiếp sống cũ
- Biển như kiếp sống mới
- Cửa biển như sự nối liền 2 kiếp sống
- Phù sa như là “Căn” xen lẫn vào .

Yếu tố sinh khởi cho một “sinh-linh-có-tính-nghiệp-báo” này vận hành qua Kiết sinh thức như thế : các **khuyñh huớng** tích lũy từ nhiều kiếp trước được chuyển sang Tâm tục sinh và như thế, sinh tử luân hồi cứ thế tiếp diễn . Chính lòng khát khao hiện hữu (sinh hữu) và lòng khát ái không được thỏa mãn, là Nhân của tái sinh . Mỗi một Tâm tục sinh là một thức mới hoàn toàn, nó không phải là sự tiếp nối của thức cũ trong kiếp trước . Mỗi một Kiết sinh thức, tạo tác một cuộc đời .

Như vậy, tâm tục sinh thuộc về Tâm Tham . Trong 32 tâm quả hiệp thế, có 19 tâm làm nhiệm vụ tục sinh :

- 2 tâm Quả Quan sát Xả Thọ vô nhân (Thiện & Bất thiện)
- 8 tâm Quả Thiện dục giới hữu nhân
- 5 tâm Quả Thiện Sắc giới
- 4 tâm Quả Thiện Vô sắc giới

Ý môn là 19 tâm tục sinh , còn được gọi là Tâm Chủ (tâm chủ quan) . Khi lâm chung Tâm chủ chỉ nhận 1 trong 3 cảnh : Cảnh Nghiệp, Cảnh Nghiệp Tướng, Cảnh Sinh Thú Tướng . Một trong 3 cảnh này xuất hiện khi chúng sinh sắp lâm chung ở kiếp trước , tâm này gọi là Tâm Tử (cuti) , tâm tử tạo điều kiện cho Tâm Tục sinh sinh lên ở kiếp sau , ngay khi tâm tử diệt .

Tâm tục sinh chỉ sống 1 sátna rồi được Tâm hữu phần thay thế , ghi nhận ngay cái Cảnh đã xuất hiện ở lúc lâm chung kiếp trước .

Mỗi chúng sinh chỉ có 1 trong số 19 tâm tục sinh để làm việc tục sinh mà thôi và **tất cả các tâm tục sinh đều là tâm quả** . Như thế, việc tu tập thiện nghiệp là việc cực kỳ quan trọng .

19 tâm này điều hành cả 3 tác dụng : Hữu phần Bha , Tâm tục sinh Patisandhi và Tâm Tử Cuti . Ngoài 19 tâm này, tất cả các tâm còn lại, khi xuất hiện trong lộ trình tâm, được gọi là tâm khách (không phải hữu phần khách) .

Một khi nhiệm vụ nối kết 2 kiếp đã chấm dứt (diệt) , thì thức trong thai vừa mới sinh khởi, đã đi ngay vào trạng thái bha , ngưng nghỉ . Trạng thái bha này tiếp tục trôi chảy dọc theo kiếp mới với vô lượng vô biên lần dứt dòng bởi các kích thích , cuối cùng rồi chấm dứt và thành Tử thức của đời đó . Đó là lộ trình tâm tái sinh .

Như vậy, trong mỗi kiếp hiện tại của mỗi chúng sinh, 3 loại tâm : tục sinh, hộ kiếp, tử tâm , có cùng một loại tâm quả, có cùng một đối tượng (cảnh) cũ từ kiếp trước . **Chúng cùng không phải là đối tượng hay cảnh ở kiếp hiện tại** .

Chúng ta xem lại biểu đồ tâm lộ tục sinh có Na cảnh (cõi Dục giới, cho phàm nhân) :

cut	pat	14 bha	ana	eda	Man	5 jav	2 aga	bha	bha
	1	15	16	17					

Có 2 điều đáng lưu ý : i) Tâm lộ cần 14 sátna Bha ; và ii) Tâm lộ chỉ có 5 sátna Jav .

i) Tâm lộ cần 14 sátna-tâm Bha :

Theo qui luật, Sinh-nghiệp tạo tác Danh-uẩn và Sắc-uẩn . Khi Danh uẩn mạnh, mới có thể dung nạp cảnh mới, thời gian để danh uẩn vững mạnh, phải trải qua 14 sátna-tâm , lúc đó Sắc-ý-vật cũng đã vững .

Theo lộ Sắc, thì phải đủ 17 sátna tâm mới thành sắc-pháp , tổng số là 51 đoàn sắc . Khởi đầu tâm Tục sinh, có đoàn sắc-ý-vật sinh lên, sau đó, mỗi sátna tiều, sắc-ý-vật sinh lên 1 đoàn ; Đến hết sátna tâm thứ 17, thì đủ 51 đoàn .

Như vậy, trải từ tâm Tục sinh là 1 sátna qua 16 sátna Hộ kiếp, là đủ 17 sátna tâm (vì ana và eda cũng là một loại với Hữu phần) .

ii) Tâm lộ chỉ cần 5 sátna-tâm Jav :

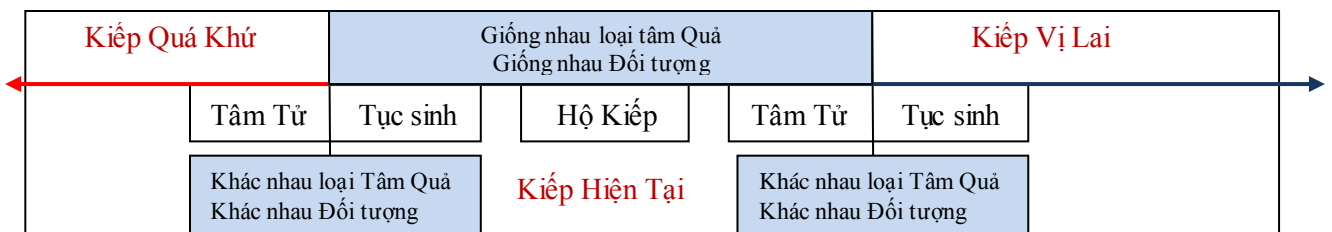
Các Danh-uẩn chỉ vừa đủ mạnh để nhận lãnh cảnh mới, nhưng không thể kéo dài thời gian lâu hơn được, vì xem như là cực kỳ sơ sinh . tâm Jav trong lộ Tục sinh này là tâm Tham câu sinh thọ Hỷ. Nó sinh khởi để làm nhiệm vụ “ưa thích” cảnh mới, kiếp sống mới. Tâm tục sinh chịu ảnh hưởng bởi Vô minh tùy miên và Ái tùy miên . Chính Ái tùy miên tạo thành Sinh hữu và Nghiệp hữu .

9.-Cảnh theo thời của Tâm Tục sinh Pat : Chúng ta thường lầm lẫn rằng Tâm Tử của kiếp quá khứ quyết định sự tái sinh, nhưng không phải thế, chức năng của tâm Tử chỉ là khoảnh khắc cuối cùng của kiếp sống . Tâm Tử là tâm Quả do Nghiệp sinh, mà Nghiệp cũng sinh tâm Tục sinh và Hộ kiếp của kiếp sống mà Tâm tử chấm dứt nó . Tâm Tử thì giống như tâm Tục sinh và Hộ kiếp, vì chúng biết cùng 1 cảnh và cùng là tâm Quả. Như vậy, 19 tâm làm nhiệm vụ Tục sinh, cũng làm nhiệm vụ Hộ kiếp và chức năng tâm Tử .

Dĩ nhiên Tâm Pat có cảnh là 1 trong 3 cảnh : Cảnh Nghiệp, Nghiệp-tướng và Cảnh giới tướng, và cũng chính ảnh hưởng của tâm Jav trong lộ tâm cận tử . Tùy theo sự hiện bày của cảnh, VDP phân ra : Cảnh quá khứ , cảnh hiện tại và cảnh vi lai ; và cảnh nghiệp và nghiệp tướng có thể là quá khứ hay hiện tại ; nhưng cảnh giới tướng, thì bất định trong 3 thời .

Khi một kiếp sống vừa chấm dứt, chính Nghiệp tạo ra một Tâm Quả Tục sinh nối liền giữa kiếp sống cũ và kiếp sống mới , tâm tục sinh này đưa chúng sinh từ cảnh giới này sang cảnh giới khác; từ cõi này sang cõi khác ; từ hình thức này sang hình thức khác, v...v. Do vậy, Cảnh của kiếp sống mới tất yếu phải khác với Cảnh của kiếp sống cũ , nhưng Căn Đế , là sự thừa tự .

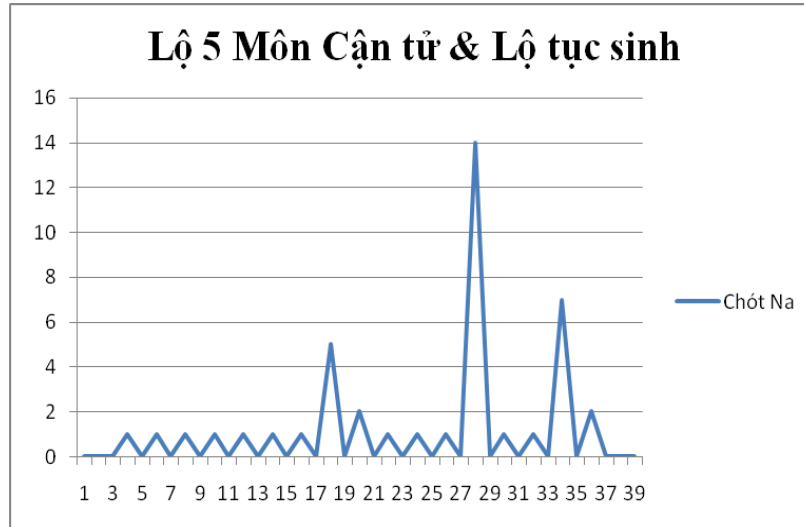
Để rõ nghĩa hơn, chúng ta xem đồ biểu thời gian :



Có một khác biệt nhỏ , về mặt Ngôn ngữ Chế định và Nghĩa Chế định, là vấn đề “thân trung ấm , trung hữu” thuộc Hữu Bộ truyền . Tuy nhiên, về mặt Chân đế , thì Không-thời-gian tâm lý là vô

nghĩa, chúng không có thực, nên phạm trù “thân trung âm” chờ 49 ngày mới tái sinh, và Tâm tục sinh nối tiếp Tâm Tử trong 1 sátna tâm, chỉ là Danh và Nghĩa Chế định về Thời gian tâm lý. Mặt khác, có những hiện tượng thuộc về “cảm xạ học” tại xứ sở chúng ta, làm cho nhiều nhà báo trên thế giới quan tâm như việc tìm hài cốt chiến sĩ, làm cho chúng ta liên tưởng đến các cõi giới khác, ngoài phạm vi các giác quan của chúng ta. Xem như tâm tục sinh đã sinh khởi về đó. Tất cả chỉ là danh từ chế định tục đế, để diễn đạt trạng thái chân đế của dòng sông sinh tử.

Do đó, một trong các phương pháp hành trì là “Tùy Niệm Chết” (trong 10 tùy niệm) để cho ta có đầy đủ năng lực Chánh Niệm, làm chủ các Căn, để tiếp cận với cái chết trong sự an tịnh.



VDP phân biệt sự tục sinh của **loài người** qua 2 loại tâm :

1. Tâm Quả Thiện Vô nhân : vì vô nhân, không cấu hữu với 3 nhân thiện, nên mức độ thiện nghiệp lực thấp hơn, nên sự tái sinh thành một người bất toàn. Thật hạnh phúc là chỉ có 1 tâm này mà thôi (Tâm Quan sát), tuy nhiên nên lưu ý rằng, vẫn có rất nhiều cấp độ thiện nghiệp lực khác nhau để tâm này quan sát.
2. Tâm Quả Thiện Hữu nhân : có đến 17 tâm, trong đó, 8 tâm thuộc về Dục giới.

Như vậy, có tất cả 20 cách Tục sinh = 19 tâm Tục sinh + 1 tâm tục sinh về cõi Vô Tướng. Bản chất của từng tâm tục sinh sẽ cho biết sinh vực mà chúng sinh tái sinh vào.

Các tâm và tác dụng nhiệm vụ trong lộ trình tâm :

	Tục sinh	Bh	Tử	Na	Q	P	K	C	T
2 San thọ Xả									
8 Đại quả									
9 Đại Quả Thiện									
1 San thọ Hỷ									
1 Man									
55 Jav									
1 Pan									
2 Sam									

Tổng quan thì chỉ có 2 tâm không tốt trong 19 tâm làm nhiệm vụ tục sinh ; riêng trong Dục giới, thì 2/8 tâm; và Sắc & Vô sắc giới có đến 9 tâm . Thật là lạc quan cho loài người, nếu biết tu tập . Việc nghiên cứu ý nghĩa chi tiết từng loại tâm tục sinh trong 19 loại này, cho ta một kiến giải về sự sai biệt của mọi kiếp người , đồng thời mang một tính triết lý cao về giáo dục tâm lý xã hội .

Ví dụ về 8 loại tâm quả thiện hữu nhân dục giới :

- Chúng có 2 thọ Hỷ và Xả : người sinh ra sẽ có hành động Thiện một cách hoan hỷ hay một cách tự nhiên .
- Chúng có 2 tương ứng : Hợp Trí và Vô Trí : người sinh ra sẽ có trí tuệ hay không .
- Chúng có 2 trợ : hữu trợ và vô trợ : người sinh ra, các hành vi quan trọng có cần nhắc bảo hay không .

Tóm lại, tất cả những chức năng của tâm trong Dục giới là :

- | | | |
|--------------|--------------|---------------|
| 1. Tục sinh | 6. Ngủ | 11. Phân đoán |
| 2. Hộ kiếp | 7. Ném | 12. Đồng lực |
| 3. Hướng môn | 8. Đụng chạm | 13. Na cảnh |
| 4. Thấy | 9. Tiếp thu | 14. Tử |
| 5. Nghe | 10. Quan sát | |

Các tâm tục sinh Pat , hộ kiếp Bha và tử tâm Cut , gọi là thoát ly lộ trình tâm, vì tâm không phát sinh trong một tiền trình danh-sắc và nó biết cảnh không tùy thuộc vào bất kỳ vật hay môn nào

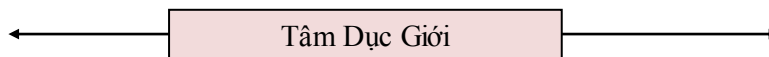
9.- Tâm cõi thiên , các tâm xảy ra qua cả 6 cửa , các tâm nhận lấy đối tượng giác quan. Tất cả thuộc về cõi Dục giới . Chúng được gọi là tâm dục giới . Các tâm cõi thiên là các tâm thức ở trạng thái nhận thiên . Đối tượng của các tâm ấy không phải là cảm thọ giác quan, nhưng là **đối tượng thiên quán qua lộ ý môn** .

Tâm cõi thiên có thể còn tùy thuộc vào vi-sắc (tâm sắc giới) , hay nếu tinh luyện hơn nữa, chúng có thể độc lập với sắc thể (tâm Vô sắc giới) .

10.-Tâm Siêu thế : lokuttara-cittas , gồm 2 chữ : loka và uttara . Loka chỉ cho Ngũ Uẩn, Uttara nghĩa là vượt quá. Sự vượt quá này được xem như là sự vượt thoát mọi ô nhiễm phiền não , mà những thứ này đã cột trói chúng sinh vào bánh xe luân hồi . Tuần tự, các ô nhiễm này bị diệt trừ khi hành giả đi qua 4 bậc tầng thiên định .

Tiến trình phát sinh tâm thiên bao gồm :

Man → Chuẩn bị → Cận hành → Thuận thứ → Chuyển tánh → Tâm thiên .



- Man : Tâm khán Ý môn biết cảnh là 1 trong 3 tướng : Vô thường, Dukkha, Vô Ngã . Nhưng tam tướng không thể thấy cùng 1 lúc, vì mỗi tâm chỉ biết 1 cảnh . Sự nhận biết 1 trong 3 pháp ấn này kéo dài 3 – 4 sátna tâm , là Tâm Đại Thiện Hợp Trí .

- Tâm Đại Thiện Hợp Trí này, là Tâm chuẩn bị .
- Nội tiếp là Tâm Cận hành
- Nội tiếp sátna tâm Thuận thứ
- Nội tiếp sátna tâm Chuyển tánh . Tâm này là sátna tâm dục giới cuối cùng trong tiến trình

Tuy nhiên, tiến trình này không là tất định, bởi vì có những phương pháp hành trì tu tập khác nhau và bởi những căn tánh hành giả khác nhau .

Như vậy, sátna cuối cùng của đời sống một A La hán thuộc về Tâm thiền, là loại tâm cõi khác, không phải cõi dục . Nên sátna cuối cùng là Tâm Tử , không còn tiếp nối bởi tâm Tục sinh là tâm dục giới : *“Nhờ Thánh đạo, nên Vô Minh diệt; Vô minh diệt thì Hành diệt; Hành diệt thì Thức diệt”* .

Sau khi đã dõi theo VDP phân tích thực tại , ta nhận thấy , thực tại chỉ là những tiến trình danh sắc sinh khởi chập chùng theo 5 qui luật mà VDP đã chỉ ra .

Loài người cũng là những tiến trình Sắc pháp, chuyển hoá nhau, truyền thừa nhau từ 5- 6 tỷ năm nay , theo khoa sinh học ; nói cách khác, từ không thành có , Không là 5 uẩn .

Và Trí tuệ của loài người là những tiến trình Danh pháp, là sự kết nối của những kinh nghiệm và những khái niệm từ 5 đến 6 triệu năm nay , theo khoa nhân chủng học . Nói cách khác, 5 uẩn cũng là không .

Nếu những tiến trình danh pháp hoặc/và sắc pháp này không được kết nối , thì loài người và trí tuệ không thể hiện tồn ; thì cái thế giới tan rã như râu chuối hạt đứt dây . Nói cách khác, thì 5 uẩn không khác không và không cũng không khác gì 5 uẩn .

*

* *

Xuyên suốt phần phân tích diễn trình tư tưởng , VDP chỉ dạy cho ta thấy một cách tổng quát diễn trình tư tưởng chung cho nhân loại , từ vô thí đến vô chung :

Con người, từ lúc sinh ra đến khi chết đi, dòng hữu phần luôn luôn bị rung động hoặc/và bị cắt đứt bởi tất cả mọi cảnh hiện tại, quá khứ cũng như vị lai , ngoại trừ những giấc ngủ say không chiêm bao. Trong giấc ngủ say không chiêm bao, dòng hữu phần lặng lẽ trôi, là khái niệm Alaya-thức .

Sự đứt dòng khi thức là cần thiết cho mọi sinh hoạt, học tập, mưu sinh trong cuộc sống. Không có đứt dòng, không có tư tưởng . Đó là khái niệm về Ý thức hay Hữu thức , tuy nhiên, nếu nó mang tính chất của sự “tự đồng hóa”, nghĩa là mang cái “tự ngã” , và “phóng chiếu”, “bành trướng” ra hiện tại và vị lai , mà ta gọi là Mạt Na thức . Những đứt dòng kiểu này không mang lại nhiều lợi ích , mà lại đem đến những phiền não và những “nút thắt, nội kết” trong tận đáy sâu nội tâm .

VDP nhận biết rằng, sátna tâm là một chập sinh-diệt của tâm, mà thời gian của 1 sátna là vô cùng ngắn, hàng tỷ lần mỗi búng ngón tay . Vì vậy, chỉ một tâm Tử Bi sinh khởi qua Bồ thí, thì hàng tỷ tâm đại thiện sinh diệt đã qua đi . Chúng đã diệt đi, nhưng năng lượng truyền trao cho nhau trong tiếp nối đã lắng đọng vào đáy tâm thức .

Cũng như thế, một Tham đắm, một Sân hận, một Si mê sinh khởi, dù thoáng qua trong ý nghĩ, thì cũng đã có hàng tỷ tâm Bất thiện sinh diệt và truyền trao chùng tữ bất thiện lại trong đáy tâm hồn. Vậy thì, vì sao ta không làm phát sinh nhiều tỷ tỷ tâm thiện trong cuộc sống ?

Nhiếp phục Thân-Khẩu-Ý là điều mà Đức Từ Phụ luôn căn dặn những ai tin hiểu Người , để làm sinh khởi Thiện Tâm, Thiện Nghiệp .

Khoa học ngày nay đã quan sát, thống kê và tóm tắt đôi điều mà ta cần suy gẫm :

- Trong thời gian con người còn trong bào thai : khoa học đã đi đến một kết luận chung là, tình trạng tinh thần lẫn vật chất của người mẹ , đã ảnh hưởng mạnh đến đứa con trong lòng . Một người mẹ nhiều “stress”, nhiều “ấn ức, dồn nén” hoặc gặp một “khủng hoảng tinh thần khủng khiếp”, có thể cho ra đời đứa con có tâm thần đặc biệt . Người mẹ dinh dưỡng không đúng cách, sẽ đem di chứng thể chất cho đứa con .

Như vậy, ta suy gẫm, diễn trình Danh-Sắc của người mẹ, qua sự trôi chảy của lộ trình tâm lúc mang thai, có thể đã tạo nên những “nút thắt” đẹp hay không đẹp trong tâm thức của đứa trẻ và góp phần vào sự sinh khởi Sắc-pháp của đứa trẻ. Ta ngẫm nghĩ gì về “thai giáo” mà Đức Thế Tôn đã khéo dạy? Và sau đó hơn 100 năm, vị Vạn thế Sư biểu Khổng Phu Tử cũng đã lập lại vấn đề “thai giáo”?

- Từ lúc lọt lòng đến khi trưởng thành, trong khoảng 30 đến 40 tuổi, toàn bộ cơ thể phát triển theo hàm số lũy thừa, nhất là khối não, không ngừng phát triển cho đến khi gần đến tuổi 30, trong khi các phần khác của cơ thể chỉ phát triển đến khoảng 25 tuổi.

Đây là sự hoàn thiện cùng lúc của cả 6 giác quan và hệ thống tâm thức, trong đó có “trí nhớ”. Do vậy, lộ trình tâm diễn ra trong khoảng thời gian này, là vô cùng quan trọng. Những “dấu ấn tâm linh, những nội kết, những lậu hoặc, những kiến thủ, v...v”, được tích tập và chôn dấu tận đáy sâu của tâm thức. Mọi Cảnh trong thời gian này là Cực rõ và Cực Tốt, do 6 giác quan trong tình trạng tinh anh nhất của cuộc đời để ghi nhận và học tập. Thời gian này, cũng là thời gian kiện toàn quá trình “tự đồng hóa”, hình thành cái “ngã”, cái nhân cách riêng biệt.

Thời gian vàng son nhất của đời người là thời gian này. Nhưng than ôi! có khi thời gian này lại tích lũy quá nhiều phiền não, nếu không khéo Chánh niệm Tỉnh giác.

- Từ khoảng trung niên đến khi bắt đầu lão hóa, khoảng 60 đến 70 tuổi, khối não bắt đầu ngưng phát triển về mặt sinh-vật lý, để bắt đầu quá trình thoái hoá trong những thập niên cuối giai đoạn khoảng 50-70 tuổi. Trong giai đoạn cuối này, hàng ngày các nơ ron thần kinh chết đi hàng ngàn hàng vạn nơ ron mỗi ngày; tóc bắt đầu bạc, da bắt đầu mồi, vết chân chim bắt đầu chạy trên khóe mắt.

Trong độ tuổi này, sự “tự đồng hóa” đã trở nên cực kỳ kiên cố, và chính trong những thập niên đầu, khoảng 30-50 tuổi, là lúc con người tạo tác nên sự nghiệp, và sự nghiệp này sẽ mang theo những hệ lụy cho lâu dài về sau. Thời gian này là chín mùi nhất cho đời người, và cũng là thời gian xảy ra nhiều biến cố quan trọng nhất cho đời người.

Đi vào những thập niên cuối, 50-70 tuổi, trong lúc, 6 giác quan đi đến thoái hóa dần. Lộ trình tâm lúc giai đoạn cuối dựa hẳn vào những tích tập, mà thế tục gọi là “kinh nghiệm sống và làm việc”, và thời gian này, cũng là thời gian kiên cố hóa các lậu hoặc, phiền não cho kiếp sau. Tuy nhiên, cũng lại là lúc thích hợp nhất cho tu tập, vì càng phiền não, càng gần gũi Bồ Đề, hơn nữa, những kiến thức tích chứa lại làm duyên cho việc tu tập và sinh khởi trí tuệ.

- Tuổi già: lúc này, người đã đứng ngoài lề của cuộc sống xã hội. Người bắt đầu suy nghiệm quá khứ; 6 giác quan đã thực sự thoái hoá: mắt mờ, tai lảng, mũi và lưỡi cũng không còn nhạy, xúc giác đã không còn bén nhạy. Con người hoặc trở nên gắt gỏng, cau có, dễ hờn giận; hoặc chỉ nhớ lại chuyện xưa, nhắc chuyện xưa..... và tiến đến “lãng trí”.

Do 6 giác quan thoái hoá, mọi Cảnh hiện trước các Môn trong hiện tiền chỉ còn là những Cảnh Mơ Hồ, cho nên tâm lộ không thể bị đứt dòng bởi hiện tại nữa. Cảnh hiện tại trở nên muội lược đối với các giác quan. Tất cả Tập khí tích lũy cùng với cả 2 khuynh hướng, tạm gọi là “nghiệp lũy tích”, đều thuộc về quá khứ. Các tập khí này, nay sinh khởi, cắt dòng hữu phân, chiếm cứ dòng tâm thức và phóng chiếu ra hiện tại và vị lai. Hệ lụy là Quá khứ chiếm ngự mọi suy tư hiện tiền của người già !!!

Vì vậy, nên Tâm Cảnh xuất hiện tại Ý môn một cách cực rõ, và chi phối lộ trình tâm của tuổi già. Tâm Cảnh này bao gồm tất cả các loại “dấu ấn tâm linh, những nội kết, những

lậu hoặc, những kiến thủ, v...v” của “ngày xưa ấy”, chúng chiếm ngự lấy dòng tâm lộ của người già .

*Các Tâm Hữu phần ngày càng kéo dài ra , thời gian đã xao lãng , quên cả ngày giờ, tháng năm ; những cảnh hiện tại muội lực nên không thể ghi thành trí nhớ , dù là chỉ tạm thời , lãng trí là thường xuyên . Thời gian và Sự kiện đã trở nên hỗn độn , mơ hồ ; hiện tượng “lú lẫn” xuất hiện . Cuộc sống của một phạm nhân đến phút cuối , có gì vui ?
Hãy thiết lập Tịnh Độ Tâm ngay bây giờ, nếu không, sẽ không còn kịp thời gian .*

*

* *

Ta đã phân tích khái quát các thành phần làm nên cái Ngũ-uẩn này , kể từ đầu phần Vật chất – Sắc-pháp – đến Tinh thần – Tâm , Sở hữu tâm , sự phối hợp tâm – và cuối cùng , là Tiến trình của Tư tưởng . Và đến lượt Tư tưởng lại quyết định cho mọi hành vi của cái “Ngũ Uẩn” này .

Ta đã thấy sự hiện hữu trên đời của ta, đã mang theo toàn bộ vốn Gen từ vô lượng quá khứ . Cái Vốn gen này, đã làm thành cái Ngũ uẩn này , chỉ khởi đầu từ 1 tế bào duy nhất, vô cùng nhỏ . Cái Ngũ-uẩn này đã sống trôi qua trên dòng sông cuộc đời với bao nhiêu sự tích tập , mà sự tích tập này đã hình thành nên Tâm thức của ta , cũng phần lớn được kích tác bởi hệ thống gen này .

Từ vô thi , ta đã là “nô lệ” của cái “Vốn Gen” này, và cũng là “nô lệ” của cái “Tâm thức” của ta trong hiện tiền . Chỉ có duy nhất một con đường để giải thoát khỏi sự nô lệ này : theo gót chân Phật .

Chương IX – NGHIỆP PHÂN TÍCH VỀ HÀNH VI & KẾT QUẢ

VDP cho thấy Sắc pháp chỉ là những tiến trình, Danh pháp cũng chỉ là những tiến trình, chúng tương sinh, tương tức nhau ; ngoài Danh, không Sắc ; và ngoài Sắc, không Danh . Những tiến trình Danh-Sắc, cuối cùng biểu hiện thành những hành vi của Thân, hoặc/và của Khẩu hoặc/và của Ý . Những hành vi này vừa là Quả, vừa là Nhân của các hành vi Thân-Khẩu-Ý khác của 3 thời quá khứ , hiện tại và vị lai , mà ta gọi chung là Nghiệp .

Các sự kiện vật chất – Sắc pháp – và các trạng thái tinh thần – Tâm pháp , đều có một trong những nguyên nhân sinh khởi chúng, đó là do Nghiệp – kamma – khởi tạo ra . Và trong tâm lộ , khi khởi đầu một kiếp sống mới , tâm tục sinh được thừa kế như một “sinh-linh-có-tính-nghiệp-báo” , mà sự tái sinh là sự trở lại đời sống mới, cao hơn hay thấp hơn đời sống cũ, chỉ là kết quả của Nghiệp quá khứ.

“Con người là chủ nhân của Nghiệp, là kẻ thừa tự Nghiệp, là quyền thuộc của Nghiệp . Nghiệp là thai tạng mà từ đó, con người được sinh ra” .

Nghiệp là thai tạng, mà từ đó con người sinh ra, và đến lượt con người, qua các hành vi Thân-Khẩu-Ý , không ngừng nghỉ tham gia vào việc tạo tác nghiệp mới , trong hiện tại và cả cho vị lai . Ta nhận thấy Nghiệp như một dòng chảy mênh mông vô tận trong không-thời-gian, dù công bằng, nhưng lại bất định, vì bản chất Nghiệp cũng là Vô thường và chịu tác động của qui luật Duyên sinh như mọi pháp hữu vi khác , kinh điển gọi một cách tổng quát là Luân Hồi . Dòng Sinh Tử chỉ là sự vận hành của dòng Nghiệp Thức .

*“Trong vòng sống chết vô tận,
Ta đi mãi không ngừng.
Từ bào thai này qua bào thai khác,
Đuối theo người Chủ ngôi nhà”
.....(Pháp Cú 153)*

Trong phần này , ta cố gắng tìm hiểu một cách cơ bản về vấn đề Nghiệp, mặc dù Nghiệp là một vấn đề hết sức tế nhị : *“Nghiệp là bất khả tư nghì” . Đức Phật đã dạy chúng ta như thế .*

1.-Kamma , trong Phật giáo , có rất nhiều nghĩa , nhưng tại đây , ta chỉ khoanh vùng trong một phạm vi nhỏ hẹp, mà thường ngày , mọi phàm nhân đều có . Đó là hành động có chú ý, một việc làm có mục đích , nói chung là hành vi . Hành vi chỉ thể hiện qua Thân-Khẩu-Ý . Phật giáo đã cho nhân loại một khoa học tối thắng về hành vi , đó là qui luật về Nghiệp .

Từ thế kỷ 18 đến nay , các bộ môn khoa học chuyên nghiên cứu về hành vi đã áp dụng vào trong nhiều lĩnh vực của sinh học tự nhiên cũng như trong các ngành khoa học xã hội .

Trong khoa học tự nhiên, các nghiên cứu về hành vi các loài vật, đã cho ta thấy ***tính mục đích của mọi hành vi*** loài vật . ***Tính mục đích là tối thượng*** , tính mục đích đó , bộc lộ sự ***“khát ái”*** đối với sự hiện hữu , đối với mọi hành động có mục đích và như là một bản năng sinh tồn . Do vậy, sự sống và hành vi không tách rời nhau . Ta không thể nghĩ là có sự-sống-vô-hành-vi . Hãy nhìn một con chim, mọi hành vi của nó đều có tính mục đích cả ; ngay cả những đơn bào – thể sơ khai nhất của sự sống – những hoạt động của chúng đều có tính mục đích .

Trong các loài sinh vật bậc cao , ***Dục – chanda*** - là một từ để diễn tả sự khát khao, mong cầu một kết quả và những khát khao này hoàn toàn nằm trong phạm vi các giác quan , nghĩa là, sự khát khao của các giác quan – dục giới .

■Chỉ cần quan sát hành vi của các sinh vật quanh ta, là đủ để hiểu rằng các hành động của chúng đều hướng về một mục đích, rằng chúng hành động là để thực hiện một “nhiệm vụ” (ví dụ: con chim làm tổ, sinh sản, ấp trứng, tìm môi, cho con ăn, v...v). Những hành vi này, không phải chỉ được chi phối bởi hệ thống di truyền, mà còn tồn tại một cơ chế bù trừ, cho phép chúng tự chỉnh sửa các hành vi để thích nghi với môi trường. (Tham khảo Nguồn gốc Tư duy & trí tuệ)

■ Một số loài sinh vật, lại có ý thức cộng đồng và sinh sống thành “quần xã”

Trong khoa học xã hội, các nghiên cứu về hành vi con người áp dụng trong Xã hội học, trong Tiếp thị học, và nhất là trong Tội phạm học, đã cung cấp cho ta những thông tin không còn nghi hoặc: Loài người không ngoại lệ.

Tính mục đích tối thượng của hành vi nhân loại xoay quanh các “nhân tố” mà VDP đã chỉ ra từ ban đầu: **Ái dục và Tà kiến** (tham ái, tham đắm, tham dục lạc, tham quyền lực, tham của cải, tham danh vọng, tham sắc đẹp bên ngoài..... nói chung xuất phát từ 3 nhân-nhân mà VDP đã phân tích) và tất cả mọi Ái dục và Tà kiến này, đều là sự phóng chiếu của cái “bản ngã”, nhằm vượt ve cung phụng cái “bản ngã”. Do vô minh (avijja, moha) che lấp, ái dục (tanha) bám chặt và nghiệp lực (kamma) thúc đẩy, mà bánh xe luân hồi luôn được xoay vần.

■ hành vi có ý thức của chúng ta do chất “nền” vô thức nào đó tạo ra. Chất “nền vô thức” này chủ yếu do ảnh hưởng di truyền mà hình thành trong tâm lý nhiều đời, truyền từ đời nọ sang đời kia, lắng đọng thành đặc tính chung của chất “nền vô thức”. Chính những đặc trưng này hình thành tư chất bẩm sinh của mỗi chủng tộc. Cái chi phối hành động của chúng ta có những nguyên nhân mà đằng sau chúng, có những nguồn gốc bí ẩn không được chúng ta chấp nhận. Tuyệt đại bộ phận hành vi hàng ngày đều do động cơ ẩn giấu đằng sau, mà chúng ta chưa quan sát thấy, dẫn tới.

2.-Hành vi hình thành: Trong sự hình thành tập tính sinh học, trí nhớ được hình thành tuần tự: từ trí nhớ ngắn hạn, đến trí nhớ trung hạn và trí nhớ dài hạn.

- Trí nhớ ngắn hạn: những hành vi, hoặc/và những kinh nghiệm xuất hiện lần đầu tiên hoặc thì thoảng xuất hiện trong dòng đời, nó để lại một kinh nghiệm tạm thời; nếu sau này, không lặp lại nữa hoặc hãn hữu, lặp lại chỉ vài lần, thì nó sẽ dần dần lãng quên. **Nhưng nó vẫn để lại dấu vết, để tái lập lại cái kinh nghiệm đã tích lũy.**

Và điều này thực sự quan trọng, vì sự kiện chỉ xảy ra khi đã có nghiệp quá khứ, mà Phật giáo gọi là chủng tử ngủ ngầm: “*Bao lâu lâu hoặc còn ngủ ngầm, nó chưa thể quấy nhiễu chúng ta, theo nghĩa nó chưa kèm kẹp Tâm của ta, hay tâm không bị ngập tràn bởi dòng cuồng lưu của nó (bộc lưu). Song, một khi nó đã hoạt hoá, nó sẽ tác hành ở mức ý thức, lúc đó, nó sẽ áp đảo tâm. Ngay cả khi chỉ ở mức ý thức thôi, nó đã áp đảo tâm rồi, nhưng một khi đã được biểu lộ bằng hành động và lời nói, lúc đó, nó đã thực sự nghiêm trọng và là một tai hoạ (gieo nghiệp). Lúc này, nó không chỉ là tai hoạ cho bản thân, mà nó còn ảnh hưởng đến mọi người mà nó tiếp xúc khi ấy (sự lan truyền tâm thức, hay sự gieo rắc các dấu ấn tâm linh).*”

- Trí nhớ trung hạn: những hành vi cần thiết trong cuộc sống đời thường, như lái xe, đánh máy vi tính, buôn bán, chế tạo sản xuất, v...v, kể cả những thói quen vừa bị huân tập, những tham đắm ngũ dục không dứt trừ được. Những hành vi này, sẽ làm sinh khởi Danh-pháp tương ưng, vì “*nghe đi đối với nghiệp; gieo thói quen sẽ gặt số phận*”. Tại đây, sẽ phát sinh những *thường nghiệp, tập quán nghiệp* của chúng ta.

- Trí nhớ dài hạn : là những hành vi mang sang từ bao nhiêu kiếp trước . Là *Nghiệp quá khứ* , là *Tích lũy Nghiệp* của chúng ta . Như con nhện tự động giăng lưới , con ve sầu kêu ve ve .

Tuy nhiên, có những hành vi ghê gớm không nằm trong phạm trù Trí nhớ ngắn hạn hay dài hạn, nhưng tính chất của nó đã làm cho Nghiệp mang một xung lực đột biến; chẳng hạn như một hành vi tội lỗi ghê gớm mà lương tâm toàn nhân loại không thể nào chấp nhận được, kinh điển gọi hành vi đó là Cực trọng nghiệp. Nếu không có Cực trọng nghiệp, con người còn có những hành vi, trên một khía cạnh nào đó, có ảnh hưởng tiềm ẩn (nội kết) mãnh liệt trong tiềm thức (mà thù thắng nhất là thường nghiệp), thì khi lâm tử, những nội kết này sẽ tạo một xung lực mãnh liệt, thúc đẩy Cảnh xuất hiện tại Ý môn cận tử để tạo Tâm Tử truyền trao năng lượng này lại cho kiếp tục sinh, kinh điển gọi hiện tượng này là Cận tử nghiệp . Cũng theo kinh điển, các Tham Ái, Dục Ái, Hữu Ái...chấp thủ mãnh liệt khi sinh tiền, sẽ có ảnh hưởng mạnh mẽ đến Cận Tử nghiệp ; điều này gần gũi trong khoa Tâm Phân học Tây phương , nói về các “mặc cảm bị dồn nén” hoặc “dục tính bị dồn nén” .

Qua nhiều kiếp sống , trí nhớ trung hạn có thể trở thành trí nhớ dài hạn ; trí nhớ ngắn hạn do nội hoặc/và ngoại cảnh, buộc phải kéo dài, cũng có thể trở thành trí nhớ trung hạn . Loại trí nhớ dài hạn sẽ trở thành thông tin di truyền mang sang các đời sau , để thích nghi với môi sinh và cho sự tồn sinh .

Tiến hoá của các loài cũng là một sự thay đổi về mã di truyền, trong đó các trí nhớ dài hạn về hình thái và tập tính được trao truyền . Có những chủng loài đã diệt vong , có những chủng loài còn may mắn tồn sinh , nhưng hầu như tất cả mã thông tin sự sống này, vẫn còn chứa đựng trong hệ di truyền của những chủng loài còn tồn sinh . Hệ mã di truyền của nhân loại chứa khoảng 98% các mã di truyền của tất cả mọi loài động thực vật .

Có những nguyên do ngoại cảnh, mà trí nhớ dài hạn đã thay đổi, hãy xem một vài ví dụ : Bệnh Hồng cầu hình liềm, ở Phi châu, nơi mà bệnh sốt rét đã truyền qua bao triệu năm – là sự chia xẻ Nghiệp lẫn nhau giữa loài Anophenae , Falciparum , Homo-sapiens và cả hệ sinh thái ở đây ; hoặc giả , sự bùng phát đại dịch toàn cầu HIV/AIDS ; sự bùng phát dịch Ebola, H5N1 hay SARS,

Như vậy, so sánh với tập tính sinh học trên, ta thấy những nghiệp quan trọng chính là những thói quen . Do vậy, mà Đức Phật dạy ta phải hành trì miên mật các giới luật, các Ba La Mật để hình thành thói quen qua nhiều đời , nhiều kiếp hầu chuyển được nghiệp , là chuyển Thiện Nghiệp từ trí nhớ trung hạn thành trí nhớ dài hạn .

3.- Khái-niệm và Kinh-nghiệm mà ta đã đề cập ở phần đầu , đã “*mặc định ra những thực tại chủ quan, chúng thuộc về pháp Hữu vi . Sáu giác quan của ta đã mặc định cái thế giới như thế này*” .

Có rất nhiều tên gọi khác nhau , chúng chỉ một vài phần hoặc/và một vài tính chất hoặc cả hai , cho các Kinh-nghiệm và Khái-niệm này : Kiệt sử, Tập khí , Lậu Hoặc , Nội kết , Phiền não, Chủng tử, Quảng chứa nhóm khổ đau, Ô nhiễm tùy vào hoàn cảnh mà nó biểu hiện .

Nói cách khác, ta tạo ra thế giới mà ta sống trong đó , từ vô thi đến nay .

Như vậy, Nghiệp như là một sản phẩm của Tâm , là một sản phẩm thoát thai từ mọi trạng thái tinh thần và tư tưởng , nó chính là một năng lượng vô hình đích thực và duy nhất trong dòng tâm lộ , nó diễn ra từ vô thi đến vô chung . Từ đây, ta nhận biết rằng Tâm Tử - cuti – chính là tàn dư của năng lượng này , nó đã nhen nhóm lên ngọn lửa tồn sinh – tâm tục sinh – cho một kiếp sống mới . Nghiệp cũng chỉ là những tiến trình danh sắc , nhưng khi nó diệt đi, nó để lại dư tàn năng lượng nhen nhóm lên ngọn lửa Quả vị lai .

Các hành vi thời bình nhật của ta, có thể đem lại cho ta kết quả ngay trong thời bình nhật này, gọi là hiện báo nghiệp; nếu các kết quả lại xảy ra trong đời kế tiếp ngay sau đời hiện tại, gọi là Sinh báo nghiệp. Còn xa hơn nữa, Hậu báo nghiệp. Tuy nhiên, Nghiệp là bất định, nó có thể vô hiệu lực trong một không hoặc/và thời gian khác biệt, bởi sự xen lẫn của những nghiệp lực khác mạnh hơn; nhưng sớm muộn gì, cũng phải cho ra quả tương ứng nào đó mà thôi.

Những hành vi, kinh nghiệm và khái niệm cá nhân tạo nên **Nghiệp riêng – Biệt nghiệp**. Những Kinh nghiệm và Khái niệm chung của một quần thể, hành vi của quần thể, cũng tạo nên một **Nghiệp chung, Cộng nghiệp**.

Trên thực tế, cộng nghiệp tạo thành thế giới mà trong đó, mỗi một cá nhân, ngoài phần chia sẻ cái cộng nghiệp này, còn phải nhận lãnh phần biệt nghiệp của chính họ nữa.

Hãy nhìn nền hành chánh của nước Mỹ hiện nay và 300 năm trước, và cuộc sống từng cá nhân sai biệt trong lòng xã hội đó, để thấy sức mạnh chi phối của cộng nghiệp và biệt nghiệp.

Hãy nhìn và so sánh các các “xã hội toàn diện” của Hongkong, Singapor, Bắc Kinh, và China Town ở New York, để thấy được sức chi phối của cộng và biệt nghiệp ghê gớm như thế nào đối với người Trung Hoa.

■ *Trong một quần thể, mỗi tình cảm, mỗi hành vi đều có tính lây nhiễm (lan truyền), tính chất lây nhiễm này thậm chí có thể khiến cho cá nhân cam tâm hy sinh tư lợi cá nhân để bảo vệ lợi ích tập thể ...*

■ *....bất kể những cá nhân hợp thành quần thể tâm lý ấy là những ai, bất kể lối sống, nghề nghiệp, tính cách và trình độ hiểu biết của họ ra sao, khi họ đã hợp thành một quần thể, thì họ sẽ bị chi phối của tâm lý tập thể, khiến họ hoàn toàn khác với khi họ là những cá nhân độc lập*

■ *Một người trở thành thành viên trong một tập thể có tổ chức, chỉ riêng việc ấy đã khiến anh ta tụt mấy bậc thang văn minh. Khi sống riêng lẻ, có thể anh ta là một quân tử có tu dưỡng; nhưng khi sống trong một quần thể, anh ta trở thành mọi rợ, một người hành sự theo rung động bản năng.*

■ *do vậy ... cá nhân hoàn toàn mất năng lực phê phán trong quần thể, cuối cùng rơi vào vòng xoáy tình cảm như thế. Trong quá trình này, cá nhân này kích thích tình cảm cá nhân khác, cứ như thế, sự tác động lẫn nhau qua lại này làm cho phụ tải tình cảm của một cá nhân trong quần thể bị gia tăng lên rất nhiều.*

■ *Kết quả nghiên cứu điều tra một cách kỹ lưỡng nhất chứng minh rằng, một cá nhân đã thâm nhiễm lâu ngày đời sống quần thể, chẳng bao lâu sẽ phát hiện mình đang ở trong trạng thái đặc thù do ảnh hưởng của sức hút quần thể tạo ra, cũng có khả năng do những nguyên nhân chúng ta chưa biết tạo ra*

Hơn nữa, theo Duy thức, mọi vật thể và các dữ kiện không chỉ là những cấu trúc tâm thức thuần túy, mà chúng lệ thuộc hoàn toàn vào tư duy như thế nào của ta. Bởi vì, nếu không thế, thì trắng có thể là đen và ngược lại. Vì thế, ta cần phải thừa nhận cái kinh nghiệm của giác quan nội tại.

4.-Điểm tích cực và lạc quan của Phật giáo, là cho dù Nghiệp chung và Nghiệp riêng như thế nào đi nữa, ta vẫn có thể duy trì một ưu thế tuyệt đối của ý chí tinh thần trong việc sửa chữa, chuyển hoá nghiệp đó. Phật giáo đã giải quyết một vấn đề đạo đức mà trong lịch sử văn minh nhân loại không bao giờ giải quyết được. Bởi vì, phần lớn những sự kiện chính xảy ra trong cuộc đời là do Nghiệp tác động, **nhưng không phải là tất cả**. Thiện nghiệp có thể thay thế cho Bất thiện nghiệp, và Thiện Nghiệp lực có thể xen ngang thay thế vào Bất thiện nghiệp lực, mà duyên hệ gọi chúng là đủ duyên (sampatti) hay thiếu duyên (vipatti).

Ta nên phân biệt điều kiện (nhân duyên và duyên hệ) đối với các Tâm Dị thực, Tâm quả, với những điều kiện đối với Tâm Thiện hay Bất thiện. Nghiệp tích lũy được, sẽ tạo ra dị thực hay quả báo, chỉ là một loại điều kiện nào đó. Những khuynh hướng dựa vào đó, mà các Tâm sinh khởi, lại là một loại điều kiện khác. Như vậy, ***có rất nhiều tập hợp nhân-duyên và duyên-hệ can dự vào cuộc sống của ta. Vấn đề là nhận ra được những điều kiện và tạo ra những điều kiện để thay đổi từng tập hợp, đúng theo qui luật vận động của chúng.***

VDP phân tích cho ta các trường hợp :

- Bốn sampatti (đầy đủ duyên hệ) :
 - Tái sinh túc duyên – Gati-sampatti : để tái sinh vào cõi thích hợp
 - Tướng túc duyên – Upadhi-sampatti : để có được thân tướng đẹp đẽ
 - Thời túc duyên – Kala-sampatti : để sinh đúng thời
 - Phương tiện túc duyên – Payoga-sampatti : để có được đầy đủ tri tuệ.
- Bốn vipatti (khiếm khuyết duyên hệ) : là tái sinh với bốn hoàn cảnh trái ngược lại, nghịch đảo lại với 4 điều trên.

Tất cả các trường hợp trên xen kẽ nhau, đan xen nhau, có nhiều mức độ khác nhau, tùy thuộc mỗi duyên hệ, để phối hợp nhau, mà có con người, không ai giống ai, mà vẫn duy trì được ngọn lửa tục sinh từ dư tàn của tâm Tử.

Khi ta hiểu được các khuynh hướng đã tích tụ trong vô lượng quá khứ, đã chi phối hành vi của ta thời hiện tại, thì ta sẽ bớt đi sự “ngã mạn” trong ta, và thành tâm, tín tâm hơn để nghiên cứu thấu đáo giáo lý của Đức Phật và nhất là giữ Chánh niệm về mọi hành vi đang diễn ra trong thực tại hiện tiền.

Thiện Nghiệp là sản phẩm của trạng thái tinh thần thiện, và muốn cho trạng thái tinh thần được hoàn thiện, ***nhất thiết phải hiểu biết sâu sắc nhất những động lực sâu kín nhất trong tận đáy của tâm thức chúng ta.*** Nếu không nhìn được tận đáy tâm hồn, thì trạng thái tinh thần của chúng ta không thể gọi là hoàn thiện một cách chân chính được.

Người nhiệt tình làm việc thiện hay công tác xã hội, có thể nào tự nhận thấy một cách thực sự cái động lực sâu kín đằng sau hành vi của mình hay không? Động lực đó là sự ưa thích được tặng bực? được ưa thích sai bảo người khác làm việc thiện? ưa thích được dạy dỗ người khác về thiện? Hay là một mặc cảm bù trừ vào những sân hận, căm phẫn, mà chính mình đã gặp phải trong cuộc đời, để làm ra vẻ tự trọng và trọng nhân, để bộc lộ ra lòng yêu chuộng công bình xã hội? Hay mỹ miều hơn, bọc dưới một lớp áo “thăng hoa”?

Chúng ta là nạn nhân trong căn nhà nghiệp chướng giống như địa ngục lửa do chính tâm thức chúng ta tạo ra. Song tâm thức chúng ta cũng là người linh cứu hỏa duy nhất có khả năng tạo ra khác biệt. Chúng ta có chọn lựa, chúng ta có thể tự cứu lấy bản thân.

Sự tự đào sâu trong đáy tâm hồn sẽ cho ta thấy được sự không hoàn hảo, sự bất toàn thiện của tâm hồn; vì thế, có một “cái gì đó”, nó ngăn trở ta, không cho ta thấy quá rõ về bản thân của mình. Đó là cái “ngã” (còn được gọi là Manas – Mạt Na thức), là “Ngã Ái chấp tàng” mà ta đã phân tích xu hướng của nó : Xu hướng **Ái** (tanhā-abhinivesa) và Xu hướng **tà kiến** (ditthi-abhinivesa).

Những khuynh hướng quá khứ với đủ các loại phiền não đã được tích tụ từ quá lâu dài, nó nhen nhóm ngọn lửa tục sinh cho đời hiện tại với những nỗi phiền muộn tương tự. Nhưng khi Chánh Niệm Tỉnh thức được tích tụ nhiều hơn chúng, thì phiền não dần tan đi, ánh sáng trí tuệ xua tan đi bóng tối Vô minh.

4.- **Hành vi con người có 2 dạng : hành vi hữu thức và hành vi vô thức .**

Hành vi Hữu thức : Có những hành vi có tính cố ý , có tính chú ý, VDP diễn tả tính chất này là các **Sở hữu Tư (cetana)** và **Tác Ý (manasika)** , những tâm-hành . Hành vi này có tính sáng tạo, tạo tác , chúng đã tạo ra thế giới . Hãy nhìn trạm không gian vũ trụ để thấy sức mạnh của sở hữu Tư và Tác ý . Hãy nhớ lại các lò thiêu người của Đức Quốc Xã , để thấy sức mạnh của Sở hữu Tư và Tác Ý .

Từ đây, Nghiệp và Hành vi , được dùng với cùng một ý nghĩa . “*Ý chí, chủ ý – cetanāham -là những gì Như Lai gọi là Nghiệp*”

Hành vi Vô thức : là những hành vi có tính phản xạ, tính phản ứng vô ý thức , không cố ý . Dĩ nhiên các hành vi loại này, cũng là những Quả của Nghiệp quá khứ , là sự di truyền của loại trí nhớ dài hạn và trung hạn , mà nay chúng xuất hiện dưới dạng những tập tính , tập khí, thói quen vô điều kiện . Tuy nhiên, gọi chúng là Vô thức không có nghĩa là Vô-Tội , chúng thực sự có nghĩa là “*chưa kịp ý thức*” .

Sở hữu Tư đi kèm với tất cả các tâm, ngoài nhiệm vụ điều phối, nó còn nhiệm vụ là “muốn” thức đầy hành vi theo khuynh hướng luân lý đạo đức, để tạo ra một kết quả tương ứng về sau – nghiệp – dưới dạng tâm tục sinh ở các cõi giới khác hoặc dưới dạng những tâm quả sinh diệt từng sátna qua lộ trình tâm trong cuộc sống hiện tiền . Trở lại phần Duyên sinh, Tập hành duyên liên hệ đến tâm nghiệp – kamma-citta, là tâm tạo tác nghiệp – trong đó, là một chuỗi tâm Jav - javana – đồng lực , cái trước làm duyên cho cái sau , đó là sự lặp lại , sự hình thành trí nhớ và thói quen : *Gieo hành vi, sẽ gặt thói quen ; gieo thói quen , sẽ gặt tính cách ; gieo tính cách, sẽ gặt số phận*” . Sở hữu Tư đồng sinh trên từng sátna trong lộ trình này . Tiến trình này , là Nghiệp.

Tâm tục sinh và các sở hữu đi kèm theo, là quả của nghiệp quá khứ . Tại cõi mà nơi đó , danh và sắc cùng tồn tại, thì nghiệp tạo ra danh sắc ngay từ sátna đầu tiên của cuộc sống . Trên tiến trình sự sống, nghiệp cũng tạo tác mọi danh sắc khác như các giác quan, căn, thức để tiếp nhận cảnh trần, theo nghiệp lực và nghiệp cảm . Nhưng đây không phải là tất cả , chỉ là một trong 4 nhân sinh khởi và là 1 trong 5 qui luật .

Trong cuộc sống hiện tiền, **Sở hữu Tư (cetana)** và **Tác Ý (manasika)**, **Nhất hành tâm (ekaggatā)**, là một sự thúc dục trong tâm, là một dấu hiệu đi trước bất cứ một hành vi nào. Nghĩa là, nó có quan hệ đến các cấp độ Trí nhớ của ta .

Khi ta quan sát và nhận diện được từng ý muốn xảy ra trong ta, ta sẽ có sự tự do chọn lựa (tác ý – manasika), làm theo nó hay không làm theo nó. Còn nếu ta không nhận diện nó, ta sẽ hành động như một cái máy . Cái ý muốn đó, là “tánh nét”, là “bản chất”, “bản năng”, “bản ngã”, là Tập khí của ta.

Trong thường ngày, ta có những bước trượt dài của vô thức, những câu nói lỡ lời, những nghĩ suy không còn an tĩnh, những hành động vọng động... Phải hết sức quan tâm đến những tập khí trong ta , những thói quen phản ứng mù quáng, vô minh của ta .

Thói quen, cho dù hữu thức hay vô thức, tất cả đều là quả của các tâm, các Tâm thiện và bất thiện xuất phát từ 6 nhân, mà VDP đã phân tích trong các phần trên : Tham, Sân, Si và Vô tham, Vô sân, Vô si .

5.-**Tác thành Quả và Báo :** Ta hãy nhớ lại những nguyên tắc cơ bản của VDP :

- Không có gì sinh ra, mà không có nguyên nhân
- Không có gì sinh ra, mà chỉ **do một** nguyên nhân

- Không có gì sinh ra, mà không có **tác động**
- Không có gì tồn tại qua một thời khắc (Sátna)

Như vậy, những sự kiện xảy ra thường ngày là những kết quả của hơn 1 nhân tạo ra . Những sự kiện trọng đại xảy ra , phần lớn do nghiệp là yếu tố sắp đặt trước, tuy nhiên, nó vẫn chưa thể là kết quả, nếu không có sự tham gia của những nhân khác . Những nhân khác đó , là những **phản ứng của chính ta** đối với sự kiện ấy .

Đó là một sự xung đột giữa ta và ta , giữa Thiện và Ác trong ta, là sự lựa chọn giữa ý chí tự do và các hành nghiệp của ta .

Nhìn lại Duyên sinh : trong diễn trình danh-sắc, có các yếu tố thuộc về kiếp trước, nơi đó các hành nghiệp do vô minh làm duyên , mà trong duyên hệ gọi là Nghiệp duyên Kamma-paccaya .

Thân thể này - Danh-sắc - là sự biểu hiện của nghiệp quá khứ , như là bản hữu chủng tử theo một cách gọi khác , cung cấp các duyên tiếp theo cho sự khởi sinh Tâm thức qua các hoạt động trong suốt cuộc sống. Xuyên suốt dòng sông cuộc sống , các kinh nghiệm & khái niệm được tiếp tục tích tập , như vừa là kết quả tất yếu của nghiệp quá khứ (mà nghiệp quá khứ đó được biểu hiện qua các Ngũ song thức , Thọ, Tưởng, Tư tâm sở) – như vừa là chính các **phản ứng của ta đối với ngoại cảnh** (là quả duyên) . Tương tự như là tân huân chủng tử vậy . Đến lượt mình , các hành vi trong thời bình nhật sẽ là duyên cho một dị thực quả trong vị lai .

Nghĩa là các hành nghiệp của ta trong quá khứ (kamma Sankhāra) cũng chính là nhân cách của ta trong quá khứ ; và nhân cách này được qui định bởi **Tư tâm sở trong đời hiện tại** của ta (có thể tạm gọi là tính nết của ta hiện tại) . Từ đây, ta cảm nhận rõ rệt thêm ý niệm về Luân Hồi .

Như thế , những hành vi vô thức lẫn hữu thức của ta , cuối cùng vẫn là những Kamma .

Ngoài ra, từ các vòng Cộng nghiệp, luôn cung cấp thêm cho ta những ngoại duyên, để tác thành những quả tương ứng chung giữa Cộng và Biệt nghiệp . Hãy nhớ lại phần Tâm thức, ta vẫn còn nhớ các Tâm Vô Trợ và Hữu Trợ . Sự trợ giúp, thúc đẩy, xúi dục , nằm hoàn toàn trong các hành vi Thân-Khẩu-Ý của 2 Thân , Tự thân và Tha thân . Tha thân chỉ cho mọi tác động từ vòng Cộng Nghiệp trong Y báo mà danh-sắc này hiện tồn . Điều này nói lên rõ rệt sự tương ứng tất yếu giữa Cộng Nghiệp và Biệt Nghiệp . Hãy luôn nhớ rằng, Cộng và Biệt không phân ly .

Như vậy, Nghiệp là qui luật thiết yếu của tiến trình trở thành này , hay nói cách khác Nghiệp chính là tiến trình trở thành (sinh hữu, ái hữu) , không có người tạo nghiệp .

Vấn đề này, làm ta liên tưởng đến các chu trình sinh học : trái đất nhận năng lượng từ mặt trời; năng lượng này tạo thành chu trình nước. Chu trình nước , đến lượt nó, làm thành các chu trình Charbon và Nitrogenous ; và dòng sông sự sống cứ theo các chu trình này mà tiến hoá .

6.-Vào thời điểm cuối cùng của kiếp sống, tâm cuối cùng là Tâm tử , nó được truyền trao năng lượng , thông tin về những khuynh hướng ngủ ngầm , vừa có sẵn trong vô lượng kiếp trước – như là hệ di truyền tập tính . Tâm tục sinh là kết quả của những hành vi , những Nghiệp , như Cực trọng nghiệp , Thường nghiệp, Tích lũy nghiệp hay Cận tử nghiệp (một loại thói quen hành vi biểu lộ mạnh mẽ và gần nhất trong cuộc sống) .

Tâm tử được nối tiếp bởi tâm tục sinh , nên kiếp sống này, có những sở thích , những cảm nhận và phản ứng khác nhau ; vừa được huân tập trong toàn bộ kiếp sống này – như là sự học tập sinh học .

Trở lại thời điểm đầu tiên của kiếp sống, mà ta gọi là tái sinh, nó là một danh từ tục đế, chỉ có danh và sắc sinh diệt tương tục . Ở bất kỳ khoảnh khắc nào của đời sống , cũng đều hiện hữu

đanh và sắc . Và ở vào khoảnh khắc đầu tiên của sự sống, đanh và sắc cùng sinh khởi, tâm sinh khởi lúc đó, là tâm tục sinh . Đanh và Sắc hiện hữu đều do Nghiệp Duyên sinh . VDP dạy rằng, không có gì sinh khởi mà không có nguyên nhân và không chỉ 1 nhân. Tâm tục sinh cũng phải có hơn 1 nguyên nhân, và nguyên nhân đó , phải là quá khứ đối với nó .

Vì con người khác nhau, tạo nghiệp khác nhau , nên sự tục sinh cũng rơi vào những hoàn cảnh khác nhau . Những cấp độ **khác nhau** trong **cá tính** và trong **hoàn cảnh**, tùy thuộc vào những cấp độ tạo nghiệp trong quá khứ .

Chúng ta tái sinh là để tiếp nhận những kết quả của những hành vi quá khứ của chúng ta : chúng ta thấy, nghe và biết trần thế qua các giác quan mà nghiệp quá khứ tạo tác . Cho nên, có những hành nghiệp quá khứ mạnh mẽ, chúng thôi thúc hành vi của chúng ta một cách đặc biệt gần như không thể cưỡng lại được; nhưng những thói quen tư duy và thói quen hành vi của ta trong hiện tại cũng có thể hãm bớt lại cường lực những thôi thúc ; hơn nữa, còn sự tác động của các Duyên nữa . Cho nên, chính trong sátna quyết định, không chắc chắn rằng loại hành nghiệp nào sẽ chiếm ưu thế .

*Ta lưu ý, kiếp sống hiện tiền do Nghiệp tạo ra, nhưng **Nghiệp là bất định**, cho nên, ta không thể biết được cái Nghiệp nào trong vô lượng quá khứ trao truyền cho Tâm Tục sinh này . Nhưng ta biết, đã có Nghiệp, thì tất có Quả, vấn đề là đủ Duyên ở không-thời-gian nào mà thôi .*

7.-Các Vòng Cộng Nghiệp : Những điều trên , làm ta liên tưởng đến Chánh báo và Y báo, Cộng nghiệp và Biệt nghiệp . *Cộng Nghiệp, Biệt Nghiệp đều nằm trong cái gọi là “quảng chứa nhóm đau khổ” này ; mà từ đó các khái niệm Nghiệp chiêu cảm, Nghiệp cảm, Y báo, Chánh báo, Tâm thức cộng đồng, Tâm thức cá nhân ... đã được thuyết minh .*

Trở lại sự sống sinh học , mỗi chủng loài do thích nghi được , sẽ tồn sinh trong một không gian giới hạn, gọi là một hệ sinh thái . Đây là vòng cộng nghiệp tương đối gọi là lớn nhất cho mỗi chủng loài . Loài người thì chia làm các vùng khí hậu, lại chia thành dân tộc, lại chia thành tôn giáo, lại chia thành quốc độ , v...v. , tùy thuộc vào Nghiệp cảm và Nghiệp chiêu cảm , y báo và chánh báo . Càng chia chẻ, thì lại càng tích chứa nhiều hệ lụy khổ đau .

Trong cuộc sống, chúng ta tất yếu phải có rất nhiều tiếp xúc hàng ngày :

- *Tiếp xúc với mọi người thân trong gia đình , trực hệ , bàng hệ , hôn nhân thân tộc , v.....v.*
- *Tiếp xúc với nhân quần, xã hội : trong nghề nghiệp, hội đoàn ; trong bạn bè ; trong các phạm vi nhóm , quần thể khác .*
- *Tiếp xúc với mọi cảnh vật , môi trường chúng quanh*
- *Tiếp xúc với thâm tâm , ký ức , nội kết , v.....v , trong ta .*

Những tiếp xúc lớn nhỏ có; nhiều người , ít người có ; đã hành hoạt do duyên từ các vòng cộng nghiệp , do Nghiệp của Ta chiêu cảm , và do tương ứng với Nghiệp của mọi đối tượng mà ta tiếp xúc ; và ngược lại .

Những tương tác này , cho dù , chỉ là thoáng qua, hay trực tiếp, hay gián tiếp, hay thân thiết , hay sơ giao , nhưng tất yếu , những phần Biệt Nghiệp , Cộng Nghiệp sẽ được hành hoạt và xé chia trong 3 thời quá khứ , hiện tại, vị lai ; dù thoáng qua nhẹ nhàng, hay rắc rối ru não.

Và cũng tất yếu , những Nghiệp sinh khởi trong Thân hay Khẩu hay Ý lúc đó của mọi người trong vòng cộng Nghiệp lớn nhỏ , đều để lại dấu vết . Dấu vết này luôn tồn tại , và người gieo , kẻ nhận sẽ gặp lại chúng trong vị lai , tùy theo Nghiệp lực. Dấu vết này khi gặp lại, là Quả của Nhân đã được gieo , là Báo của Nghiệp đã làm .

Dòng tâm thức cá nhân trôi chảy trong cuộc đời , luôn chịu ảnh hưởng bởi những năng lượng tiềm tàng từ vô thi ; và đồng thời cũng chịu tác động của các dòng tâm thức của nhiều cá nhân khác đan xen vào nhau , dệt nên cuộc đời ; cộng với sự tác động cưỡng chế của dòng cộng nghiệp nơi dòng đời đang trôi chảy . Tất cả, đã tạo nên một sự phức tạp của một mạng lưới “trùng trùng duyên khởi” cho mọi sự vật và hiện tượng trong cõi Dục chúng ta : “...*này Anada, nếu không có Nghiệp chín mùi trong Dục giới, thì Dục giới có xuất hiện không ? – Chắc chắn không, bạch Thế Tôn*” .

Tất cả những hành vi của ta, tùy vào từng trường hợp, tùy vào từng tính chất thiện ác, tùy vào sự nghiêm trọng , tùy vào dấu vết để lại trong Cộng nghiệp , mà VDP đã phân biệt ra nhiều loại và nhiều mức độ Nghiệp khác nhau , và tích lũy nghiệp đã tương đối có ảnh hưởng nhiều nhất : “...*vì như người bỏ nhúm muối vào ly nước nhỏ; bây giờ, nhúm muối ấy bỏ vào sông Hằng*” Nước trong ly hay nước sông Hằng, do chính ta quyết định để tích lũy cái Nghiệp mà ta lựa chọn .

Như thế, nhân cách của một con người là sự tổng hòa của 1) Nhân cách quá khứ ; 2) Nhân cách Cha Mẹ và gia tộc ; 3) Sự tích lũy kinh nghiệm trên đường đời . Và Nghiệp sẽ tất yếu được tạo ra theo nhân cách ấy .

Theo thường tình , lúc ta nghĩ về những mối bận tâm của riêng mình so với các mối quan tâm của người khác, ta vẫn cho rằng, cả 2 chẳng liên quan gì . Thế nhưng, không phải như vậy, vì mọi người là bộ phận của một cộng đồng, của một cơ cấu xã hội phức hợp . Thế nên bất cứ dữ kiện tiêu cực nào trong đời sống cá nhân bị chèn ép, thì nó cũng gây sức ép cho toàn cộng đồng (do sự lan truyền tâm thức). Cũng vậy, bất cứ sự việc nào ảnh hưởng đến cộng đồng, thì cũng ảnh hưởng đến mỗi bộ phận cá thể trong đó . (Bát Nhã Tâm Kinh theo truyền thống Tây Tạng, Dalai Lama – Pháp Hiển dịch – Nguyệt san Giác Ngộ - 138, tháng 9/2007, p.14)

Có những trường hợp Cộng nghiệp chiếm ưu thế hơn Biệt nghiệp, hay nói cách khác, Cộng nghiệp tác động đến Biệt nghiệp , như những hành vi không cố ý, nhưng buộc phải làm, vì cộng nghiệp làm duyên , như buộc phải tham gia hay không tham gia chiến tranh để tránh nghiệp sát ; hay quan toà xử tử hình tội nhân trong những quốc gia còn án tử . Nhưng dù gì đi nữa, mọi hành vi, cho dù không cố ý, cũng tất yếu phải có một xung lực nào đó trong 6 nhân cơ bản của mọi loài hữu tình . Vì danh-sắc là không phân ly .

Hoặc nặng nề hơn như thảm họa 11/9 tại New York gần đây ; hay thảm họa Hiroshima, Nagasaki 1945

Có những trường hợp Biệt nghiệp chiếm ưu thế và hướng dẫn sự bùng nổ của Cộng nghiệp, như trong trường hợp Hít Le và dân Đức trong thế chiến 2 ; xa hơn , Napoleon và dân Pháp sau 1789 ; Thánh Gandhi và dân Ấn trong thế kỷ 20 ,mà lịch sử đã ghi chép nhiều ,

Có những khi Biệt Nghiệp và Cộng Nghiệp cộng thông , như bối cảnh Châu Âu trước thế chiến thứ 1, từ 1900-1914 , những dấu hiệu chiến tranh và hoà bình đan xen nhau, nhưng cuối cùng, chiến tranh đã được đa số chọn lựa .

Có những kích động làm đám đông phản ứng theo một chiều hướng nào đó , Le Bon gọi là “sự lan truyền tâm thức” , hay tâm lý học phương Tây gọi là “phản ứng bầy đàn” .

Hay đến cả vũ trụ vô biên này, ta nghĩ gì khi con lắc Foucault chỉ dao động về một phương ? Ta nghĩ gì với một hành vi của ta hiện tại , đã phát sinh một lực có tác động đến cả vũ trụ ? Mặc dù là lượng vô cùng nhỏ, nó vẫn là sự thực ; hay sự bùng nổ một quasar xa xăm, đã có một tác động vào hành tinh xanh của chúng ta, mặc dù những tác động đó xem như là không đáng kể ?

Tất cả cho ta một cảm thông sâu sắc về Cộng Nghiệp và Biệt Nghiệp, về Chánh báo và Y báo; về sự vận hành của Nhân và Quả; Nghiệp và Báo theo Duyên sinh . Ta sẽ tất yếu cảm nhận thật sâu sắc về sự tương tức bất phân ly giữa ta và vũ trụ ; ta sẽ cảm nhận thật sâu sắc về sự bất phân ly giữa cái MỘT và TẤT CẢ ; như những hạt châu trong mạng lưới trời Để thích ; như những giai điệu bí ẩn của “trùng trùng duyên khởi” Sinh và Diệt trong vũ trụ bao la vô cùng vô tận .

■*Chúng ta đã được dẫn đến kết luận rằng , vũ trụ có một cấp độ tổng thể và không thể chia cắt được , dù ở thang vĩ mô hay vi mô . Một ảnh hưởng hiện diện ở khắp nơi và đây bí ẩn làm cho mỗi bộ phận đều chứa cái toàn thể và cái toàn thể phản ánh từng cái bộ phận*

....Khoa học đã dạy chúng ta rằng , chúng ta chia sẻ với toàn bộ vật chất của vũ trụ một lịch sử chung ; chúng ta là con của các ngôi sao , là anh em của các loài thú hoang dã, là anh em với các cây mỹ nhân xinh đẹp trên đồng nội . Nó cũng nói với chúng ta rằng, chúng ta mang trong mình toàn thể vũ trụ , rằng chúng ta hoàn toàn không thể cắt rời khỏi vũ trụ .

■ *Sự sống khác với Thế giới vô sinh : Trong mỗi loài , sự đa dạng về hình dạng , về đặc tính gần như là vô giới hạn . Những cặp song sinh có thể mang trong mình cùng các gen như nhau , nhưng lại có những hành trạng không hoàn toàn như nhau. Các cơ thể sống là một “ hệ mở “ , cho nên Sự sống trên trái đất chỉ có thể có được, bởi vì nó được hoà nhập vào một mạng lưới phức tạp có tên là “sinh thái quyển” được tạo nên bởi vô vàn những cơ thể sống phụ thuộc lẫn nhau , và tất cả đều cùng tồn tại trong một trạng thái cân bằng động .*

Từ đó, ta kham nhẫn rằng : Ta đã được thừa hưởng tất cả những gì tốt đẹp (từ các vòng Cộng Nghiệp và Biệt nghiệp) ; thì đồng thời , Ta cũng chấp nhận phải chia sẻ tất cả những khổ đau (từ tập hợp các loại Nghiệp ấy) .

Ta mang ơn vũ trụ này bao nhiêu, thì ta phải trải rộng lòng bi mẫn bấy nhiêu , để thương xót cho cái vũ trụ khổ đau này , mà kham nhẫn lãnh thọ , chia sẻ tất cả những Nghiệp Chướng mà cái vũ trụ này đã sẵn tích chứa từ vô thủy . Và ngược lại, những hạnh quả mà ta tu tập được , cũng sẽ đóng góp ít nhiều vào cái quặng tích chứa này , cũng sẽ được xẻ chia vào cái quặng tích chứa này . Đó là ý nghĩa cao nhất của mục đích tu tập : Từ vô lượng tâm , là Bồ Đề Tâm .

*Ta lưu ý , **Nghiệp là Bất định**, cho nên ta không thể biết được có bao nhiêu mối tương tác giữa vô lượng vòng Cộng nghiệp lớn nhỏ này , do những duyên nào mà sinh khởi . Ta chỉ biết, đã có Cộng Nghiệp, thì tất phải có xẻ chia Quả chung, vấn đề là hội đủ các Duyên ở không-thời-gian nào mà thôi .*

8.- Sự đấu tranh giữa ý chí tự do và hành Nghiệp : Ta đã thấy, Biệt Nghiệp và Cộng Nghiệp **không phải là tất định** , và sự tương tác giữa chúng **cũng không là tất định** . Chính vì thế, mà sự chín mùi của nghiệp mang có một biên độ (range) tương đối rộng . Những khái niệm này được gọi là “trì nghiệp” (hộ trì nghiệp – upatthambhaka-kamma) hay “chướng nghiệp” (chướng ngại nghiệp – Upapālaka-kamma) hay “đoạn nghiệp” (upaghātaka-kamma). Nếu không thế, thì vòng luân hồi không thể đoạn được , vì quá khứ từ vô thủy đã tích chứa vô lượng phiền não .

Đức Phật đã dạy rằng :

- Không nên tin rằng mọi việc là kết quả của những hành động đã làm trong kiếp trước .
- Không nên tin rằng, tất cả chỉ là kết quả của sự tạo tác của một đấng quyền năng vô thượng .
- Không nên tin rằng, mọi việc phát sinh mà không có nhân nào hay duyên nào cả .

Do đó, Phật giáo dạy rằng *y chí chủ quan có thể chấm dứt sự dính mắc vào các Hành Nghiệp*. Mà Nghiệp suy cho cùng, cũng chỉ là một trong 5 qui luật của Đức giới : 1) Môi trường; 2) Chúng tử ; 3) Pháp ; 4) Tâm ; 5) Nghiệp mà ta đã phân tích qua phần Duyên hệ .

Trở lại Nguyên tắc của VDP : không có gì sinh ra mà chỉ do MỘT nguyên nhân. Do vậy , Với Chánh niệm tỉnh thức, thì các phản ứng của ta trong dòng sông cuộc đời được làm chủ : khi Quả duyên thay đổi, thì Quả Nghiệp cũng thay đổi theo ; khi Quả duyên không xảy ra, thì Quả Nghiệp không thể tác thành . Nghĩa là *những phản ứng vô thức nay đã được quán sát và trở thành hữu thức* .

Đức Phật dạy thêm cách Phòng hộ (đề phòng và bảo hộ), là phòng hộ tâm thức của chính mình, không để tâm thức mình bị suy yếu, bị ô nhiễm, bị lôi cuốn chìm đắm, nghĩa là *mọi hành vi phải được soi sáng* .

Nghĩa là, tất cả mọi sự vật xảy đến với ta, tất nhiên là Quả của Nghiệp quá khứ, nhưng sự vật về mặt chân đế, chúng là khách quan, là trung tính, chúng không xấu cũng không tốt, không đơ không sạch ; chúng chỉ là những diễn trình danh-sắc , đến rồi đi, sinh đê diệt .

VDP đã chỉ cho ta biết rằng , cơ thể Ngũ Uẩn do sắc-nghiệp tạo tác . Nếu không, thì tại sao ta có đường nét giống Cha mẹ, hay Ông bà ? Vì sao có sắc màu da của các dân tộc ? Ta có đường tiệm cận với phạm trù *Di truyền Hình-thái học trong Sinh học* . Như vậy, mọi diễn trình tư tưởng sẽ phải thông qua cái Ngũ uẩn này , nghĩa là dứt khoát phải mang âm hưởng của sắc nghiệp quá khứ .

Ta cũng biết rằng, Tâm thức cũng vẫn là Quả của Tâm-nghiệp quá khứ . Nếu không, tại sao 2 người , đối cùng 1 cảnh, có 2 cảm thọ khác nhau ? Vì sao các dân tộc có ngôn ngữ khác biệt nhau ?

Ta có đường tiệm cận với khái niệm *Di truyền Tập-tính học trong Sinh học* . Như thế, các căn thức hiện tại phải dứt khoát mang xu hướng của tâm nghiệp quá khứ , do tâm Tục sinh truyền trao .

Các phản ứng thường ngày của ta , do các sở hữu tâm điều phối và thành tựu , đều bị lệ thuộc vào thân Ngũ Uẩn và Tâm thức , nghĩa là vẫn bị ảnh hưởng của sắc nghiệp và tâm nghiệp quá khứ . Ta tiệm cận với khái niệm *“phóng chiếu”, “bành trướng” cái “tự ngã” ra hiện tại và vị lai*.

Do Nghiệp như thế , đã làm cho ta *nhìn nhận* sự vật méo mó như chính là ta đang cảm nhận . Và cũng do Nghiệp (tập khí, thói quen, kiến chấp, ấn ức dồn nén, ... Sở hữu tâm) của ta dẫn dắt, ta đã *cảm thọ* và nhận ra nó , *suy tư nó như thế* .

Do thói quen trong đời sống, và cũng do ảnh hưởng của Thân và Tâm , làm ta có *phản ứng* méo mó với nó như là cách ta đã phản ứng .

Ta đã bắn thêm một mũi tên sâu muộn vào chính vết thương mà mũi tên sâu muộn thứ nhất đã gây ra. Đó là cách mà ta tái huân tập Nghiệp trở vào sâu dày trong tâm thức của ta , đó là cái cách mà ta trường dưỡng làm kiên cố thêm cái kết sử này của ta. Và đó cũng là cái cách mà ta tích cực tham gia vào vòng Luân hồi miên viễn của Cộng Nghiệp và Biệt Nghiệp .

Khi nhìn bất cứ sự vật, hiện tượng vật chất hay tinh thần nào, chúng ta nên lưu ý xem sự đánh giá, nhận biết, nhận diện của ta (các tác ý, cảm thọ, các tưởng và tư) xuất phát từ nguồn gốc nào ? Nếu ta cảm thấy không hạnh phúc thì đó là những phiền não của chính ta . Khi nhận diện được, nó sẽ tan dần đi, ta dần dần lấy lại chủ quyền trên Thân-Khẩu-Ý của ta . Tiếp tục việc quán xét cảm nhận nội tâm (phản ứng) của ta sắp xảy ra đối với cảm thọ ấy, thì ta cũng quán xét như thế, cho Nghiệp đời hiện tại của ta .

Hãy cố gắng nhận diện tất cả , chúng ta sẽ thấy được những hạt giống vô lậu trong cõi hữu lậu này . Ta sẽ thấy mối liên hệ chi phối của Nghiệp trên cái danh-sắc này .

9.- Như đã định nghĩa ban đầu, ***Nghiệp chính là hành vi và không thể có sự-sống-vô-hành-vi*** . Mọi danh-sắc đã hiện hữu trên đời , đều thừa tự nghiệp quá khứ ; và trong suốt dòng đời, danh-sắc này phải hoạt động và luôn hoạt động, nghĩa là luôn chế tác mọi hành vi, trừ những lúc ngủ say không chiêm bao .

Mọi hành vi trong đời sống đều mang theo Khuynh hướng (abhinivesa) và những khuynh hướng sẽ được tích lũy từ sátna này đến sátna kế tiếp , theo lũy kế. Cuối cùng danh-sắc này đã sản sinh và tích lũy trong dòng tâm thức vô lượng Nghiệp mới .

Diễn trình này không thể khác được , từ vô thi đến vô chung , đó là động lực của Luân Hồi .

Và diễn trình này mang một ý nghĩa là ***“Danh sắc từ thế giới và do nhân duyên hòa hợp mà sinh ; đến lượt danh sắc này tham gia vào việc phát triển và tái tạo thế giới”*** . Nói cách khác, ***sống chính là một diễn trình tạo nghiệp***.

Vì thế, nền văn minh nhân loại mới có ngày hôm nay và sẽ phát triển ngày càng cao hơn . Đó là ý nghĩa của thông điệp VDP về các loại Tâm mà trong đó, Tâm Thiện luôn là ưu thắng . Nếu không như thế, xã hội con người ngày nay ra sao ? Trong Sinh học, quá trình “tiến hóa chọn lọc” gần gũi với phạm trù này.

Chúng ta hiện hữu ngày hôm nay, curu mang theo cái Danh-sắc này một “thói quen quá khứ” lẫn cái “thói quen mới tập nhiễm” . Chúng “điều kiện hoá” mọi hành vi Thân-Khẩu-Ý của chúng ta . Ta nhìn và lượng giá mọi vật thông qua “lăng kính” của chúng .

Trong cuộc sống , ta chỉ kiếm tìm những gì mà chúng đã “điều kiện hoá” ta ; và mọi “cảnh” xuất hiện trước ta chỉ mà tất cả các “cảnh phù hợp với điều kiện tiên định” ấy . Ta tìm bạn, tìm việc ; ta chọn món ăn, món uống ; ta chọn nơi vui chơi, giải trí, v....v ; mỗi mỗi đều theo “sở thích” và “lượng giá” của ta ; bởi vì chúng phù hợp với các “điều kiện”. Đó là ***“nghiệp chiêu cảm”*** nhau ; chúng tìm ta , ta tìm chúng và ngược lại . Đó là cái “thế giới theo điều kiện” mà ta sống . Vậy mà ta cứ tưởng là nó là “thực” .

Ta chỉ chọn lựa những gì ta “thích nhất” ; ta chọn chính người bạn đời của ta , kể cả những gì mà ta gọi là “tiếng sét tình yêu” ; ta chọn tổ chức mà ta chấp nhận vào làm việc , ta chọn bạn hợp tác làm ăn ; và sự lựa chọn ấy , cũng lòng vòng trong cái “thế giới của ta” . Đó là ***“nghiệp cảm”*** nhau ; nó chọn ta , ta chọn nó và ngược lại .

Trong đời sống mỗi người, có những “khúc quanh” cuộc đời , nơi đó , những sự kiện ngẫu nhiên xảy đến hoặc những quyết định bản thân không sao giải thích được , tạo thành một xung lực, đẩy cuộc đời ta vào một ngã rẽ , mang một dấu ấn cực kỳ hệ trọng và sâu sắc cho cả cuộc đời . Phạm nhân không hiểu Pháp , gọi đó là định mệnh, số mệnh .

Theo VDP, ta có thể nói được rằng : ***“Số mệnh là những gì xảy ra một cách ngẫu nhiên , theo những điều kiện mà ta đã có , đã chọn lựa và đã quyết định , trong các mối duyên-hệ”***

Mọi sự chọn lựa , sẽ quyết định cái vận mệnh về sau này của ta ; trong đó, sự chọn lựa người bạn đời và sự lựa chọn bạn làm ăn là vô cùng hệ trọng , nó mang đến những kết quả là vô cùng lớn , dù hạnh phúc hay bất hạnh . Hệ trọng vô cùng bởi vì sự chọn lựa ấy , được quyết định từ trong trong đáy sâu thẳm tâm thức , do hai căn và hai khuynh hướng : Tham Ái và Tà Kiến , được diễn dịch qua “lăng kính” của các “điều kiện” .

VDP gọi *hiện tượng này là đầy đủ duyên hệ thích hợp* . Thay đổi duyên hệ , là thay đổi thể giới, là thay đổi các hệ thống “nghiệp” , và sự thay đổi này phải xuất phát từ đáy sâu tầng tâm thức cho đến bề mặt , mà sự tu luyện thì lại bắt đầu từ bề mặt xuống dần đến đáy sâu . Ta muốn hạnh phúc ? Hãy tác ý khéo cho các tâm tịnh hảo và sở hữu tịnh hảo sinh khởi ; bằng không , các tâm vô tịnh hảo và các sở hữu vô tịnh hảo như ích kỷ, ghen tương , đố kỵ, tham dâm, hám danh, sân hận... huỷ diệt tất cả .

Chúng ta luôn luôn tạo Nghiệp từng sátna , nên giây phút hiện tại là thực sự quan trọng để làm chủ sự vận hành của diễn trình tạo nghiệp . Nghĩa là mọi hành vi hiện tiền phải “được biết” , phải biết những sở hữu Tác ý và sở hữu Tư , Tác ý khéo và sở hữu Tư phải được phối hợp khéo với các Thiện Tâm ; hành vi phải “được biết”, là biết đến tận đáy tâm thức , để biết cái động lực giấu mặt dưới đó .

Mặc dù tại những sátna mà ta tu tập hành trì thiện nghiệp, các tâm thiện và các sở hữu tịnh hảo đi kèm , sẽ giúp tâm thức hiện được nhiệm vụ ; những sátna ấy, ta tạm thời thoát ra khỏi những bản năng bất thiện . Tuy nhiên, sau những sátna ấy, thì các tâm lại sinh khởi liên tục , nếu tâm thiện đã diệt, thì tâm bất thiện sẽ sinh khởi ; bởi vì chỉ có 2 trạng thái mà thôi .

Cho đến khi nào Đạo đức, Trí tuệ cân bằng với Ngũ Dục (ít nhất là như vậy) ; hay Đạo đức, Trí Tuệ vượt lên trên mọi cám dỗ của Ngũ Dục, thì lúc đó , hành vi bắt đầu trở nên Vô tác, Vô nguyện và Vô ngã ngay trong cõi Ngũ Dục này : “*Phật pháp bất ly Thế gian giác*”
 Khi mọi hành vi hiện tiền phải “được biết”, mà Phật giáo gọi là Hiện Pháp Lạc Trú , thì các Bất thiện nghiệp ít còn duyên hệ tạo tác nữa, Thiện Nghiệp tất yếu phải thay thế vào . Ta phải lấy nước sông Hằng hòa tan muối trong ta , thì các loại Nghiệp Tích lũy, Thường, Tập quán và sau cùng, Cận tử Nghiệp sẽ là nghiệp Thiện .

Trong cuộc sống hàng ngày, người trí tuệ vẫn biết rõ sự thật theo ngôn ngữ chế định , nhưng họ sống hoàn toàn không chấp ngã . Vì vậy, phiền não không thể phát sinh. Họ không tự làm khổ mình, không làm khổ người và không tự làm khổ mình lẫn người . Với tấm lòng bi mẫn, vị tha và biết ơn, nó khiến cho họ nhận được lòng tốt và sự thân thiện của mọi chúng sinh , bất kể chúng sinh đó đối với họ như thế nào trong đời hiện tại này .

Với những người đang được phước báu, giàu sang vinh hiển và những người kém may mắn nghèo hèn , nếu mọi người đều hiểu được qui luật của Nhân Quả và Nghiệp Báo ; thì người may mắn sẽ càng cố gắng hơn để giữ gìn và vun trồng quả phước , bằng Chánh Mạng và hoạt động từ thiện (bồ thí Ba La Mật) ; người kém may mắn, thì càng cố gắng trau dồi nền đạo đức tâm linh và học tập để vượt khó (kham nhẫn Ba La Mật) và hiểu được rằng , nhờ vào sự từ thiện của người may mắn, mà cái quả ngày nay bớt nặng nề hơn .

Với sự nỗ lực cố gắng của mọi người như thế, thì chính cái ý chí chủ quan của chúng ta đã tác ý tạo tác ra những hành nghiệp mới , tác động trực tiếp vào biệt nghiệp của từng người, đồng thời cũng tác động vào các vòng cộng nghiệp ; nghĩa là, người may mắn càng vun trồng được phước báu, người kém may mắn cũng chuyển hóa được một phần số phận của mình ; trong nhân quần xã hội, sự mâu thuẫn , đố kỵ giàu nghèo cũng giảm đi cường độ , những bất công trong cuộc đời được giảm thiểu . Tịnh Độ Nhân Gian nào ở nơi xa xăm ?

Do bản chất tự nhiên của cuộc sống, ta luôn tham luyện và đăm mê các cảnh trần . Nếu không có điều này, thì nhân loại sao có được những tiện nghi như ngày nay ? Dù rằng những bất hạnh ghê gớm nhất cũng đã từng hiện hữu từ các tham luyện này .

Cũng do bản năng sinh tồn, ta vẫn luôn nghĩ đến “bản thân ta” và “người ta yêu” trước hết mà thôi . Nếu không có điều này , thì các thế hệ hậu lai của ta ngày nay làm sao có được kho tàng trí tuệ như ngày nay ? mặc dù nó cũng gây nhiều bất hạnh trong cạnh tranh sinh tồn .

Tiêu diệt cái “bản ngã” và những hệ lụy của nó trong cuộc sống đời thường , là một điều cực kỳ gian khổ và khó khăn ; ta có thể tiến đến không “chấp ngã” , nhưng diệt ngã thì hành trình này phải qua nhiều kiếp . Đó chính là cái giới hạn của “ý chí tự do” , nó làm cho cái “ý chí tự do” trở nên rất mong manh . Nhưng chắc chắn rằng, luôn luôn có “ý chí tự do” . Bởi vì, nếu không có nó, cuộc đời chỉ là định mệnh tất định ??? . Điều này thực sự là vô nghĩa .

10.- Đức Từ Phụ đã dạy chúng ta rất nhiều cách để chuyển hành vi của chúng ta , để cho cuộc đời được an lạc và hạnh phúc thực sự . Có bao nhiêu phiền não, là có bấy nhiêu pháp hành để tu tập và đoạn trừ ; có bao nhiêu loại người trong Tam giới , là có bấy nhiêu pháp hành thích ứng để đi đến giải thoát . Nghĩa là đối với bất kỳ phiền não nào , bất kỳ loại người nào , ý chí mong muốn hoàn thiện hành vi phải được tác ý , đó là Như lý Tác ý . Thiếu Như lý Tác ý , hành vi hoàn thiện sẽ khó mà đạt được trong cõi ta bà nhiều Tham-sân-Si này .

Giáo pháp đơn giản nhất chỉ bao gồm việc thay đổi hành vi , là thực hành miên mật 10 Thiện nghiệp với đủ Tam Tư ; là thực hành miên mật 10 Ba La Mật ; hay ít nhất là giữ Ngũ giới .

Một khi ý chí chủ quan mong muốn chấm dứt sự dính mắc trên, chấm dứt vào sự nô lệ cho 2 xu hướng trên (ý chí tự do) , thì một sự thay đổi sâu sắc diễn ra trong nội tâm . Nói cách khác, khi mọi hành vi Thân-Khẩu-Ý được ý thức Chánh niệm quán sát , thì đó là sự chuyển y trong các Tâm từ Dục giới dần vào Sắc giới và cuối cùng là Vô sắc giới . Đó là một quá trình lâu dài , đi đến sự chấm dứt mọi ước muốn , sự diệt tận cái “ngã” : “...*đối với sự diệt tận của Dukkha, mọi nghiệp, thiện và bất thiện, phải được vượt qua, phải được từ bỏ . Bỏ qua một bên cả thiện lẫn bất thiện, vị ấy đạt đến Niết bàn, không còn con đường nào khác* “

Khi cái “ngã” đã bị diệt tận, chuỗi xích xiềng nhân duyên tan rã như râu chuỗi đứt dây, tất cả đều tan rã , thế giới đã tan rã trong tâm hồn , là vô sinh bất diệt .

Giáo lý của Đức Phật quả là một bước nhảy vọt vĩ đại cho xã hội loài người .

11.- Đức Phật dạy rằng : Có 5 phương pháp phòng hộ cho tâm thức ta không bị “lọt bẫy” vào vòng nô lệ : Bằng Giới (kỷ luật bản thân) , Bằng Niệm (kỷ luật nội tâm) , bằng Trí Tuệ , bằng Kham Nhẫn , bằng Tinh Tấn .

.....*Này các Tỳ kheo, hôm nay, Như Lai sẽ giảng cho các vị nghe pháp môn gọi là “phòng hộ các lậu hoặc” . Hãy nghe và suy xét thận trọng*

.....*Này các Tỳ kheo, Như Lai nói rằng , có sự đoạn trừ các Lậu hoặc cho “người biết và thấy” “.....Do biết gì , thấy gì mà Như Lai nói rằng có sự đoạn trừ các Lậu hoặc ?*

Có Như lý tác ý : *đối với một người có như lý tác ý, các Lậu hoặc chưa sinh, sẽ không sinh khởi và các Lậu hoặc đã sinh, được trừ diệt .*

Có Không-Như-lý tác-ý (phi-lý tác ý) : *đối với một người không như lý tác ý, các Lậu hoặc chưa sinh, sẽ sinh khởi và các Lậu hoặc đã sinh, càng thêm tăng trưởng .*

*Này các Tỳ Kheo, có những Lậu hoặc phải do : **Tri Kiến -tuệ tri-đoạn trừ ; Phòng hộ đoạn trừ ; Thọ dụng đoạn trừ ; Kham nhẫn đoạn trừ ; Tránh né đoạn trừ ; Trừ diệt đoạn trừ ; Tu tập đoạn trừ;....**”*

12.-Cuối cùng, ta có những suy gẫm về các đường tiệm cận :

- Dòng Tâm Thức , dòng sông Thức, ta suy gẫm về lịch sử hình thành nên vũ trụ này từ thuở Big Bang , mà trong diễn trình vĩ đại này, đã trộn lẫn, đan xen bằng vô lượng diễn trình nhỏ hơn của vô lượng dòng sông tâm thức nhỏ , mà hình thành nên mọi Sắc-pháp và Danh-pháp , mọi chúng sinh vô tình và hữu tình . Trong đó , có dòng sông Tâm Thức của nhân loại này .
- Từ dòng sông Thức, ta suy gẫm về Dòng Nghiệp Thức, suy gẫm về các chúng sinh hữu tình trôi lăn trong dòng Nghiệp thức cho riêng từng loài từ thuở vô thi, mà tất cả các dòng Nghiệp thức của tất cả các chúng sinh đã đan dệt nên sự đa dạng sinh học ngày nay. Trong đó, dòng nghiệp thức tiến hoá nhất , là dòng sông nghiệp thức nhân loại .
- Cuối cùng, từng cá thể của con người, cũng chỉ là sự trôi chảy của dòng Hữu phần, được đan xen, hoà trộn với các dòng hữu phần khác , theo các Nghiệp duyên, Nghiệp cảm, Biệt Nghiệp và Cộng nghiệp.

Ta suy gẫm rằng, tất cả mọi dòng chảy lớn nhỏ trên, hoà quyện nhau, đan dệt nhau, làm duyên cho nhau ; chúng hợp lưu nhau và phân lưu nhau, cùng chảy trong một “giai điệu bí ẩn” vô thi vô chung trong vũ trụ vô biên này .

Những giáo pháp chánh yếu bao gồm trong bài học đầu tiên trong Kinh Chuyển Pháp Luân , trong đó Tứ Thánh Đế phải được nhận biết rõ cả mặt tục đế lẫn chân đế ; hành trì là Tám Con Đường Thánh đế , là Tứ Niệm Xứ , là Anapana Niệm , là 37 phương pháp thực hành ; mà quan trọng nhất , là “tinh tấn” , “tinh tấn” và “Chánh Tinh Tấn” hành trì đủ Văn – Tư – Tu .

Từ đây, ta có thể thấy rằng Giới – Định – Tuệ , là con đường duy nhất để giải thoát , để đi đến tự do đầu tiên và cuối cùng của nhân loại . Là Hành trình đến giác ngộ .

CON ĐƯỜNG CHUYÊN HOÁ

STT	4 Nhiếp pháp	5 Giới	10 Thiện	Tứ Niệm Xứ		Tứ Chánh Căn	Tứ Như Ý Túc	Ngũ Căn & Ngũ Lực	7 Bồ đề phần	8 Chánh đạo	BLMật	Bậc quan trọng
				1.-Thân trong thân	1.-Thân Bất Tịnh							
1		3.-Không quan hệ tính dục bất chánh	3.-Không quan hệ tính dục bất chánh	1.-Thân trong thân	1.-Thân Bất Tịnh							
2		5.-Không dùng chất kích thích		2.-Thọ trong thọ	2.-Thọ thị Khô							
3				3.-Tâm trong tâm	3.-Tâm Vô thường							
4				4.-Pháp trong pháp	4.-Pháp Vô Ngã							
5						1.-Việc thiện chưa sanh, năng kích khởi						
6						2.-Việc Thiện đã sanh, năng phát triển						
7						3.-Việc Ác chưa sanh, năng ngăn chặn						
8						4.-Việc Ác đã sanh, quyết đoạn trừ						
9							1.-Dục					
10							2.-Tinh tấn	2.-Tán	2.-Tinh tấn	6.-Chánh tinh tấn	4.-Tinh tấn	5 lần
11							3.-Hỷ		3.-Hỷ			2 lần
12							4.-Nhất tâm					
13								1.-Tín				
14								3.-Niệm	5.-Niệm	7.-Chánh niệm		3 lần
15								4.-Định	6.-Định	8.-Chánh định	5.-Thiền định	4 lần

16								5.-Tuệ			6.-Trí tuệ	2 lần
17									1.-Trạch pháp			
18									4.-Khinh an			
19									7.-Xả		7.-Từ & Xả	
20										1.-Chánh kiến		
21										2.-Chánh Tư duy		
22	2.-Ái ngữ	4.-Không nói Vọng ngữ	5.-Không nói 2 lời, đâm thọc							3.-Chánh ngữ		3 lần
			6.-Không nói lời Thô, Ác									
			7.-Không nói lời thêu dệt, nịnh hót								9.-Chân thật	
			4.-Không nói Dối									
23		2.-Không lấy của bất chánh	2.-Không lấy của bất chánh							4.-Chánh nghiệp		2 lần
24		1.-Không Sát sinh	1.-Không Sát sinh							5.-Chánh mạng		2 lần
			8.-Không Tham									
			9.-Không Sân									
			10.-Không Si Mê									
25	1.-Bồ thí										1.-Bồ thí	2 lần
26	3.-Lợi hành											
27	4.-Đồng sự											
28											2.-Tri giới	
29											3.-Nhẫn nhục	
											8.-Quyết định	
											19.-Xuất ly	

Chương X – SỞ HỮU TỊNH HẢO HÀNH TRÌNH ĐI ĐẾN GIÁC NGỘ

Do bản năng tự nhiên, con người đã là “nô lệ” cho Thân và Tâm của mình, nô lệ cho cái “bản ngã” của mình. Phá bỏ xích xiềng này, diệt tận cái “ngã” là một cuộc hành trình gian khổ và lâu dài. Trên con đường này, là sự chuyển hóa, chuyển y dần dần các trạng thái tinh thần tư tưởng không hoàn hảo thành những trạng thái tinh thần tư tưởng đầy hạnh phúc an lạc.

Trở lại chương Citta, chúng ta có tất cả 24 trạng thái tư tưởng hoàn hảo nền tảng (Kusala-Citta), là 24 tâm Thiện Dục giới = 8 Đại thiện + 8 Đại Quả + 8 Đại Tố (Duy Tác).

Để hành hoạt trạng thái tâm linh hoàn hảo, có sự đồng sinh của 25 trạng thái tinh thần tư tưởng hoàn hảo, được gọi là 25 Tâm sở Tịnh hảo, hay Sở hữu Tịnh hảo (Sobhana Cetasika): bao gồm 19 Biến hành + 3 Giới phần + 2 Vô lượng phần + 1 Tuệ.

25 Sở hữu Tịnh Hảo	19 Sở hữu Tịnh Hảo Biến Hành	1.- Tín (Saddha)		
		2.- Niệm (Sati)		
		3.- Tàm (Hira)		
		4.- Quý (ottappa)		
		5.- Vô Tham (Alobha)		
		6.- Vô Sân (Adosa) - Từ (metta)		
		7.- Hành Xả (Tatra-majjhata)		
		8 & 9.- Tịnh (passaddhi)	Thân	Tâm
		10 & 11.- Khinh (lahuta)	Thân	Tâm
		12 & 13.- Thích (kammanannata)	Thân	Tâm
		14 & 15.- Nhu (muduta)	Thân	Tâm
		16 & 17.- Thuần (pagunnata)	Thân	Tâm
		18 & 19.- Chánh (jukata)	Thân	Tâm
		3 Sở hữu Giới phần (Tiết Chế Tâm Sở)	1.- Chánh Ngữ	
			2.- Chánh Nghiệp	
			3.- Chánh Mạng	
		2 Sở hữu Vô Lượng phần	1.- Bi	
			2.- Tuỳ Hỷ (Hỷ - piti)	
		1 Sở hữu Tuệ Quyền	Tri Tuệ (Tuệ Uẩn)	

Trạng thái hoàn hảo của tinh thần là sự sáng chói của nhân cách cao thượng, nơi đó, không có những loại “tâm bệnh”, không có những “tội lỗi”, mà tràn đầy những điều tốt đẹp, khôn khéo của một cuộc sống hạnh phúc và an lạc.

Chúng ta tìm hiểu các Tâm Tịnh hảo và các Sở hữu Tịnh hảo đi kèm, để biết sự sinh khởi của nó nhằm giúp chúng ta chuyển hóa các tâm đến an lạc, là hành trình của chính chúng ta:

Các Trạng thái tinh thần hoàn hảo phổ biến Các Sở hữu Tịnh hảo Biến hành

Có 19 trạng thái tinh thần chung đối với tất cả 24 loại Tâm Tịnh hảo (Kusala-Citta), các tâm sở này luôn có mặt trong các Tâm Tịnh Hảo; đôi khi được đi kèm với các trạng thái khác (tâm sở) thêm vào. Trong các Tâm sở này, Tín, Niệm và các tâm sở khinh an, v...v, thuộc Định Uẩn. tâm sở Vô Sân và Xả thuộc 4 vô lượng tâm; các tâm này cũng luôn có mặt trong 59 hay 91 tâm tịnh hảo (24 dục giới + 15 Sắc giới + 12 Vô sắc giới + 8 hay 40 Siêu thế tâm tịnh hảo).

Bảy tâm đầu có tên :

- | | | |
|---|---|-------------|
| <ul style="list-style-type: none"> ○ Tín, Saddhā, là chánh tín ○ Niệm, Sati, là chánh niệm ○ Tàm, Hiri ○ Quý, Ottappa ○ Vô Tham, hàm nghĩa Bồ thí ○ Vô Sân, hàm nghĩa Từ tâm ○ Khinh an, bình thản (hành xả) | } | Định Uẩn |
| <ul style="list-style-type: none"> ○ Vô Tham, hàm nghĩa Bồ thí ○ Vô Sân, hàm nghĩa Từ tâm ○ Khinh an, bình thản (hành xả) | } | Tứ Vô lượng |

Từ tâm thứ tự 7 đến 19 là 12 tâm (19-7), chia làm 6 cặp, mỗi cặp gồm 2 tâm, nói lên cái trạng thái các tâm liên quan đến thân và tâm: một tâm ảnh hưởng đến phần “Thân” của tâm sở hay thuộc về ý thức; một tâm còn lại ảnh hưởng đến toàn thể cái “Tâm” hay thuộc về tâm linh, (cặp Danh-Sắc):

- Điềm tĩnh (tịnh thân & tịnh tâm)
- Nhẹ nhàng (khinh thân & khinh tâm)
- Mềm mỏng (nhu thân & nhu tâm)
- Thích ứng (thích thân & thích tâm)
- Thành thạo (thuần thân & thuần tâm)
- Trung đạo (Chánh thân & chánh tâm)

1.- Tín – Niềm Tin – Đức tin – Saddha : Đức tin là một trạng thái tinh thần. Niềm tin là một sức mạnh tinh thần, nó có khả năng dẫn dắt con người vượt qua được những hoàn cảnh vô cùng khắc nghiệt, nó là một sức mạnh siêu nhiên. Có rất nhiều lời tán dương Niềm tin: *Vô tín, bất lập; nhất sự bất tín, vạn sự bất lập, v...v.* nghĩa là vắng niềm tin, không thành tựu được gì cả.

Đức tin được nói ở đây là niềm tin vào điều hoàn hảo, vào điều thiện hảo, hoặc đặt niềm tin vào đối tượng hoàn hảo trong sạch, có 4 nội dung:

- Tín Nghiệp, kamma-saddha, tin vào sự vận hành của “pháp”.
- Tin quả của nghiệp, vipaka-saddha: tin vào luật nhân-quả.
- Tin vào nghiệp báo, kamma-sasakata saddha: tin vào việc hễ có hành vi, là có hệ quả
- Tin vào tuệ giác của Đức Phật, tathagata-bidhi saddha.

Khi niềm tin trên được thực chứng thì được gọi là Chánh Tín (samma-saddha).

Có 10 trạng thái cần phân biệt, để đặt niềm tin: “*Này các người Kalama, các người **chớ có tin**:*

- Vì đó là truyền thuyết; vì nghe theo truyền thuyết,
- Vì đó là truyền thống; vì nghe theo truyền thống,
- Vì nghe người nói,
- Vì kinh điển truyền tụng,
- Vì lẽ lý luận siêu hình,

- Vì đúng theo lập trường ,
- Vì sự đánh giá hời hợt các dữ kiện ,
- Vì phù hợp với định kiến ,
- Vì xuất phát từ nơi có uy quyền ,
- Vì vị Sa Môn là bậc đạo sư của mình .

Khi nào tự mình biết rõ : các pháp này là bất thiện, là có tội, là bị người có trí chỉ trích . Các pháp này, nếu thực hiện và chấp nhận, sẽ đưa đến bất hạnh và khổ đau . Thì, hỏi các người Kalama, hãy từ bỏ chúng .

Khi nào tự mình biết rõ : các pháp này là thiện, là không có tội, là không bị người có trí chỉ trích . Các pháp này, nếu thực hiện và chấp nhận, sẽ đưa đến hạnh phúc, an lạc , thì, hỏi các người Kalama, hãy đạt đến và an trú “

Cho nên, cần phải phân biệt rằng niềm tin bắt nguồn từ trạng thái tâm lý nào ? Bởi vì, thương khi, niềm tin dễ dàng khởi từ sự ái luyến (samoyjanas) và ngược lại, sự ái luyến sẽ dẫn đến niềm tin . Nó cũng khác với Tà tín (miccha-saddha), là một sự cuồng tín, một loại bệnh tâm thần có tính hủy diệt và tự hủy diệt . “Niềm tin khi đi quá giới hạn, nó sẽ trở thành ái dục (tanha)”

Có Năm trạng thái tâm lý làm suy hao đi đến tiêu huỷ niềm tin, gọi là Tâm Hoang Vu – cetokhila :

- Không có niềm tin nơi Phật
- Không có niềm tin nơi Pháp
- Không có niềm tin nơi Tăng đoàn
- Không có niềm tin nơi học giới
- Thường phẫn nộ .

Chính Chánh tín là “người báo hiệu” mọi sự tốt lành toàn vẹn .

“...trạng thái của Đức tin là tẩy uế và khao khát ước vọngChính vì thế, khi Đức tin xuất hiện, mọi trở ngại bị loại bỏ, tha hóa lắng đọng xuống, tinh luyện trả lại cho tâm hồn; tâm được tinh luyện sẽ tạo được ước muốn một gia đình bậc thánh luôn luôn tựa bố thí, nắm giữ giới luật, thực hiện những nhiệm vụ bố tát và khởi sự tu tiến, tham thiền . Chính vì vậy mà Đức tin được biết đến như một chất tẩy uế...”

Trạng thái của Đức tin chính là thanh luyện và khát khao . Thanh luyện tâm hồn và khát khao điều thánh thiện .

Đức tin có trạng thái phó thác; phận sự của Đức tin là tinh luyện; ...giải thoát khỏi ô nhiễm hoặc có quyết tâm, là thành tựu; nguyên nhân sâu xa của Đức tin là một đối tượng đáng tin hay các nhân tố Nhập lưu...” (Pháp Tụ)

“...tin tưởng vào những ân đức, đứng đầu là ân đức Phật; tin tưởng và đạt được từ Đức Phật hay các ân đức quy báu khác; chìm vào những ân đức như ân đức Phật, ví như trầm tư để tìm cách phá vỡ (chướng ngại); ... đó là saddha ...”

Khi Tâm Thiện xuất hiện, chính là đã có Đức tin vào điều thánh thiện . Ngược lại, khi tâm bất thiện hiện hữu, ta đã mất niềm tin vào điều thánh thiện .

Khi có Đức tin, tâm hồn ta trong sáng, vì Đức tin đã thanh tẩy tâm hồn ta, không ô nhiễm bởi phiền não .

Khi có Đức tin, ta trở nên quyết tâm hơn để hành trí Chánh pháp, để vượt qua tất cả nhiễm ô phiền não .

Kiên trì, tinh tấn, quyết tâm chính là sự biểu hiện của niềm khao khát đi đến giải thoát, niềm khao khát ấy do Đức tin kiên định dẫn đường .

Để Đức tin trở nên kiên định , trở thành một sức mạnh siêu nhiên, dẫn dắt ta vượt khỏi những phiền lụy của cuộc đời, phải cần có đối tượng khả tín . Đối tượng khả tín này thông thường trong cuộc đời là điều thiện, lòng quảng đại, vị tha ; nhưng đối tượng của chúng ta là thực tại siêu việt , là những bậc Thánh , mà sự thành tựu của họ , là sự hành trì miên mật giáo pháp của Đức Phật . Cho nên, Đức tin nói ở đây, đối tượng là Tam Bảo .

Niềm tin này , phải được dựa vào Văn-Tu-Tu , là lắng nghe, nghiên cứu, suy nghĩ, hành thiền , áp dụng vào ngay trong chính cuộc sống của chính mình . Niềm tin phải được thực thi trọn vẹn như thế một cách tự nhiên, như là chính cuộc sống, mới thực sự là Đức tin nói ở đây .

Niềm tin thể hiện qua nhiều trạng thái : saddha ; okappana (tín nhiệm) ; abhippasado : tịnh tín... Khi Niềm tin được kiên định như thế, nó trở thành một “quyền”, còn gọi là một “căn”, là một khả năng siêu nhiên , nó thống trị các trạng thái tinh thần đi kèm với nó, để vượt thắng được mọi phiền não có thể xuất hiện đi ngược lại Niềm tin này .

“Xuất phát từ việc vượt thắng được trạng thái thiếu niềm tin , Niềm tin trở thành khả năng kèm chế các giác quan đang chiếm ưu thế hay ở trạng thái thực hiện quyết định . Niềm tin đang thể hiện vai trò lãnh chúa ...”

Khả năng siêu nhiên này , khi được phát triển cao hơn , nó trở thành một “lực” hay là sức mạnh siêu nhiên , sức mạnh không lay chuyển được . Vì vậy, các phiền não không bao giờ có thể làm lung lay được .

“Đức tin trong trường hợp này chính là tin tưởng, một niềm tin được tuyên xưng. Mang đặc tính bảo đảm, tin tưởng ; Niềm tin đó là một khả năng, một sức mạnh . Đây chính là niềm tin được kết thành trong đó “ . “Bảo đảm” ở đây là sự bảo đảm của các ân đức của Đức Phật .

Tuy nhiên, Niềm tin chỉ được kiên định khi và chỉ khi có sự cân bằng của 5 đôi sức mạnh tinh thần , mà chúng được gọi là “ngũ căn” và “ngũ lực ”: Chánh Tín, Chánh Tinh tấn , Chánh Niệm , Chánh Định và Trí Tuệ .

“Vi khi chúng ta có niềm tin mạnh mẽ, nhưng trí tuệ của ta lại yếu, đức tin đó sẽ thiếu tác dụng và thiếu căn cứ .

Một người có hiểu biết mạnh, mà có đức tin yếu, thì hay sai lầm do xáo quyết và khó lòng sửa trị, giống như người bệnh lờn thuốc.

Một khi đức tin và trí tuệ cân bằng, người đó chỉ có niềm tin chỉ khi nào có đủ cơ sở để thể hiện được niềm tin đó mà thôi “ .

Một người nào đó, tu luyện thiền định cần phải có đức tin mạnh mẽ; chính vì đức tin và niềm tin như thế, thì người ấy mới đạt đến định trong thiền...”

Với Chánh Niệm về Danh pháp và Sắc pháp , một khi đã phát triển và có chánh kiến về thực tại, thì trí tuệ phát sinh và niềm tin xuất hiện tương ứng với các khả năng khác . Niềm tin tự nhiên tiến triển với chừng mực chánh kiến cũng được phát triển . Chánh Tín đi kèm với mọi Tâm Tịnh Hào .

Có 7 cách thực hiện Chánh kiến để đặt Lòng tin nơi một bậc Đạo sư (ở đây là Như Lai) :

- Những pháp ô nhiễm do mắt tai nhận thức, có còn hiện khởi nơi Ngài không ?
- Những Tạp khí khi nhiễm khi tịnh do mắt tai nhận thức, có hiện khởi nơi Ngài không?
- Những pháp hoàn toàn thanh tịnh do mắt tai nhận thức, có hiện khởi nơi Ngài không?
- Thiện pháp này thành tựu nơi Ngài trong bao lâu ?
- Khi có danh tiếng, một số nguy hiểm (ngã mạn) có xảy ra cho Ngài không ?
- Quán xét xem , có phải vì do sợ hãi tiếng xấu, mà từ bỏ ; hay vì đã đoạn diệt tham ái mà từ bỏ
- Sau khi tìm hiểu những vấn đề trên , cần phải hỏi lại Ngài chính những điều như vậy.

Vì đức tin mạnh mẽ và cần thiết đến như thế, nên thiếu đức tin, không thể bước vào Giáo pháp, khởi đầu là Tứ Niệm Xứ, dần dần niềm tin phát triển thành “quyền” thống trị các tâm và thành “lực” với sức mạnh không lay chuyển, ta mới thấy được thành quả của việc tu tập “Tứ Niệm Xứ”, và tất cả những điều này, lại quay trở lại kiên định thêm Niềm tin của chúng ta vào Tam Bảo, trên đường xuyên qua Sinh Tử. Tín tâm phát huy sức mạnh của nó, nó là tâm hành, nó hoạt động. Chẳng có “ai” chỉ huy niềm tin cả!

Người có đức tin, thể hiện ra 7 đặc tính:

- Thường có tâm xả ly, rộng lượng, vị tha, vô chấp.
- Mong gặp Thánh nhân (hay Thiện Tri thức)
- Mong mỗi nghe diệu pháp
- Thường có tâm trạng hân hoan, an lạc, vì tin vào nghiệp.
- Ít khoe khoang, vì biết quả của nghiệp.
- Không xảo trá, vì tin vào nghiệp báo.
- Trong sạch ở nơi đáng trong sạch. Là trong sạch đối với đối tượng đáng trong sạch.

Như thế, sở hữu Tín – saddha – **xóa bỏ** sở hữu “hoài nghi”. Còn sở hữu Thắng giải – adhimokkha, thì **đôi nghịch** với sở hữu “hoài nghi”.

“Này chư Tỳ kheo, trí tuệ cao siêu chỉ có được qua tu luyện dần dần, công việc này phải tiến hành từng bước mộtta có thể đạt đến trí tuệ cao siêu do tu luyện từ từ, do thực hiện dần dần và bằng một quá trình tinh tấn

Này chư Tỳ kheo, đạt đến điều này, khi chúng ta tiến tới trong Đức tin; đang tiến tới gần Đức tin; ngồi kề bên Đức tin đó; ngồi sát bên Đức tin đó và biết lắng tai nghe; lắng tai nghe Đức Phật; lắng tai nghe Giáp pháp; rồi lại nhớ lấy Phật pháp đó; kiểm chứng những gì chúng ta đã ghi nhận trong tâm.

Đang lúc kiểm chứng những gì đã được chứng thực; thì ước muốn được sinh ra; với ý muốn phát sinh đó, ta sẽ cố gắng; và khi cố gắng, ta lại cân nhắc; sau khi đã cân nhắc, ta phấn đấu để đạt đến nhất quyết; khi đã nhất quyết rồi, thì ta nhận ra chân lý siêu việt, và nhờ trí tuệ, ta thâm nhập được vào chân đế đó; qua tuệ, ta nhận ra đượcNíp bàn”.

Lời Đức Từ Phụ tha thiết biết bao nhiêu, sao ta không khởi sự tu tập ngay tại sátna này? Ta cần những sátna can đảm và quyết tâm này để bắt đầu hành trình đi đến giác ngộ.

2.- Niệm – Sati: Còn được gọi là Tùy niệm. Niệm chỉ là sự ghi nhận, dù là chế định hay chân đế; còn Chánh Niệm là ghi nhận rõ một trong 3 đặc tướng: Vô Thường tướng, Khổ tướng và Vô ngã tướng. Ở giai đoạn ban đầu, chúng ta dùng niệm để ghi nhận các pháp chế định, khi tu tập tiến triển, chế định xả bỏ để lộ ra chân đế, và tiếp theo là sự xuất hiện một trong ba tướng; lúc bấy giờ là Chánh Niệm (samma-sati)

Sự nhớ của Tướng, là sự nhớ lại do dấu hiệu đã từng gặp, nên sự nhớ lại có khi đúng, khi sai; dấu hiệu ghi lại của Tướng có tính chất tổng quan, đại diện.

Sự nhớ của Niệm là sự nhớ chính xác vì dấu hiệu đã được ghi rõ ràng; dấu hiệu ghi lại của Niệm là thận trọng, chú ý cao và thâm nhập sâu vào bản thể.

Sự nhớ lại của Hiềm hận, là do Phi Như lý tác ý hoà hợp với Sân, làm sân tăng thịnh.

Trạng thái tinh thần của chúng ta không những cần đến Chánh Tín để thực hiện nhiệm vụ, mà còn cần đến Chánh Niệm nữa. Chánh Niệm là sự chú tâm, chú ý, không lãng quên những điều thiện, còn gọi là Tinh giác. Khi có Chánh Niệm, ta luôn luôn chú ý đến những trạng thái tinh

thần tâm lý tốt lành, thiện hảo, bình an mà hệ quả là ta sẽ không bỏ lỡ chính những duyên hệ tốt lành tự diễn ra ấy .

Trạng thái của Chánh niệm là trạng thái tinh thần , tư tưởng mà trong đó , những suy tư không bị cuốn trôi một cách không mục đích trong vô định . Do đó, Chánh niệm cho phép ta lĩnh hội được hay gạt hái được những trạng thái tâm linh tốt đẹp (tịnh hảo) đồng thời ngăn không cho phép ta bỏ qua những hành vi tốt đẹp ấy (thiện pháp) . Như vậy, Chánh Niệm giữ cho ta không xao lãng những gì tốt đẹp nơi điều Thiện, đồng thời kèm chế ta không thực thi những điều xấu hay bất thiện .

Trạng thái của Chánh Niệm là hiện trạng không bỗng bèngh trôi dạt đi ; phạm sự của nó là không lãng quên , hay lưu giữ trạng thái đối với cảnh ; thành tựu của nó ở sự hồi tưởng (sanna – Tưởng) vững vàng ; nguyên nhân của nó là tính chất Đại Niệm Xứ liên quan đến cảnh . Chánh niệm phải được coi như là một trụ cửa , được thiết lập vững chắc nơi cảnh, và như là người gác cổng cần mẫn cho các “môn” (Pháp tụ) .

Khi Chánh Niệm có mặt trong ta, thì tự nhiên Giới Luật được trì giữ ; tự nhiên sự hiểu biết chân chánh (Chánh Kiến) có cơ hội sinh khởi và phát triển , góp phần vào việc sinh khởi Trí tuệ ; song hành với sự lắng dịu của tâm, sự bình an trong tâm hồn (Chánh Định) dần dần hiển lộ .

Khi ta học tập, nghiên cứu và hành trì Phật pháp, Trí tuệ sẽ phát sinh, lập tức, Chánh Kiến có mặt và Chánh Niệm sẽ là trạng thái tinh thần ngay trong những sátna ấy . Chánh Tri Kiến là nền tảng cần thiết để phát triển nội tâm và sự hiểu biết chân thật hay trực giác và trí tuệ thiền quán .

Đối tượng của Chánh niệm chính là Danh pháp và Sắc pháp xuất hiện ngay tại sátna hiện tiền.
“...sáu nội xứ phải được thông hiểu đầy đủ là gì ? Điều này liên quan đến Nhãn xứ, Nhĩ xứ, Tỷ xứ,là những giác xứ .

“...sáu ngoại xứ phải được thông hiểu đầy đủ là gì ? Điều này liên quan đến Sắc xứ, Thanh xứ, Hương xứ,

“...sáu Thức phải được thông hiểu đầy đủ là gì ? Điều này liên quan đến Nhãn thức, Nhĩ thức, Tỷ thức,

Rồi đến Sáu Xúc ; Sáu Thọ và Sáu Ái . Đó là Sáu Sáu , 6 hệ thống cấu tạo nên trạng thái tinh thần tư tưởng của 6 giác quan . Tất cả chúng đều là sự thật sinh khởi khi có đủ duyên hệ . Do vậy, mọi thực tại xuất hiện trong đời thường , mọi lúc, mọi nơi, đều là đối tượng của Chánh Niệm để phát triển thiền quán .

Chánh Niệm thiền quán là chánh niệm được về mọi danh pháp và sắc pháp khi chúng xuất hiện qua các căn môn , đó là sự hiểu biết thực tại đúng như nó là , trong từng sátna . Do vậy, Chánh Niệm giúp ta phòng hộ được các căn môn .

“...hành động sai quấy do Thân, hay Khẩu, hay Ý, hay sự không cưỡng lại được,Ý thức không cưỡng lại được với Ngũ Dục ; hay ý thức không làm việc cẩn thận, không kiên trì , làm việc không khẩn trương , buông thả Dục (chanda) , trì trệ, vô trách nhiệm, không kiên trì, không tinh tấn, không liên tục, không quả quyết, không thực hành, không chú ý đến phát triển thiện nghiệp; kể cả những gì tương tự như thế, lời là, cố ý lời là, hiện trạng lời là . Điều này được gọi là Lơ là không chú ý...”

Chánh Niệm còn là một trong “ngũ căn”, “ngũ lực”, “thất giác chi” và trong “Bát Chánh Đạo”
“Niệm quyền thực hiện được gì, khi đủ duyên hệ ?

Trong trường hợp gặp cơ hội hồi tưởng (Tưởng – sanna) , chánh niệm gợi nhớ lại điều đang hồi tưởng (không vọng tưởng, không tưởng điên đảo)

Trong trường hợp gặp cơ hội nhớ lại (ghi lại) , ý thức ghi tạc trong tâm, ngược lại với tính hồi hợt, hay lãng quên

“Tinh thâm thúy , là trạng thái không để cho cảnh trôi dạt đi mấtChánh Niệm xâm nhập vào cảnh (biệt sự thật chân đế) và được coi như là Thâm Thúy...”

“Niệm thực hiện công việc điều hành (các trạng thái tương ứng) với trạng thái là giới thiệu hay diễn giải cảnh đóchính là Niệm quyền ...”

“Chánh niệm không dao động do sự chệnh mặng , đầu chính là Niệm Lực . Chánh Niệm là ý thức không thể đảo ngược; mang tính đạo đức và giải thoát...”

Chánh niệm rất quan trọng đến mức, khi ta thực hành Chánh Niệm , nó gây ảnh hưởng tức thời và trực tiếp lên cuộc sống hiện tiền của chúng ta, trong cuộc sống hàng ngày ; và hơn nữa, nó còn gây ảnh hưởng lên toàn bộ thể giới của ta (các mối tương quan gia đình, xã hội, cộng đồng mà ta hiện hữu trong đó) , theo thể cách mà chúng ta gọi là , sự gieo trồng “đầu ấn tâm linh” , hay nói theo Le Bon , “sự lan truyền tâm thức” .

Chánh Niệm tinh thức, để trực nhận ra được tất cả những sự thật trên, là những nhân duyên tốt lành , tạo điều kiện cho chúng ta tiến dần đến sự hiểu biết chân chánh về vô thường, vô ngã , cuối cùng giúp ta xả bỏ đi cái “ngã chấp” đã bao lâu rồi làm phiền muộn chúng ta . Chánh Niệm xuất hiện khi đủ duyên hệ, nó hành hoạt , nó là tâm hành , nó thực hiện chức năng của nó .

Không có “ai” có thể bảo nó xuất hiện cả !

Chánh Niệm trợ thủ đắc lực cho Chánh Tri Kiến , và một khi Chánh tri kiến được phát triển, nó loại bỏ một cách không khoan nhượng những hành vi không hoàn hảo , nó giúp ta trước hết , có một trạng thái tâm linh bình ổn , an lạc và sau hết , đưa ta đến giải thoát khỏi sự nô lệ của Thân-Tâm , của Danh-Sắc này . Chánh Niệm luôn đi kèm với mọi Tâm Tịnh Hào .

Lời dạy của Đức Từ Phụ cụ thể, rõ ràng và dễ dàng biết bao nhiêu , sao ta không khởi sự tu tập ngay tại sátna này ? Ta cần những sátna can đảm và quyết tâm này để bắt đầu hành trình đi đến giác ngộ .

3.-Tàm (Hiri) và Quí (Ottapa) : là những trạng thái tinh thần mà tư cách thể hiện vô cùng cao thượng , nó làm cho con người “biết hổ thẹn” và “có liêm sĩ” , có “lương tâm (Hiriyati) ; biết “tự trọng và trọng người”, biết “cân trọng”, biết “băn khoăn (Ottappati) “ trong mọi hành vi .

Tàm (hiri) khiến người ta ngại ngùng nơi lương tâm về những hành vi bất hảo ... Chúng có hổ thẹn nơi lương tâm (hiriyati) về hạnh kiểm bất hảochính thế, tàm (hiri) có liên quan đến lương tâm . Hiri còn là một từ chỉ lòng khiêm tốn . Tàm (hiri) gây hổ thẹn về những hành vi bất thiện (ottappati) . Ottappati ám chỉ mối băn khoăn do điều bất hảo gây ra.

...lương tâm có trạng thái là ghê tởm điều xấu , trong khi đó Quí (ottapa) có trạng thái là sợ hãi những sự việc đó . Lương tâm có phận sự ngăn cản không cho làm điều xấu . Trong khi đó, xấu hổ có phận sự không thực hiện điều xấu và trong tình huống sợ hãi .

Gặp điều xấu, thành tựu ở cử chỉ co rút lại ...nguyên nhân sâu xa của 2 trạng thái tâm hồn này, chính là lòng tự trọng và kính trọng người khác...”

Với ý nghĩa như trên, trạng thái tinh thần Tàm (hiri) bắt nguồn từ nội tâm , có nguồn gốc chủ quan , vì lòng tự trọng . Còn trạng thái tinh thần Quí (ottapa) bắt nguồn từ ngoại giới , có nguồn gốc từ xã hội , vì lòng kính trọng ta dành cho tha nhân .

Trong nhân quần xã hội, loài người đã tách khỏi loài vật do quá trình tự giáo dục và giáo dục . Mọi xã hội, mọi thời đại, đều có chuẩn của đạo đức và lương tri , của luân lý và luật pháp ; và do vậy, Tàm và Quí đã hiện diện nơi con người như là chúa tể của các loài .

Nhưng ở đây, Tàm và Quí , ngoài các nội dung tục đế như trên, còn hàm chứa một nội dung chân đế , nghĩa là tâm hồn cao thượng này, không chứa chấp được bất kỳ một bất thiện tâm nào trong nó . Có những trạng thái tâm lý tinh tế mà ta cần phân biệt :

- Trạng thái cao thượng này (tâm, quý) không phải là tâm trạng ác cảm (sân căn) với điều bất thiện ; hay hối hận (hối, sân căn) về điều bất thiện .
- Trạng thái cao thượng này, không bắt nguồn từ sự “kiêu hãnh” (Mạn) hay “tà kiến”

Bởi vì, tâm thiện không đi chung với tâm bất thiện .

Ở đây, Tâm và Quý xuất hiện tự nhiên, như biểu hiện của một nhân cách cao thượng do sự học tập, nghiên cứu thấu đáo và hành trì Phật pháp mà sinh khởi ; **Tâm và Quý chỉ là sự biểu biệt của danh sắc một cách duyên sinh**, khi sự hành trì Giới, Định, Tuệ đã đạt đến một mức nào đó . Và như thế, tâm và Quý sẽ hiển lộ theo chừng mực mà thành quả tu tập tâm linh đạt đến . Chúng không phải là những hành vi có mục đích, nhằm “tỏ ra”, “chứng tỏ” rằng, ta là người cao thượng . Tâm và Quý đi kèm với mọi Tâm Tịnh Hảo .

“...vì khi Tâm (hiri) và Quý (ottapa) xuất hiện, thì Giới đức cũng xuất hiện và tồn tại ; khi cả hai chẳng sinh khởi, thì chẳng có gì xuất hiện và tồn tại cả...” Tâm và Quý, chính là “người bảo vệ thể gian” .

Cảm giác áy náy lương tâm nổi lên vào sátna đó, khi ta buộc phải cảm thấy áy náy lương tâm (tâm Tâm hành hoạt) . Cảm giác tội lỗi, khi phạm phải điều xấu xa tội lỗi . Đó chính là **Tâm (hiri) Lực** vậy .

Cảm giác tội lỗi nổi lên vào sátna đó, lúc ấy ta cảm thấy áy náy vì có lỗi ; cảm giác áy náy và đã làm điều xấu và điều sai quấy – tình trạng đó là **Quý lực** nổi lên vậy .

“Này chư Tỳ kheo, thiếu Năm đức tính tốt (5 căn, quyền, lực) ...không thể là người đạt được mục tiêu phải nhắm đến... Ông ta sẽ thiếu Niềm tin (saddha), Vô Tâm, không nét na, không đạo hạnh ; Vô Quý, không áy náy trước điều bất thiện, lười biếng và thiếu sáng kiến (chánh tri kiến) Có Năm đức tính tốt, vị Tỳ kheo ấy sẽ đạt được mục tiêu phải nhắm đến... Ông ta sẽ có Niềm Tin, có Tâm, có Quý . Vị Tỳ kheo sẽ chuyên tu chăm chỉ (Tinh Cẩn) và phát triển được mọi sáng kiến thiện quán tốt (Chánh tri kiến, Chánh niệm thiện quán) ... ”

Tâm và Quý là tâm hành, chúng xuất hiện khi đủ duyên hệ và chúng hành hoạt . Chẳng có “ai” thực hiện hành vi cao thượng cả !

Như thế, ta phải hiểu rõ ràng rằng, đạt hoàn toàn đến trạng thái tinh thần vô cùng cao thượng này, là một cuộc trường chinh, song hành với cuộc chiến sống còn diệt tận cái “ngã” . Tuy nhiên, **nó luôn hiển lộ theo từng sátna Chánh Niệm tỉnh thức**, theo dấu chân Chánh pháp . Sao không khởi sự tu tập ngay tại sátna này ? Ta cần những sátna can đảm và quyết tâm này để bắt đầu hành trình đi đến giác ngộ .

4.-Vô Tham : Trạng thái tinh thần được gọi là Vô Tham, có nghĩa là lòng vị tha, độ lượng, quảng đại, tính hào phóng sẵn sàng hy sinh và chia sẻ với tha nhân . Là một trạng thái tinh thần vắng lặng Dục vọng .

“Thiếu vắng sự tham lam, hay Vô tham, có trạng thái là Tuệ được thoát khỏi máu tham lam cả cảnh lẫn tư tưởng, và ngay cả tình trạng diệt dục vọng nữa . Giống như giọt nước trên lá sen, không dính mắc, không chiếm đoạt, như một Tỳ kheo đã giải thoát...”

Nghĩa là như giọt nước trên lá sen, nó không làm ướt lá, không sót lại hơi ẩm trên lá, hoàn toàn trượt khỏi, hoàn toàn rời khỏi là sen .

Như vậy, trạng thái tinh thần Vô Tham này, hoàn toàn không chiếm đoạt, không gắn kết vào cảnh, nó cũng không bị ảnh hưởng bởi cảnh, cũng không bị cảnh ảnh hưởng ngược lại . Trạng thái tinh thần này không có bất kỳ cảnh nào biểu hiện của cái “ngã” cả, là trạng thái tinh thần vô ngã, không chấp thủ, vô trước . Vô Tham thành tựu ở tính vô tư, một trạng thái như thế, là sự tự do và giải thoát hoàn toàn .

Hiểu Vô tham như thế , ta mới thấy là trạng thái Tham khó diệt đến như thế nào ! Chúng ta sống cuộc đời thường, thì tâm trạng chấp thủ với bản thân hay với người, hoặc với của cải, là những điều rất bình thường. Ta cho rằng, lòng tham đó không có gì nguy hiểm, với điều kiện không gây hại gì cho bất kỳ ai cả. Và do vậy, lòng tham xuất hiện thường trực, ngày qua ngày, khi ta chỉ muốn những điều tốt nhất cho mình, chỉ nghĩ đến mình mà thôi. Ta cố gắng đạt được những điều sáng khoái cho mình và cho những người mình yêu mến; ta cũng đòi hỏi người khác đối xử thoải mái với mình nữa... và rồi, ta cũng sáng khoái với cả những điều thiện mà ta làm, ta cũng tỏ lòng tham với điều thiện của ta... bậc thiện giả cũng phải là... ta ! Ta cũng thường hay biện minh cho những dễ dãi, để tránh sự bất tiện cho bản thân, mà sự dễ dãi này, suy cho cùng, cũng là sự tìm kiếm thêm tiện nghi thoải mái cho bản thân.

Vậy đó, khi những thứ đó thay đổi, thì ta cảm thấy phiền muộn. Các tâm bất thiện luôn bao giờ vẫn thế.

Có quá nhiều sátna tâm tham xuất hiện trong cuộc sống, nên không dễ gì phân biệt những sátna tâm Vô tham xảy ra. Ở những sátna Vô tham ấy, ta không còn nhớ đến “ta” nữa, không còn nhớ đến “mệt mỏi và bất tiện” nữa, cũng không nghĩ đến cả cái bản chất của hành vi, nhưng lại trực nhận được lợi ích trong hành vi vô tham ấy (như hành vi cứu người trong tai biến; giúp người trong khẩn cấp, v...v). Người cư sĩ tại gia, trong việc mưu sinh hàng ngày, sự thể hiện tính vô tham qua những hành vi nhỏ nhặt như: sự thực hành nghiêm mật Chánh Mạng để dùng các phương tiện chân chánh làm sinh kế; tránh xa những thú vui nhục dục; rộng rãi, hào phóng, độ lượng với mọi người; tham gia các công tác cộng đồng....

Với Chánh Kiến và Chánh Niệm, ta có thể nhận thấy và phân biệt được những trạng thái tinh thần tâm lý xuất hiện thường xuyên qua các căn môn. Ta không thể ép mình từ bỏ những tiện nghi dục lạc, nhưng ta phải “thấy” chúng, và dần dà, ta giảm dần sự dính mắc vào chúng. Không có cái gì phải vất ra ngoài cả, không có cái gì phải từ bỏ cả. Chỉ loại bỏ những khuynh hướng vị ngã, Ái và Tà kiến và các trạng thái không hoàn hảo của tinh thần mà thôi. Vô Tham sinh khởi khi đủ duyên hệ, nó hành hoạt, ta không thể tự bảo ta Vô Tham !

Như thế, trạng thái tinh thần Vô tham có nhiều mức độ, nó thăng tiến song hành theo mức độ Chánh kiến, Chánh Niệm, Chánh Định. Vô tham hoàn toàn đạt được trong trạng thái cao nhất là trạng thái tinh thần Alahán, nơi đó, cái “ngã” đã bị diệt tận. Tuy nhiên, Vô Tham luôn xuất hiện với tất cả Tâm Tịnh Hảo, **nó luôn hiển lộ theo từng sátna Chánh Niệm tỉnh thức**. Sao không khởi sự tu tập ngay tại sátna này? Ta cần những sátna đây can đảm này để quyết tâm bắt đầu con đường đi đến giác ngộ.

5.-Vô sân : Trạng thái tinh thần gọi là Vô sân, có nghĩa là một trạng thái tâm lý vắng lặng bạo lực, nó mang tính chất từ hòa (từ tâm – metta), thân thiện và nhẫn nại chấp nhận cái thực tại hiện là.

“...vô sân hay sự vắng bóng hận thù, có trạng thái là được giải thoát khỏi sự thô bi hạ đẳng, hay oán giận; nó giống như một bạn thân thiết. Vô sân có phận sự triệt phá mọi trái ý, hay dây lùm đau khổ buồn rầu...; Vô sân thành tựu nơi niềm hân hoan cho mọi người....”

Sân và Vô sân ảnh hưởng mãnh liệt đến tính khí và hành vi con người:

“...vắng bóng hận thù là nguyên nhân đem lại tính trẻ trung; người nào không hận thù, ắt không bị ngọn lửa hận thù thiêu rụi, khiến cho trán nhăn và tóc bạc, người ấy trẻ mãi không già....”

“...không hận thù, chính là nguyên nhân tạo ra bạn bè. Nhờ tình yêu, ta dành lại bạn bè và không để mất đi một người nào cả (thiện tri thức)...”

“..Vô Hận (avyapada) chính là tác nhân không tàn phá hạnh phúc của chính mình, cũng như của người khác ; không hủy hoại tương lai trần tục và tiếng tốt của mọi người...”

Để sinh khởi từ tâm, để trưởng dưỡng từ tâm, cần phát triển Khéo tác ý , giữ Chánh niệm trên hành vi Thân-Khẩu-Ý của ta . Nếu một trong 3 hành vi ấy, hành vi nào an tịnh, thì khởi nghĩ, khéo tác ý để mở rộng hành vi ấy, mỗi khi có cảm thọ không hoàn hảo .

Từ Tâm (metta) , là một trạng thái tinh thần cao thượng, hướng đến mọi sinh linh , mà hành vi Bồ thí là một biểu hiện . Trạng thái tinh thần từ ái này , khi xuất hiện, sẽ tự động biểu lộ ra thành các hành vi trong cư xử . Đó là Từ tâm lực , nó là tâm hành, nó hành hoạt . Ta không thể có hành vi từ tâm, khi từ tâm không xuất hiện . Chỉ là tâm pháp đang thực hiện phận sự mà thôi . Chẳng có “ai” chỉ huy cả !

Từ tâm là một trạng thái tinh thần cao thượng , là một trạng thái vô sân đặc biệt :

“..trạng thái Từ tâm, là một thôi thúc cho hạnh phúc an sinh ; phận sự của từ tâm, là ưa thích hạnh phúc ; thành tựu của từ tâm, là tiêu diệt phiền não . Nguyên nhân sâu xa là nhận ra được sự đáng yêu nơi chúng sinh . Từ tâm thành công khi chế ngự được tâm Sân hận (vyapada) và từ tâm thất bại khi tạo ra tình cảm ích kỷ...”

Tuy nhiên, từ tâm không phải là sự yêu thương (pema) có tính gia đình , bởi vì pema có ẩn tàng lobha . Nhưng pema có thể dẫn đến metta , khi nó trở nên vô biên giới và vô ngã .

Từ Tâm có thể đi kèm hay không đi kèm với Chánh Kiến , nhưng có Chánh Kiến, thì dứt khoát có Từ tâm . Vì thế, kẻ thù của từ tâm là lòng vị kỷ , tham lam , là chấp ngã, là ngã và ngã sở . Khi ta thực hiện lòng thương yêu kèm theo quan niệm hay khái niệm “những người ta yêu, những bằng hữu , những con vật nuôi ta yêu“, là ta bóp chết Tâm Từ , mà trưởng dưỡng thói vị ngã , chấp thủ “ngã sở” .

Khi ta Bồ thí, nếu Thọ Hỷ, thì chánh niệm và chánh kiến để quán sát xem, dưới lòng từ đó , có Tham hay chăng ? Có vị kỷ (để cho người yêu thích) hay chăng ? Nếu có, đó chính là tâm Tham căn, không phải tâm từ . Nếu không , thì đây là Hỷ vô lượng tâm , sinh khởi từ Từ .

Ta phải nên cảnh giác cao, mỗi khi thực hiện từ tâm, có thọ Hỷ .

Tu tập Từ tâm, ta có 11 điều ích lợi :

- Ngủ an vui
- Thức an lạc
- Không có ác mộng
- Được người thương mến
- Được Phi-nhân thương mến
- Được chư Thiên hộ trì
- Không bị ác hại
- Tâm mau chóng an trú trong Định
- Thân tướng trong sáng
- Lâm chung không mê loạn
- Tái sinh về cõi Trời

Tâm Từ là một đề mục Thiền chỉ, tu tịnh , nên việc tu luyện tâm Từ, tu tập Thiền tâm Từ , nhằm đối trị với các tâm Sân một cách vô cùng hiệu quả . Từ là một trong Tứ Vô lượng tâm , khi xuất hiện, Vô tham cũng đi kèm và cùng với hành Xả, gọi là Xả Vô Lượng Tâm . Những Vô lượng tâm , Từ, Bi, Hỷ, Xả , là trạng thái tinh thần độ lượng vô biên , vô giới hạn , chỉ có được trong một bản chất tinh thần hoàn hảo nhất .

Nhẫn nại , là một trạng thái tinh thần cao thượng , nó chấp nhận một cách hiểu biết sâu sắc nhất cái thực tại đang là , nó là biểu hiện của tâm Vô sân đang hành hoạt , nó là một khía cạnh khác của Vô sân . Sân hận sẽ sinh khởi khi ta mất kiên nhẫn với chính mình hay với người .

Khi ta không thể chịu đựng nổi với những khó chịu hay đau đớn xác thân trong bệnh hoạn , là vì ta không hiểu được cảm thọ qua các căn môn là quả dị thực . Và rồi ta không còn kiên nhẫn .

Khi ta mất đi một điều gì vô giá , hoặc điều gì mà ta không thể có lần thứ hai , ta không thể kham nhẫn nổi cái nỗi niềm xót xa , tiếc nuối ; chỉ vì ta không chánh niệm được rằng, cảm thọ đó , là quả dị thực , mà chính bản thân ta phải thọ báo . Và rồi ta mất đi lòng kiên nhẫn .

Với Chánh Niệm, ta trì giữ giới luật, thì Vô sân xuất hiện , nó đi kèm với mọi tâm thiện . Khi Chánh niệm xuất hiện, nó sẽ ngăn trở ta không làm điều tà vạy và Vô sân cũng đi kèm để giúp ta loại bỏ sự trái ý , và trong những sátna tâm ấy . Lòng Từ của chúng ta trải ra trong không gian . Sao không khởi sự tu tập ngay tại sátna này ? Ta cần những sátna đây can đảm này để quyết tâm bắt đầu con đường đi đến giác ngộ .

6.- Hành Xả - Tatramajjahattatā : Trạng thái tinh thần và tâm linh cực kỳ quân bình , điềm tĩnh , nó điều độ trạng thái tư tưởng nền tảng và các tâm trạng sao cho cân bằng , không rơi vào cực biên , giữ cho tâm trạng an trụ nơi trọng tâm , trung tâm, trung đạo , trung lập :

“Hành Xả có trạng thái là truyền tải tâm và các sở hữu ngang bằng nhau , với phận sự ngăn ngừa điều thiếu hụt cũng như thái quá ; hay còn có phận sự kèm chế thiên vị . Hành Xả thành tựu bằng tính chất trung lập không thiên vị ; giống như người đánh xe bình tĩnh , chăm chú điều khiển cặp ngựa nói chạy đồng đều . Nhân gần là các pháp hoà hợp nhau “

Khi Hành Xả xuất hiện sẽ không có niềm vui hay nỗi buồn , cảnh được cảm nghiệm được cân nhắc rất vô tư, không thiên vị. Đôi khi Sở hữu Xả này còn được gọi là Upekkha , một trong Tứ Vô Lượng tâm .

Hành Xả ảnh hưởng đến sự cân bằng giữa các {tâm và các sở hữu đi kèm} . Trạng thái của Hành Xả mang tính trung hòa ; phận sự của nó là ngăn ngừa sự thiếu hụt hay thái quá giữa các {tâm & các sở hữu đi kèm} , hay hạn chế sự thiên vị . Tâm Xả ảnh hưởng đến sự thăng bằng giữa {tâm & các sở hữu đi kèm} .

Người Trí tuệ từ bỏ hết mọi thứ ; Người thánh thiện không nói chuyện tầm phào kèm tư tưởng tham lam ; Người Trí không tỏ vẻ phẫn chán hay buồn phiền , cho dù hạnh phúc có bị xâm phạm hay gây hại .

Hành Xả không phải Thọ Xả ; Hành Xả không phải cảm giác , Thọ Xả là cảm giác , mặc dù cả 2 đều là tâm hành , như Thọ lại vừa là một Uẩn . Chúng có nhiệm vụ, trạng thái, phận sự , thành tựu và nguyên nhân khác nhau .

Xả là một trong Bảy Giác Chi và là một trong các pháp Ba La mật và là một trong Tứ Vô lượng tâm .

Cho nên, có nhiều loại tâm Xả khác nhau , có tâm Xả nơi thiên chi, tu tịnh hay thiên quán . Có tâm Xả là đề mục tu luyện thiền tứ vô lượng tâm; hoặc là tâm Xả tự sinh khởi và phát triển qua sự tu tập thiền Tứ Niệm Xứ , đó là Xả giác chi . Cuối cùng, tâm Xả cao nhất, là tâm Xả bước thứ sáu, bước kết thúc khi đạt đến trạng thái tinh thần Ala Hán , trạng thái tinh thần và tâm linh không còn mối duyên hệ với Bát phong : Thành, bại, vinh, nhục, đúng, sai, còn, mất . Có 10 Xả :

- Lục chi Xả : bình tâm trước 6 cảnh trần .
- Xả phạm trú : nhìn mọi chúng sinh đều bình đẳng (Ngã, Nhân, Chúng sinh, Thọ giả)
- Xả giác chi : trạng thái quân bình phát triển theo bước tu tập .
- Cần Xả : trạng thái tinh cần một cách quân bình , không căng quá, không dòn quá .
- Hữu vi Xả (hành Xả) : nhìn các pháp hữu vi hiển lộ tam tướng một cách bình tâm .
- Thọ Xả : sở hữu Thọ
- Quán Xả : quán được tam tướng , một cách bình tâm .
- Quân bình Xả : chính là hành xả này .

- Thiền Xả : là lia bỏ trạng thái Hỷ của Nhị thiền để chứng tam thiền ; hoặc lia bỏ trạng thái Lạc của tam thiền để trú vào Xả .
- Tịnh Xả : là trạng thái vắng lặng các pháp ràng buộc , là sở hữu Tịnh thân .

“Ở đây, tâm Xả thuộc giác chi thứ 6, gọi là tâm Xả nơi những ai đã tận diệt được hết mọi lậu hoặc . Đây chính là phương thức không loại bỏ hiện trạng thuần khiết tự nhiên khi những cảnh Tham hay Vô tham , góp trong 6 loại đó được tập trung xuất hiện nơi 6 môn, được mô tả như sau: đây là một Tỳ kheo đã tận diệt được hết lậu hoặc, không còn phẫn chấn hay buồn rầu, khi tận mắt chứng kiến cảnh sắc . Tỳ kheo đó được Hành Xả, Chánh niệm và luôn tỉnh giác” .

Với Chánh kiến được phát triển , tâm Xả sẽ xuất hiện . Tâm Xả chỉ có thể đạt đến bằng hiểu biết, bằng tu luyện từng bước một mà thôi , mà bước thứ 6 , giác chi thứ 6, nhắc nhở rằng, cho đến khi nào ta thực sự hiểu biết mọi cảnh xuất hiện qua 6 môn , thì lúc đó ta mới đạt được Tâm Xả trước mọi thời, mọi cảnh .

Cho nên, khi tâm thiện sinh khởi, thì tâm Xả ở mức độ tương ứng luôn đi kèm, vì nó có nhiệm vụ duy trì sự quân bình giữa {tâm & các sở hữu đi kèm} . Chúng ta hành trì Tứ Niệm Xứ , chúng ta không nhằm đến phát triển tâm Xả, nhưng tự nó sẽ phải phát triển , vì đó là nhiệm vụ của nó . Ví dụ như sự thăng bằng giữa các trạng thái Chánh Tín, Chánh Tinh tấn, Chánh Niệm, Chánh Định và Chánh Tri kiến.

Hãy thực hành Chánh Niệm tỉnh giác , mọi tâm thiện sẽ tự phát triển . Sao không khởi sự tu tập ngay tại sátna này ? Ta cần những sátna đầy can đảm này để quyết tâm bắt đầu con đường đi đến giác ngộ .

*

* * *

Chúng ta đã nghiên cứu qua về 7 sở hữu tịnh hảo biến hành , là bảy trạng thái tinh thần tâm linh hoàn hảo , chúng xuất hiện với tất cả các tâm tịnh hảo là những trạng thái tâm thức có tính bản chất thánh thiện trong mỗi con người .

Tiếp sau, là các “cặp” sở hữu tinh hảo , gọi là “cặp” là vì chúng xuất hiện từng đôi một , chúng chỉ cho trạng thái thân-tâm và trạng thái tâm linh , bao gồm một trạng thái gọi là “thân” (Kaya) và một trạng thái gọi là “tâm” (Citta). Tất cả các cặp sở hữu này đều thuộc về Danh-pháp .

- Trạng thái Thân – Kaya : chỉ cho trạng thái thân-tâm hay là trạng thái của các sở hữu . Nói chung , Kaya chỉ cho 3 Uẩn : Thọ , Tưởng và Hành . Là chỉ cho trạng thái của cảm thọ, trạng thái của nhận thức và trạng thái của chính các tâm trạng biểu hiện .
- Trạng thái Tâm – Citta : chỉ cho trạng thái tâm linh Citta . Nói rộng ra , là chỉ cho trạng thái của Thức Uẩn .

Thật rất khó mà phân biệt được khi chúng xuất hiện, cái nào là Kaya và cái nào là Citta . VDP cho rằng chúng liên kết với dao động thuộc các sở hữu đi kèm và chi phối theo tính trạng của chúng ; và phương cách mà chúng thể hiện là một cái chi phối yếu tố tâm linh (thức uẩn, tâm thức) , một cái chi phối yếu tố ý thức (sở hữu tâm) . Có lẽ một cái chi phối Vô thức hay Tiềm thức , cái còn lại chi phối phần Ý thức hữu thức .

Tất cả 6 cặp sở hữu tịnh hảo này đều đi kèm với tất cả các tâm tịnh hảo . Chúng rất cần thiết cho việc phát triển tâm linh và ý thức một cách hoàn hảo . Vì chúng trợ giúp đắc lực cho các {tâm & các sở hữu} tịnh hảo đi kèm trong việc **diệt trừ mọi phiền não (kilesa)** . Chúng rất lành mạnh, khôn khéo, quyền biến, năng động, uyển chuyển trong việc điều phối các yếu tố tâm và tâm thực thi nhiệm vụ của mình .

7.- **Cặp Điềm tĩnh : Sở hữu Tịnh Thân & Sở hữu Tịnh Tâm (Kaya & Citta – passaddhi)**

Là trạng thái “khinh an”, “tịch tĩnh”. Cặp này chi phối sự tĩnh lặng, tịch tĩnh, thanh tịnh, lắng dịu của toàn bộ trạng thái tinh thần cũng như tư tưởng hoàn hảo, biểu hiện ra cả hành vi.

“...hai trạng thái này cộng với đặc tính là làm dịu đau khổ cả về tâm linh lẫn ý thức; cả hai còn có phạm sự triệt phá đau khổ thuộc hai lĩnh vực nói trên; cả hai thành tựu đặc tính làm cho các hiện tượng tâm linh và ý thức luôn được vững vàng. Nguyên nhân sâu xa đối với cả hai trạng thái trên chính là các yếu tố tâm linh và ý thức. Cả hai chống lại sự sa sút, như xao lãng hay phóng dật; gây xáo trộn cho các yếu tố tâm linh và ý thức”.

“...là sự yên lặng, tĩnh lặng, lắng dịu, trạng thái an tịnh của thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn; đây là tịnh thân...”

“...là sự yên lặng, tĩnh lặng, lắng dịu, trạng thái an tịnh của Thức uẩn; đây là tịnh tâm...”

Khi các trạng thái tinh thần tâm lý hoàn hảo xuất hiện, thì một trạng thái “trầm tĩnh tâm linh” xuất hiện, giúp **đổi trị lại với “phóng tâm, phóng dật”**.

Trạng thái khinh an hay tịch tĩnh là một trạng thái hoàn hảo, không giống như khái niệm tục đế chế định. Bởi vì trạng thái tịch tĩnh không có một cảm giác nào của sự “yên tĩnh có căn Tham”. Phải có Chánh niệm thật sắc bén, ta mới nhận ra trạng thái khinh an. Khi các trạng thái hoàn hảo tinh thần sinh khởi, thì cặp “sở hữu tịnh” này của sinh khởi kèm theo. Chúng cũng có nhiều mức độ tịch tĩnh tương ứng với mức độ hoàn hảo trong tinh thần, nghĩa là tương ứng với mức độ mà Chánh kiến, Chánh niệm và thiền đạt đến.

Khinh an cũng là một Giác chi trong Bảy giác chi. Như thế, khinh an hay cặp sở hữu “tịnh” này, sẽ tự động sinh khởi và phát triển theo mức độ tu tập Tứ Niệm Xứ.

Có 6 loại thanh tịnh :

- Khẩu thanh tịnh : lời nói thanh tịnh .
- Tâm – Tứ thanh tịnh : trạng thái chứng và trú trong Nhị thiền .
- Tuỳ Hỷ thanh tịnh : trạng thái chứng và trú Tam trong thiền .
- Hô hấp thanh tịnh : trạng thái chứng và trú trong Tứ thiền .
- Thọ - tưởng thanh tịnh : trạng thái chứng và trú trong Diệt thọ tưởng định .
- Các phiền não được lắng yên : là trạng thái tinh thần của bậc Thánh A La Hán .

“...điều gọi là sở hữu tịnh thân, tịnh giác chi đó, chính là toàn bộ trí tuệ, là giác ngộ cũng như giải thoát toàn diện. Đó là sở hữu tịnh tâm. Điều gọi là sở hữu tịnh tâm, tịnh giác chi chính là sự hiểu biết toàn diện, là giác ngộ và giải thoát hoàn toàn”.

“Tịch tĩnh trong tâm hồn, trong lời nói và trong hành động, vị Thánh A La Hán biết rõ điều này, và được giải thoát hoàn toàn..., tịch tĩnh hoàn toàn và bình thản trong tâm hồn trọn vẹn”.

8.- **Cặp Nhẹ nhàng – Sở hữu khinh thân (Kaya-lahuta) – Sở hữu khinh tâm (Citta-lahuta) :**

Là trạng thái tâm linh và ý thức nhanh nhẹn, nhạy bén, không trì trệ. Chúng có đặc tính “cảnh giác không cố định”, là “khả năng tâm nhanh nhẹn quay trở lại với cảnh hoàn hảo, hay với niệm về tính vô thường...”

“...là sự nhẹ nhàng, sự biến chuyển nhẹ nhàng, không chậm chạp, không chần chừ của thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn; đây là khinh thân...”

“...là sự nhẹ nhàng, sự biến chuyển nhẹ nhàng, không chậm chạp, không chần chừ của thức uẩn; đây là khinh tâm...”

“Sở hữu khinh thân chính là hăng hái, sôi nổi thuộc về các yếu tố tâm linh . Sở hữu khinh tâm là tính hăng hái của tâm . Có trạng thái là loại trừ hay hủy diệt được tính nặng nề, lè mề của mình hay của người khác . Phận sự của nó là triệt phá sự nặng nề nơi cả hai cảnh trên . Nó thành tựu ở tình trạng đối nghịch lại tính bất động cả về các sở hữu và tâm, nơi cả hai cảnh đó ; và nguyên nhân sâu xa là có những sở hữu và tâm . Đối nghịch với sa sút, như Thụy miên và Hôn trầm, là những yếu tố tạo ra sự trì trệ nặng nề và xơ cứng các sở hữu tâm và tâm “.

Trạng thái tinh thần hoàn hảo cần đến chánh tin, chánh niệm, và cần cả tính nhạy bén tâm linh để khử trừ tính xơ cứng, nặng nề . Như thế, khi tính nhạy bén xuất hiện nơi các {tâm & các sở hữu đi kèm} thì sự phản ứng của tâm lý đối với sự trì trệ trở nên tích cực . Chúng **đối trị với Hôn trầm và Thụy miên** . Tính sắc bén này rất cần thiết trong việc phát triển chánh niệm , chánh kiến

9.- Cặp Mềm mại – Sở hữu Nhu thân (Kaya-muduta) và Sở hữu Nhu tâm (Citta-muduta) :

Là trạng thái tâm linh và ý thức dịu dàng, ngọt ngào, nhuần nhuyễn , nhip nhàng, mềm dẻo, nhu hòa , nhu nhuyễn , không cứng rắn khắt khe .

“...là sự nhu nhuyễn , sự mềm mại, trạng thái không thô cứng, trạng thái không cương ngạnh của thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn ; đây là nhu thân ...”

“...là sự nhu nhuyễn , sự mềm mại, trạng thái không thô cứng, trạng thái không cương ngạnh của thức uẩn ; đây là nhu tâm ...”

“Cả hai có trạng thái là triệt phá tính cứng nhắc nơi những yếu tố tâm và tâm; có phận sự triệt phá cả hai thứ vừa kể . Nó thành tựu hay gây ảnh hưởng ở chỗ không kháng cự lại ; và những yếu tố tâm và tâm là nguyên nhân sâu xa . Cả hai đều chống lại sự thối rữa, như tính ngoan cố nơi tà kiến và tính tự phụ là nguyên nhân tạo ra xơ cứng tâm linh và ý thức “.

Như thế, trạng thái hoàn hảo này **đối trị** lại với trạng thái **Mạn** (Mana) dưới các dạng tướng ; và đối trị với **Tà kiến** dưới các dạng hình , và **Chấp thủ** .

Cặp sở hữu này cũng là trạng thái dễ uốn nắn , dễ dạy bảo, nghĩa là nhu nhuyễn trước Chánh pháp, mà trong Kinh điển nhiều lần ghi chép “...Đấng Chí Tôn biết rõ tấm lòng của tướng Siha nay thật trong trắng , dễ dạy và không vương phải trở ngại nào , luôn hướng thượng và trong sángnhư là một chiếc áo không tỳ vết , tinh sạch , sẽ được nhuộm vô cùng hoàn hảo...”

10.- Cặp Thích ứng – Sở hữu Thích thân (Kaya-kammanata) và Sở hữu Thích tâm (Citta-kammanata) :

Là trạng thái tâm linh và ý thức thích ứng , thích nghi ; có tính vận dụng được hay khai thác được .

“Thích ứng, là thực hành điều thiện tốt đẹp, với ý nghĩa bền bỉ, để không bị lệ thuộc ...đạt được trạng thái an lành “

“ Chúng là yếu tố làm tăng trưởng niềm tin cho người có niềm tin “

“...đem niềm tin đến các đối tượng đức tin , bền bỉ nơi công việc có lợi , cả hai còn được ví như là vàng ròng (thanh tịnh ròng)”.

“Đặc tính tận dụng biểu thị mức độ đặc thù và thích hợp về tính mềm dẻo dễ uốn nắn của Vàng , nghĩa là tâm để sử dụng”

Tính vận dụng mang lại niềm tin cho đối tượng đức tin và kiên trì trong việc thực hiện điều hoàn hảo . Cặp sở hữu này rất quyền biến , năng động trong việc vận dụng các {tâm & các sở hữu đi kèm} cùng với các cảnh , một cách hoàn hảo nhất , để cho toàn bộ hiện trạng đạt đến sự hoàn hảo tối ưu . Do vậy , tính vận dụng rất cần thiết cho trạng thái tinh thần hoàn hảo , thiếu vắng cặp sở hữu tịnh hảo này , chúng ta khó tu luyện thành công trong quá trình văn – Tư – Tu .

Chúng là pháp **đối trị với tất cả năm triền cái** .

“...là sự thích nghi, cách thích nghi, tình trạng thích nghi của thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn ; đây là thích thân...”

“...là sự thích nghi, cách thích nghi, tình trạng thích nghi của thức uẩn ; đây là thích tâm...”

11.- Cặp Thành thạo – Sở hữu Thuần thân (Kaya-pagunnata) – Sở hữu Thuần tâm (Citta-pagunnata) Là trạng thái tâm linh và ý thức thuần thực, chuyên nghiệp , có khả năng hay có hiệu quả trong việc thực thi điều hoàn hảo . Chúng trừ diệt các loại bệnh hoạn tâm linh , là đối trị với sự thối nát, lũng đoạn .

“ Gọi thuần thực, là có sự rành rẽ , với ý nghĩa là thực trạng không yếu đuối , không bệnh “

“...mọi nhiệm vụ do người đồ đệ thực hiện nơi cuộc sống Phạm thiên này, họ chế ngự được các vấn đề hệ trọng cũng như tâm thường , tức là người đồ đệ đó phải thật khôn khéo , nghị lực và có khả năng công hiến suy nghĩ riêng tư của mình một cách thích hợp nhất , và thực hiện được với tư cách là một vị Tỳ kheo ...”

Cặp sở hữu “thành thạo” này cũng có nhiều mức độ , tương ứng với các giai đoạn giác ngộ , và **đối trị các phiền não** , là “vô tín” , làm thân-tâm yếu đuối .

“...là sự thuần thực, cách thuần thực, trạng thái thuần thực của thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn ; đây là thuần thân ...”

“...là sự thuần thực, cách thuần thực, trạng thái thuần thực của thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn; đây là thuần tâm ...”

12.- Cặp Trung Đạo – Sở hữu Chánh thân (Kaya-ujukata) và Sở hữu Chánh tâm (Citta-ujukata) : Là trạng thái tâm linh và ý thức Chính trực, ngay thẳng , không thiên lệch , không quanh co . Chúng tiêu diệt sự dối trá, xảo quyệt , sự thiếu trung thực nơi các yếu tố tâm và thân . Chúng chống lại các trạng thái “giả vờ” , “giả dối” , diệt tận các thói “vị kỷ” , “tham lam” núp bóng điều tốt . Như thế, khi Chánh kiến được phát triển tốt, cặp sở hữu này cũng phát triển tương ứng .

“...là sự ngay thẳng, cách ngay thẳng, trạng thái ngay thẳng , không cong vẹo, không vắn vẹo , không quanh co của thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn ; đây là chánh thân...”

“...là sự ngay thẳng, cách ngay thẳng, trạng thái ngay thẳng , không cong vẹo, không vắn vẹo , không quanh co của thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn ; đây là chánh tâm...”

Lòng trung chánh này , còn có tính không thiên lệch , nghĩa là chống lại mọi trạng thái tâm lý “thái quá” hay “bất cập” , chúng dẫn ta đi trên con đường “trung đạo” . Khi Chánh niệm được phát triển , thì cũng ở ngay sátna ấy, sự trung thực của mọi danh sắc được hiện hữu . **Phiền não sẽ bị diệt tận** một khi ta am hiểu chúng một cách tường tận nhất , một cách trung thực nhất .

Các trạng thái tư tưởng tiết chế Sở hữu Giới phần

Là 3 tiết chế tâm sở : Chánh Ngữ , Chánh Nghiệp , Chánh Mạng , tương đương với Giới uẩn (5 giới , 10 Thiện nghiệp) , ba phạm trù này liên hệ mật thiết đến Thân – Khẩu và Ý .

Đây là các trạng thái tâm linh cao thượng, nó giúp chúng ta ngăn ngừa những điều không hoàn hảo một cách tự giác . Chúng luôn có mặt trong 16 tâm gồm 8 tâm Dục giới và 8 tâm Siêu thế .

“...mỗi loại trong Giới phần này, không xâm phạm hay làm phương hại đến đối tượng của hai loại kia . Chúng có phạm sự cô đọng lại cùng một lúc ; và nguyên nhân sâu xa của Giới phần này chính là niềm tin (Chánh tín) , Tàm và Quý , thỏa mãn và hơn thế nữa . Cả ba được phát sinh do việc ngăn ngừa tâm thoát khỏi mao hành vi xấu xa “.

Như thế, mỗi Giới phần chỉ xuất hiện với đối tượng riêng của nó mỗi sátna tâm mà thôi . Nghĩa là khi ta nói lời Chánh ngữ, thì trong những sátna tâm ấy , ta không thể thực hiện Chánh Nghiệp và Chánh Mạng trên các đối tượng của hai giới phần này .

Nguyên nhân sâu xa của trạng thái tinh thần thành thiện này , là niềm tin vào Giáo pháp, là Chánh Tín, là Tàm, là Quý và tâm kham nhẫn . Và biện pháp tiết chế bằng con đường duy nhất là Chánh niệm tinh giác luôn phòng hộ các căn môn .

1. **Chánh Ngữ** : thể hiện một trạng thái tinh thần tư tưởng hoàn hảo , nó chi phối mọi lời nói sao cho hoàn hảo nhất , là những lời nói trung thực (là nói đúng thời , đúng lúc, đúng nơi, đúng người; hoặc không nói lời huyễn hoặc, nịnh hót , vô căn cứ ...) ; lời nói với từ tâm (không nói lời thô ác, sân hận ; không nói lời đâm thọc , vu khống gây chia rẽ ; không nói dối ; không nói lời phú phiếm, vô ích) ; không nói những lời xảo quyết gợi ý , những lời khôn khéo nhằm mục đích làm cho người nghe phải làm một điều gì đó , mà điều ấy xuất phát từ những tâm bất thiện của ta .

Khi chúng ta giữ yên lặng với từ tâm và kiên nhẫn, thì đó là trạng thái tâm linh hoàn hảo . Nếu sự yên lặng nơi ta, vì kèm hãm những lời nói tà vạy , vì giữ giới phần , thì ta phải hiểu rằng tâm sân căn hoặc/và Si căn đang hành hoạt trong ta .

2. **Chánh Nghiệp** : trạng thái tinh thần tư tưởng hoàn hảo, chi phối mọi hành vi thân thể, lời nói và suy nghĩ hoàn hảo . Nói theo nguyên ngữ là việc làm đúng, chân chánh , nghĩa là tất cả các hành vi thân-khẩu-ý, đều được chân chánh . Bao gồm : không sát sinh dưới mọi hình tướng ; không trộm cắp ; không đâm dục ; không dùng các chất kích thích

Chánh nghiệp giúp con người tạo tác nên các Thiện nghiệp và nhất là , không còn tạo nên những bất thiện nghiệp nữa . Chánh kiến và chánh niệm làm trưởng dưỡng chánh nghiệp . Khi một trạng thái tinh thần hoàn hảo xuất hiện, thì con người tự hiểu sâu xa và như thực rằng, điều gì cần phải thực thi , điều gì là tà vạy .

3. **Chánh Mạng** : là trạng thái tư tưởng hoàn hảo trong việc mưu sinh , sinh kế , nuôi sống bản thân và tha nhân đời thường . Giáo lý dạy rằng có Năm loại nghề nghiệp mà những Phật tử phải tránh xa :

“Này chư Tỳ kheo, có năm ngành nghề kinh doanh cấm những phàm phu không được làm : buôn bán khí giới, buôn bán người, buôn bán thịt, buôn bán rượu mạnh, và buôn bán độc dược” .

“...đó cũng là Tà nghiệp, nếu kẻ nào nhận của hối lộ ...”

Để trợ giúp cho các giới phần được thêm phần hoàn hảo, giáo lý nêu ra những phong cách sống như sau :

- Có 10 điều hoàn hảo , được gọi là Thập thiện nghiệp :

- | | |
|----------------------------|------------------------------------|
| 1) Không Sát sinh (Sát) | 6) Không nói lời hung dữ (Vọng) |
| 2) Không Trộm Cướp (Đạo) | 7) Không nói lời trau chuốt (Vọng) |
| 3) Không Tà hạnh (Dâm) | 8) Không Tham Dục (Tham) |
| 4) Không nói Dối (Vọng) | 9) Không Sân hận (Sân) |
| 5) Không nói 2 lưỡi (Vọng) | 10) Không Tà Kiến . |

- Và có 10 hành vi hoàn hảo , được gọi là 10 Balamật :

- | | |
|-------------|---------------|
| 1) Bồ thí | 6) Tùy hỷ |
| 2) Trì giới | 7) Thiền định |

- | | |
|---------------|-----------------------|
| 3) Tinh tấn | 8) Phát triển tuệ tri |
| 4) Quyết định | 9) Từ và Nhẫn |
| 5) Hồi hướng | 10) Xả (xuất ly độ) |

Có 8 tâm Đại thiện Dục giới đi với những Giới phần tại một thời điểm nhất định , khi có đủ duyên hệ .

Các Giới phần cũng không nằm trong 19 sở hữu tịnh hảo, chúng không đi với Dị thực tâm .

Đối với Tâm Siêu thế có 8 hay 40 tâm đi kèm với tất cả những giới phần trên . Chúng cũng đi kèm với Tâm Đạo và Tâm Quả do tâm Đạo sinh ra .

Sở hữu Giới phần không xuất hiện với Đại tố , Sắc giới và Vô sắc giới . Và cuối cùng, Giới phần cũng không đi kèm với Chánh Kiến .

Tâm hồn Thánh thiện Sở hữu Vô lượng phần

Là 2 trạng thái của một tâm hồn cao thượng , 2 Vô lượng thiện tâm : Bi và Hỷ , sinh khởi tùy duyên và riêng biệt . Trong Phật giáo , việc tu tập để đạt đến Tứ vô lượng tâm chính thật là cứu cánh . Đây là một trạng thái tâm linh thánh thiện :

“Này chư Tỳ kheo, Tứ vô lượng tâm, nghĩa là :một vị Tỳ kheo để cho tâm mình tràn ngập một phần thế giới với những tâm Từ...tâm Bi...tâm Hỷ....tâm Xả ; và cũng như vậy, phần thứ hai, thứ ba, thứ tư thế giới ; nghĩa là vị Tỳ kheo đã mang lại Tứ vô lượng tâm tràn ngập khắp thế giới , trên, dưới, ngang, dọc ; và khắp mọi nơi , vị Tỳ kheo ấy vẫn tiếp tục gieo rắc từ tâm ...nhìn xa trông rộng , quảng đại , và vượt mọi giới hạn , giải thoát mọi sinh linh ra khỏi giận dữ và sân hận “.

Đây là trạng thái tinh thần của một thánh nhân , trong ấy, không còn một sátna tâm nào bất thiện được hiện hữu cả, thậm chí, cũng không có một sátna-tiểu tâm bất thiện nữa là ! Vào lúc ấy , tâm trạng tràn ngập vô lượng, vô kể những sátna tâm Từ Bi Hỷ Xả , trạng thái này bao trùm , phủ khắp mười phương thế giới, khắp các cõi chúng sinh . Là Tứ Vô Lượng Tâm .

1.- Tâm Bi : *“Tâm Bi là trạng thái thôi thúc khía cạnh giảm thiểu đau khổ . Có phận sự tập trung việc không gây đau khổ cho người khác ; thành tựu nơi long hiển diệu không tàn bạo . Nguyên nhân sâu xa của Tâm Bi chính là nhận ra được tình trạng bất lực nơi những người bị đau khổ triền miên . Thành tựu của tâm Bi khi làm dịu đi đau khổ và tan biến ngay khi đau khổ nổi lên “.*

Tâm Bi có một kẻ thù cận kề là “nỗi thương tiếc xảy ra trong gia đình” , hay đại loại tương tự bản chất ấy . Bởi vì nỗi buồn khổ này sinh khởi do sâu tham của cuộc sống phàm tục .

Kẻ thù xa của Tâm Bi, là tâm địa độc ác, sân hận .

Tâm Bi khác với tâm Từ .

Tâm Từ thực chất là Sở hữu Vô Sân , hướng về các sinh linh , nó nhận ra sự đáng yêu nơi vạn vật , nó cố vũ cho mọi sinh linh được hạnh phúc . tâm Từ thể hiện cách ứng xử với người như nhau và như bạn hữu .

Tâm Bi muốn giảm thiểu nỗi đau khổ cho sinh linh . Nó nhận ra nỗi khổ nơi sinh linh ấy .

Như vậy, đối tượng của hai tâm khác nhau , ví dụ : khi thăm bệnh, những giây phút của tâm Từ xuất hiện khi ta tặng hoa hay chúc cho bệnh nhân mau bình phục; Tâm Bi xuất hiện ngay khi chúng ta nhận ra nỗi đau của họ , cảm thông được nỗi đau của họ và mong muốn họ giảm thiểu những đau khổ này .

Có nhiều cách thực thi tâm Bi , ngay khi có cơ hội làm giảm nhẹ đau khổ cho bất kỳ ai hay sinh linh nào , ta nên thực hành tâm Bi . Ngay khi ai đó có cách đối xử bất công với ta, ta cũng nên thực tập

tâm Bi để hiểu được nghiệp chướng của họ . Tuy nhiên, tâm Bi rất dễ lầm lẫn với domanassa , nỗi khổ tâm linh , khi ta đứng trước nỗi khổ mà ta bất lực và thấy xốn xang . Đó chỉ là lòng thương hại của người hiền lương .

Tâm Bi hướng đến chúng sinh đang phải chịu đau khổ, như thế nó không thể Thọ Hỷ, nhưng nó sẽ được Thọ Hỷ đi kèm, khi thấy sinh linh được giảm nhẹ sự đau khổ . Nó cũng có thể có Thọ Xả đi kèm .

Tâm Bi là một đề mục thiền quán . Khi thiền đã đạt đến, thì tâm Bi trải rộng thành vô lượng . Để thức hành tâm Bi, Đức Phật đã dạy rằng :

“...nếu một Tỷ kheo tuân thủ 5 điều sau, thì vị Tỷ kheo đó đã tỏ ra có tâm Bi với gia nhân : Khi vị Tỷ kheo đó thôi thúc gia nhân thêm lòng nhân đức, giúp họ sống theo gương Phật pháp . Khi thăm bệnh, họ kích động lòng Từhãy dậy lên lòng Từ , điều này thật ích lợi...”

Ngoài ra, Đức Phật còn đích thân đi thăm bệnh và yêu cầu các Tỷ kheo năng đi thăm bệnh

“...cống hiến những gì nên hay không nên cho bệnh nhân ...săn sóc bệnh nhân...dọn dẹp phân tiểu, nôn mửa, mũi dãi....dùng Phật pháp an ủi, khuấy động và làm hài lòng bệnh nhân...”

Ấy là do tâm Đại Bi và cũng là việc thực hành , trường dưỡng tâm Bi .

Tâm Bi cũng có nhiều mức độ tương ứng với sự hành trì tu luyện tinh thần . Tâm Bi có thể đi kèm với Chánh kiến hoặc không , nó có thể đi kèm với 8 tâm đại thiện hay không , tất cả đều tùy thuộc vào duyên hệ có đầy đủ hay không cho việc xuất hiện của tâm Bi . Tâm Bi không đi kèm với Đại quả .

Tâm Sắc giới cho đến Thiên thứ tư (của 5 giai đoạn) , thì tâm Bi có thể đi kèm , từ tầng thiên thứ 5 , đến Vô sắc giới, Siêu thế, thì tâm Bi không còn đi kèm nữa .

2.- Tâm Tuỳ Hỷ (Mudita) : là trạng thái tư tưởng hân hoan trong đó, nó nhận thức một cách chân thật, đúng đắn hạnh phúc của tha nhân , và nó có hạnh phúc . Tuỳ , là vui theo cái vui của người . Là sự hoan hỉ trong thanh tịnh .

“Niềm hân hoan có trạng thái là vui mừng trước sự thành công của người khác . Phận sự của nó thể hiện ở chỗ không ghen tỵ hiềm khích . Niềm hân hoan thành tựu ở việc loại bỏ ác cảm .

Nguyên nhân sâu xa của hân hoan là nhận ra sự thành công của người khác . Thành công khi khuất phục được ác cảm, và thất bại khi tạo ra niềm vui hơn hờ “ .

Giữa sở hữu Hỷ và Tật đồ có cùng chung một nguyên nhân : “niềm hạnh phúc của người khác” . Cho nên, kẻ thù xa của tâm Hỷ là Ác cảm (sân) và kẻ thù gần lại là “niềm vui trong hạnh phúc gia đình” , đây là niềm vui của phàm nhân dục giới do dính mắc, chấp thủ, tham ái .

Vào những sátna tâm Hỷ xuất hiện, thì cũng có tịch tĩnh với tâm thiện cùng đi . Cho nên việc tu luyện Thiên tâm Hỷ để phát triển khinh an , là một đề mục rất hoàn hảo . Hỷ là một trong Tứ vô lượng tâm , nên tâm Hỷ được tu luyện để đối trị tâm ác cảm . Tâm Hỷ có thể được tu tập hàng ngày , phát triển Chánh Niệm sắc sảo giúp ta phân biệt được tâm thiện hay bất thiện sinh khởi khi thấy niềm hạnh phúc đến với tha nhân .

“...người ấy không vui mừng vì nỗi bất hạnh của người khác ; người ấy vui mừng vì người khác thịnh vượng ; kèm chế bất kỳ ai nói xấu người khác ; và khen ngợi ai tán dương người khác ...”

“...người nào đi ngủ mà trong lòng sung sướng, thì lúc thức dậy, cũng với lòng sung sướng , khoẻ khoắn , và không có ác mộng . Mọi người, mọi vật, đều yêu mến người ấy ; được chư Thiện hộ trì;người ấy còn được tập trung tâm trí nhanh chóng ; dáng vẻ bên ngoài hoàn toàn thanh thản ; không bối rối ...”

Tâm Hỷ có thể xuất hiện với 8 tâm đại thiện , có thể không , tùy theo duyên hệ . Tâm Hỷ cũng có thể đi kèm với những tâm đại thiện thọ hỷ hay thọ xả .

Tâm Hỷ không đi với tâm Đại quả , và tâm siêu thế ; nhưng có thể đi kèm với tâm Đại tổ , thiền sắc giới .

VDP cho rằng, mọi phiền não sẽ không thể bị tận diệt, trừ khi bản chất thực sự của chúng phải được nhìn ra , tất cả các pháp hành đều vô thường, vô ngã .

“thế rồi vị Tỳ kheo cân nhắc như sau : tâm người này đã được giải thoát do tâm Từ...tâm Bi...tâm Hỷ...tâm Xả ...giống như một sản phẩm cao cấp, do suy tư cao cấp mà ra . Rồi vị Tỳ kheo ấy nhận ra : ngay cả lúc này thành quả cao nhất , do suy tư mà ra, cũng chỉ là vô thường , tự bản chất các thành quả này cũng không tồn tại . Chọn ý tưởng ấy, vị Tỳ kheo đã phá huỷ được mọi vô minh lậu . Bằng vào không do lòng đam mê Phật pháp , không vui sướng nơi Phật pháp , dứt khoát chấm dứt 5 hạ phần kiết sử trên trần thế này “.

Trạng thái Trí tuệ Sở hữu Trí tuệ

Là 1 Huệ tâm sở, tương đương Tuệ Uẩn . Tuệ (Panna – Prajna) ở đây là trạng thái cao thượng của tâm linh lý tưởng nhất , bởi vì Tuệ đồng nghĩa với Vô Si (Amoha) , là Minh , là không còn Vô Minh nữa , là Trí tuệ Ba La Mật , Trí tuệ Bát Nhã (Panna) , Trí tuệ thấy như thực Ba tướng : Khổ, Vô thường, Vô ngã . Khi Vô minh đã bị diệt rồi, thì đó chính là Tuệ Giải thoát .

Trí tuệ có 2 loại :

- Trí tuệ Bát nhã
- Trí tuệ phàm nhân : trong này chia ra 2 loại :
 - Căn bản trí : là sự thông minh bẩm sinh
 - Hậu đắc trí : là sự hiểu biết , trí thức có được do học tập . Tuy nhiên , *“Trí tuệ khi được đề cao quá giới hạn , nó sẽ đưa đến sự phú tàng (maya) “.*

Những người có Căn bản trí là những người có khả năng tiếp cận và chứng đắc được đạo (maggana) và quả (phala nana) của sự giác ngộ .

Do vậy, nên ta tinh tấn trau dồi căn bản trí , bằng Văn – Tư – Tu , để mai hậu, ta có thể thâm nhập sâu xa vào Phật pháp .

Tuy nhiên, Trí tuệ được phát triển dần dần tương ứng với tiến trình tu tập . Khi tu tập Phật pháp, dần dần ta đạt được sự hiểu biết về các thực tại khi chúng xuất hiện . Với Chánh niệm về danh và sắc pháp dần dần trở nên sắc bén, thì Tuệ dần dần phát triển theo , cuối cùng sẽ thâm nhập được vào bản chất của thực tại ngay trong thế giới chế định này .

Sự hiểu biết thực sự về thực tại, tuệ tri , là sự hiểu biết một cách trực tiếp, chỉ có được qua sự tu luyện Chánh Niệm Tỉnh giác , kèm với sự phát triển của Chánh Kiến . Tuệ giải thoát phải được tu luyện qua từng giai đoạn để có thể thâm nhập được một cách thực sự và trực tiếp về 3 đặc tướng của thực tại : Vô thường , Vô ngã và Dukkha .

Tuệ giải thoát là một trong những khả năng hoàn hảo nhất, các khả năng siêu phàm, và cũng là một “quyền”, một “lực”, một “căn”, trong Ngũ Quyền, Ngũ Lực ; cũng là một trong Thất Giác chi , là một trong 7 yếu tố của giác ngộ .

“...là Trí hiểu, hiểu rõ, lựa chọn, cân nhắc, trạch pháp, tham khảo, phân định, khảo sát, thông thái, rành mạch, khôn ngoan, sáng suốt, suy xét, nghiên cứu, minh mẫn, mẫn tiệp, hồi quang, quán minh, tỉnh giác, sắc sảo; tuệ là tuệ quyền, tuệ lực, tuệ như vũ khí, tuệ như lâu đài, tuệ như ánh sáng, tuệ như hào quang, tuệ như ngọn đèn, tuệ như bảo vật; là Vô Si , là Chánh kiến . Đây là Tuệ quyền...”

Sự thực hành miên mật Chánh Niệm Tỉnh giác , Chánh kiến và các yếu tố khác của Bát Chánh Đạo , thiền quán Tứ Niệm Xứ ... sẽ phát triển tâm linh chúng ta , để dần dần , ta sẽ nhận chân được sự sai biệt của các hiện tượng như kinh nghiệm giác quan , khái niệm danh chế định , và thực tại chân đế , mà chúng xuất hiện trên từng sátna trong cuộc sống hàng ngày , qua các căn môn . Bởi vì đối tượng của Chánh niệm, chánh kiến là danh pháp và sắc pháp qua từng sátna ; đối tượng của Tuệ giải thoát là Níp Bàn . Nghĩa là Tuệ điều hành các {tâm & các sở hữu đi kèm} tương ứng , với những đặc tướng , đưa đến thực chứng 3 đặc tướng của thực tại .

“...Tuệ có đặc tính thâm nhập vào bản chất nội tại của mọi vật, trạng thái thâm nhập ấy, giống như mũi tên chết người do cung thủ nhắm bắn ; Phận sự của Tuệ là soi sáng cho cảnh , giống như một ngọn đèn ; Nguyên nhân sâu xa của Tuệ là không nao núng, xao xuyến, giống như người hướng dẫn tốt trong bóng đêm rừng sâu “ .

Do vậy, Tuệ giải thoát cần phải tu luyện miên mật cho đến khi giải thoát hoàn toàn , vì Tuệ giải thoát là một trạng thái tâm linh siêu phàm .

Tổng cộng có 25 trạng thái tinh thần thiện (xem bảng) , vốn là Tâm Giới, Định, Tuệ và 4 Vô lượng . Ta Xác Tín rằng, mỗi một khi Thiện tâm xuất hiện , thì có tất cả 7 sở hữu Biến hành tâm cùng với 25 sở hữu Tịnh hảo Biến hành cùng sinh khởi , cộng với một số sở hữu Biệt cảnh . Như vậy, chắc chắn rằng tất cả các {tâm tịnh hảo và các sở hữu tịnh hảo đi kèm} sẽ hình thành (chuyển hoá) Tâm giải thoát và Tuệ giải thoát .

Điều quan trọng là luôn luôn Chánh Niệm Tỉnh giác , Chánh Kiến và tu tập , Như lý Tác ý , để nhận ra Tâm sở Thiện hay Bất thiện nào hiện đang hoạt động trong ta . Cho đến khi Chánh Niệm trở nên sắc bén , thiện căn trở nên sâu dày, ta sẽ nhận ra rằng : *“Các Sở hữu Bất thiện nhỏ cũng có khi yểm trợ cho sở hữu thiện , theo chiều hướng tương quan hỗ thuộc “ .*

Và cuộc Hành trình đi đến giác ngộ phải dần dần kinh qua những thử thách :

- Phát triển và trưởng dưỡng vững chãi các trạng thái tâm linh hoàn hảo phổ biến {Tâm Tịnh hảo & các Sở hữu Tịnh hảo đi kèm} .
- Dần từng bước qua tu tập hành trì, sự phát triển các trạng thái hoàn hảo đặc biệt sẽ được củng cố và trở thành kiên định . Đó là các Sở hữu Giới phần .
- Từ đây , các trạng thái tâm linh thánh thiện sẽ tiếp tục phát triển . Đó là các Vô Lượng phần .
- Khi Tâm vô lượng đã tràn ngập thế gian, thì cũng là lúc Tuệ giải thoát đi đến hoàn mãn .

PHÂN TÍCH VỀ SỰ HÌNH THÀNH TƯ CÁCH HOÀN HẢO SỰ PHỐI HỢP CÁC TÂM & SỞ HỮU TỊNH HẢO

Tâm Dục Giới Tịnh Hảo :

1.- Tâm Đại Thiện : Có 13 tâm sở tợ tha + 25 tâm sở tịnh hảo = 38 tâm cùng phối hợp. Tuy nhiên, trong thực tế chỉ có 33 và 34 tâm sở cùng phối hợp mà thôi. Cụ thể :

Phối hợp tâm	Đại thiện Thọ Hỷ				Đại thiện Thọ Xả			
	Hợp Trí		Ly Trí		Hợp Trí		Ly Trí	
	Vô Trợ	Hữu Trợ	Vô Trợ	Hữu Trợ	Vô Trợ	Hữu Trợ	Vô Trợ	Hữu Trợ
Sở hữu tợ tha - Biến Hành								
Xúc								
Thọ								
Tương								
Tư								
Định								
Mạng quyền								
Tác ý								
Sở hữu tợ tha - Biệt Cảnh								
Tâm								
Tứ								
Thắng giải								
Cần								
Hỷ								
Dục								
Sở hữu Tịnh Hảo								
Tín								
Niệm								
Tàm								
Quí								
Vô Tham								
Vô Sân								
Hành xả								
Tịnh thân								
Tịnh tâm								
Khinh thân								
Khinh tâm								
Nhu thân								
Nhu tâm								
Thích thân								
Thích tâm								
Thuần thân								
Thuần tâm								
Chánh thân								
Chánh tâm								
Sở hữu trí tuệ								
Trí tuệ								

Sở hữu Giới (3) & Vô Lượng phần (2) = 5	
Chánh Ngữ	3 Tâm sở Giới và 2 tâm sở vô lượng, khởi lên riêng biệt và tùy lúc. Không bao giờ có 2 trong 5 tâm sở này đồng khởi . Cho nên thực tế chỉ có 38 - 4 = 34 tâm sở đồng khởi trong các Tâm Hợp trí , và 33 trong Tâm Ly trí
Chánh Nghiệp	
Chánh Mạng	
Bi	
Tuỳ hỷ	

2.- Tâm Đại Quả : 3 tâm sở Giới + 2 Vô lượng phần không có mặt trong các tâm Quả Dục giới Tịnh hảo này, nên chỉ còn lại 33 tâm sở cùng phối hợp.

3.- Tâm Duy Tác : 3 tâm sở giới phần không có mặt trong tâm A La hán, nên Tâm Duy Tác Dục giới Tịnh hảo này có được 35 tâm sở cùng phối hợp .

Tâm Đáo Đại và Tâm Siêu thế :

	Tâm Đáo Đại					Tâm Siêu Thế				
	Sơ thiên	Nhị Thiên	Tam Thiên	Tứ Thiên	Ngũ Thiên	Sơ thiên	Nhị Thiên	Tam Thiên	Tứ Thiên	Ngũ Thiên
Sở hữu tợ tha - Biến Hành										
Xúc										
Thọ										
Tương										
Tư										
Định										
Mạng quyền										
Tác ý										
Sở hữu tợ tha - Biệt Cảnh										
Tâm										
Tứ										
Thắng giải										
Cần										
Hỷ										
Dục										
Sở hữu Tịnh Hảo										
Tín										
Niệm										
Tâm										
Quí										
Vô Tham										
Vô Sân										
Hành xả										
Tịnh thân										
Tịnh tâm										
Khinh thân										
Khinh tâm										
Nhu thân										
Nhu tâm										
Thích thân										

Thích tâm												
Thuần thân												
Thuần tâm												
Chánh thân												
Chánh tâm												
	Sở hữu trí tuệ											
Trí tuệ												
	Sở hữu Vô Lượng phần											
Bi												
Tuỳ hỷ												
	Sở hữu Giới phần											
Chánh Ngữ												
Chánh Nghiệp												
Chánh Mạng												
Cộng	35	34	33	32	30	36	35	34	33	33		

Tâm và Sở hữu Tâm

STT	Liệt kê các tâm thức	Biến hành	Biệt cảnh						Tâm sở Tịnh hảo				
			Tâm	Tứ	Thắng giải	Cần	Hỷ	Dục	Tịnh hảo	Giới phần	Vô lượng	Tuệ	
	Tâm bất Thiện												
	Đại thiện												
31	Thọ Hỷ, Hợp Trí, Vô Trợ												
32	Thọ Hỷ, Hợp Trí, Hữu Trợ												
33	Thọ Hỷ, Ly Trí, Vô Trợ												
34	Thọ Hỷ, Ly Trí, Hữu Trợ												
35	Thọ Xả, Hợp Trí, Vô Trợ												
36	Thọ Xả, Hợp Trí, Hữu Trợ												
37	Thọ Xả, Ly Trí, Vô Trợ												
38	Thọ Xả, Ly Trí, Hữu Trợ												
	Đại Quả												
39	Thọ Hỷ, Hợp Trí, Vô Trợ												
40	Thọ Hỷ, Hợp Trí, Hữu Trợ												
41	Thọ Hỷ, Ly Trí, Vô Trợ												
42	Thọ Hỷ, Ly Trí, Hữu Trợ												
43	Thọ Xả, Hợp Trí, Vô Trợ												
44	Thọ Xả, Hợp Trí, Hữu Trợ												

45	Thọ Xá, Ly Trí, Vô Trợ											
46	Thọ Xá, Ly Trí, Hữu Trợ											
	Duy Tác											
47	Thọ Hỷ, Hợp Trí, Vô Trợ											
48	Thọ Hỷ, Hợp Trí, Hữu Trợ											
49	Thọ Hỷ, Ly Trí, Vô Trợ											
50	Thọ Hỷ, Ly Trí, Hữu Trợ											
51	Thọ Xá, Hợp Trí, Vô Trợ											
52	Thọ Xá, Hợp Trí, Hữu Trợ											
53	Thọ Xá, Ly Trí, Vô Trợ											
54	Thọ Xá, Ly Trí, Hữu Trợ											
Đáo Đại	Sắc giới											
55	Sơ thiên											
56	Nhị thiên											
57	Tam Thiên											
58	Tứ thiên										Thọ Hỷ	
59	Ngũ thiên											
	Quả sắc giới											
60	Sơ thiên											
61	Nhị thiên											
62	Tam Thiên											
63	Tứ thiên										Thọ Hỷ	
64	Ngũ thiên											
	Duy tác sắc giới											
65	Sơ thiên											
66	Nhị thiên											
67	Tam Thiên											
68	Tứ thiên										Thọ Hỷ	
69	Ngũ thiên											
	Vô sắc giới											
70	Không vô biên											
71	Thức vô biên											
72	Vô sở hữu											
73	Phi tướng, phi-phi-tướng											
	Quả Vô sắc											
74	Không vô biên											
75	Thức vô biên											
76	Vô sở hữu											
77	Phi tướng, phi-phi-											

	tường													
	Duy tác vô sắc													
78	Không vô biên													
79	Thức vô biên													
80	Vô sở hữu													
81	Phi tướng, phi-phi-tướng													
Siêu thể	Tâm Đạo (5 x 4 tâm = 20 tâm)													
82-86	Sơ đạo		Sơ thiền	Nhị thiền			Sơ+ Nhị + Tam thiền							
87-91	Nhị đạo													
92-96	Tam đạo													
97-101	Tứ đạo													
	Tâm Quả (5 x 4 tâm = 20 tâm)													
102-106	Sơ quả		Sơ thiền	Nhị thiền			Sơ+ Nhị +Ta m thiền							
107-111	Nhị quả													
112-116	Tam quả													
117-121	Tứ quả													
	Cộng	121	55	66	110	105	51	101	91	48	28	79		

CON ĐƯỜNG CHUYỂN HOÁ

STT	4 Nhiếp pháp	5 Giới	10 Thiện	Tứ Niệm Xứ		Tứ Chánh Căn	Tứ Như Ý Túc	Ngũ Căn & Ngũ Lực	7 Bồ đề phần	8 Chánh đạo	BLMật	Bậc quan trọng
1		3.-Không quan hệ tình dục bất chánh	3.-Không quan hệ tình dục bất chánh	1.-Thân trong thân	1.-Thân Bất Tịnh							
2		5.-Không dùng chất kích thích		2.-Thọ trong thọ	2.-Thọ thị Khô							
3				3.-Tâm trong tâm	3.-Tâm Vô thường							
4				4.-Pháp trong pháp	4.-Pháp Vô Ngã							
5						1.-Việc thiện chơn sanh, năng kích khởi						
6						2.-Việc Thiện đã sanh, năng phát triển						
7						3.-Việc Ác chơn sanh, năng ngăn chặn						
8						4.-Việc Ác đã sanh, quyết đoạn trừ						
9							1.-Dục					
10							2.-Tinh tấn	2.-Tấn	2.-Tinh tấn	6.-Chánh tinh tấn	4.-Tinh tấn	5 lần
11							3.-Hy		3.-Hy			2 lần
12							4.-Nhất tâm					
13								1.-Tin				
14								3.-Niềm	5.-Niềm	7.-Chánh niềm		3 lần
15								4.-Định	6.-Định	8.-Chánh định	5.-Thiền định	4 lần

16								5.-Tuò			6.-Tri tuò	2 lần
17									1.-Trach pháp			
18									4.-Khinh an			
19									7.-Xà		7.-Tư & Xà	
20										1.-Chánh kiến		
21										2.-Chánh Tư duy		
22	2.-Ái ngữ	4.-Không nói Vọng ngữ	5.-Không nói 2 lời, đâm thọc							3.-Chánh ngữ		3 lần
			6.-Không nói lời Thô, Ác									
			7.-Không nói lời thêu dệt, nịnh bôt								9.-Chân thât	
			4.-Không nói Dối									
23		2.-Không lấy của bất chánh	2.-Không lấy của bất chánh							4.-Chánh nghiệp		2 lần
24		1.-Không Sát sinh	1.-Không Sát sinh							5.-Chánh mạng		2 lần
			8.-Không Tham									
			9.-Không Sân									
			10.-Không Si Mê									
25	1.-Bỏ thi										1.-Bỏ thi	2 lần
26	3.-Lợi hành											
27	4.-Đồng sự											
28											2.-Tri giới	
29											3.-Nhân nhục	
											8.-Quyết định	
											19.-Xuất ly	